

Lê-thần TRẦN TRỌNG KIM



儒 教

# NHO-GIÁO

LES ÉCOLES CONFUCÉENNES DE LA PÉRIODE DES NGUYÈN (YUAN)  
LES ÉCOLES CONFUCÉENNES DE LA PÉRIODE DE MINH (MING)  
LES ÉCOLES CONFUCÉENNES DE LA PÉRIODE DES THANH (TSING)

## QUYỂN IV

Tái bản lần thứ hai  
Sửa lại rất cẩn thận  
Nghìn thứ nhất

子曰  
論語  
卷之四

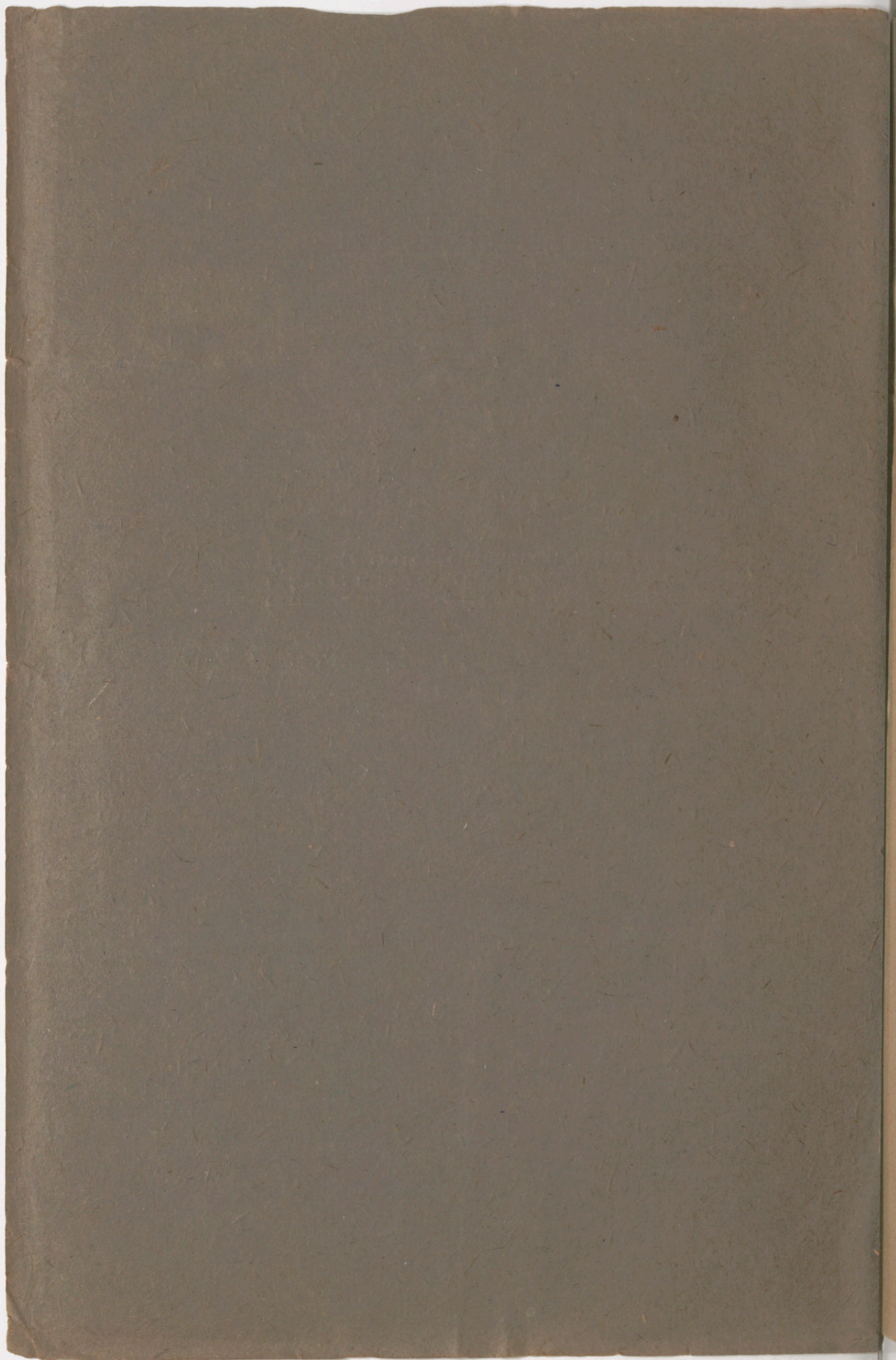
ÉDITIONS LÊ THĂNG

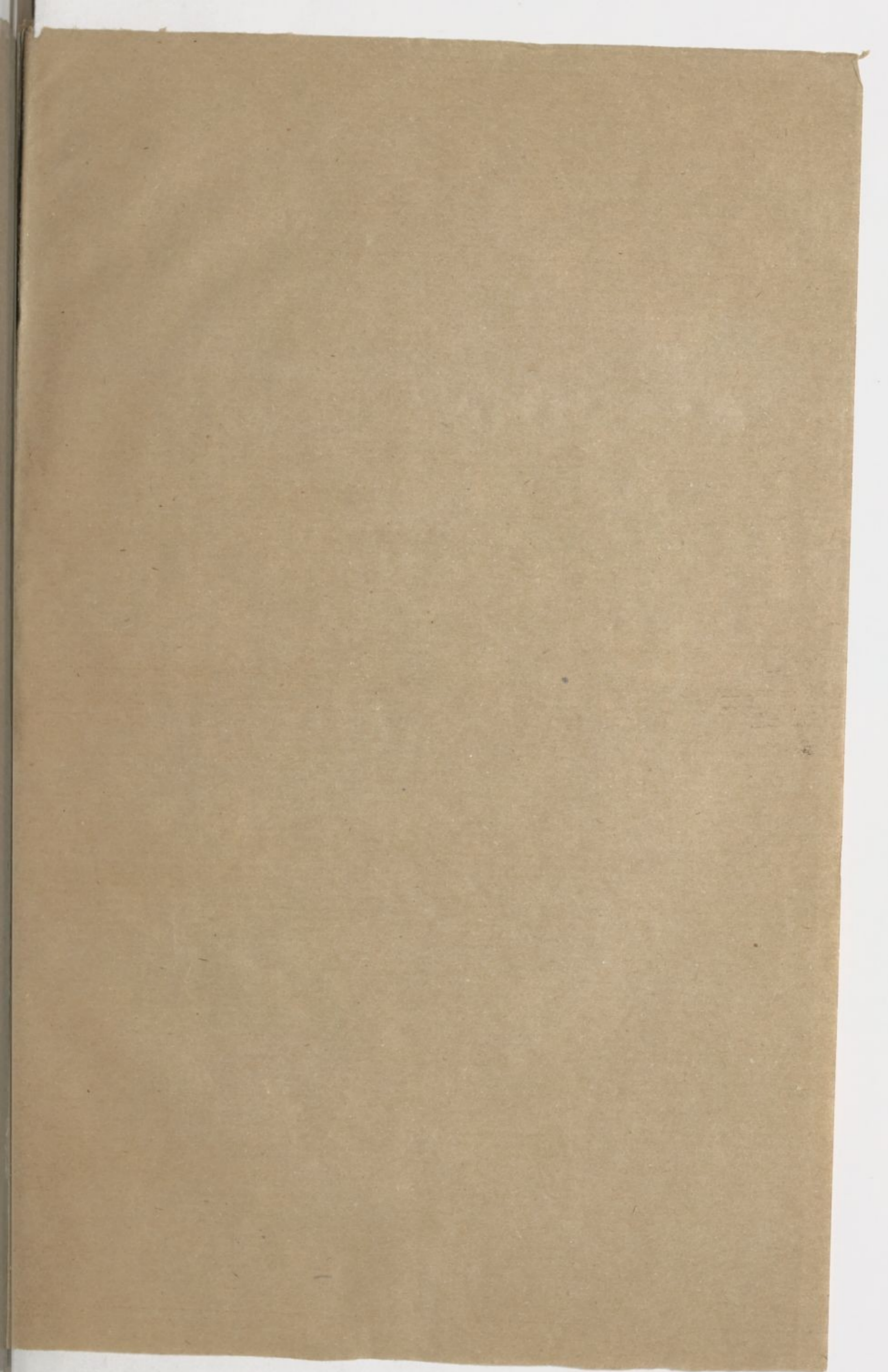
Imprimerie du Nord, 133-135, Rue du Colon  
HANOI

40 56

Indochine

*inay - Fustian*





100

Lê-thần TRẦN TRỌNG KIM

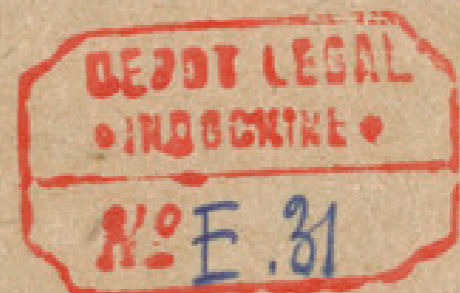
儒 教

# NHO - GIÁO

LES ÉCOLES CONFUCÉENNES DE LA PÉRIODE DES NGUYỄN (YUAN)  
LES ÉCOLES CONFUCÉENNES DE LA PÉRIODE DE MINH MING)  
LES ÉCOLES CONFUCÉENNES DE LA PÉRIODE DES THANH (TSING)

QUYỂN IV

*Tái bản lần thứ hai*  
*Sửa lại rất cẩn thận*  
*Nghìn thứ nhất*



子曰吾道一以  
貫之(論語)

ÉDITIONS LÊ THĂNG

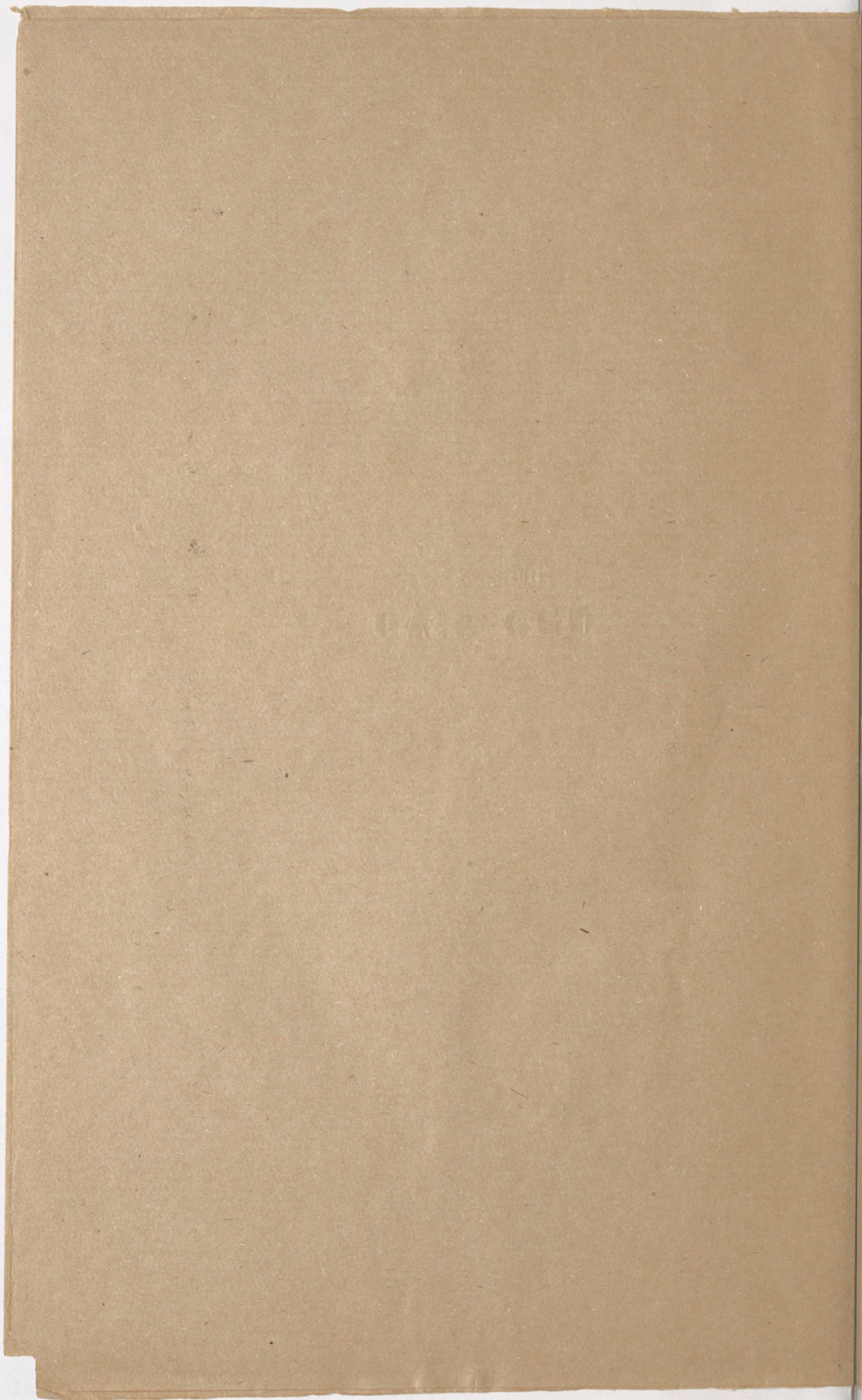
*Imprimerie du Nord, 133-135, Rue du Coton*  
HANOI

*Ho Indoch*  
*56*

*Người làm sách giữ bản quyền*

儒 教

**NHO - GIÁO**





## THIÊN I

NGUYỄN MINH THANH THỜI-ĐẠI

## NHO-GIÁO ĐỜI NGUYỄN

(1280 — 1360)

**Trình.trạng Nho-giáo đời Nguyễn.** — Từ đầu thế-kỷ thứ XII, vào quăng năm 1127 trở đi, nhà Tống phải dời đô về phía nam, nước Tàu ở phía bắc sông Dương-tử, trước thuộc về nước Kim, sau thuộc về Mông-cô. Nước Kim và nước Mông-cô là những nước của các rợ ở phía bắc lập ra, uy-võ thì có thừa, mà văn-học thì không đủ, cho nên đến khi người những nước ấy vào cai-trị nước Tàu đều bị cảm-hóa theo văn-minh của Tàu. Bởi vậy người Tàu thuộc về những nước ấy vẫn theo Nho-giáo, song vì người phía nam và phía bắc không được giao-thông với nhau, cho nên sự học ở đất bắc không được thịnh như bên Nam-Tống.

Đến quăng thế-kỷ thứ XIII, năm 1234, Mông-cô lấy được nước Kim, vua Mông-cô là Ogodai (1229—1241), tức là vua Thái-tôn nhà Nguyên, mới dùng những người Nho-học

như bọn Diêu Khu 姚樞, Dương Duy - trung 楊惟中 đề mở-mang việc học. Từ đó cái luồng sóng Nho-học bên Nam-Tống mới dần dần tràn lên phía bắc.

Việc vua Mông-cồ mà sùng-thượng Nho-học là bởi ở ba cái nguyên-nhân. Một là vì cái văn-học của người Tàu đã cao lắm và lại rất thuận-tiện cho sự cai-trị. Hai là vua Mông-cồ vốn có ý kiêm-tính cả nước Tàu, cho nên khi lấy được nước Kim rồi, rất chú-ý đến sự mở-mang việc học để thu phục người Tàu. Ba là lúc Mông-cồ mới mở nước có Gia-luật Sở-tái (Yelou Tchou-tsaï) làm tể-tướng, rất sùng Nho-học. Gia-luật Sở-tái là dòng dõi vua nước Khiết-đan ngày trước, theo giúp vua Thái-tổ và vua Thái-tôn nhà Nguyên, xếp đặt mọi việc trong nước và định ra chế-độ làm cho nước Mông-cồ thành ra có kỷ-cương. Ông thường khuyên vua Mông-cồ nên dùng những người Nho-học để làm quan giúp nước.

Bởi có những nguyên - nhân ấy cho nên ngay từ lúc đầu vua Thái-tôn nhà Nguyên sai mở khoa thi ở các quận để lấy nho-sĩ, đặt chức quốc-tử-học tổng-giáo và chức đề-học, bắt những con các quan đi học.

Đến đời vua Hiến-tôn nhà Nguyên (Mong-kha) cho em là Hốt-tát-liệt (Koubilai) sang kinh-lý việc bên Tàu. Hốt-tát-liệt ưa dùng những người Nho-học như Diêu Khu 姚樞.

Liêm Hi-hiến 廉希憲, Lưu Bình-trùng 劉秉忠 và Hứa Hân 許衡 dẽ chỉnh đốn lại việc học. Năm 1260, Hot-tát-liệt lên làm vua, tức là vua Thế-tổ nhà Nguyên (1260-1294), sai người sửa miếu thờ Khổng-tử, mở nhà học Quốc-tử-giám và đặt Nho-học-đề-cử ti ở các lộ.

Vua Nhân-tôn nhà Nguyên (1312-1320) lại rất tôn-sùng Nho-giáo. Năm Hoàng-khánh thứ hai (1313) đem bốn Tống-nho là Chu Đôn-di, Trình Hạo, Trình Di, Trương Tải, Thiệu Ung, Tư-mã Quang, Chu Hi, Trương Thúc, Lữ Tô-khiêm và Hứa Hành vào tòng tự ở trong miếu Khổng-tử, và định khoa-cử, đại khái cũng theo như lối nhà Tống, có hương-thí, hội-thí và đình-thí, cho người Tàu và người Mông-cổ đều phải thi cả. Những bài thi lấy trong sách *Đại-học*, *Luân-ngữ*, *Mạnh-tử* và *Trung-dụng*, thi phải dùng chương cú tập-chú của Chu-tử. Lúc ấy cái học của Chu Hối-am lan khắp cả nước Tàu.

Nhà Nguyên truyền đến hết đời vua Nhân-tôn, thì trong nước có nhiều sự loạn lạc, giặc cướp nổi lên đánh phá mọi nơi, sự học cũng vì thế mà suy dần.

**Danh-nho đời Nguyên.** — Nho-học trong đời nhà Nguyên tuy không được thịnh như nhà Đường, nhà Tống, song những nhà văn-học cũng khá nhiều. Những học-giả có tiếng thi

trước có Triệu Phục 趙復, Diêu Khu 姚樞 và Hứa Hành 許衡, sau có Lưu Nhân 劉因, Ngô Trưng 吳澄, Kim Lý-tường 金履祥 và Hứa Khiêm 許謙, nổi được cái học - thống của phái lý - học. Còn những người văn - học trứ danh thời bấy giờ thì có Nguyên Hiếu-vân 元好問, Ngu Tập 虞集, Dương Tái 楊載, Hoàng Tiềm 黃潛 v. v.

Trong những người ấy chỉ có Triệu Phục, Hứa Hành và Hứa Khiêm là tinh thâm hơn cả.

**Triệu Phục.** -- Triệu Phục 趙復, tự là Nhân-phủ 仁甫, người châu Đức-an, thuộc tỉnh Hồ-bắc, bình sinh rất mến cái học - thuyết của phái lý-học, nhất là cái học của họ Trình họ Chu. Ông nổi tiếng là người học giỏi ở vùng sông Dương-tử và sông Hán, học - giả thường gọi ông là Giang-Hán tiên-sinh 江漢先生.

Gặp-khi quân Mông-cổ đến đánh lấy thành Đức-an, ông bị bắt đem lên phía bắc. Ông không đi, xin cho chết. Khi ấy có Diêu Khu là quan cũ của nước Kim ngày trước, được vua Mông-cổ cho đi theo trong quân để tìm những người Nho-học, Phật-học, Lão-học, cùng những người làm thuốc và xem bói. Diêu Khu gặp Triệu Phục đem về nhà tìm lẽ khuyên giải. Triệu Phục nghe lời theo Diêu Khu lên phương bắc.

Triệu Phục lên ở Yên - kinh, không chịu nhận quan chức gì cả, ở nhà đem sách Tính - lý của họ Trinh họ Chu ra dạy học-trò, có đến hàng trăm người. Bọn Diêu Khu và Dương Duy - trung cùng nhau lập một thư - viện, gọi là Thái-cực thư - viện ở Yên-kinh và làm miếu thờ Chu Đôn-di, đón Triệu - Phục vào giảng dạy ở trong viện.

Triệu Phục làm bức tranh gọi là *Truyền-đạo-đồ* trên vẽ vua Phục-hi, vua Thần-nông, vua Nghiêu, vua Thuấn, rồi đến Không-tử, Nhan-tử, Mạnh-tử, sau cùng vẽ họ Chu, họ Trinh, họ Trương, họ Chu, để bày tỏ cái đạo-thống từ đời xưa. Đằng sau bức tranh ấy lại ghi mục-lục các sách của thánh hiền để tiện cho học - trò kê-cứu. Ông lại vẽ bức *Sư - hữu - đồ* biên chép những đức - hạnh và những danh-ngôn của các tiên-nho, biên tập bộ sách *Hí - hiên - lục* kể những ngôn hạnh của Ý Doãn và Nhan Hồi, và làm sách *Y-Lạc phát - huy* để nói rõ cái tôn - chỉ của phái lý - học nhà Tống.

Bọn Diêu Khu nhờ có sự giảng dạy của Triệu Phục mới biết rõ cái học - thuyết của Tống - nho, rồi đem truyền rộng ra ở phương bắc. Sau có Hứa Hành theo học Diêu Khu mà thành một nhà học-giả có tiếng trong đời nhà Nguyên.

**Hứa hành.** — Hứa Hành 許衡, tự là Trọng-bình 仲平, người châu Hoai, thuộc tỉnh Hà-nam. Thuở nhỏ mới đi học, hỏi thầy rằng : « Đọc sách để làm gì? — Thầy nói rằng : « Đọc sách để đi thi lấy đỗ. » — « Đọc sách chỉ như thế mà thôi ư? » Thầy lấy làm lạ. Được ít lâu thầy bảo với cha mẹ rằng : « Đứa bé này dĩnh-ngộ khác thường, ngày sau chắc là hơn người, ta không đủ làm thầy vậy. » Nói rồi từ tạ mà đi. Đến khi Hứa Hành lớn lên, ham học như đói muốn ăn, khát muốn uống. Ông sinh vào đời loạn mà nhà thì nghèo, không có sách để học, thường đến nhà ai có sách gì hay, xin ở lại mượn chép lấy đem về. Kịp khi tránh loạn đến núi Tô-lai (gần phủ Thái-an) mới được quyền *Dịch-thuyết* của Vương Bật đời nhà Tấn, ngày đêm luyện tập. Một hôm, mùa nực, đi qua đất Hà-dương, ai nấy đều khát nước, chợt có người trông thấy ở ven bờ đường có cây lê rất nhiều quả. Mọi người tranh nhau lấy lê ăn. Ông nghiêm-nhiên ngồi dưới gốc cây, không hề lấy một quả. Có người hỏi, thì ông nói rằng : « Không phải của mình mà lấy là không nên. » — « Đời loạn cây ấy không có chủ. » — « Cây lê không có chủ, chứ cái tâm của ta cũng không có chủ hay sao? » Ông bình-sinh lập tâm chế hạnh, đại để như vậy.

Đến khi sự loạn đã yên, ông trở về đất Hoài, thường đi lại ở khoảng Hà-lạc theo Diêu Khu được đọc sách của họ Trình họ Chu, sự học của ông càng thêm nhiều điều sở đắc. Ông sang ở đất Tô-môn, cày ruộng mà ăn, rồi cùng với bọn Diêu Khu 姚樞 và Đậu Mặc 竇默 giảng tập. Ông học rất rộng, phạm những Kinh-học, Truyện-học, Sử-học, Tử-học, lễ-nhạc, thiên-văn, lịch-học, binh-học, hình-luật-học, thực-hóa-học, thủy-lợi-học, không có khoa học nào là không giảng tập. Ông khảng-khái lấy đạo làm chức-nhiệm của mình, thường nói với người ta rằng: « Cương thường trong thiên-hạ không thể một ngày mà bỏ mất đi được. Nếu người ở trên không dùng nữa, thì kẻ ở dưới phải dùng. »

Đến khi Hốt-tất-liệt được phong làm vương ở đất Tần, tức là đất Thiểm-tây bây giờ, muốn hóa người xứ ấy, bèn đón ông vào làm chức kinh-triệu dề-học. Người đất Tần từ khi khỏi việc loạn lạc, muốn học không có thầy, nghe Hứa Hành đến, ai cũng vui mừng đến học, và ở các nơi ở đất Tần đều dựng nhà học nhà hiệu.

Hốt-tất-liệt là em vua Mông-cồ, nhưng rất trọng những người Nho-học. Kịp khi lên làm vua, vời bọn Diêu Khu và Hứa Hành vào làm quan tại kinh. Hứa Hành thường nói những việc trị loạn, hư thích, không gì

là không lấy việc nghĩa làm tôn-chi, được phong làm chức Quốc-tử tế-tửu, nhưng chẳng được bao lâu cáo bệnh xin về.

Cách ba bốn năm sau, vua Thế-tồ (tức là Hốt-tất-liệt), lại triệu ông vào kinh để giúp quan tể-tướng coi việc chính-trị, ông từ chối không được, bèn dâng sớ bày tỏ năm việc thời-vụ, đại lược nói như sau này :

1. *Qui-mô lập nước.* — Tự xưa phép lập nước đều có qui-mô, theo đó mà làm thì thành-công, không theo đó thì bưng ngờ, mất quang, thay đổi rắc-rối. Xét các đời trước, người phương bắc lấy được đất Trung-hoa, tất phải theo pháp-độ của người Tàu mới lâu dài được.

2. *Cách cai-trị cần ở dùng người và lập pháp.* — Việc ở Trung-thư<sup>(1)</sup> rất bề-bộn, song cái đại-yếu cốt ở sự dùng người và sự lập pháp. Phép là để trị người, người là để giúp phép, người với phép dắt-diu với nhau. Kẻ ở trên thì yên, kẻ ở dưới thì thuận; người tể-chấp được tru-du ở chốn lăng-miêu, không phiền không nhọc, thế gọi là tỉnh vậy. Việc lập pháp dụng nhân, nay tuy chưa được như đời xưa, song kẻ đã làm quan thì nên cấp cho bổng lộc để nuôi cái liêm, kẻ chưa

1. Phủ tể-tướng



làm quan thì nên rộng đặt ra điều cách để đợi lúc cần dùng, như thế thì cái oán mất chức cũng thư được ít nhiều. Ở ngoài, đặt chức giám-tư để xét việc ô lạm, ở trong chuyên ở bộ Lại để định cái tư-cách và lý-lịch của người làm quan, thì sự cầu cạnh phi-phận có thể bớt được.

3. *Việc làm vua là khó*, — Mạnh trời ủy thác cho người làm vua làm thầy, là giao cho cái trách-nhiệm rất khó. Sự khó ấy có sáu điều : — a) *Sự theo đúng lời nói*. Làm đấng nhân-chủ không lo ở sự khó về lời nói, mà lo ở sự khó về cách thi-hành lời nói. Phạm lấy cái phân-biệt lớn của thiên-hạ và số nhiều của nhân dân, thì việc có vạn biến, ngày có muôn cơ, đấng nhân-quân đem một cái thân, một cái tâm, mà thù ứng, như thế mà muốn nói ra, há dễ được hay sao? Có điều trước nói rồi nay quên đi, có điều nay truyền xuống, rồi sau lại trái lại. Những điều phải trái, giống nhau, khác nhau, chia ra sửa lại, biến đi đổi lại, kỹ-cương không bày tỏ ra được, pháp-độ không dựng lên được, thiên-hạ không biết cậy ở đâu mà theo, rồi nhân đó mà làm bậy. Làm kẻ trên hay thích sự thư-từ, người làm bậy tới thì chuộng sự dung-duyet. Dung-duyet vốn là vì lòng từ; mà lòng từ thịnh lên thì không sợ người, và thư-từ vốn là vì lòng dục, mà lòng dục thịnh lên thì không sợ Trời. Lấy

cái lòng không sợ Trời và lòng không sợ người họp với nhau làm một, thì làm việc gì cũng chỉ là việc khoái tâm mà thôi. Đã khoái tâm thì miệng muốn nói là nói, thân muốn động là động, chẳng bao giờ chịu nấp-nấp náu-náu nghĩ kỹ và làm kỹ, thế là cái khó của sự thi-hành lời nói vậy. — b) *Sự phòng bị những điều dối giả.* Sự thực sự dối của người ta có cái không hại gì, có cái rất nguy hiểm, có số nhiều số ít, khó làm cho khỏi bị người ta lừa dối mình được. Đấng nhân-quân tự-nhiên vốn không có sẵn sự mừng giận. Nếu có sự mừng giận thì kẻ này khen là hay để cầu ơn, kẻ kia chọc tức để cậy thế. Đấng nhân-quân vốn không có sẵn sự yêu ghét; nếu có sự yêu ghét, thì kẻ này mượn lòng yêu ấy để xong việc tư của mình, kẻ kia mượn lòng ghét ấy để báo thù. Cho đến khi không có sự mừng gì, người ta cũng nói dối để cho mình mừng, không có sự giận gì, người ta cũng kêu chọc để cho mình giận; hoặc khi không có sự đáng yêu, người ta cũng lòn-ngọt làm cho đáng yêu, không có sự đáng ghét, người ta cũng dèm pha làm cho đáng ghét. Nếu cứ như thế, thì kẻ tiến lên, chưa chắc là quân-tử, kẻ lùi xuống chưa chắc là tiểu-nhân; kẻ được thương có khi là vô công, kẻ phải phạt có khi là vô tội. Lừa dối mà hại như thế, thì phòng giữ thế nào được. Cho

nên đấng nhân-quân lấy sự biết người làm quý, Nếu đã không biết người mà muốn phòng cái dối của người, thì dầu vua Nghiêu và vua Thuấn cũng không làm thế nào được, — c) *Sự dùng người hiền.* Người hiền gặp thời không hợp, thường lấy sự ăn-dật làm vui. Nếu đấng nhân-quân có biết đến, mà cách vờ đón người ta và cách sai khiến người ta rê-rúng như tôi tớ, thì người hiền không thêm ra. Hoặc lấy lễ mạo tiếp đãi người hiền mà không dùng được, hoặc dùng lời nói của người hiền rồi lại để cho kẻ tiêu-nhân đem pha, thế là chỉ có cái tiếng dùng người hiền, mà không có cái thực dùng người hiền. Người hiền khó tiến lên được là bởi thế. Lại còn một điều nữa: Vua ở ngôi cao, thường thích nghe nói những điều làm lỗi của người hơn là của mình, thích làm vui sướng cho lòng mình hơn là cho lòng dân, người hiền muốn sửa đổi, can ngăn, để vua làm điều hay, thì cái thế thường là khó hợp, phương chi lại có những kẻ gian tà kiếm nhiều cách để hãm hại người hiền. — d) *Trừ bỏ kẻ gian tà.* Kẻ gian tà trong lòng thâm hiểm lại nhiều mưu chước khôn khéo: cách chiêu chuộng tựa như là cung kính, cách ngon ngọt tựa như là thật-thà, cách dối-giá tựa như có thể tin được, cách đua nịnh tựa như có thể gần được. Nó cốt dò đón cái ý tứ của vua, mượn

thế của vua đề lập nên uy thế của nó, làm thỏa lòng muốn của vua để có kết lấy lòng yêu tin của vua. Nó làm hại dân ở dưới mà ở trên vua không biết. Đến lúc ấy dẫu muốn đuổi nó đi, cũng khó vậy. — d) *Được lòng dân.* Dân theo vua bởi mệnh Trời, song nếu vua làm cho dân mất trông nhờ, làm cho dân oán, thì dân có lòng giận mà không theo. Tất là phải theo đạo Đại-học, lấy sự tu-thân làm gốc. Một lời nói, một việc làm, có thể làm phép cho thiên-hạ, một sự thưởng, một sự phạt, có thể hợp với sự công-bằng của thiên-hạ. Thế thì không cần dân theo mà dân cũng theo. — e) *Thuận đạo trời.* Từ Tam-Đại về sau chỉ có đời vua Văn, vua Cảnh nhà Hán là thịnh trị hơn cả. Song lúc bấy giờ Trời thường có tai biến mà vua Văn vua Cảnh biết cần-thận đối với sự răn bảo của Trời, một mực lấy việc nuôi dân làm đầu, cho nên lòng dân thuận mà hoà khí ứng.

4. *Nông tang học hiệu.* — Nhà nước chỉ biết cách khéo thu tiền tài mà không biết rõ cái gốc tiền tài ở đâu, chỉ biết phòng giữ sự khi trá của người mà không biết nuôi lòng thiện của người, chỉ lo pháp luật khó thi-hành mà không lo đến lúc pháp luật không có chỗ thi-hành ra được. Nếu biết trọng về sự làm ruộng, bắt hết cả những kẻ lừa dối biếng không có nghề nghiệp phải chăm chỉ về sự nông

tang, thì chỉ độ mười năm sau kho đụn đầy đầy. Nếu tự do áp đến chỗ châu huyện đều đặt nhà học, để cho từ con vua trở xuống đến con nhà sĩ và thứ-nhân đều đi học cả, thì độ mười năm sau, trên biết báo dưới, dưới biết cách thờ trên.

5. *Thận vi.* — Thiên-hạ sở dĩ trị được là bởi cái đạo có thích nghi, đáng nhân-quân cần phải xét cho kỹ. Xét kỹ rồi mới phát ra, thì phát ra lúc nào cũng tin. Khi mừng khi giận sắc hiện ra mặt, lời nói hiện ra miệng, người ngoài có thể biết trước được. Nếu xét lại cái cơ tại làm sao mà người ngoài biết, chắc hỏi về sự nông nổi vậy. Bởi thế đáng tiên-vư ng tiềm tâm cung mặc, mừng giận không khinh dị. Khi chưa phát ra dấu người rất gần cũng không biết, khi phát ra rồi dấu người rất thân cũng không làm cho thay đổi đi được, cho nên hiệu-lệnh giản dị mà không khi nào phải hối hận mà sửa đổi lại và vẫn được trung-tiết vậy.

Bài số ấy có đến hơn một vạn lời. Vua Thế-tò xem rất lấy làm khen. Nhân vì Hứa Hành lắm bệnh, vua cho cứ năm ngày phải vào phủ Trung-thư một lần, sau xin cáo về.

Đến năm Chí-nguyên thứ bảy (1271) lại được triệu vào Kinh để cùng với Diêu Khu định rõ triều nghi. Năm sau ông được cử làm chức Tập-hiến đại-học-sĩ, kiêm chức

quốc-tử tế-tửu, cho mở học-viện ở viện khu-mật cũ ở phía nam thành Yên-kinh. Hứa-Hành lấy làm mừng mà nói rằng: »Đó là việc của ta vậy.« Đoạn rồi tâu xin triệu những đệ-tử cũ của ông như bọn Vương Tử, Gia-luật Hữu Thượng, Diêu Toại, tất cả 12 người vào làm trai-trưởng. Lúc ấy những học-trò tuyền vào học đều còn trẻ tuổi cả. Hứa Hành đãi như người lớn, yêu như con. Ra vào, lui tới nghiêm như vua tôi. Phép dạy thì nhân cái đã biết mà làm cho sáng rõ điều thiện, nhân điều thiện mà mở điều che lấp. Học lâu các đệ-tử đều biết tôn sư kính nghiệp, đến đứa trẻ-con cũng biết tam cương ngũ thường làm cái đạo của người đời. Sau vì quan Mông-cổ là bọn Á-hợp-mã muốn bỏ pháp độ của người Tàu, lương thực của học-trò có khi thiếu thốn. Hứa Hành bèn xin thôi.

Năm Chi-nguyên thứ 15 (1280) vua Thế-tồ lại triệu Hứa Hành vào triều coi việc Thái-sử-viện, cùng với bọn Vương Tuân, Dương Cung-ý, Quách Thủ-kinh, Trương Văn-khiêm chế ra một bản nghi-tượng mới và sửa lại cách làm lịch. Đến năm thứ 17, việc làm lịch xong, dâng lên, vua gọi là « thụ-thời lịch » ban ra cho thiên-hạ. Năm ấy Hứa Hành lại cáo bệnh xin về trí-sĩ, vua Thá-tồ cho con Hứa Hành là Hứa Sư-khả làm chức

tông-quản coi đất Mạnh-hoài để cho tiện sự thị dưỡng. Năm sau ông mất.

Khi sắp mất, ông bảo các con rằng: « Ta bình sinh bị cái hư danh làm lụy, kết cục chẳng từ chối được quan chức. Sau khi ta chết rồi, đừng lập bia, chỉ làm cái mộ-chi viết là mã của Hứa mỗ, để con cháu biết là đủ. »

Năm Đại-đức thứ hai (1298) đời vua Thành-tôn, triều-đình cho tên thụy là Văn-chính 文正 và tặng phong là Ngụy Quốc-công 魏國公. Năm Hoàng-khánh thứ hai (1318) đời vua Nhân-tôn lại đem ông vào phối tự ở miếu thờ Khổng-tử, và lập thư-viện ở Triệu-kinh gọi là Lỗ-trai thư-viện. Lỗ-trai là tên của Hứa Hành đặt ra để gọi chỗ ở của mình vậy.

Hứa Hành không làm sách vở gì, nhưng vì ông là một nhà danh nho trong đời Nguyên sơ, những sự nghiệp và ngôn hạnh của ông đủ tỏ ra là một nhà đã có cái sở đắc về Nho-học và rất tinh thâm về lý-học của Tống-nho.

**Hứa Khiêm.** — Hứa Khiêm 許謙 tự là Ích-chi 益之, người đất Kim-hoa, thuộc tỉnh Chiết-giang. Thuở bé mồ-côi cha, mẹ là Đào-thị dạy khâu truyền cho sách *Hiếu-kinh* và sách *Luận-ngữ*, hễ vào tai câu nào là không quên nữa. Kịp lớn lên hiếu học khác người, tự mình lập lấy chương-trình mà học, dầu có

đau yếu cũng không bỏ. Sau đến thụ nghiệp Kim Lý-tường. Cách mấy tháng Kim Lý-tường bảo rằng: « Kê sĩ đi học cũng như năm vị hòa lẫn với nhau. Chát dấm chát muối khi đã gia vào, thì vị chua vị mặn thấy khác. Người đến học ta đã ba tháng mà chẳng khác gì ngày trước, há cái học của ta không đủ cảm phát cho người hay sao? » Ông nghe nói lấy làm sợ hãi, cố sức học tập được phần **uyên-áo** của thầy.

Kim Lý-tường bảo rằng: « Cái phép học của nhà Nho là cái lẽ chí-thiện chỉ có một, mà cái phải cái trái thì thiên biến vạn hóa. Cái lẽ chí-thiện chẳng lo gì chẳng là một, chỉ khó về cái phần thiên biến vạn hóa đó thôi. Nếu chẳng xét về phần ấy cho thiết-thực, thì chẳng qua là cao đàm hư lý mà thôi. » Kim Lý-tường lại nói: « Cái đạo của thánh-nhân cốt ở đạo trung; trung là không quá và không bất cập. » Ông theo những lời ấy mà cố gắng học tập tự mình được nhiều điều sở đắc. Không có sách nào là ông không đọc, xét đến cùng cực những điều u-vi, tuy những bài tán văn tiền ngữ cũng không dám bỏ qua. Xem sách mà có chỗ nào tự mình không suốt được hết ý, không khiên-cưỡng theo lời của tiên nho, hoặc có chỗ nào không yên cũng không cầu-thả mà theo ý người khác. Ông rất tôn sùng cái học của Chu Hối-am và



thường bảo những kẻ học - giả rằng : « Học phải lấy thánh-nhân làm tiêu - chuẩn, song phải hiểu rõ cái tâm của thánh-nhân, thì rồi mới học được. Cái việc của thánh-nhân và cái tâm của thánh-nhân có đủ ở trong Tứ-thư, mà cái nghĩa trong Tứ-thư là Chu-tử đã nói đủ cả rồi ; lời thì giản ước mà nghĩa thì rộng. Lẽ nào độc-giả có thể lấy cái tâm cho là dễ mà tìm được cái học ấy hay sao. ? »

Ông bình sinh phẩm hạnh tự lập rất nghiêm. Cái bản chí rất thanh đạm, lấy đạo làm vui, không để sự phú quý làm lụy được cái tâm, không vì công danh làm lụy được cái chí của mình. Đối với sự ứng thế thì không nệ cớ mà cũng không a-dua theo thời đời. Ông tìm cách ăn nấu dầu vệt, vào ở trong núi Hoa - sơn, kẻ sĩ ở bốn phương không quân xa trăm dặm, đến xin học rất nhiều.

Ông dạy người thì lấy bụng chí thành, dạy đủ lẽ trong lẽ ngoài, lấy việc khai-phát cái tâm thuật và biến hóa cái khí-chất của người ta làm gốc, lấy sự chuộng được ở mình, chẳng cầu người ta biết, làm then chốt cho sự tu-thân ; lấy sự phân-biệt điều nghĩa điều lợi, làm phép xử sự. Ông giảng - luận, nghiên-cứu, suốt ngày không mỏi, mà nhất thiết không dạy người ta lối văn-chương khoa-cử.

Ông nói rằng: « Lối văn-chương khoa-cử là vì lợi, không phải vì nghĩa. »

Ông ở chỗ thôn dã, dạy học hơn 40 năm, các quan danh thần ở trong triều và ở ngoài châu quận dâng sớ đến mấy mươi lần đề vờ ông ra làm quan, nhưng ông không chịu ra.

Ông thường tự gọi là Bạch-vân sơn-nhân, cho nên đến khi ông mất các học-giả gọi là Bạch-vân tiên-sinh 白雲先生. Lại vì ông không ra làm quan, cho nên lại gọi là Kim-hoa xư-sĩ 金華處士.



Nho-giáo trong đời nhà Nguyên tuy so với các đời trước thì không bằng, nhưng cũng có cái vẻ thịnh đạt. Những học-giả như Triệu Phục, Hứa Hành và Hứa Khiêm đều là người có đức hạnh rất xứng đáng, đủ làm tiêu-biêu cho nhân vật trong một thời. Song cái học của Nguyên-nho chỉ bó buộc ở trong phạm-vi Trình Chu mà thôi, vì rằng ai cũng cho Nho-học đến đó là cùng cực rồi. Kết quả thành ra là ngoài sự học để giữ lấy cái danh tiết cho trong sạch, thì không ai phát triển ra được điều gì cao-minh hơn nữa.

## THIÊN II

## NHO - GIÁO ĐỜI MINH

(1368 - 1648)

Tình trạng Nho-giáo đời Minh. — Về cuối đời nhà Nguyên, việc triều đình đổ nát, giặc cướp nổi lên khắp mọi nơi. Lúc ấy ở đất Giang-tô có Chu Nguyên-chương dấy binh đánh dẹp được giặc ở vùng sông Dương-tử, rồi đánh nhà Nguyên mà lấy lại nước Tàu, lập ra nhà Minh.

Chu Nguyên-chương biết rằng việc trị-dân trị nước cần phải có Nho-học, cho nên khi ông mới lấy được đất Giang-đông, ông liền mở nhà học ở trong quận, cho bọn nho thần là Diệp Nghi 葉儀 và Tống Liêm 宋濂 làm chức ngũ-kinh-sư, Đái Lương 戴良 làm chức học-chính, Ngô Trầm 吳沉 làm chức huấn-đạo để coi việc giảng dạy. Kịp khi ông lấy được đất Kim-lăng, bèn đón mời các nho-sĩ, khảo định lễ nhạc, mở nhà quốc-tử-học, và làm miếu thờ Khổng-tử.

Năm Hồng-vũ nguyên-niên (1368) Chu Nguyên-chương lên làm vua, tức là vua Thái-

tổ nhà Minh, cho con các quan và những người tuấn-tú trong dân gian, ai thông văn nghĩa thì được vào làm quốc-tử-sinh. Năm sau có chiếu nhà vua lập nhà học nhà hiệu ở các quận huyện. Lệ định ở phủ đặt một viên giáo-thụ và bốn viên huấn-đạo ; ở châu đặt một viên học-chính và ba viên huấn-đạo ; ở huyện đặt một viên giáo-thụ và hai viên huấn-đạo. Những sinh-viên đến học thì được miễn việc sưu dịch. Từ đó sự học ở trong nước lại hưng thịnh lên.

Năm Hồng-võ thứ ba (1370) vua Thái-tổ mở khoa thi, lấy kẻ sĩ. Lúc đầu vì nhà vua cần lấy người, cho nên thi luôn ba năm liền, rồi sau cứ ba năm thi một lần ; tháng tám năm trước thi hương, tháng hai năm sau thi hội.

Năm Hồng-võ thứ sáu (1373) vua Thái-tổ thấy những người do khoa-cử cất lên đều là người có văn mà không có thực, bèn xuống chiếu tạm đình khoa-cử trong mười năm, rồi sai hữu-tư cất nhắc những người hiền tài, lấy đức hạnh làm gốc, văn nghệ làm thứ.

Năm Hồng-võ thứ tám (1375) vua thấy ở chỗ đô ấp đều có nhà học, mà ở chỗ thôn xã thì không, bèn xuống chiếu sai hữu-tư lập xã-học, cất nho-sư đi dạy những con em ở dân gian. Học phong từ đó gần thịnh bằng đời Đường đời Tống vậy.

Năm Hồng-vũ thứ 15 (1382), đời Quốc-tử-học ra làm Quốc-tử-giám. Trong giám có sáu nhà học gọi là nhà Suất-tính. 率性 nhà Tu-đạo 修道, nhà Thành-tâm 誠心, nhà Chính-nghĩa 正義, nhà Sùng-chí 崇志, nhà Quảng-nghiệp 廣業. Ở bên cạnh những nhà học ấy, có những trai-xá đề học-sinh ở.

Cách hai năm sau, chiếu nhà vua xuống ban các điều thức về việc khoa cử. Lệ cứ năm tí, năm ngọ, năm mao, năm dậu, thi hương; năm thìn, năm tuất, năm sửu, năm mùi, thi hội. Những người đỗ hương-thi do Bộ-chính-tư đem vào Lễ-bộ đề thi hội. Những người đỗ hội-thi rồi được vào đình-thi. Khoa cử đời sau đều theo qui-thức ấy cả.

Đến khi vua Thánh-tồ nhà Minh lên làm vua, dời đô lên Yên-kinh, gọi là Bắc-kinh, dời Kinh-đô cũ ở Kim-lăng là Nam-kinh, và lập một nhà Quốc-tử-giám ở Bắc-kinh và một nhà Quốc-tử-giám ở Nam-kinh. Vua Thánh-tồ tuy chú-trọng về võ-công để mở rộng bờ cõi, nhưng vẫn trí ý về việc văn trị, cho nên sự văn-học càng ngày càng thịnh.

Cuộc thịnh suy của Nho-giáo trong đời nhà Minh có thể chia ra làm ba thời-kỳ. Mỗi thời-kỳ có cái học đặc-biệt, cho nên ta cần phải biết, để hiểu cho rõ cái tinh-thần Nho-học ở đời nhà Minh.

## I

## THỜI-KỲ THỨ NHẤT

Thời-kỳ thứ nhất vào quãng sơ-diệp nhà Minh, kể từ đời vua Thái-tồ (1368-1398) đến đời vua Thành-tồ (1403-1424). Trong khoảng hơn một nửa thế-kỷ ấy, nền nước mới dựng lên, các học-giả hã̄y còn học theo lối học của nhà Nguyên, chưa ai xướng xuất ra cái học-thuyết nào mới. Song thuở ấy đã có những danh-nho như Lưu Cơ, Tống Liêm, Phương Hiếu - nhụ, Tào Đoan, đều có chí xây đắp lên cái nền Nho-học, cho nên về sau có các đại-nho lũ lượt ra đời và sáng lập ra các học-phái có giá-trị ở đời nhà Minh.

**Lưu Cơ.** — Lưu Cơ 劉基, tự là Bá-ôn 伯溫 (1311-1375), người đất Thanh-điền, tỉnh Chiết-giang, đỗ tiến-sĩ cuối đời nhà Nguyên. Ông học hết các kinh sử, không có sách gì là không đọc và lại tinh thâm về cái học tượng-vĩ. Làm quan với nhà Nguyên không đắc chí, ông bèn bỏ quan về quê ở. Lúc vua Thái-tồ nhà Minh mới dấy nghiệp, lấy lễ vời ông đến. Ông làm bài thời-vụ 18 điều trình lên, vua Thái-tồ lấy làm mừng lắm, cho ở Lễ-hiền-

quán, rồi sau cất lên làm Quảng-văn-quán học-sĩ, Đến khi việc nước đã định rồi, ông được phong làm Thành-ý-bá 誠意伯, đứng đầu công-thần nhà Minh.

Ông bàn mưu định kế giúp vua Thái-tổ và hết lòng khuyên vua tướng-lệ việc học, cho nên đời sau cho ông là có công lớn với Nho-giáo.

**Tống Liêm.**—Tống Liêm 宋濂, tự là Cảnh-liêm 景濂 (1309-1373) người đất Phổ-giang, tỉnh Chiết-giang. Cái học của ông rất thuần chính. Vua nhà Nguyên cho làm Hàn-lâm-viện biên-tu, nhưng vì có mẹ già, cho nên ông không nhận, rồi vào ở núi Long-môn làm sách. Vua Thái-tổ dấy lên, đón về làm chức Giang-nam đề-học dạy thái-tử học các kinh. Năm Hồng-võ thứ hai (1369) ông được chiếu cử làm bộ sử nhà Nguyên, rồi được bổ chức Hàn-lâm-viện học-sĩ. Ông chuyên nghề dạy học, nhất cử nhất động đều theo lễ-phép đề theo cho đúng đạo. Công nghiệp của ông tuy không bằng Lưu Cơ, nhưng có công về việc định lễ nhạc.

**Phương Hiếu-nhụ.**—Phương Hiếu-nhụ 方孝孺, tự là Hi-trực 希直 (1358-1403). người huyện Ninh-hải, tỉnh Chiết-giang, theo học Tống Liêm. Ông không chuộng văn nghệ,

thường lấy việc làm cho sảng vương-đạo, và khiến nước được thái-bình làm chức-vụ của mình. Đến đời vua Huệ-đế (1399-1402) làm chức thị-giảng học-sĩ. Khi Yên-vương dấy binh tranh ngôi, Phương Hiếu-nhụ thảo hết các tờ chiếu tờ hịch đề lấy binh cần-vương chống với Yên-vương. Sau Yên-vương lấy được Nam-kinh, Hiếu-nhụ bị bắt, Yên-vương bảo thảo tờ chiếu lên ngôi, Hiếu-Nhụ ném bút đi và khóc mà nói rằng: «Chết thì chết, tờ chiếu không thảo được.» Yên-vương giận đem giết đi.

Phương Hiếu-nhụ có chí khí hơn người, mỗi khi đặt ra bài văn nào, thì thiên-hạ tranh nhau truyền tụng. Đức hạnh của ông đủ tỏ ra là một nhà chân-nho, lấy tiết nghĩa làm gương cho đời.

**Tào Đoan.** — Tào Đoan 曹端 tự là Chính-phu 正夫, hiệu là Nguyệt-xuyên 月川 (1376-1434), người đất Thăng-tri, tỉnh Hà-nam. Ông đỗ hương-thí đời Vĩnh-lạc, rồi vào thi đình đỗ phó - bảng, bỏ đi làm quan học-chính ở Hoắc-châu, thuộc Sơn-tây.

Tính ông ghét những sự mê tín, cho nên những thuyết luân-hồi, họa phúc, hoặc phong thủy, vu nghiến, cùng là xem ngày tốt tháng lành v. v. là ông không tin gì cả. Ông lấy những việc nhân-luân nhật dụng, làm thành



quyển sách gọi là: *Đạ-hành-chúc* 夜行燭, ý nói người ta ở trong lưu tục như người đi đêm, phải lấy quyển sách ấy làm bó đuốc để soi cho sáng.

Cái học của ông không do có thầy truyền, tự ông suy nghĩ lấy mà hiểu rõ cái ý của tạo-hóa. Ông cho trong thiên-hạ không có một vật gì ở ngoài cái linh. Cái lý Thái-cực là tâm, vậy cái động tĩnh của tâm là âm dương, nhật dụng thủ tạc là sự biến và hợp của ngũ hành. Ông lấy việc thờ cái tâm làm con đường vào đạo. Cho nên nói rằng: «*Sự sự đờ ư tâm thượng công-phu, thị nhập Khổng môn* 事事都於心上做工夫是入孔門底大路: Cái công-phu làm mọi việc đều ở cái tâm mà ra ấy là con đường lớn vào cửa Khổng.»

Ông là người mở ra cái mới tâm-học ở đời nhà Minh, về sau những nhà-tâm học như Trần Hiến-chương, Trạng Nhược-thủy và Vương Thủ-nhã đều chịu cái ảnh-hưởng ấy cả,

Đại-đề, bọn Tống Liêm, Phương Hiếu-nhụ và Tào Đoan đều là người gây thành cái liên thanh cho những học-phái ở thời-kỳ thứ hai vậy.

## II

## THỜI - KỲ THỨ HAI

Thời - kỳ thứ hai vào quãng trung-diệp nhà Minh, kể từ đời vua Nhân - tôn (1425) đến đời vua Mục-tôn (1567-1572). Trong khoảng hơn một thế-kỷ rưỡi ấy, Nho-giáo thịnh hành hơn trước và có nhiều người học - giả trứ danh, người thì ra làm quan, người thì ẩn cư ở chỗ thảo dã, ai nấy đều có chí làm cho sáng rõ cái đạo của thánh hiền. Bởi vậy các học-phái mới thành-lập. Thời-kỳ này có bốn học-phái rất hệ trọng, là Hà-đông-phái, Sùng-nhân-phái, Bạch-sa-phái và Diêu-giang-phái. Trong những học-phái ấy có Diêu - giang - phái là thịnh hơn cả, cho nên sau này ta phải xét kỹ.

## HÀ - ĐÔNG - PHÁI

Vào khoảng trung-diệp nhà Minh, việc đánh dẹp đã yên, sự học càng ngày càng hưng-thịnh lên. Bấy giờ có Tiết Huyền đem lý-học của Tống - nho mà phát - minh ra, lập thành một học-phái có thế-lực trong đời nhà Minh.

**Tiết Huyền.**— Tiết Huyền 薛瑄, tự là Đức-ôn 德溫, hiệu là Kính-hiền 敬軒 (1394-1464), người đất Hà-tân tỉnh Sơn-tây. Thuở nhỏ rất dĩnh ngộ, 12 tuổi đã biết làm thơ, sau lớn lên xem sách *Tính-lý toàn-thư* của Tống-nho rồi bỏ cả thi phú, chuyên xét về cái uyên-nguyên của phái Liêm, phái Lạc, có khi quên cả ăn cả ngủ. Năm Vĩnh-lạc thứ 17 (1419) đời vua Thành-tô, ông đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức Lễ-bộ thị-lang, về tri-sĩ

Cái học của ông chủ ở sự theo Tống-học. Ông cho là : « Lý với khí không trước sau ; không có cái lý không có khí, cũng không có cái khí không có lý. » Ông lại phân tâm với lý ra làm hai vật, như là nói : « Nước trong thì thấy cái bụi nhỏ, tâm thanh thì thấy thiên lý. » Ông lại ví lý như cái vật, tâm như cái gương ; gương sáng thì không có vật gì dấu hình được, tâm sáng thì lý không ẩn nấp đi đâu được. Đó là chỗ tương phản với cái học của phái Diêu-giang.

Ông không trước thuật gì mấy, vì ông cho là con đường chính của sự học-vấn không ra được ngoài bộ sách *Tính-lý*. Ông nói rằng, « Từ Chu-tử về sau, cái đạo đã sáng rõ lắm rồi ; không cần làm sách vở gì nữa, chỉ nên đem mình mà thực-hành đạo ấy là đủ. » Vậy cái học của ông là chủ ở sự thực-hành, mà cách

sửa mình cốt ở hai chữ phục tính 復性. Ông để lại bộ sách: *Độc-thư-lục* 讀書錄, 20 quyển, lời lẽ rất giản thiết.

Học-giả thời bấy giờ có nhiều người tôn-sùng cái học của ông, nhất là ở phía bắc nước Tàu, cho nên mới lập ra thành một học-phái gọi là *Hà-đông-phái* 河東派, thịnh-hành đến cuối đời nhà Minh.

**Diêm Vũ-tích.** — Diêm Vũ-tích 閻禹錫, tự là Tử-dư 子與, người đất Lạc-dương, tỉnh Hà-nam. Ông đỗ hương-thí rồi ra làm quan, theo học Tiết Huyền. Ông thích giảng *Thái-cực đồ-thuyết* và sách *Thông-thư* của Chu Liêm-khê. Cái học của Tiết Huyền mà thịnh-hành là nhờ có ông vậy.

**Trương Đình.** — Trương Đình 張鼎, tự là Đại-khi 大器, người đất Hàm-ninh, tỉnh Thiểm-tây, đỗ tiến-sĩ. Ông theo học Tiết Huyền, giữ được cái học-thuyết của thầy, và góp nhặt những văn tập của Tiết Huyền mà làm thành sách

**Đoàn Kiên.** — Đoàn Kiên 段堅, tự là Khả-cử 可久, hiệu là Dung-tư 容思, người đất Lan-châu, tỉnh Cam-túc, đỗ tiến-sĩ. Ông dạy học thì lấy sách của phái Liêm và phái Lạc

mà giảng tập, và cái học của ông theo đúng cái học của họ Tiết vậy.

**Trương Kiệt.** — Trương Kiệt 張傑, tự là Lập-phu 立夫, hiệu là Mặc-trai 默齋, người đất Phượng-tương, tỉnh Thiểm-tây. Ông lấy ngũ Kinh mà dạy người, có trọng danh một thời.

**Lữ Nhiễm.** — Lữ Nhiễm 呂楙, tự là Trọng-mộc 仲木, hiệu là Kinh-dã 涇野, người đất Cao-lãng, tỉnh Thiểm-tây, đỗ trạng-nguyên. Cái học của ông là theo cái học của Trình Chu, lấy sự cách-vật làm sự cùng-lý và cho trước phải tri rồi sau mới hành.

Đại để, cái học của phái Hà-đông thường là đối lập với cái học của phái Diêu-giang trong đời nhà Minh vậy.

#### SÙNG NHÂN-PHÁI

Cái học của phái Hà-đông thì thuần-nhiên theo cái học của Trình Chu, cái học của phái Sùng-nhân, thì xuất nhập ở cái học của họ Chu và họ Lục. Bởi vậy về sau môn-đệ của phái này biến ra làm mấy chi-phái có cái tôn-chỉ khác nhau. Người đứng đầu phái này là Ngô Giử-bật.

**Ngô Dữ-bật.** — Ngô Dữ-bật 吳與弼, tự là Tử-phó 子傅, hiệu là Khang-trai 康齋, người đất Sung-nhân, tỉnh Giang-tây. Hậu-nho nhân lấy tên chỗ ông ở mà gọi là Sung-nhân-phái 崇仁派.

Ông đọc sách *Y-Lạc-uyên-nguyên-lục* 伊洛淵源錄, khẳng-khái có chí ở đạo, bèn bỏ lối học khoa cử, hết sức tìm cho đến chỗ tâm tính của thánh hiền. Ông nhà nghèo, nhưng cứ an bần lạc đạo, tự mình cấy cấy lấy mà ăn, và lúc nào cũng lo sự giáo-hối không biết mỏi. Người bốn phương nghe tiếng ông, đến học rất nhiều. Có mấy lần nhà vua vời vào làm quan, ông từ chối không nhận.

Cái học của ông, đại yếu ở sự hàm-dưỡng tinh tinh và lấy sự khắc kỷ an bần làm thực địa. Ông không thích trước thuật, ngôn động thì bình đạm. Ông tả rõ cái tinh tinh ra ở hai câu thơ :

Đạm như thu thủy bần trung vị,

澹如秋水貧中味

Hòa tự xuân phong tĩnh hậu công.

相似春風靜後功

Ông theo cái học của Trình Chu, nhưng vẫn ghé theo cái học của Lục Tụng-sơn, có lắm điều xuất nhập ở hai cái học ấy. Bởi vậy học-trò của ông có ba người cao-đệ là Hồ Cư-nhân, Lâu Lượng và Trần Hiến-chương,

mỗi người theo một tôn-chỉ khác nhau. Hồ Cự-nhân thì theo Trình Chu, Lâu Lượng và Trần Hiến-chương thì theo về phái tâm-học.

**Hồ Cự-nhân.** — Hồ Cự-nhân 胡居仁, tự là Thúc-tâm 叔心, hiệu là Kính-trai 敬齋 (1434-1484), người đất Đư-can, tỉnh Giang-tây. Ông theo học Ngô Dữ-bật, tuyệt-nhiên không có ý thi cử ra làm quan. Tính ông rất thuần đóc, ngồi nói chuyện cả ngày không lúc nào nói đến lợi lộc. Sách của ông truyền lại, có bộ *Cự-nghiệp-lục* 居業錄.

Cái học của ông lấy trung tin làm đầu, lấy sự tìm cái phóng tâm làm cốt. Ông nói rằng : « Biết được cái tâm sống ra cũng là việc tốt, rồi tỉnh ra mà thu-liệm lại; đừng để nó chạy đi nữa, ấy là cái công-phu chủ kính tồn tâm. Nếu cái tâm không biết ở chỗ nào, mơ-mơ màng-màng, thì có công-phu gì ? » Ông cho sự giữ cái tâm mà không mất, thì không gì bằng sự kính, vậy nên ông lấy chữ kính mà gọi chỗ nhà học.

Ông làm nhà ở trong núi, người ở các nơi đến học rất đông. Ông bảo học-trò rằng : « Học để cho mình, không cầu cho người ta biết. » Ông lại thường hay nói với người ta rằng : « Trong các học-thuyết khác không có học-thuyết nào gần cái học của ta bằng Thiên-học bên Phật. Những kẻ học-giả về sau ngộ-

nhận hai chữ *tồn tâm*, hay theo về Thiên học, muốn bỏ hẳn sự tư lự để cầu lấy tĩnh; chứ không biết rằng thánh hiền chỉ răn cần-thận lo sợ để không có sự nghĩ bậy. Như thế, không cầu tĩnh mà chưa rằng đã không tĩnh. Bởi sự ngộ-nhận ấy cho nên kẻ học thấp thì đắm vào chỗ công lợi, kẻ học cao thì phóng túng ở chỗ hư-không, thành ra có hai cái vạ: một là cái sỡ-kiến không thật; hai là cái công-phu gián đoạn.» Ông bèn làm bài Tiến-học-châm rằng: «*Thành kinh ký lập, bản tâm tự tồn, lực hành ký cứu, toàn-thê giai nhân, cử nhi thổ chi, gia tề quốc trị, thánh nhân năng sự tất hỹ* 誠敬既立, 本心自存, 力行既久, 全體皆仁, 舉而措之, 家齊國治, 聖人能事畢矣: Thành kinh đã lập, cái bản tâm tự còn, cố sức làm đã lâu, thì toàn thể đều là nhân, đem ra mà thi-thố ở đời, thì nhà tề nước trị, việc hay của thánh-nhân hết vậy.»

Ông với Trần Hiến-chương cùng theo học Ngô Dữ-bật, nhưng ông theo cái học-thuyết của Trình Chu, mà Trần Hiến-chương thì theo cái học-thuyết của Lục Trọng-sơn. Cho nên ông chê cái học của Hiến-chương rằng: «Cái học của Hiến-Chương gần với thiên ngộ, thành ra hào phóng. Lối ấy đã thành, thì cái hại không nhỏ vậy.»

• Hồ Cư-nhân cứ ở chỗ ăn mà lo sửa mình, chung thân không ra làm quan, người ta cho



là sau Tiết Huyền chỉ có ông là người chính hơn cả.

**Lâu Lượng.** — Lâu Lượng 婁諫, tự là Khắc-trinh 克貞, hiệu là Nhất-trai 一齋, người đất Quảng-tín, tỉnh Giang-tây. Thuở trẻ có chí ở thánh học, sau theo học Ngô Dữ-bạt, thi đỗ phó-bạng, làm chức phân giáo ở Thành-đô được ít lâu rồi cáo về dạy học.

Cái học của ông không theo Trình Chu, cho nên bạn đồng-môn của ông là Hồ Cư-nhân chê là ông đem Nho-giáo hãm vào dị-giáo. Ông lấy sự thu cái phóng tâm làm cái cửa vào sự học cư kinh, lấy mấy chữ « hà tư hà lự, — vật trợ vật vong » làm cái yếu-chỉ của sự cư kinh. Ông cho là đạo ở chỗ nào cũng có, hễ hợp với nghĩa lý mà không có lòng tư, là có thể gọi là đạo được, cho nên ông thường nói : « Ta thấy người khuôn gỗ gánh nước mà phải, ấy là đạo đó. » Ông hiểu được đạo dễ-dàng như thế, là nhờ có công-phu nghĩ-ngợi lâu lắm.

Khi Vương Thủ-nhân mới 17 tuổi đến hỏi việc học, có nhiều điều tương hợp lắm. Bởi vậy nho-giả cho cái học của phái Diêu-giang là phát đoạn ở đó vậy.

## BẠCH-SA-PHÁI

Cùng một cái học của Ngô Dữ-bật mà rồi về sau chia ra làm hai chi-phái : Một phái của Hồ Cư-nhân và một phái của Trần Hiến-chương. Phái của Hồ Cư-nhân thì theo cái học của Trình Chu, mà phái của Trần Hiến-chương thì đi riêng về mặt tâm-học. Cái học đời nhà Minh đến Trần Hiến-chương mới vào chỗ tinh vi, và đến Vương Thủ-nhân mới thành ra lớn và rộng vậy.

**Trần Hiến-chương.** — Trần Hiến-chương 陳獻章, tự là Công-phủ 公甫, hiệu là Thạch-trai 石齋 (1428-1500), người làng Bạch-sa, đất Tân-hội, tỉnh Quảng-đông. Hậu nho lấy tên làng ông mà gọi là *Bạch-sa liên-sinh* 白沙先生. Ông đỗ phó-bảng rồi sau về theo học Ngô Dữ-bật, bỏ lối khoa-cử. Ông về làm nhà gọi là Dương-xuân-dài, ngồi tĩnh tọa trong cái nhà ấy đến mấy năm không ra đến ngoài. Sau ông lại vào Kinh học ở nhà Thái-học, nổi tiếng là chân nho lại ra đời. Lúc ông trở về, học-trò đến học đông hơn trước. Các quan nghe tiếng, dâng ông lên triều-đình, ông nhận làm chức Hàn-lâm kiêm-thảo được ít lâu rồi xin về.

Cái học của ông lấy chữ « hư » làm cơ-bản, lấy chữ « tĩnh » làm môn-hộ, lấy tứ phương thượng hạ, vãng cồ lai kim, dật - diu sát hợp với nhau làm khuôn phép, lấy nhật dụng thường hành khác nhau làm công-dụng, lấy cái khoảng « vật vong vật trợ » làm cái phép mà thể - nhận, lấy sự không phí sức mà ứng dụng không sót làm thực đắc. Xa thì ông tựa như Tăng Diêm, gần thì giống như Nghiêu-phu. Ông dạy người ta chủ lấy tĩnh : bảo ngồi ngay mà tìm cái tâm, giữ cái tĩnh mà nuôi cái *đoan - nghê* 端倪. *Đoan-nghê* là cái mầm đạo, tức là tâm có thể được mà nghĩ, miệng không có thể được mà nói ra. Có người bảo ông làm sách, ông nói rằng : « Ta từ thừa 27 tuổi theo học thầy Ngô Dữ-bật, học hết các sách của thánh hiền đời xưa, nhưng vẫn chưa thấy chỗ nhập-xứ. Sau về nhà tìm cách dụng lực mãi cũng không có cái sở đắc. Ta bèn bỏ cái phiền-phức mà tìm cái giản-ước, ngồi tĩnh tọa lâu, thấy rõ bản-thể của tâm. Khi cái tâm đã hiện lộ ra, thì sự thù tạc hằng ngày cứ tùy cái muốn của ta, như con ngựa được cỡi hàm thiếc ra vậy. » Ông lại nói : « Học cần có sự tự lập và sự đại nghi, thiếu hai cái ấy không thể có sở đắc được. »

☞Cái học của ông và cái học của Vương Thủ nhân không trực - tiếp với nhau, nhưng về đường tĩnh vi, thì gần giống nhau. Và lại

người cao-đệ của ông là Trạm Nhược-thủy làm bạn với Vương Thủ-nhân, thành thử cái học của Bạch-sa và cái học của Diêu-giang cũng có ảnh-hưởng gián tiếp rất rõ vậy.

**Trạm Nhược-thủy.**— Trạm Nhược-thủy 湛若水, tự là Nguyên-minh 元明, hiệu là Cam-luyền 甘泉, người đất Tăng-thành, tỉnh Quảng-đông, đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức Lại-bộ thượng-thư ở Nam-kinh, rồi về trí-sĩ, ngoài 95 tuổi mới mất. Ông thường cùng với Vương Thủ-nhân giảng học, nhưng mỗi người theo một tôn-chỉ khác nhau. Ông thì lấy sự « tùy xứ thể nhận thiên-lý 隨處體認天理 » làm tôn-chỉ, Vương Thủ-nhân thì lấy « trí lương-tri 致良知 » làm tôn-chỉ. Hai người thường có nghị luận sự đồng dị. Vương Thủ-nhân bảo : « Tùy xứ thể nhận thiên-lý, là cầu thiên-lý ở ngoài cái tâm, không thể cưỡng cho tâm với lý hợp làm một được. » — Trạm Nhược-thủy bảo : Dạy chữ cách là chính, chữ vật là mỗi nghĩ, như thế cách - vật là chính cái mỗi nghĩ. Nếu không thêm cái công-phu của học, vấn, tư, biện, hành, thì cái mỗi nghĩ chính hay không, không sở cứ vào đâu mà biết được, »

»Về sau Hoàng Tôn-hi bản chỗ này, có nói rằng : « Dương - minh nói : Chính cái mỗi nghĩ, tức là tri cái tri vậy. Nếu không có học,

vấn, tư, biện, hành, thì sao cho là trí 致 được. Như thế không đủ bẻ cái thuyết cách-vật của Dương - minh. Cam-tuyền thì bảo tâm thể-nhận vạn vật mà không sót, mà Dương-minh thì trở cái ở trong xoang-tử làm tâm, cho nên có sự biện luận về nội thị ngoại phi. Song cái lý của thiên địa vạn vật không ngoài được cái ở trong xoang-tử, tức là cái bụng, cho nên thấy cái quang đại của tâm. Nếu lấy cái lý của thiên địa vạn vật, tức là cái lý của tâm ta, mà tìm ở thiên-địa vạn vật, cho làm quang-đại, thì Cam-tuyền vẫn bị cái cựu thuyết câu thúc. Thiên-lý không có chỗ nhất-định, mà tâm là chỗ nhất-định; tâm không có chỗ nhất-định, mà tịch-nhiên vị phát là chỗ nhất-định; tịch-nhiên bất động, thì cái cảm là ở trong cái tịch-nhiên. Vậy thì cái mà thể-nhận, là cũng chỉ thể-nhận được ở chỗ tịch-nhiên mà thôi. Nay nói rằng: tùy xứ thể-nhận, chẳng lẽ là thể-nhận ở chỗ cảm. Vậy thì cái thuyết của Cam-tuyền vẫn không xuôi, »

• Học-giả thừa ấy có người học Cam-tuyền rồi sang học Dương-minh, có người học Dương-minh rồi sang học Cam-tuyền. Những người trừ danh trong phái Cam-tuyền là : Lữ Hoài 呂懷, tự là Nhữ-đức 汝德, hiệu là Cấn-thạch 巾石 ; — Hà Thiên 何遷, tự là Ích-chi 益之, hiệu là Cát-dương 吉陽 ; — Hứa Phu-Viên 許孚遠, tự là Mạnh-trọng 孟仲, hiệu là Kinh-

am 敬菴. Tuy nhiên cái học của Cam-tuyền vẫn không thịnh bằng cái học của Dương-minh.

#### NHỮNG DANH-NHO KHÁC

Ngoài những người thuộc về các học-phái, còn có những người như La Luân, Thái Thanh, La Khâm-thuận, v. v, cùng đồng thời với Trạng Cam-tuyền và Vương Dương-minh đều là học-giả trứ danh cả, nhưng không lập thành ra học phái lớn.

**La Luân.**— La Luân 羅倫, tự là Di-chính 彞正, hiệu là Nhất-phong 一峯, người đất Vĩnh-phong, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ, làm chức Hàn-lâm tu-soạn, rồi thôi quan về ẩn cư ở núi Kim-ngưu dạy học. Tính ông rất cương giới, nhà thật nghèo mà chỉ vui về việc học. Ông theo cái học Tống-nho và chuyên trị kinh Dịch và kinh Xuân-thu,

**Thái Thanh.**— Thái Thanh 蔡清, tự là Giới-phu 介夫, hiệu là Hư-trai 虛齋, người đất Tấn-giang, tỉnh Phúc-kiến, đỗ tiến-sĩ cập-đệ, làm quan đến chức Giang-tây đề-học phó-sứ. Ông chuyên trị kinh Dịch và kinh Thư, rất dụng công về cái học cùng lý và cố lực hành cái học của mình.

**La Khâm-thuận.** — La Khâm-thuận 羅欽順, tự là Doãn-thăng 允升, hiệu là Chinh-am 整菴, người đất Thái-hòa, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ cập-đệ, làm quan đến chức Lễ-bộ thượng-thư, Cái học của ông tuy theo Tống-nho, nhưng có chỗ đồng dị với cái học của Chu-tử. Ông cho lý và khí là một, chứ không chia ra làm hai. Đại khái như là nói: Suốt trời đất cõ kim chỉ có khí mà thôi. Khí ấy lúc động lúc tĩnh, lúc qua lúc lại, tuần-hoàn không bao giờ nghỉ, nghìn điều muôn mối, không biết là bởi đâu mà vẫn có. Sự tuần-hoàn lưu-hành ấy, tức là lý. Ở trời thì gọi là lý, ở người thì gọi là tính. Đó là chỗ ông khác với Chu-tử. Song đến khi ông bàn về tâm và tính của người ta, thì ông lại cho cái có trước lúc sinh ra là thiên-tính, mà cái có sau lúc đã sinh ra rồi là minh-giác. Minh-giác là tâm, chứ không phải là tính. Tính là cái lý của trời đất và vạn vật, tất là công; tâm là cái sở hữu của mình, tất là tư. Như thế là tính làm chủ cái tâm, thì lại chẳng khác gì cái thuyết của Chu-tử, cho lý sinh ra khí. Xem vậy, thì cái học của ông trước sau bất nhất, thành ra có điều mâu thuẫn.

Cái học của ông cũng không hợp với cái học trí-lương-tri của Vương Dương-minh. Ông thường biện luận với Âu-dương Đức là môn-đệ của Dương-minh, và cho cái học trí

lượng-tri giống Phật-học. Ông phân biệt cái sở dĩ Phật với Nho khác nhau là bởi Phật-học chỉ thấy ở tâm, chứ không thấy ở tính; vì Phật-học cho cái minh-giác tự-nhiên là tâm, mà không biết cái lý của thiên địa vạn vật là tính, cho nên mới lấy tri-giác làm tính. Nay cái học của Dương-minh cho cái lượng-tri của tâm là thiên-lý, tức là bảo tri-giác là tính, thì cùng với Phật-học là một.

Cái học của Chính-am tuy không thịnh hành, nhưng cũng có thể làm đại-biểu cho một cái tư-tưởng trong một thời vậy.

#### DIÊU-GIANG PHÁI

Trong các học-phái đời nhà Minh, có phái Diêu-giang phát huy cái tâm-học ra rõ-ràng hơn trước, và lập thành một cái học rất cao minh. Nhưng vì về sau các chi-phái hiệu làm mất cái tôn-chỉ, và cái học của phái ấy lại trái với tập-tục, cho nên chỉ thịnh được một thời rồi thôi. Người lập ra phái ấy là Vương Thủ-nhan, một nhà đại nho trong Nho-giáo, hiểu được đến chỗ uyên thâm của đạo thánh hiền.

**Wương Thủ-nhan.** — Vương Thủ-nhan 王守仁, tự là Bá-an 伯安 (1472-1528), người đất Đư-diêu, tỉnh Chiết-giang. Sau ông đánh



giặc có công được phong là Tân-kiến-bá 新建伯. Vì ông làm nhà ở Dương-minh-động, cách thành Hàng-châu 20 dặm, cho nên các học-giả gọi ông là *Dương-minh tiên-sinh* 陽明先生.

Dương-minh là dòng dõi nhà nho-học có tiếng trong đời nhà Minh, ông tồ-phụ là Vương Luân 王倫, tự là Thiên-tự 天叙, hiệu là Trúc-hiền 竹軒, thân phụ là Vương Hoa 王華, tự là Đức-huy 德輝, hiệu là Long-sơn 龍山.

Dương-minh thuở nhỏ thông minh lạ thường, ở nhà nghe tồ-phụ là Trúc-hiền-công đọc sách đến đâu nhớ đấy. Năm ông lên 10 tuổi, thân-phụ là Long-sơn-công đỗ trạng-nguyên, bổ làm quan trong triều. Năm sau Long-sơn-công đón Trúc-hiền-công lên Bắc-kinh, ông đi theo qua Trán-giang vào chơi chùa Kim-sơn. Trúc-hiền-công ngồi uống rượu với một người khách, người ấy muốn làm bài thơ, nghĩ mãi không xong. Ông đứng bên cạnh làm ngay một bài đọc lên, ai cũng lấy làm kinh dị.

Lúc còn trẻ tuổi, tính ông hào mại không chịu cái gì cả. Long-sơn-công thường lấy làm lo, duy có Trúc-hiền-công biết ông mà thôi. Năm 11 tuổi ông đi học : một hôm hỏi thầy rằng : « Ở đời việc gì là hơn cả. » — Thầy nói rằng : « Chỉ có học rồi thi đỗ là hơn cả. » Ông

ngờ là không phải và nói rằng : « Học đề làm thánh hiền là hơn. » Long-sơn-công nghe nói, cười rằng : « Máy muốn làm thánh hiền à ? » Xem những chuyện ấy, thì biết rằng từ thuở nhỏ ông đã có chí lớn, khác hẳn người thường. Tuy thế, lúc mới lớn lên, tính ông rất hăng hái, thấy cái gì quan-hệ đến việc học hay là việc tu luyện, thì ham mê đến nỗi quên cả mọi việc. Thuở ông 15 tuổi, một hôm đi chơi ở cửa Cư-dung ngoài Vạn-lý-trường-thành, thấy người ở ngoài cửa ai cười ngựa dong-duổi, ông liền khái-nhiên có cái chí muốn đi đánh dẹp bốn phương. Ông bèn lưu lại ở đó ngày ngày tập ngựa tập bắn, đến hơn một tháng mới về. Thuở ấy ông thấy trong nước có nhiều giặc nổi lên, ông làm cái thư định dâng lên triều-dinh nói việc chính-trị. Long-sơn-công cho là ngông, ngăn lại mới thôi. Năm 17 tuổi, ông đến Giang-tây cưới vợ, là con gái Chư Dưỡng-hòa, làm quen tham nghị ở Bồ-chính-tư. Ngay hôm sắp làm lễ hợp cẩn, ông đi chơi đến Thiết-trụ-cung, thấy người đạo-sĩ đang ngồi tu-luyện, ông vào nghe nói cái thuyết trường sinh, rồi tương đối ngồi với người đạo-sĩ suốt đêm, quên cả việc cưới vợ. Sáng hôm sau nhà họ Chư cho người đi tìm mới về. Ông ở nhà họ Chư, có mấy tráp giấy, ông lấy ra tập viết hết cả. Ông thường nói rằng : « Ta khi mới học

viết, cứ theo chữ thiếp mà tập, thì chỉ tập được cái hình chữ mà thôi. Sau ta cầm bút lên không dám khinh dị viết ngay, phải lặng yên nghĩ cái hình chữ ra ở trong tâm rồi mới viết, lâu mới hiểu được thư pháp. »

Năm 21 tuổi ông đỗ hương thí, đến năm 28 tuổi là năm Hoàng-trị, thứ 12 (1499) ông đỗ đệ-nhị giáp tiến-sĩ, rồi vào tập sự ở bộ Công. Năm sau bổ làm chủ-sự ở bộ Hình. Từ đó ông bước vào hoạn trường, phải chịu đủ mọi điều cay đắng. Nhưng ông là người có thiên-tài, lấy cái sức của một nhà văn-học mà đi đánh dẹp lập công, chẳng những là ông tỏ ra người có tài làm đại-tướng mà lại là một nhà chính-trị và nhà kinh-tế vô song, gây thành cái công-nghiệp rất lớn. Ngoài những công-nghiệp ấy, ông lại phát-huy ra cái tâm-học, có nhiều tư-tưởng đặc-biệt. Vậy nay ta hãy xét cái công-nghiệp rồi sau sẽ xét cái học-thuyết của ông.

**Công - nghiệp của Dương - minh.**— Trước khi đỗ tiến-sĩ, vào khoảng năm 26 tuổi, Dương-minh ở Kinh, thấy tin báo giặc cướp đánh phá ngoài biên thùy, và thấy triều-đình suy cứ những người có tài làm tướng, ông nghĩ việc võ cứ chỉ được người cưỡi ngựa và bắn cung giỏi mà thôi, chứ không chọn được người có tài thao-lược và thông ngự. Ông bèn

lưu ý về sự học việc võ. Phàm những sách bí-thư của các nhà binh-gia, không sách gì ông không nghiên-cứu tường tận. Thường mỗi khi có khách đến yến hội, ông đưa-bồn lấy hạt-dưa bày ra thành trận thế. Sau khi ông đồ tiến-sĩ rồi, nhân khi triều-đình hạ chiếu cầu ngôn và lại nghe quân giặc quấy nhiễu các nơi, ông bèn dâng sớ nói tám điều về biên sự, rất là khảng-khái thiết tha.

Dương-minh làm quan ở triều được non 7 năm, đến khi vua Võ-tôn nhà Minh tin dùng một tên yêm-hoạn là Lưu Căn, bỏ việc triều chính. Bọn gián-quan là Đái Tiên 戴銑, Bạc Ngạn - huy 薄彦徽 dâng sớ lên can ngăn. Lưu Căn bắt bỏ ngục. Ông tiên dâng sớ lên xin tha cho những người ấy, đại ý nói rằng :

« Đấng quân thượng mà nhân, thì kẻ thần hạ phải trực. Bọn Đái Tiên lấy việc phải nói làm trách-nhiệm của mình ; lời can mà phải thì nhà vua nên vui lòng nghe theo mà thi-hành, nếu lời can mà chưa phải, thì cũng nên bao dung, đừng mở đường can ngăn. Nay nhà vua bắt tội bọn gián-quan ngay thẳng, thì sau tôn-xã có điều gì nguy cấp, còn ai dám nói cho mà biết nữa. » Tờ sớ ấy dâng lên, vua sai đánh 40trượng, rồi đày ra làm dịch-thừa coi trạm Long - trường ở đất Qui - châu. Trạm Long-trường là nơi rừng rú lam chương rất

độc, dân cư rất những mừng mán không biết tiếng Tàu.

Ông vâng mệnh chịu đi đày, nhưng Lưu Căn còn tức giận chưa thôi, sai người đi đón đường để giết. Ông biết ý, khi đi đến sông Tiền-đường bảo người nhà nói phao lên rằng ông đã nhảy xuống sông chết rồi. Đoạn ông đập thuyền buồm đi ra đảo Chu-Sou, thuộc tỉnh Chiết-giang, gặp phải cơn bão, thuyền bạt đến đất Mán (Phúc-kiến). Ông lên bờ đi bộ qua các đường tắt trong rừng rậm hơn 10 dặm. Đến đêm gặp một cái chùa, ông gõ cửa xin vào ngủ nhờ, nhà sư không cho vào, ông phải đi đến cái miếu gần đó tựa bên hương-án mà ngủ. Cái miếu ấy là chỗ hồ hay đến, và đêm ấy lại nghe tiếng hồ kêu, nhà sư tưởng rằng người hôm qua đến gọi cửa đã bị hồ ăn. Sáng dậy sư ra xem thì thấy ông đang ngủ say, lấy làm lạ, mời về chùa. Ông vào chùa gặp người đạo-sĩ đã quen 20 năm trước ở cung Thiết-trụ, ngồi nói chuyện, ông muốn bỏ trốn đi xa. Người đạo-sĩ nói rằng: « Anh còn có cha đang ở trong triều, vạn nhất Lưu Căn giận, kiếm cách làm hại, vụ cho anh đi theo giặc ở phía bắc hay ở phía nam, để làm tội cha, thì anh làm thế nào? » Ông nghe lời ấy, quyết ý đi đến Long-trường.

Lúc ấy ông thân-phụ là Long-sơn đang làm Lại-bộ thượng-thư ở Nam-kinh, ông quanh đường về thăm cha rồi đi đến trạm Long-trường. Đến đó nhà không có mà ở, phải chặt gỗ làm nhà, nhưng vì khí hậu rất độc, những người tới đó đều bị bệnh cả. Ông phải thân đi kiếm củi gánh nước, nấu cháo để nuôi đầy-tớ, và lại làm ra bài ca bài thơ, vịnh hát vui cười để chúng nó quên sự đau yếu.

Ông ở Long-trường hơn hai năm. Lúc đầu không quen thói rợ mọi, rồi sau lấy thân mình làm phép cho dân, dẫn dụ người man đi, ai nấy cảm hóa, bảo nhau đi lấy gỗ làm nhà cho ông ở. Ở vùng ấy có người tù-trưởng họ An nghe tiếng ông, sai người đưa biểu ông gạo rượu vàng lụa và yên ngựa. Ông từ chối không nhận. Sau họ An nhân có việc bất-bình với triều-đình, toan muốn làm sự trái phép, ông liền đưa thư khuyên bảo, họ An không dám vọng động. Lúc ấy trong bọn man mọi có người làm loạn, ông lại đưa thư khuyên họ An đem quân đi đánh dẹp, bởi vậy dân ở vùng ấy được yên.

Năm Chính-đức thứ năm (1510) đời vua Võ-tôn, ông được thăng làm chức tri-huyện ở Lư-lãng, thuộc Giang-lây. Cách mấy tháng được triệu về Kinh, thăng làm chức chủ-sự ở bộ Lại, rồi trải qua chức viên-ngoại lang, chức lang-trung. Năm Chính-đức thứ 7 (1512)

thăng làm chức thái-bộ-tự thiếu-khanh ở Nam-kinh. Năm thứ 9 (1514) thăng chức Hồng-lô-tự-khanh ở Nam-kinh.

Trong những năm Chính-đức đời vua Võ-tôn, ở vùng Giang-tây có nhiều giặc cướp, quan quân đi đánh mãi không được. Năm thứ 11 (1516) quan thượng-thư bộ Binh là Vương Quỳnh tiến cử Dương-minh, vua bèn sai làm chức đô-sát-viện tả-đô-ngự-sứ, tuần-phủ Nam-Hàn và Đinh Chương để coi việc đánh dẹp. Ông được mệnh liên sắm sửa đi ngay. Lúc ấy có Vương Tư-dư nói chuyện với người ta rằng : « Dương-minh đi phen này tất lập được công. » — « Sao lại biết trước được ? » — « Ta nói đến việc ấy mà thấy trấn tĩnh không động vậy. »

Tháng giêng năm Chính-đức thứ 12 (1517) Dương-minh đến Hàm-châu, triệu tập quân các tỉnh Phúc-kiến và Quảng-đông, đến tháng hai bình xong giặc ở Chương-châu, tháng tư rút quân về.

Ông cho rằng phép tập chiến không gì cần bằng hành ngũ, và phép trị chúng không gì bằng phân số, ông bèn chỉnh-đốn quân ngũ, chia ra làm ngũ, đội, tiểu, doanh, trận, quân. Cứ 25 người làm một ngũ, có chức tiểu-giáp coi ; 50 người làm một đội, có chức tông-giáp coi ; 200 người làm một tiểu, có chức trưởng và hai chức hiệp-trưởng coi ; 400 người làm

một doanh, có một chức quan và hai chức tham-mưu coi; 1200 người làm một trận, có chức thiên-tướng coi; 2400 người làm một quân, có phó-tướng coi. Chọn người tài giỏi và có sức mạnh cho sung các chức ấy. Phó-tướng được phạt thiên-tướng, thiên-tướng được phạt doanh-quan, doanh-quan được phạt liêu-trưởng, liêu-trưởng được phạt tông-giáp, tông-giáp được phạt tiểu-giáp, tiểu-giáp được phạt ngũ chúng.

Lúc biên tuyên đã xong rồi, phát ra các thư binh-phù. Cứ năm người thi cho một cái bài biên rõ tên họ cả 25 người trong ngũ, gọi là ngũ-phù 伍符. Mỗi đội có hai bài, gọi là đội-phù 隊符, biên rõ tự hiệu, một bài giao cho tông-giáp, một bài cất ở bản viện. Mỗi tiểu có hai bài, gọi là tiểu-phù 哨符, biên rõ tự hiệu, một bài giao cho liêu-trưởng, một bài cất ở bản viện. Mỗi doanh có hai bài, gọi là doanh-phù 營符, biên rõ tự hiệu, một bài giao cho doanh-quan, một bài cất ở bản viện. Hễ khi có việc đi đánh dẹp cứ phát binh-phù ra thì theo lần lượt mà đi để khỏi lầm lẫn. Tự đó sự luyện tập rất chăm và kỷ-luật rất nghiêm.

Tháng chín năm ấy, ông được chỉ thụ làm đề-đốc Nam-Hán Đình Chương đẳng-xứ quân-vụ và cấp cho cờ và bài được tiện nghi hành sự. Tháng 10 dẹp yên các bọn giặc ở Hoành-



thủy và Dũng-cương, tên cũ-khôi giặc là Tạ Chi-san bị bắt. Dương-minh hỏi tên giặc ấy rằng: «Mày làm thế nào mà họp được đồ đảng nhiều như thế?» — Tạ Chi-san thưa rằng: «Việc ấy không phải là dễ. Lúc bình sinh thấy ai là người giỏi, thì quyết không bỏ quá, phải lập nhiều mưu mẹo để dụ đến, hoặc chu cấp cho, để người ta làm ơn mà qui phục, rồi cùng nhau mưu việc, như thế thì ai là chẳng theo.» Dương-minh lui vào bảo học-trò rằng: «Nhà nho nhất sinh tìm bầu bạn thì cũng không khác gì thế.»

Năm Chính-đức thứ 13 (1518) Dương-minh lại đem quân đi đánh giặc Tam-lợi. Tháng giêng phát quân đi đánh, tháng tư dẹp xong cả giặc ở Đại-mạo Lợi-dầu. Tháng sáu triều-định cho ông thăng chức đô-sát-viện hữu-phó-dô-ngự-sứ.

Từ khi ông chịu mệnh đi tuần-phủ, chỉ trong khoảng hơn một năm rưỡi, mà các đảmg giặc ở vùng Giang-tây, Phúc-kiến, Quảng-đông, Hồ-nam, đều thứ dẹp dẹp yên cả. Mỗi khi dẹp xong giặc nào, thì ông tìm chỗ hiểm-yếu hoặc đặt huyện để cai trị, hoặc đặt tuần-kiêm-tư để phòng giữ, rồi xây đắp thành trì, sửa lại phép đánh thuế muối, lập ra thư-viện, thi-hành hương-trúc. Những khi rảnh việc, ông vẫn không bỏ sự đọc sách và sự giảng học.

Những giặc ở vùng Giang-tây vừa yên, thì lại có Thần Hào làm phản. Thần Hào là dòng dõi vua Thái tổ nhà Minh, được tập tước là Ninh-vương ở đất Nam-xương. Thuở ấy Võ-tôn không có con, lại hay chơi bời, Thần Hào bèn mưu sự làm phản để cướp ngôi thiên-tử.

Tháng sáu năm Chính-đức thứ 14 (1519) nhân khi quân tỉnh Phúc-kiến làm loạn, Dương-minh được mệnh đi khám xét. Ông mới đi đến huyện Phong-thành, cách Nam-xương chỉ độ vài mươi dặm quan tuần-phủ Giang-tây là Tôn Toại và quan án-sát-tư phó-sứ là Hứa Qui đều bị giết, còn các người khác đều theo về đảng nghịch. Dương-minh biết sự nguy cấp liền trở về Cát-an, Thần Hào cho người đuổi theo không kịp.

Ông về đến Cát-an làm sớ tâu lên cáo việc biến, rồi cùng với quan tri-phủ là Ngũ Văn-Định 伍交定, điều-bát binh mã lương thực, sửa sang khí giới thuyền bè, lại truyền hịch đi bốn phương, kể rõ tội Thần Hào, để khiến các quan đều đem quân đến giúp việc cần-vương.

Thần Hào mưu sự đã lâu, ở trong triều thì đút lót những kẻ hạnh thần, ở ngoài thì chiêu mộ đồ-dãng. Đến khi khởi sự, liền sai tướng đi đánh lấy thành Nam-khang và thành Cửu-giang. Thần Hào lại sắp đem quân đi lấy

Nam-kinh đề lên ngôi Hoàng-đế. Tiền quân của nghịch đã đến vây đánh thành Yên-khánh rất là nguy cấp. Dương-minh ở Cát-au dùng kế làm cho Thần Hào hoài nghi, không dám cất quân đi vội. Trong lúc ấy, một mặt, ông sai người đi yết tờ cáo-thị ra các nơi và dùng hiệu cờ chiêu hàng, hiệu dụ lấy lẽ thuận nghịch họa phúc; một mặt đợi quân các nơi đến, rồi chờ Thần Hào cất quân đi, thì đến đánh Nam-xương. Quả nhiên Thần Hào chùng-chình mãi không dám đi, sau cho người đi đo-thám biết là quan quân chưa đến, bèn đem quân theo Trường-giang đi về phía đông, định đánh lấy thành Yên-khánh rồi xuống lấy Nam-kinh.

Dương-minh nghe tin Thần Hào đã dời khỏi Nam-xương rồi, bèn họp các quan bàn việc tiến binh. Mọi người đều bảo nên đi cứu thành Yên-khánh, ông không nghe, định đánh lấy thành Nam-xương là chỗ căn bản của nghịch, thì tự khắc thành Yên-khánh sẽ được giải vây. Ông liền xuống lệnh đem quân đi đánh, lấy được thành Nam-xương rồi chia quân đi đôn đánh quân nghịch. Thần Hào được tin Nam-xương thất thủ, liền quay trở về, gặp quân của Dương-minh đánh mấy trận vỡ tan, Thần Hào và bọn nghịch-đảng đều bị bắt cả.

Việc khởi nghị của Thần Hào trước sau chỉ có 42 ngày là dẹp yên. Đó là nhờ cái tài của Dương-minh khéo trừ liệu mọi việc, cho nên mới thành công chóng như vậy. Xưa nay những nho-tướng ra dùng binh cũng đã từng có, nhưng ai cũng có nhiều chiến tướng giúp đỡ, đương này những người tham dự mưu cơ trong tướng mạc đều là những kẻ nho-học và những người ra chỉ-huy trận tiền đều là kẻ tá-nhị ở bản tỉnh và phủ huyện, thế mà Dương-minh lấy nhất tâm vận dụng được cả, khiến những kẻ thư-sinh thành kẻ danh sĩ, những kẻ ti thuộc thành bậc lương tướng. Ông có cái thủ-đoạn hóa những kẻ tầm thường ra làm bậc thần kỳ. Ông thật là bậc thiên tài vậy.

Khi Thần Hào làm phản, vua Võ-tôn được sớ của Dương-minh tâu về, họp quần thần hội nghị. Quan Binh-bộ thượng-thư là Vương Quỳnh nói rằng: «Kẻ thụ-tử kia vốn làm điều bất nghĩa, nay thoảng thốt dấy-loạn, cũng chẳng sợ gì, đã có Vương Thủ-nhan giữ ở thượng-du, đuổi theo là tất bắt được.» Vương Quỳnh trước đã dâng Dương-minh cho đi tiêu trừ quân giặc ở Giang-tây, nay thấy có việc loạn, quyết chắc là thế nào Dương-minh cũng dẹp yên, thật Vương Quỳnh là người biết Dương-minh vậy.

Dương-minh xưng việc nghĩa đẹp yên kẻ phản nghịch, không khó bằng khi công việc đã xong rồi, những gian thần ghen công chực tìm đủ cách dèm pha để làm hại mình. Ông phải cay đắng trăm đường, đã nhiều lúc dâng sớ xin về không được. Sớ là khi vua Võ-tôn nghe tin Thần Hào sinh biến, thì liền hạ chiếu thân chinh. Xa-giá mới đến thành Bảo-định thì đã có sớ dâng về báo tiếp. Nhưng Võ-tôn ý muốn nhân dịp đi nam du, cho nên không chịu tuyên bố tiếp âm ra cho thiên-hạ biết, lại nói rằng: «Đưa nguyên ác tuy đã phải bắt, nhưng nghịch đảng hãy còn, nếu không đi bắt cho hết, tất là để cái lo về sau.» Dương-minh dâng sớ lên bày tỏ điều lợi hại để can vua đừng đi thân chinh nữa, vua cũng không nghe.

Khi Dương-minh dâng sớ cáo Thần Hào làm phản, ý muốn nhân việc ấy để răn vua, đừng yêu dùng kẻ hoạn-quan. Trong sớ có câu: «Xin bãi xuất những kẻ gian-sièm để hời cái lòng kẻ hạo-kiệt trong thiên-hạ.» Bọn bề-hạnh cùng những hoạn-quan nghe tiếng, đều lấy làm căm tức. Sau lại biết Dương-minh đã đẹp yên được Thần Hào rồi, chúng lại đem lòng ghen công và lại sợ phát lộ chuyện kín của chúng ra, cho nên chúng thường ở trước mặt vua, nói dèm pha đủ điều.

Võ-tôn ngự giá thân chinh thì có bọn gian thần là Thái-giám Trương Trung, An-biên-bá Hứa Thái và Giang Bàn đi theo. Vua cho Trương Trung và Hứa Thái đem cấm quân đến Giang-tây. Bọn Trung và Thái muốn thả Thần Hào ra ở hồ Phiên-dương, để vua đến bắt lấy cho thỏa ý. Nhân khi bọn Trung và Thái chưa đến nơi, Dương-minh đem Thần Hào đi dâng cho vua. Trung và Thái cho người đuổi đến huyện Quảng-tín để đòi lại, nhưng ông nhất-định không nghe. Trong bọn thái-giám có Trương Vĩnh là người khá hơn cả, lúc ấy Vĩnh đóng ở Hàng-châu, ông bèn đến báo rằng : « Dân tỉnh Giang-tây phải chịu cái độc của Thần Hào đã lâu, nay trải qua đại loạn, lại bị tai hạn hán và phải trốn tránh vào trong hang núi để lâm loạn. Như thế thiên-hạ sắp thành ra cái thế như đất vỡ lở. Bây giờ lại dấy binh định loạn, chẳng hóa ra khó lắm sao? » — Trương Vĩnh nói rằng : « Phải, tôi ra chuyện này là vì bọn tiêu-nhân ở bên cạnh vua, cốt để điều họ bên tả bên hữu mà giúp thánh cung, chứ không phải vì tranh công mà lại đây. » Dương-minh tin là người trung trực, bèn đem Thần Hào giao cho Trương Vĩnh, rồi xưng bệnh ra ở chùa Tĩnh-tử bên Tây-hồ. Cách ít lâu, ông được bổ làm tuần-phủ tỉnh Giang-tây, ông lại trở về Nam-xương,

Lúc ấy Trương Trung và Hứa Thái còn ở Giang-lây, dòm-dỗ xét-nét trạm đường. Lại có quan cấp-sự là Lục Tục và quan ngự-sử là Trương Luân theo gió phụ hội, bịa đặt ra lời dèm pha. Đến khi Dương-minh về tới Nam-xương, bọn Trung và Thái cho quân chửi mắng, ông cứ điềm-nhiên không động, tìm cách ủy lạo hậu đãi, và sai quan đi phủ dụ dân rằng : « Quân phía bắc đến đây xa nhà khô sở, dân nên lấy lễ chủ và khách mà đãi cho hậu. Mỗi khi gặp đám tang quân bắc, thì phải đứng xe lại, thăm hỏi ân cần. Quân bắc thấy thế đều cảm phục. Sau bọn Trung và Thái cùng với Dương-minh thi bản, ý muốn lấy cái sở trường của mình để bắt ông phải khuất phục, không ngờ ông bản ba phát đều trúng cả. Quân bắc đứng chung-quanh đều vỗ tay khen mừng. Trung và Thái thấy thế lấy làm sợ, bảo nhau rằng : « Quân ta theo cả Vương Thủ-nhan rồi chẳng ! » bèn rút quân về.

Bọn Trung và Thái về đến Nam-kinh cảm giận chưa thôi, nói dèm trước mặt vua rằng Dương-minh muốn làm phản. Vua hỏi : « Lấy gì làm chứng ? » Trung và Thái trước mấy lần mạo mạo vua với ông, ông không đến, chắc là lần này có chiếu với, tất ông cũng không đến, bèn tâu rằng : « Thử với mà không đến là biết. » Vua bèn hạ chiếu triệu D

minh vào điện kiến. Lúc ấy Trương Vĩnh vẫn cố ý che chở cho Dương - minh, sai ngầm người đi báo rằng hễ có mệnh triệu, thì phải đến. Khi ông thấy có mệnh triệu, thì ông đi ngay. Bọn Trung và Thái sợ nói không đúng, sai người ngăn lại ở Vu-hồ đến nửa tháng. Ông bắt-đắc-dĩ vào ở núi Cửu-hoa, mỗi ngày ngồi yên ở trong am cỏ. Vua cho người đến dò xem, về nói rằng: « Vương Thủ-nhân là người đạo học, có mệnh triệu là đến ngay, cớ lẽ nào lại làm phản. » Vua lại cho về Nam-xương.

Dương-minh lập được nhiều công lớn, mà lại gặp phải Võ-tôn là ông vua bất minh, đẽ kẻ gian thần dèm pha, chực làm hại, cho nên ông lấy làm buồn bực. Một đêm ngồi nghe tiếng sóng vỗ vào bờ, nghĩ bụng rằng: « Một mình bị dèm, chết thì cũng đành, nhưng còn có cha già thì sao. » Ông lại nói với học trò rằng: « Lúc này giá có cái lỗ nào có thể trộm đến đem cha đi trốn, thì ta cũng đem đi cho xong, không tiếc gì nữa ! » Khi ông trở về Nam-xương được mấy tháng dâng sớ lên xin về thăm bà tổ-mẫu. Vua không cho.

Lúc ấy vua Võ-tôn ở Nam-kinh đã lâu, bọn quần đảng đều có ý tranh công, sai người báo ông phải dâng sớ báo tiếp lần nữa. Ông bèn lược qua những tờ sớ trước mà qui công cho vua và những người tả hữu hầu vua. Vua lấy làm đẹp lòng, mà thu quân về.



Năm Chính-đức thứ 16 (1521) vua Võ-tôn mất, vua Thế-tôn lên ngôi, luận công binh Giang-tây, ông được thăng làm Nam-kinh Binh-bộ thượng-thư, và được phong làm Tân-kiến-bá 新建伯. Năm ấy ông lại dâng sớ xin về nghỉ thăm nhà. Năm sau thân-phụ là Long-sơn-công mất, ông ở nhà đĩnh gian.

Lúc ấy ông đã 51 tuổi, định xin thôi quan ở nhà dạy học. Vả, bấy giờ ở trong triều các quan đại-thân như bọn Dương nhất-thanh thấy ông tài cao vọng trọng, có ý ghen ghét, không ai đề cử cho ông khôi phục. Bởi thế ông được ở nhà gần sáu năm. Sau vì ở đất Điền-châu thuộc tỉnh Quảng-tây có giặc, cho nên triều-đình lại cử ông làm Lương-Quảng Giang-tây Hồ-quảng tổng-đốc quân-vụ để lo việc đánh dẹp.

Điền-châu trước là đất thuộc về các thổ-ti, sau đặt quan cai trị, người bản xứ không phục, các đầu-mục là Lư Tô và Vương Thụ họp dân chúng lại làm loạn, vây hãm châu thành. Quan đề-đốc là Diêu Mỗ không dẹp yên được. Cuối năm Gia-tĩnh thứ 6 (1527) Dương-minh đến Nam-ninh, các rợ nghe tiếng đã tâm khiếp. Ông thấy binh thế của giặc rất thịnh, nghĩ rằng dùng binh thì không lợi, bèn dâng sớ lên nói rằng: « Điền-châu giáp giới với đất Giao-chi là nơi quân rợ mọi ra vào, nên cứ đặt chức thổ quan như cũ, để

làm phen rào.» Đoạn rồi ông cùng với quan tuần-án ngự-sử là Thạch Kim định kế chiêu phủ. Lư Tô và Vương Thụ đều đến quân môn xin hàng Từ đó đất Diên-châu không đánh mà yên.

Lúc ấy ở đất Tư-án, tỉnh Quảng-tây có giặc mọi là Đoàn-đăng - giáp, chia làm tám trại, phía nam giáp Giao-chi, phía tây giáp Vân-nam và Qui-châu. Giặc ấy xưa nay đánh mãi không được. Năm ấy nhân khi dẹp xong giặc Diên-châu liền đường rút quân về, ông lừa khi quân giặc không ngờ, sai quan đến đánh úp, phá được cả tám trại. Một đám giặc trước kia quan quân đi đánh có khi dùng đến 20 vạn người mà không dẹp được, nay chỉ có mấy vạn người đánh trong vài tháng mà thành công.

Sự đi đánh dẹp có công lớn như thế mà ở triều - đình lại có người ghen ghét, kiếm chuyện bẻ bắt, không kể công. Nguyên có Trương Thông và Quế Ngạc đã dâng Dương-minh đi dẹp giặc ở Lưỡng Quảng. Sau Quế Ngạc được vào làm Lại - bộ thượng - thư, Trương Thông làm Nội - các. Quế Ngạc là người thích lập công danh, có xui Dương-minh sang đánh An - nam. Nhưng Dương-minh biết cái thế đánh không được từ chối không đi. Vì thế mà Quế Ngạc ghét, tìm

chuyện, cho là việc chính phủ không hợp nghi, thành ra không được ban thưởng.

Đánh xong giặc Đoán - đặng - giáp, thì Dương - minh phải bệnh nặng, bèn dâng sớ xin về, rồi không đợi mệnh, bỏ về đến Naman, bệnh rất trầm trọng. Môn-nhân là Chu Tích vào yết kiến, ông ngồi dậy hỏi cặn lai sự học tiến tới thế nào. Chu Tích hỏi thăm bệnh, thì ông nói rằng: «Bệnh thế nguy cấp, chỉ còn cái nguyên khí chưa chết mà thôi.» Cách ba hôm sau là ngày 28 tháng mười một, năm Gia - tinh thứ 7 (1528) thì ông mất, thọ được 57 tuổi. Môn-nhân đem về táng ở Hồng-kê, cách thành Hàng-châu 30 dặm.

Vì ở trong Triều có bọn Quế Ngạc ghét Dương - minh, bác cái học của ông, bảo là không chính, và lấy cớ chưa có chỉ cho về, đã tự tiện bỏ chức-vụ mà về, bèn tâu xin không ban tên thụy, và không cho con được tập tước bá. Đến năm Long-khánh nguyên-niên (1567) đời vua Mục-tôn mới tặng phong là Tân - kiến - hầu 新建侯, cho tên thụy là Văn-thành 文成 và cho con là Thủ Ưc được tập bá tước. Năm Vạn-lich thứ 12 (1584) đời vua Thần-tôn, đem ông vào tòng tự ở miếu thờ Khổng-tử, xưng là tiên-nho Vương-tử.

Các môn-đệ đem những công nghiệp ngôn hạnh và học-thuyết của ông chép ra thành

sách, có *Ngữ-lục* 語錄 ba quyển; — *Văn-lục* 文錄 năm quyển; — *Biệt-lục* 別錄 mười quyển; — *Ngoại-tập* 外集 bảy quyển; — *Tục-biên* 續編 sáu quyển; — *Phụ-lục* 附錄 bảy quyển. Tất cả là 38 quyển, gọi là *Vương Văn-thành-công toàn-thư* 王文成公全書.

**Sự học-tập của Dương-minh.** — Khi Dương-minh mới 17 tuổi, đến Giang-lây cưới vợ rồi lúc trở về đi thuyền qua huyện Quảng-tin có lên bãi yết Lau Nhất-trai, nghe cái học cách-vật của Tống-nho. Nhất-trai nói rằng: Người ta có thể học đến làm thánh-nhân được. Ông rất lấy làm khế-hợp. Từ đó ông về lấy sách của Chu Hối-am ra học. Một hôm ông nghĩ rằng: tiên-nho bảo mọi vật có trong ngoài và tinh thô, một cỏ một cây đều có đủ cái lý. Ông lấy cây trúc chẻ ra xem, nghĩ mãi không thấy cái lý, lấy làm buồn bực, đến nỗi thành bệnh. Ông tự an-uy rằng làm bậc thánh hiền là phải có phận, bèn theo đời mà học từ-chương.

Sau khi ông đỗ hương-thí, ông vào thi hội không đỗ, về nghĩ-ngợi, cho sự học từ-chương không đủ làm cho mình suốt đến đạo được. Năm 27 tuổi, một hôm ông đọc bài sớ của Chu Hối-am dâng cho vua Quang-tôn nhà Tống có nói rằng: «Phải lấy sự cư-

kính và trí-chí làm cái gốc của sự đọc sách, phải lấy sự theo tuần-tự cho đến chỗ tinh-vi làm cái phép của sự đọc sách.» Ông mới hỏi rằng: khi trước ta dùng sức tuy cần mà chưa tăng theo tuần-tự để đến chỗ tinh-vi, cho nên không có cái sở đắc. Từ đó ông cứ tuần-tự mà nghĩ-ngợi, song càng nghĩ càng thấy vật lý và tâm của mình như là chia ra làm hai vậy, trong bụng vẫn bàng-hoàng không biết tự xử ra làm sao, rồi trầm uất và bệnh cũ lại phát ra. Thấy thế, ông lại càng tin là làm thánh hiền phải có phận. Chợt nghe có kẻ đạo-sĩ bàn cái thuật dưỡng-sinh, ông bèn nghĩ bỏ đời vào núi ở.

Năm 28 tuổi, ông thi đỗ đệ-nhị giáp tiến-sĩ, rồi ra làm quan, mà vẫn vợ-vần nghĩ đến sự xuất gia. Một hôm rảnh việc quan, đi đến chơi ở núi Cửu-hoa. ở đó có người đạo-sĩ tên là Sài-bồng-đầu hay bàn việc tu tiên. Ông đến yết-kiến mà bàn đạo. Sau lại nghe ở động Địa-tạng có một dị-nhân thường ngồi nằm ở dưới gốc cây thông, không dùng hỏa-thực, ông không ngại đường hiểm trở, đi tìm đến nơi để bàn đạo. Sau ông trở về Kinh gặp những bạn cũ, ai nấy đều lấy tài danh trí sinh ở chỗ cô học vấn thi. Ông than rằng: « Ta sao nữa đem cái tinh-thần có hạn làm cái hư-vấn vô dụng.» Ông bèn cáo bệnh xin về đất Việt, làm nhà ở trong động Dương-minh, học cái thuật

đạo-dẫn của Đạo-gia. Ông học cái thuật ấy đã giỏi. Một hôm có mấy người bạn đến chơi, ông biết trước, cho người đi đón, nói rõ lai lịch. Ai nấy đều kinh dị, tưởng là ông đã đắc đạo. Được ít lâu ông nghĩ lại mà hỏi rằng : « Cái thuật ấy không phải là chính đạo, không đủ học ». Rồi ông bỏ thuật ấy và muốn lìa nhà trốn đi nơi xa, nhưng lại nghĩ nhà còn bà tổ-mẫu và còn cha, thành ra lẩn lựa chưa quyết định. Sau ông hỏi ngộ rằng : « Cái bụng yêu đấng thân; sinh ra từ lúc còn thơ bé, cái bụng ấy mà bỏ đi, thì không khác gì đoạn tuyệt cái chủng tộc của mình. » Ông lại có ý ra ứng dụng ở đời. Năm sau ông đi chơi ở vùng sông Tiên-đường và Tây-hồ xem các chùa-chiền. Ở đó có một vị hòa-thượng ngồi tọa-thiền ba năm không nói, không trông. Ông đến chơi và nói rằng : « Vị hòa - thượng kia cả ngày miệng nói cái gì, mắt trông cái gì ? » Vị hòa-thượng mở mắt ra ngồi nói chuyện. Ông hỏi : Ở nhà còn có ai nữa không ? — Hòa-thượng thưa rằng : Còn có mẹ. — Ông hỏi : Thế có nghĩ đến không ? — Thưa rằng : Không thể không nghĩ đến được. — Ông bèn cùng ngồi giảng cái đạo yêu kẻ thân, hòa-thượng phải đổ nước mắt ra. Hôm sau ông đến hỏi, thì người hòa-thượng ấy đã trở về nhà rồi.

Năm 34 tuổi ông lại vào kinh làm quan, có nhiều người đến xin học. Ông thấy ai cũng

đắm đuối ở chỗ từ - chương ký - tụng, mà không biết đến cái học quan-hệ về tâm thân. Ông bèn bảo cho môn-nhân biết cái chí học để làm thánh - nhân. Song lúc ấy cái đạo sư hữu đã bỏ mất lâu ngày, ai cũng cho cái học ấy là cái học lập-dị hiệu danh. Duy có Trạng Nhượng - thủy là cùng đồng ý với ông. Cho nên hai người đều cùng lấy việc phát-minh thánh học làm việc của mình.

Xem như thế, thì từ thuở Dương-minh mới đi học cho đến thuở gần 35 tuổi, vẫn có cái chí học để làm bậc thánh-nhân, nhưng vẫn vô-văn, cứ xuất nhập ở Nho, Lão và Thích, mà ý - chí cứ mang - nhiên, không có định-kiến gì cả. Kể đến khi ông phải đày ra ở trạm Long-trường, đêm ngày ông nghĩ rằng: «Vi phông thánh-nhân gặp phải cảnh-ngộ ấy thì tất có cái đạo để tự khiên. Một hôm, nửa đêm ông chợt tỉnh ngộ ra cái nghĩa cách-vật tri-tri. Trong lúc mơ-màng như là có người nói rõ cái nghĩa ấy ra, bất giác ông kêu to lên và múa nhảy như người cuồng vậy. Từ đó ông thấy rõ cái đạo của thánh-nhân dù cả ở trong tình người ta và cho là nếu ai tìm cái lý ở sự vật là lầm. Ông bèn nhớ lại những lời nói ở trong năm Kinh và đem ra chứng nghiệm, thì không có chỗ nào là không đúng. Ông đã thấy rõ đạo rồi, chuyên tâm tri ý làm cho đạo ấy sáng rõ ra, và dạy người ta tìm

chỗ nhập đạo, Đó là việc của ông đảm nhận trong khoảng hơn 20 năm về sau, dù trong khi phải lo việc đánh dẹp, hoặc phải chống giữ với những kẻ gian nịnh đem pha, lắm lúc rất là nguy hiểm, mà không lúc nào ông thôi việc giảng dạy.

Trước khi bàn đến cái học-thuyết và sự giảng dạy của Dương-minh, ta nên biết rằng cái học của ông tuy có nhiều cái đặc-kiến về đường tâm - học, nhưng vẫn là ở trong cái phạm-vi lý-học của Tống-nho. Ông nhân lý-học mà suy nghĩ đến chỗ uyên-áo của đạo thánh hiền. Ông vẫn phục Trình Y-xuyên và Chu Hối-am là người rất có công với đạo học, song ông rất lớn sùng Chu Liêm-khé, Trình Minh-đạo và Lục Tượng-sơn. Ông cho cái học của Chu Hối-am tuy có phần tinh - vi nhưng vì cái học ấy cốt tìm lý ở ngoài tâm, cho nên thành ra chi-ly, không bằng cái học của Lục Tượng-sơn chủ ở cái lý nhất quán trong tâm người ta. Bởi vậy các học-giả cho cái học của ông cùng với cái học của Lục Tượng - sơn là một mối. Cái phần đặc - biệt của ông là cái thuyết *tri hành hợp-nhất* và cái thuyết *trí lương-tri*. Hai cái thuyết ấy đều **căn - bản** ở sự tâm-học. Ông cho sự học cần **phải** có sự thực-hành. Biết ở trong ý và làm ra ở việc vẫn là một. Song sự biết và sự làm **vẫn** chú trọng ở cái tâm; ngoài cái tâm ra



là không có sự vật gì khác nữa. Tâm là phần thiêng-liêng sáng - suốt của người ta. Phần thiêng-liêng ấy là thiên-lý, là lương - tâm. Đó là cái căn-bản sự học của ông.

Nay ta muốn biết cho rõ cái tâm-học của Dương-minh, trước hết ta phải hiểu cái học-thuyết của ông là thế nào.

**Học-thuyết của Dương-minh.**— Cái học của Dương-minh đạt tới cái lý độc-nhất ở trong vũ trụ, cho nên nói rằng: « Cái khí cơ của trời đất lưu-hành luôn luôn không lúc nào nghỉ, nhưng trong sự lưu - hành ấy có cái chủ - tề, cho nên không trước không sau, không nhanh không chậm, tuy thiên biến vạn hóa mà cái chủ tề vẫn thường định. Người ta được cái ấy mà sinh, vạn vật có cái ấy mà còn. Nếu khi cái chủ-tề đã định, thì giống như trời xoay vần không nghỉ, tuy thù tạc vạn biến, mà thường vẫn thung-dung tự-tại, bởi thế gọi là thiên quân thái-nhiên, bách thể tòng linh ; nếu không có chủ-tề thì chỉ là cái khí chạy rong, thành ra rối loạn. » (*Ngũ-lục, I*). Nhờ cái chủ-tề ấy, cho nên vạn vật sinh hóa vô cùng mà không lúc nào là không có điều-hòa và trật-tự.

Ông cho là vạn vật biến - hóa ở trong vũ-trụ mà dường mỗi là nhờ có cái tinh và cái nhất. « *Vạn tượng sâm nhiên, thời diệc xang*

mịch vô trăm. Xung mịch vô trăm, tức vạn tượng sâm-nhiên. Xung mịch vô trăm già, nhất chi phụ; vạn tượng sâm-nhiên già, tinh chi mẫu. Nhất trung hữu tinh, tinh trung hữu nhất 萬象森然, 時亦冲漠無朕. 冲漠無朕, 卽萬象森然. 冲漠無朕者, 一之父; 萬象森然者, 精之母. 一中有精, 精中有一: Muôn tượng man-mát rõ-rệt, mà trong lúc ấy vẫn im-lặng mờ mịt, không có triệu trăm. Im-lặng mờ mịt, không có triệu trăm là muôn tượng man-mát rõ-rệt. Im-lặng mờ mịt không có triệu trăm ấy, là cha cái một; muôn tượng man-mát rõ-rệt ấy, là mẹ cái tinh. Trong cái một có cái tinh, trong cái tinh có cái một. » (Ngũ-lục, I). Cái một là lý, cái tinh là khí; lý với khí là cái phát-lực của Thái-cực, nhưng lý là nói về phần chủ-tê, mà khí là nói về phần sinh hóa, Bởi vậy nói rằng: « Nhất, thiên-hạ chi đại bản già; tinh, thiên-hạ chi đại dụng già 一, 天下之大本也; 精, 天下之大用也: Một, là cái gốc lớn của thiên-hạ; tinh, là cái dụng lớn của thiên-hạ. » (Văn-lục, IV). Có cái một và cái tinh cho nên mới có đạo.

Đạo thuộc về phần hình-nhi-thượng, ta có thể lấy cái chiếu-minh linh-giác của ta mà biết, chứ mắt không thể trông thấy, tai không thể nghe thấy được. Dương-minh nói rõ

rằng : « Đạo không thể nói được, cưỡng mà nói ra thì càng tối ; đạo không thể trông thấy được, không biết mà cho là thấy thì càng xa. Bởi chưng có mà chưa từng có, ấy là thật có : không mà chưa từng không, ấy là thật không ; thấy mà chưa từng thấy, ấy là thật thấy. (道不可言也, 強爲之言而益晦 ; 道無可見也, 妄爲之見而益遠. 夫有而未嘗有, 是真有也 ; 無而未嘗無, 是真無也 ; 見而未嘗見, 是真見也). Thi-dụ như trời, mà bảo rằng trời không thể trông thấy được, vậy thì cái xanh xanh kia, cái sáng chói-lọi kia, mặt-trời mặt-trăng thay đổi nhau, bốn mùa chuyển vần nối nhau, ấy chưa từng không có vậy ; bảo trời có thể trông thấy được, vậy thì đi tới không biết ở chỗ nào, trở vào không biết đâu là nhất định, giữ lấy không được, ấy chưa từng có vậy. Bởi vì trời là đạo, đạo là trời vậy. Gió có thể tróc lại được, cái bóng có thể thu lấy được, thì đạo có thể thấy được vậy, ... Thần không có phương, đạo không có thể, kẻ nhân-giả thấy đó gọi là nhân, kẻ tri-giả thấy đó gọi là tri, ấy thế là có phương có thể vậy.... Ai chìm đắm ở chỗ vô, thì không có chỗ dùng cái tâm, lưu-đãng mà không có chỗ về ; ai ứ-trệ ở chỗ hữu, thì dùng cái tâm ở chỗ vô dụng, thành ra nhọc mà không có công. Bởi vì cái khoảng có và không có, cái huyền-diệu sự thấy và sự không

thấy, không phải là có thể lấy lời nói mà tìm được....» (Văn-lục, IV).

Đạo của Dương-minh nói ở đây, chính là cái đạo của Khổng-tử và Mạnh-tử đã nói về đường hình-nhi-thượng, và cùng cái đạo của Lão-học là một, bởi vì Nho với Lão đều theo một lý Thái-cực làm gốc của vũ-trụ. Song cách hành đạo của Nho với Lão mỗi bên một khác, cho nên mới thành ra có điều tương đồng tương dị. Học - giả rất nên cần - thận ở chỗ này, đừng để sai lầm như lối tục học.

Cái đạo đã huyền-bí khó hiểu như thế, học-giả cần phải lý-hội lấy, rồi tự mình phải mất công-phu mà luyện tập và suy nghĩ, thì mới có chỗ sở đắc, Dương-minh thấy rõ chỗ khó ấy, cho nên ông nói rằng: «Đạo chi toàn thể, thánh-nhân diệc nan dĩ ngữ nhân, tu thị học-giả tự tu tự ngộ 道之全體, 聖人亦難以語人, 須是學者自修自悟: Cái toàn-thể của đạo, đến thánh-nhân cũng khó nói cho người ta hiểu được, học-giả nên tự tu tự ngộ lấy.» (Ngữ-lục. I).

Đạo thì có một mà thôi, nhưng xưa nay những người luận đạo thường không tương đồng với nhau là tại sao? Dương-minh nói rằng: «Đạo không có phương thể, không thể cố chấp được, nếu cứ câu nệ ở văn nghĩa mà tìm đạo, thì xa đạo vậy. Như nay người ta

nói trời, kỳ thực biết trời ra thế nào? Bảo rằng mặt-trời mặt-trăng, gió mưa sấm sét là trời, không phải; bảo rằng nhân vật, thảo mộc, không phải là trời, cũng không phải. Đạo tức là trời. Biết được như thế, thì lúc nào mà chẳng phải là đạo. Chỉ vì người ta cứ nhận định cái sở kiến một góc, rồi cho cái đạo đến góc ấy là hết, bởi thế cho nên mới có chỗ không tương đồng. Bằng nay ta bỏ cái lối ấy đi, rồi quay về tìm lấy ở trong tâm, thì thấy rõ đạo ở trong tâm của ta, không lúc nào, không chỗ nào, là không phải đạo ấy. Suốt từ xưa nay, vô thủy vô chung, chẳng có cái gì là đồng với dị cả. Tâm tức là đạo, đạo tức là Trời, biết tâm thì biết đạo và biết Trời (心即道, 道即天, 知心則知道知天). Học gia cần biết thực rõ đạo ấy, rồi cứ theo cái tâm của mình mà thề-nhận lấy, không phải mượn sự tìm ở ngoài mới được.» (Ngữ-lục, I).

Ông cho cái đạo ở tâm người ta rất sáng rõ, dầu có che lấp thế nào cũng không mờ tối đi được. «Thử đạo chi tại nhân tâm, hiệu như bạch nhật, tuy âm tình hối minh, thiên thái vạn trạng, nhi bạch nhật chi quang vị thường tăng giảm biến động 此道之在人心, 皎如白日, 雖陰晴晦明, 千態萬狀, 而白日之光未嘗增減變動: Cái đạo ấy ở trong tâm người ta, sáng như ban ngày, tuy

lúc đêm, lúc nắng, lúc tối, lúc sáng, nghìn thái muôn trạng, nhưng cái sáng của ban ngày chưa tăng thêm bớt biến đổi.» (*Văn-lục, III*).

Dương-minh thùy chung theo cái thuyết «thiên địa vạn vật nhất thể» và lấy cái nghĩa «nhất dĩ quán chi» của Khổng-tử làm căn-bản cho sự học của mình. Ông cho là trong vũ-trụ có đầy những sự vật, nếu theo từng vật mà tìm kiếm, thì thành ra *trục vật*, nghĩa là đuổi theo từng vật, không phải là cái nghĩa *chủ nhất* nữa. Chủ nhất là chỉ chuyên chú ở cái thiên lý mà thôi. Vạn sự vạn vật đều ở trong cái lý ấy, nó quán thông hết cả, chứ không trong ngoài khác nhau. Cái lý ấy gọi là đạo, là trời, là tinh, là tâm, cái danh tuy khác, nhưng cái thực là một. Bởi vậy ông đem tất cả cái học-thuật vào cái tâm.

**Tâm.**— Dương-minh định rõ nghĩa chữ tâm: «Tâm không phải là một khối huyết nhục. Phạm chỗ tri-giác là tâm. Như tai mắt biết trông biết nghe, tay chân biết đau biết mỏi, cái tri-giác ấy là tâm vậy.» (*Ngữ-lục III*). Cái tâm của người ta thiêng-liêng sáng-suốt, vạn lý vạn sự đều căn-bản ở đó, cả. Vậy nên nói rằng: «*Hư linh bất muội, chúng lý cụ nhi vạn vật xuất. Tâm ngoại vô lý, tâm ngoại vô sự* 虛靈不昧象理具而萬事出, 心外無

理. 心外無事: Hư linh không tới, các lý có đủ mà vạn sự đều bởi đó mà ra. Ngoài cái tâm không có lý, ngoài cái tâm không có sự.» (Ngữ lục, I). Muốn biết rõ cái tâm thì phải dụng công để hiểu rõ cái tính. Tính là nói cái bản-nhiên chi tính, như nói: thiên mệnh chi vị tính. Có nhiều người bàn về tính làm ở chỗ ấy, cho nên mới có thuyết nọ thuyết kia không giống nhau. Dương-minh nói tại làm sao mà các luận-giã hay sai lầm: «Những kẻ luận tính phân đồng dị, là bởi đều nói cái tính, chứ không phải thấy rõ cái tính. Người đã thấy rõ cái tính, thì không thể nói có đồng dị.» (Ngữ-lục, III). Người thấy rõ cái tính bản-nhiên thì hiểu tính với tâm là một.

Tính với tâm là một, nhưng vì cái địa-vị khác, cho nên cái danh mới khác. «Tự kỳ hình-thể giã vị chi thiên, chủ-tề giã vị chi đế, lưu-hành giã vị chi mệnh, phú ư nhân giã vị chi tính. chủ ư thân giã vị chi tâm 自其形體也謂之天, 主宰也謂之帝, 流行也謂之命, 賦於人也謂之性, 主於身也謂之心: Tự cái hình- thể thì gọi là trời, làm chủ-tề thì gọi là đế, lưu-hành thì gọi là mệnh, phú cho người thì gọi là tính, làm chủ ở trong tâm thì gọi là tâm.» (Ngữ-lục, I). Cái tâm phát ra mỗi việc một khác, việc nào có tên việc ấy, vô cùng vô tận, nhưng chung qui

chỉ có một cái tính mà thôi. Thí-dụ như cái tâm phát ra đối với cha thì gọi là hiếu, đối với vua thì gọi là trung v. v. Vậy hiếu rõ nghĩa chữ tính, thì vạn lý đều sáng rõ vậy.

Tinh là bản-thể của tâm ; người ta đã biết rõ cái tâm, thì ngoài cái tâm ra, không còn có gì nữa « *Thân chi chủ-tề tiện thị tâm, tâm chi sở phát tiện thị ý, ý chi bản-thể tiện thị tri, ý chi sở tại tiện thị vật* 身之主宰便是心,心之所發便是意,意之本體便是知,意之所在便是物 : Cái chủ-tề của thân là tâm, cái sở phát của tâm là ý, cái bản-thể của ý là tri, cái ý đề vào đâu là vật. » (Ngũ-lục. I) Thí-dụ như ý đề vào chỗ thờ cha mẹ, thì thờ cha, mẹ tức là một việc ; ý đề vào chỗ thờ vua, thì thờ vua là một việc ; ý đề vào chỗ nhân dân ái vật, thì nhân dân ái vật là một việc ; bởi thế cho nên nói rằng : Không có cái lý ở ngoài cái tâm, không có cái việc ở ngoài cái tâm. Những điều gọi là lý, là nghĩa, là thiện, đều ở tâm cả. « Ở vật là lý, xử với vật là nghĩa, ở tính là thiện, rồi nhân khi trở về cái gì thì đặt ra tên khác, kỳ thực là ở tâm của ta hết cả. » — C. người hỏi rằng : « Người ta ai cũng có tâm ấy, tâm tức là lý, thì sao lại có người làm điều thiện, có người làm điều bất thiện ? » — Ông nói rằng : « Cái tâm của người ác bỏ mất cái bản - thể. » (Ngũ-lục, I). Vậy người ta ai giữ được cái tâm



thuần-hồ thiên-lý là thiện, ai đem cái tư-dục vào làm mất thiên-lý là ác. Bởi vì thiện ác thường là bởi sự hiểu ố của tâm mà sinh ra. « Cái sinh ý của trời đất đối với cái hoa cái cỏ cũng như nhau cả, không có phân ra thiện ác. Nhưng mình thích xem hoa, thì cho hoa là thiện, cho cỏ là ác; đến như muốn dùng cỏ, thì lại cho cỏ là thiện. Cái thiện ác ấy đều bởi lòng hiểu ố của mình mà sinh ra. » — « Thế thì không có thiện, không có ác, hay sao? » — Rằng: « Không có thiện, không có ác, là cái thể tĩnh của lý; có thiện, có ác là cái thể động của khí. Không động ở cái khí, tức là không có thiện, không có ác, ấy thế gọi là chi-thiện. » (Ngũ-lục, I).

Thiện với ác vốn không phải là hai vật có sẵn. Nguyên chỉ có một cái tâm mà thôi, cái tâm thuần-hồ thiên-lý là thiện, nếu có cái tư-dục che lấp đi, thì thành ra ác. Thiên-lý là bản-thể của tâm, tức là cái của Trời phú cho, như là nói: thiên mệnh chi vị tính. Nhân dục là cái lòng hiểu tài, hiểu sắc, hiểu lợi, hiểu danh, v. v. Bởi những lòng ấy cho nên cái tâm của ta mất cái chính mà thành ra thiên lệch.

Tâm đã thuần-nhiên là thiên-lý, không có nhân-dục lẫn vào, thì biết rõ thế nào là nhân, là nghĩa, là lễ. Nhân: « Nhân thị tạo hóa sinh sinh bất tức chi lý 仁是造化生生不

息之理: Nhân là cái lý của tạo-hóa sinh sinh không thôi.» (Ngữ-lục I). Bởi cái lẽ theo lý mà sinh sinh ra mãi, cho nên kẻ nhân-giả lấy thiên địa vạn vật làm nhất thể. Nghĩa: «*Tâm đắc kỳ nghi vi nghĩa* 心得其宜爲義: Tâm được cái phải là nghĩa.» (Văn-lục, II). Lễ: «*Lễ tự tức thị lý tự* 禮字卽是理字: Chữ lễ tức là chữ lý.» (Ngữ-lục, I). Lễ là lý, thì điều gì hợp với tâm là lễ. Hễ trái với tâm, mà lại cứ nhắm mắt câu-nệ theo cớ, đó là phi lễ chi lễ.

Dương - minh cho là nhân, nghĩa, lễ, trí, đều ở tính mà ra cả, cho nên nói rằng: «Lễ là lý vậy, lý là tính vậy, tính là mệnh vậy. Duy cái mệnh của Trời sâu xa không cùng: ở người ta thì gọi là tính, sán-nhiên mà có điều-lý gọi là lễ, thuận-nhiên thật là thiện gọi là nhân, tiết-nhiên mà tài-chế gọi là nghĩa, chiêu-nhiên mà minh-giác gọi là trí. Cái mệnh ấy hồn-nhiên ở cái tính, thì cái lý có một mà thôi. Cho nên nhân là cái thể của lễ, nghĩa là cái phải của lễ, trí là sự thông suốt của lễ.» (Văn-lục, IV).

Lý ấy, mệnh ấy, tính ấy, đều ở cả cái tâm, học-giả chỉ nên tìm ở tâm, thì hiểu rõ các vật lý. Vật lý không ngoài được cái tâm của ta, ngoài cái tâm của ta là không có vật lý gì cả. Thánh-nhân sở dĩ hơn người là vì có

cái tâm thuần-nhiên là thiên-lý, lúc nào cũng như cái gương soi vào đâu cũng rõ. Cho nên nói rằng: *Thánh-nhân chi tâm như minh kính. Chỉ thị nhất cá minh, tắc tùy cảm nhi ứng, vô vật bất chiếu* 聖人之心如明鏡. 只是一箇明, 則隨感而應, 無物不照: Cái tâm của thánh-nhân như cái gương sáng. Chỉ là một cái sáng, thì cứ tùy cảm mà ứng, không có vật gì là không chiếu rõ.» (Ngũ-lục, I). Cái tâm của thánh-nhân và cái tâm của người thường cũng một cái tâm, nhưng tâm của thánh-nhân như cái gương sáng, mà tâm của người thường thì như cái gương đê bụi che mờ, chiếu không rõ nữa. Vậy nên sự học của người ta là phải giữ cái tâm, như phải lau cái gương luôn cho sáng, để có vật gì qua cũng thấy rõ. Đó là phần rất trọng yếu trong cái học của thánh-nhân, cho nên nói rằng: «*Thánh-nhân chi học, tâm học giả* 聖人之學, 心學也: Cái học của thánh-nhân là tâm-học vậy.» (Văn-lục, IV).

**Tâm học.**— Do cái lý-thuyết đã nói ở trên, mà Dương-minh lập thành cái tâm-học. Học là để biết rõ các sự vật, mà thù ứng cho hợp thiên-lý, tức là hợp với chân-lý. Sự biết ấy do ở cái tâm của người ta, hễ cái tâm đã sáng thì lo gì vật đến mà không soi rõ được. Vậy nên cái công-phu của sự học cốt ở sự

làm cho sáng cái tâm. Kẻ học-giả chỉ lo cái tâm chưa sáng, chứ không lo không biết hết những sự biến đổi của vật. Người ta lập chi dụng công ở sự học cũng như sự trồng cây vậy. Cây lúc đầu chỉ có mầm chưa có thân, hoặc có thân chưa có cành. Khi có cành rồi mới có lá, có lá rồi mới có hoa, có quả. Lúc đầu mới trồng cây, ta chỉ chăm lo sự tái-bồi bón tưới, đừng tưởng đến cành lá hoa quả vội. Hễ cây tốt thì tự khắc có cành lá hoa quả, chỉ lo bỏ quên mất cái công tái-bồi mà thôi. Sự tái-bồi việc học là sự làm cho sáng cái tâm. Tâm như nước, có dơ bẩn lẫn vào, thì nước đục; hoặc như cái gương, có bụi bám vào thì gương mờ. Cái bẩn cái bụi ấy, là cái tư-dục của người ta. «Sự học của người quân-tử là làm cho sáng cái tâm. Cái tâm vốn không tối, chỉ vì cái tư-dục che đi, cái tập-tục làm hại, cho nên hễ bỏ được cái che và cái hại, thì tâm lại sáng, chứ không phải là được ở ngoài cái tâm vậy.» (Văn-lục, IV). Sự học như người tập bắn. Bắn thì phải có cái đích. Cái đích của sự học là cái tâm. Vậy nên sự học của người ta là chỉ cầu ở cái tâm mà thôi. «Quân-tử chi học, cầu dĩ đắc chi ư kỳ tâm 君子之學求以得之於其心; Cái học của quân-tử là cầu lấy được ở cái tâm.» (Văn-lục, IV).

Có cái tâm đề làm cốt, thì học bao nhiêu cũng không rời, mà bao giờ cũng hợp cái lý nhất-quán. Bởi vậy mới nói rằng: «Đức có cái gốc, mà học có cái cốt-yếu. Không do ở cái gốc mà phiếm-nhiên tòng sự, thì cao lên là hư-vô, thấp xuống là chi-ly, chung qui thành ra lưu-đãng, mất mất cái tôn-chỉ, nhọc mà không có cái sở đắc vậy.» (Văn-lục, IV).

Có cái tâm - học, thì cứ theo cái chiêu minh linh giác 昭明靈覺 của tâm mà hành động, chứ không câu-nệ gì cả. Dương-minh thường nói rằng: «Học là qui cái được ở tâm; tìm ở tâm mà không phải, thì dấu lời của Không-tử nói ra, không dám lấy làm phải; tìm ở tâm mà phải, thì dấu lời của kẻ tâm thường nói ra, không dám lấy làm trái.» (Ngữ-lục, II). Sự học đã chú ở tâm như thế, thì rất là ung-dung hoảng-đại, không câu-nệ điều gì, và không cố - chấp học-thuyết nào, hễ có điều phải là theo. Có người hỏi rằng: «Đạo Nho và đạo Phật khác nhau thế nào?» — Dương-minh nói rằng: «Không nên tìm cái đồng cái dị của đạo Nho đạo Phật, tìm cái phải mà học là được vậy.» — «Thế thì phải với trái biện biệt ra làm sao?» — «Tìm ở cái tâm mà yên là phải.» (Văn-lục, IV).

Thuở ấy có người cho cái tâm-học của Dương-minh giống như Thiên-học bên Phật. Ông sợ người ta hiểu lầm ở chỗ ấy, cho nên

Ông nói rằng: «Cái học của thánh - nhân không có người, không có ta, không có trong, không có ngoài, cho trời đất vạn vật làm một, đề làm tâm; cái học của Thiên-tôn thì khởi ở sự tự - tự lợi, mà chưa khởi phân ra trong ngoài; đó là chỗ khác nhau vậy. Nay những người học về tâm tính mà ra ngoài cái nhân - luân và bỏ các sự vật, thì thật là Thiên - học; nếu chưa ra ngoài nhân-luân, không bỏ các sự vật, mà chuyên lấy tồn tâm dưỡng tính làm cốt, thì chính là cái học tinh nhất của thánh môn.» (*Văn-lục, IV*). Học-giả nên tế nhận chỗ ấy mà phân biệt cho rõ tâm-học của Nho-giáo và Thiên-học của Phật-giáo.

**Sự giảng dạy của Dương-minh.** — Thời bấy giờ Nho-học rất thịnh, nhưng chỉ thịnh về đường từ-chương, học giả đều đua nhau dong ruổi ở chỗ hư-văn, chải chuốt lời nói cho đẹp-đẽ để cầu lấy danh lợi, chứ không có mấy người thực-tiến những việc đạo-đức, cho nên mới thành ra văn thịnh thực suy. Người nào có chí ở việc học, thì lại câu-nệ ở cái nghĩa chữ *tuần tự tiệm tiến* 循序漸進 của Chu - tử, nên chí trí nghị không dám dũng mãnh về đường tiến-thủ, thành ra nhu nhược ti thiên. Dương-minh từ khi ở Long-trường đã ngộ được cái đạo của thánh hiền,

muốn đem đạo ấy dạy người để chữa cái thời tệ. Ông bèn xưng lên cái thuyết *tri hành hợp nhất*. Sau ông thấy các học-giả vẫn theo lối thấp hèn của tục học, không hiểu rõ chỗ thiết-thực của đạo thánh hiền, ông định tìm con đường cao minh hơn để tiếp dẫn những người có chí về việc học, và bảo các học-giả lĩnh tọa để tìm cái tâm. Sau ông thấy bọn học-giả dần dần đi vào con đường hư không trái với cái tôn-chỉ của thánh-học, ông lại lấy sự tinh sát khắc trị 省察克治 làm cái thực công mà dạy người ta giữ thiên-lý bỏ nhân-dục. Một hôm ông ngồi bàn với môn-nhân về cái công-phu của sự học, ông nói rằng: «Dạy người ta học, không nên có chấp về một điều thiên lệch. Người ta lúc đầu, cái tâm cái ý không nhất-định, và cái tư-lự thường hay theo về một bên tư-dục, cho nên mới dạy cho phải ngồi im-lặng, và nghĩ hẳn cái tư-lự. Học như thế ít lâu, thì cái tâm cái ý tuy định, nhưng lại chỉ huyên không tĩnh thủ giống như cành cây khô, như đồng tro nguội, lại là vô dụng. Bấy giờ nên dạy người ta tinh sát khắc trị. Cái công-phu tinh sát khắc trị thì không có lúc nào rồi. Lúc vô sự thì đem những lòng hiếu sắc, hiếu tài, hiếu danh v. v. mà xét cho kỹ, cốt để trừ bỏ cho hết bệnh căn, khiến nó không phát ra nữa. Học-giả lúc ấy phải như con mèo

rinh chuột, mắt nhìn tai nghe, hễ thấy củi lòng tư mọc ra thì trị ngay đi, mãi cho đến khi không có chút lòng tư nào nữa, bấy giờ sẽ được ngay chính. Tuy nói rằng: «hà tư, hà lự» nhưng không phải là việc lúc mới học. Lúc mới học phải lo tinh sát khác trị thì cái tư - lự mới thành thực. Chỉ nghĩ có một cái thiên-lý, mà hễ đến được chỗ thiên-lý toàn thông hết cả, ấy thế là «hà tư, hà lự». (Ngũ-lục, I).

Dương-minh lấy sự tồn thiên-lý, khừ nhân-dục mà dạy người ta, nhưng vẫn chưa nói rõ ra được thiên-lý sở cứ ở đâu mà thể-nhận. Có ai hỏi đến điều ấy, thì ông bảo tìm lấy. Ông thường nói chuyện với người ta rằng: «Ta muốn phát-huy điều ấy ra, biết nó chỉ có một lời, nhưng không phát ra được, lời ấy sẵn ở trong miệng mà không nói ra thế nào được.» Sau ông lại nói: «Ta biết cái học ấy không có cái gì khác, chỉ có cái ấy thôi, hiểu được cái ấy là không có gì nữa.» Ông cứ lúng-túng mãi, không thể nói rõ thiên-lý ở trong người ta là cái gì. Đến khi ông bình xong giặc Thần Hào, lại bị bọn gian - thần chực lâm hại, tinh - mạnh nguy như trứng để đầu đàng. Đoạn rồi, ông mới nhận biết thiên-lý là lương-tri. Từ đó về sau ông chỉ lấy hai chữ «lương - tri» mà dạy người ta, và lập ra cái thuyết trí - lương - tri



Cái học của Dương-minh tuy cực tinh-vì cực cao-minh, và vẫn chủ lấy sự thực-tiến. Ông thấy người đời sùng-thượng hư-vấn, ngôn-hành bất-tương-cố, cho nên trước ông xưng lên cái thuyết *tri hành hợp nhất* để chữa cái tệ-tập của mặt học, sau ông phát-huy ra cái thuyết *tri-lương-tri* để người ta thể-nhận được thiên-lý ở trong tâm. Đó là cách của ông thiết-giáo để tiếp dẫn người ta vào đạo vậy.

**Tri-hành hợp-nhất.**— Dương-minh xưng lên cái thuyết *tri-hành hợp-nhất* 知行合一 từ khi còn ở Long-trường. Chỗ ấy là đất mọi rợ, ngôn-ngữ không thông, chỉ một ít người Tàu đến đó kiếm ăn, ông đem cái thuyết ấy nói với họ, thì ai cũng nghe ra mà lấy làm thích. Lau rồi đến những người rợ cũng vui theo. Năm sau ông về Qui-châu giảng cái thuyết ấy với bọn sĩ-phu, thì có nhiều người không hiểu được. Ông cho đó là vì bọn sĩ-phu đã có cái ý-kiến sẵn rồi, cho nên mới ngang ra như vậy.

Cái thuyết *tri-hành hợp-nhất* là căn-bản ở câu «*tri chí, chí chí; tri chung, chung chí*» ở thiên Văn-ngôn trong kinh Dịch. *Tri chí* là tri, *chí chí* là chí, tri tức là hành. Vậy tri với hành là một. Ông theo cái tôn-chỉ duy-tâm nhất-tri mà lập ra thuyết này để đem học-giá

vào con đường thực-tiến của đạo-đức. Ông nói rằng: « Muốn hiểu cái thuyết tri-hành hợp-nhất, trước hết phải biết cái tôn-chỉ sự lập ngôn của ta. Người đời nay học-vấn, nhân vì đã phân tri hành ra làm hai việc, cho nên khi có một cái niệm phát động, tuy là bất thiện, nhưng bởi chưa thi-hành, thi không tìm cách ngăn cấm. Ta nói cái thuyết tri-hành hợp-nhất, chính là đề người ta hiểu được chỗ nhất niệm phát-động, tức là hành rồi. Hễ chỗ phát-động có điều bất thiện, thì đem điều bất thiện ấy trừ bỏ ngay đi, cốt bỏ đến chỗ căn-đề, khiến cái niệm bất thiện không tiềm phục ở trong bụng. Ấy đó là cái tôn-chỉ sự lập ngôn của ta. » (Ngũ-lục, III).

Ta nên biết rằng hai chữ *tri* và *hành* của Dương-minh nói ở đây có cái nghĩa khác cái nghĩa ta thường dùng. *Tri* là chuyên nói cái minh-giác của tâm, *hành* là nói sự phát-động của tâm, như trong sách *Đại-học* gọi là ý vậy. *Tri* là bản-thể của tâm, ý là sự phát động của tâm. Tâm với ý là một, thì *tri* với *hành* cũng là một, « Người ta trước hết phải có cái tâm muốn ăn, muốn mặc, muốn đi v. v., nhiên hậu biết ăn, biết mặc, biết đi. Cái tâm muốn ăn, muốn mặc, muốn đi, ấy là lý, tức là cái khởi thủy của sự hành. . . Lấy cái toàn-thể trắc-dẫn mà nói, gọi là nhân; lấy sự được cái phải mà nói, gọi là nghĩa; lấy việc điều-lý

mã nói, gọi là lý. Không nên tìm cái nhân ở ngoài cái tâm, không nên tìm cái nghĩa ở ngoài cái tâm, thì lẽ nào lại tìm cái lý ở ngoài cái tâm được. Tìm cái lý ở ngoài cái tâm, ấy là tri với hành thánh ra hai; tìm cái lý ở trong tâm của ta, ấy là phép dạy tri - hành hợp-nhất của thánh hiền vậy.» (*Ngũ-lục, II*). Xem như vậy, thì cái nghĩa chữ hành bao hàm cả sự tư-tướng và sự động-tác. Học, vấn, tư, biện, đều là hành cả. « Lấy sự tìm mà làm cho giỏi các việc mà nói, gọi là học; lấy sự tìm mà giải cho ra điều ngờ mà nói, gọi là vấn; lấy sự tìm mà làm cho thông cái thuyết mà nói, gọi là tư; lấy sự tìm mà làm cho tinh tường việc xét mà nói, gọi là biện; lấy sự tìm mà dạy xéo lên sự thực mà nói, gọi là hành. Hễ phân-tích cái công ra mà nói, thì thành năm việc, hợp các việc lại mà nói, thì chỉ có một mà thôi. Ấy là cái thể hợp-nhất của tâm lý, và cái công tịnh tiến của tri hành. » (*Ngũ-lục, II*).

Tri với hành là một bản - thể. « Cái chỗ chân-thiết đốc-thực của tri, là hành; cái chỗ minh-giác tinh-sát của hành, là tri. Nếu hành mà không tinh - sát minh - giác, ấy là minh hành, tức là « học nhi bất tư tác vông »; nếu tri mà không chân-thiết đốc-thực, ấy là vọng tướng, tức là « tư nhi bất học tác đãi »,

Nguyên lai chỉ có một cái công-phu.» (*Văn-lục, III*). Bởi vì học-giã chia cái công-phu ấy ra làm hai đoạn, làm mất mất cái bản thể của tri hành, chứ không biết cái chân tri tức là hành, không hành không đủ gọi là tri,

Theo cái nghĩa ấy, thì cái thuyết tri-hành hợp-nhất rất sáng rõ. Song khi Dương-minh xướng lên cái thuyết ấy, có nhiều người không hiểu rõ, cứ biện luận mãi. Một người cao-đệ của ông là Từ Ái đến hỏi ông. Ông bảo thử nói tại làm sao mà không hiểu. Từ Ái nói rằng: « Người ta ai cũng biết đối với cha thì phải hiếu, đối với anh thì phải đễ, nhưng không hiếu được và không đễ được, thế là đủ rõ tri và hành là hai việc. » — Ông nói rằng: « Đó là bị cái tư-dục làm gián-đoạn, chứ không phải là cái bản-thể của tri hành. Chưa có cái gì là cái tri mà không hành, Tri mà không hành, chỉ là chưa tri. Thánh hiền dạy người ta về tri hành, là muốn phục lại cái bản-thể. Sách *Đại-học* chỉ rõ cái chân-thực tri hành cho người ta xem, như nói: thích cái sắc đẹp, ghét cái hơi thối. Thấy cái sắc đẹp là thuộc về tri, muốn cái sắc đẹp là thuộc về hành. Khi thấy cái sắc đẹp thì đã thích rồi, chứ không phải là thấy rồi sau mới lập tâm để thích; khi người thấy hơi thối thì đã ghét rồi, chứ không phải là người thấy rồi sau mới lập tâm để

ghét. Lại như nói : Người kia biết hiếu, người kia biết đễ, tất là người ấy đã làm việc hiếu việc đễ rồi, thì mới bảo là biết hiếu, biết đễ. Lại như biết đau, tất là mình đã thấy đau rồi mới biết đau : biết rét, tất là mình đã thấy rét rồi mới biết rét ; biết đói, tất là mình đã thấy đói rồi mới biết đói. Như thế thì tri với hành phân ra làm hai thế nào được ? Đó là cái bản-thể của sự tri hành, không có cái tự-dục cách đoạn ra vậy. Thánh-nhân dạy người tất phải như thế mới gọi là tri, không thì là bất tri.» — Tử Ái nói : «Cổ nhân chia tri hành ra làm hai, là cốt để người ta thấy rõ riêng từng cái : một cái hành để làm công-phu của cái tri, một cái hành để làm công-phu của cái hành, như thế thì cái công-phu mới có chỗ hạ lạc.» — Dương-minh nói : «Như thế là làm mất cái tôn-chỉ của cổ nhân rồi. Ta thường nói rằng : tri là cái chủ-ý của hành, hành là cái công-phu của tri. Tri là cái khởi đầu của hành, hành là cái thành-tựu của tri. Nếu khi đã hiểu được như thế, thì chỉ nói một cái tri là đã có cái hành ở trong đó rồi ; nói một cái hành là đã có cái tri ở trong đó rồi. Cổ nhân sở dĩ đã nói cái tri, lại nói cái hành, là chỉ vì thế-gian có thứ người mờ-mờ mịt-mịt theo ý của mình, không biết rõ sự tư duy tỉnh sát 思惟省察, ấy là minh hành vọng tác 冥行妄作, bởi

thế cho nên nói tri rồi sau mới hành, thì hành mới phải. Lại có thứ người mơ-mơ màng-màng những điều viển-vông vơ-vẩn, không chịu đem mình làm việc thiết-thực, ấy là chủy mô ảnh hưởng 揣摩影響, bởi thế cho nên nói hành rồi sau mới tri, thì tri mới thực. Đó là cớ nhân bất-đắc-dĩ nói ra như thế để bỏ cái lệch, chữa cái tệ. Nếu khi đã hiểu rõ cái ý ấy, thì chỉ một lời nói là đủ vậy. Nay người ta lại muốn chia tri và hành ra làm hai, tất phải tri rồi sau mới hành, như là phải giảng tập thảo luận đề cầu lấy cái tri, chờ cho đến khi thật tri rồi mới hành, cho nên chung thân không hành, mà cũng không tri. Đó là cái bệnh lớn, mà lại lịch không phải mới một ngày thành ra vậy. Ta nay nói tri-hành hợp-nhất, chính là đối bệnh bặc thuốc, và lại không phải là xuyên-tạc bịa-đặt ra đâu. Cái bản-thể của tri hành nguyên nó như thế, nếu khi đã biết rõ cái bản-thể rồi, thì nói ra làm hai cũng không sao, nó vốn là một; nếu không hiểu cái tôn-chỉ, thì nói là một cũng không giúp được việc gì.» (Ngữ-lục, I).

Dương-minh dạy cái thuyết tri-hành hợp-nhất là cốt khiến học-giả tự mình tìm lấy cái bản-thể, để chữa cái bệnh chi-ly quyết-liệt của sự học, cho nên ông nói rằng: «*Tri giả hành chi thân, hành giả tri chi thành. Thành học chi nhất cá công-phu, tri hành bất khả*

*phân tác lưỡng sự* 知者行之始, 行者知之成. 聖學只一箇功夫, 知行不可分作兩事: Tri là cái khởi-thủy của hành, hành là sự thành-tựu của tri. Cái học của thánh-nhân chỉ có một cái công-phu, tri hành không thể chia ra làm hai việc được.» (Ngũ-lục, I)

Vương Long-khê là cao-đệ của Dương-minh nói rằng: « Trong thiên-hạ, chỉ có cái tri mà thôi, không hành không đủ gọi là tri. Tri và hành có bản-thê, có công-phu như mắt trông thấy là tri, nhưng đã trông thấy rồi tức là hành; tai nghe thấy là tri, nhưng đã nghe thấy rồi tức là hành, tóm lại chỉ một cái tri là đủ rồi. Mạnh-tử nói: « Đứa trẻ con không đứa nào là không biết yêu cha mẹ, kíp lúc lớn lên không đứa nào là không biết kính anh chị.» Chỉ nói tri mà thôi, tri là làm được rồi; năng ái năng kính, cái bản-thê vốn là hợp nhất. Dương-minh tiên-sinh vì hậu nho chia ra làm hai việc, bất-đắc-dĩ phải bản đến cái thuyết hợp-nhất. Cái tri không phải là nói kiến giải 見解, cái hành không phải là nói lý đạo 履蹈; chỉ theo một cái niệm mà lấy chứng: tri mà chân thiết đốc thực 真切篤實 tức là hành, hành mà minh giác tinh sát 明覺精察 tức là tri. Tri hành hai chữ đều trở cái công-phu mà nói, nhưng vẫn là hợp-nhất, chứ không phải là cố lập thuyết đề cường sự tin của người ta.»

Muốn hiểu rõ nghĩa mấy chữ «tri hành hợp nhất» thì phải tìm cái mối đầu của nó ở câu «bách lự nhi nhất trí» của Khổng-tử đã nói ở thiên *Hệ-từ* trong kinh *Dịch*. Cái mối nhất trí ấy là cái chiếu - minh linh - giác có sẵn trong tâm người ta, Dương - minh nhân đó mà phát - minh ra cái thuyết *tri - lương - tri*, khiến học-giả tự tìm lấy ở trong tâm mình mà hiểu cái lý duy - tinh duy-nhất trong sự học của thánh hiền. Ai hiểu được rõ cái thuyết *tri-lương-tri*, thì cái thuyết *tri - hành hợp-nhất* tự nó sáng rõ ra vậy.

**Tri-lương-tri.**— Dương-minh dẹp xong cái loạn Thần Hào rồi, lại bị những kẻ gian-thần tìm đủ cách để làm hại, thế mà ông cứ điềm-nhiên tin ở cái *lương-tri*, không hề lo sợ chút gì cả. Sau khi việc ấy yên rồi, ông viết thư cho người ta, nói rằng: «Cạn lai tìm được ba chữ «*tri - lương - tri*», thật là cái *chính pháp nhãn tàng* 正法眼藏 của thánh môn. Mấy năm trước còn cái ngờ chưa hết, nay nhân có nhiều việc, chỉ có cái *lương-tri* ấy mà không có cái gì là không đủ, ví như đi thuyền nắm được cái tay lái, đi qua chỗ phẳng, chỗ sóng, chỗ nông, chỗ sâu, không đâu là không vừa ý, tuy gặp sóng gió, nhưng đã nắm được tay lái, thì khỏi được cái lo phải chìm đắm vậy.» Ông thường thở than.



Môn-nhân là Trần Cửu-xuyên hỏi rằng: «Tiên-sinh thờ than về việc gì?» — Ông nói rằng: «Cái lý ấy giản dị minh bạch như thế, mà chìm lấp hằng mấy trăm năm!» — Trần Cửu-xuyên nói: «Cũng vì Tống-nho theo cái giải nghĩa của chữ tri, nhận thức thần 識 神 làm tính thể 性 體, cho nên sự văn-kiến càng ngày thêm nhiều, mà sự làm ngẩn lấp cái đạo càng ngày thêm sâu vậy. Nay tiên-sinh phát-minh ra hai chữ lương-tri, ấy là cái diện-mục thật của loài người xưa nay, còn có điều gì mà nghi ngờ nữa?» — Ông nói: «Phải. Ví như người nhận lầm mộ của người khác họ làm mộ tổ mình, làm thế nào mà phân-biệt được? Chỉ có cách mở ra, rồi lấy máu con cháu mà thử, thì phải hay không, rõ ra đó. Hai chữ lương-tri của ta thật là một giọt cốt huyết của các bậc thánh tương truyền từ nghìn xưa vậy.» Ông lại nói: «Ta đối với cái thuyết lương-tri là bởi ở chỗ bách tử thiên nạn mà tìm thấy được, bất-đắc-dĩ đem nói rõ ra, chỉ sợ học-giả cho là dễ, dễ ngấm chơi, chứ không chịu dùng công-phu mà thực-hành, thật là phụ mất cái biết ấy vậy.» (Phục-lục, II).

Hai chữ «lương-tri» nói ra thì dễ lắm, nhưng kỹ thực biết cho rõ rất là khó. Ta chớ nên khinh thường mà không xét cho thật tường tận. Cái thuyết tri-lương-tri 致 良 知

căn-bản ở chữ *tri tri* 致知 của Khổng-tử và chữ *lượng-tri lượng-năng* 良知良能 của Mạnh-tử. Tri là cái minh-giác của tâm, mà lượng-tri lượng-năng là cái bản thể của tri hành. Vậy chữ lượng-tri của Dương-minh hàm cả cái nghĩa tri-hành hợp-nhất.

« Tâm chi bản-thể tức thiên-lý giả; thiên-lý chi chiêu minh linh giác sở vị lượng-tri giả 心之本體即天理世; 天理之昭明靈覺所謂良知也: Cái bản-thể của tâm là thiên-lý; cái chiêu-minh linh-giác của thiên-lý gọi là lượng-tri. » (Phụ-lục III). Chữ lượng-tri định nghĩa như thế, tức là lý, là đạo, tự nó rất sáng suốt, rất linh diệu, lưu-hành khắp vũ-trụ mà không bao giờ biến đổi. Cho nên nói rằng: « Lượng-tri ở tâm người ta suốt muôn đời, lấp vũ-trụ, mà bao giờ cũng thế: không nghĩ mà biết, không học mà hay, trước Trời mà Trời không trái được. » (Ngữ-lục, II). Trời đất qui thần và vạn vật sở dĩ có, là nhờ có cái lượng-tri ấy. Vậy nên lại nói: « Lượng-tri là cái tinh-linh của tạo-hóa. Cái tinh-linh ấy sinh trời sinh đất, thành qui thánh thần, cái gì cũng bởi đó mà ra, thật là cùng với vật mà không có vật nào sánh ngang với nó được. » (Ngữ-lục III). Không có cái biết bản-nhiên là lượng-tri, thì trời đất và vạn vật đều có, cũng như không mà thôi. Lượng-tri bao giờ cũng tự-

nhiên tự-tại, linh-diệu vô cùng, mà vẫn khuếch-nhiên thái-công : « Vô tri vô bất tri, cái bản-thể nguyên như thế. Ví như mặt-trời chưa tăng có bụng soi sáng cho các vật, thế mà không có vật nào là không được soi sáng. Vô chiếu vô bất chiếu, nguyên là cái bản-thể của mặt trời như vậy. Lương-tri vốn là vô tri, nay lại muốn cho là hữu-tri; vốn là vô bất tri, nay lại ngỡ là có cái bất tri; là bởi sự tin lương-tri chưa tới vậy. » (Ngũ-lục, III). Muốn biết lương-tri là có, thì trước hết ta phải tin nó có, và chớ nên tự khi nó : « Hễ không tự khi, thì lương-tri không có cái gì lừa dối được, thế là thành 誠 vậy, thành thì minh 明 vậy ; tự tin thì lương-tri không có cái gì cảm-dỗ được, thế là minh vậy, minh thì thành vậy. Minh thành tương sinh, cho nên lương-tri thường chiếu, thường giác, như cái gương sáng treo lên, vật gì đến cũng không dấu được cái đẹp cái xấu. » (Ngũ-lục, II) Lương-tri chỉ là một, tùy nó phát-hiện lưu-hành, tự nó nặng nhẹ, dày mỏng, không ai thêm bớt được, cho nên mới gọi là cái 中 thiên-nhiên. Cái tri, cái giác, của lương-tri vốn là tự-tại, mà không sao trắc lượng được. Biết là có, mà đến khi biết thật rõ ra, lại không biết cái biết ấy ở đâu, thế mà phải biết mới được. Bởi vậy nói rằng : « Tri lai bản vô tri, giác lai bản vô

giác, *nhiên bất tri tắc toại luân mai* 知來本  
無知, 覺來本無覺, 然不知則遂淪埋;  
Tri ra vốn là vô tri, giác ra vốn là vô giác,  
nhưng không biết thì là chìm lấp mất.»  
(Ngũ-lục, III).

Cái tri ấy vô hình, vô ảnh, vô phương sở,  
nhưng không đâu là không có. Nó cứ tự-  
nhiên nhi nhiên mà chiếu ra. Dầu che lấp  
thế nào cũng không làm mất đi được. Lương-  
tri ở trong tâm người ta, ví như cái ánh-  
sáng của mặt-trời ở trong không gian. Khi  
ta ngồi vào chỗ tối, ta tưởng là không có  
ánh-sáng nữa, nhưng kỳ thực nó vẫn vằng-  
vặc trong khoảng trời đất. Chỗ tối ấy là vọng-  
niệm, là tư-dục, nó chỉ che được cái sáng,  
chứ không làm mất được cái sáng. Vậy nên  
nói rằng: «Tuy vọng niệm chi phát, nhi  
lương-tri vị thường bất tại, đăn nhân bất tri  
lôn, tắc hữu thời nhi hoặc phóng nhĩ. Tuy  
hôn tắc chi cực, nhi lương-tri vị thường bất  
minh, đăn nhân bất tri sít, tắc hữu thời nhi  
hoặc tế nhĩ 雖妄念之發, 而良知未嘗不  
在, 但人不知存, 則有時而或放耳. 雖昏  
塞之極, 而良知未嘗不明. 但人不知察,  
則有時而或蔽耳: Tuy cái vọng-niệm phát  
ra, mà cái lương-tri chưa từng không có, chỉ  
vì người ta không biết giữ cho còn, mới có  
lúc để buông lỏng ra. Tuy cái mờ tối che  
lấp đến cực, mà cái lương-tri chưa từng

không sáng, chỉ vì người ta không biết xét, mới có lúc để che mắt.» (Ngũ-lục, II). Sự học là cốt bỏ cái tối cái che đi, để thấy rõ cái sáng của lương-tri vậy.

« Tâm của người ta kỳ thủy không khác gì tâm của thánh-nhân, chỉ vì cái lòng tư hữu-ngã nó ngăn ra, cái che lấp của vật dục nó cách ra, làm lớn hóa nhỏ, thông hóa tắc, mỗi người có một cái tâm riêng, đến nỗi có người xem cha con anh em như kẻ thù địch. Thánh-nhân lấy làm lo, mới suy ở cái nhân của thiên địa vạn vật nhất thể ra mà dạy thiên-hạ, khiến ai nấy đều nên cái tư, bỏ cái tế-tắc, để phục lại cái đồng-nhiên của tâm thể. Đó là cái nghĩa : đạo tâm duy vi, duy tinh, duy nhất, doãn chấp quyết trung vậy.»

Thánh-nhân số dĩ hơn người là giữ được hoàn-toàn cái lương-tri mà hành-động, chứ không trầm không thủ tịch 沉空守寂 như lời Thiên-học của Phát-giáo, mà cũng không an-bái tư-sắc 安排思索 như lời học của phần nhiều những học-giã đời sau. Những lời ấy chính là lời tư-tư dụng-trí, làm mất mất cái lương-tri. Thánh-nhân cũng tư-lự, nhưng sự tư-lự của thánh-nhân là do sự phát dụng của lương-tri, chứ không theo sự an-bái của tư-ý. Cái học mà chủ ở lương-tri thì chỉ dụng công ở chỗ phác-thực rồi tự hiểu

được hết cả mọi sự. Hiểu được như thế thì quên cả trong ngoài, mà tâm với sự hợp làm một vậy.

Lương-tri là cái linh-căn của trời phú cho tự nó sinh sinh bất-tức, chỉ vì người ta gây thành cái tư lụy, đem cái gốc thiêng-liêng ấy phá hại và che lấp đi, cho nên nó mới không phát sinh ra được. Không biết rằng một đềm lương-tri ấy là cái chuẩn-tắc có sẵn ở ta, cái ý niệm của ta ở chỗ nào mà phải thì nó biết là phải, trái thì nó biết là trái, dẫu muốn lừa dối nó chút nào cũng không được. Ta đừng lừa dối nó, cứ thực-thà theo nó, thì cái thiện còn lại, cái ác phải mất đi. Như thế thì ôn-thỏa và vui sướng là đường nào ! Đó là cái bí-quyết của sự cách-vật, cái thực-công của sự trí-tri vậy.

Lương-tri huyền-bí linh-diệu như thế, cho nên Dương-minh lấy ba chữ *trí lương-tri* mà dạy người ta, nghĩa là dạy người ta phải học cho đến cái lương-tri. Học-giả có người cho là cái tâm-thể của người ta tuy là sáng suốt, nhưng còn có cái khi nó câu thúc, cái vật nó tế tắc, thành ra thường hay bị mờ tối. Giả sử không có học, vấn, tư, biện, cho cùng cái lý của thiên-hạ, thì sao biết rõ thiện ác và thực giả. Nếu cứ nhiệm-linh tứ-ý thì há chẳng hại lắm hay sao? — Ông nói rằng: « Cái lý của vạn sự vạn vật không ngoài được cái tâm của ta. Thế mà nói rằng phải cùng cái lý của

thiên-hạ, ấy là ngờ cái lương-tri của ta chưa đủ, cho nên phải ra ngoài tìm ở chỗ rộng của thiên-hạ để bổ ích thêm vào. Như thế là tách cái tâm và cái lý ra làm hai vậy. Cái công học, vấn, tư, biện, đốc hành, tuy có sự cố gắng đến người ta một phần thì mình phải trăm phần, nhưng cái cùng cực của sự khoáng sung đến chỗ « tận tinh tri thiên » cũng chẳng qua là tri cái lương-tri của tâm ta mà thôi. Ngoài cái lương-tri há lại có thêm được chút gì nữa không? Nay nói cùng lý của thiên-hạ mà không biết quay trở-lại cầu lấy ở tâm, thì phạm cái mà gọi là cái cơ của thiện ác và sự biện-biệt của việc thực dã, nếu bỏ cái lương-tri của tâm đi, thì toan lấy gì mà đến chỗ xét cho rõ được? Người ta sờ dĩ nói *khí cầu, vật tế*, là nói *cầu* cái đó, *tế* cái đó mà thôi. Nay muốn bỏ cái che lấp của cái ấy mà không dụng lực ở cái ấy, lại muốn đi tìm ở ngoài, thì có khác gì con mắt không sáng, mà không vụ lấy sự phục thuốc để điều trị con mắt, lại cứ đi tìm cái sáng ở ngoài, cái sáng há có thể lấy ở ngoài được hay sao? Cái hại nhiệm-tính tứ-y cũng là bởi không xét được kỹ cái thiên-lý ở lương-tri của tâm vậy. Ấy thật là sai một hào lý mà làm đến nghìn dặm vậy. » (*Ngữ-lục II*).

Bởi lẽ ấy, cho nên cái học của Dương-minh không nói *cùng lý*, mà chỉ nói *tri-lương-tri* :

ông lại lấy chữ tri-tri cách-vật trong sách *Đại học* làm cơ-sở cho cái thuyết tri-lương-tri của ông, vậy nên nói rằng: « Ta nói tri-tri cách-vật, là tri cái lương-tri của tâm ta ở sự sự vật vật. Lương-tri của tâm ta tức là cái gọi thiên-lý vậy. Tri cái thiên-lý trong lương-tri của tâm ta ở sự sự vật vật, thì sự sự vật vật đều được cái lý. Tri cái lương-tri của tâm ta là tri-tri vậy; sự sự vật vật đều được cái lý, là cách vật vậy.» (*Ngũ-lục, II*). Cái công-phu của sự tri lương-tri ở sự cách-vật. Cách-vật là khiến cho các sự vật được đúng thiên-lý. Ông nói rằng: « Ta dạy tri lương-tri là phải dụng công ở cách-vật, ấy là sự học-vấn có căn-bản, càng ngày càng tiến thêm, càng ngày càng biết rõ-ràng. Thế nho thì dạy tìm kiếm ở các sự vật, ấy là sự học-vấn không có căn-bản, giống như cây không có gốc, lâu thành ra tiêu tụy.» (*Ngũ-lục III*).

Cái gốc của vạn vật là thiên-lý. Người ta sinh ra, ai cũng có một phần thiên-lý, là phần thiêng-liêng sáng-suốt của ta, tức là lương-tri vậy. Lương-tri thì người hiền kẻ ngu ai cũng có như nhau cả, chỉ khác là người hiền thì giữ được cái lương-tri sáng suốt, mà kẻ ngu thì để nó mờ tối đi mà thôi. Bởi vậy nói rằng: « Phàm cái lương-tri, lương-năng thì đứa ngu phu ngu phụ cũng giống như thánh-nhân, nhưng thánh-nhân tri được cái



lượng-tri, mà ngu phu ngu phụ thì không tri được, ấy là thánh với ngu phân-biệt ra bởi ở đó vậy.» (Ngũ-lục, II)

Theo cái thuyết ấy, thì người ta ai cũng có thể làm thánh làm hiền được, miễn là biết tri cái lượng-tri, thì các cái đức tự sáng ra vậy. «Kê sĩ hôn ám mà quả hay tùy sự tùy vật xét kỹ cái thiên-lý của tâm, để tri được cái lượng-tri bản-nhiên, thì tuy ngu rồi hóa sáng, tuy mềm rồi hóa cứng, Cái gốc lớn đã dựng, cái đạt - đạo đã hành, thì bao nhiêu những điều dạy ở trong các Kinh Truyện có thể lấy cái một mà suốt hết cả, không sót gì vậy.» (Ngũ-lục, II). Đó là cái đạo nhất quán của Không-tử đã dạy từ xưa. Ngài bảo thầy Tử-Cống rằng: «Người cho ta là học nhiều mà biết, có phải không? Không phải. Ta chỉ lấy cái một mà suốt hết cả đó.» Lấy cái một mà suốt hết cả, chẳng phải tri cái lượng-tri là gì?

Học theo cái thuyết tri-lượng-tri thì không cần phải biết nhiều nhớ nhiều, thế mà không có việc gì là không biết. «Lượng-tri không bởi kiến văn mà có, mà kiến văn nào cũng là cái dụng của lượng-tri. Cho nên lượng-tri không ừ trệ ở kiến văn mà cũng không xa lìa kiến văn. Không tử nói rằng: «Ta có biết gì không? Không biết vậy.» Ngoài cái lượng-tri ra không có cái biết gì nữa. Cho nên

lượng-tri là cái mối đầu rất lớn của sự học-vấn. Ấy là cái nghĩa thứ nhất của thánh-nhân dạy người. Nay nói : chuyên cần ở cái cuối của kiến vấn, thì bỏ mất cái mối đầu, ấy là trụt xuống cái nghĩa thứ hai vậy.... Đại để, cái công-phu của sự học-vấn là chỉ chú ý ở cái mối đầu. Nếu chú ý ở cái mối đầu, chuyên lấy tri-lượng-tri là việc cốt-yếu, thì phạm đa vấn đa kiến, không cái gì là không phải cái công của sự tri-lượng-tri.» (Ngữ-lục, II). Sự học của thánh-nhân chỉ chú ở sự tìm cho thấy rõ cái bản sắc của lượng-tri, chứ không có ý gì khác nữa. Cái hư-vô của lượng-tri cũng như cái hư-vô của Thái-hư. Mặt-trời, mặt-trăng, gió mưa, sấm sét, núi sông, dân vật, phạm vạn hữu đều ở cả trong Thái-hư vô hình mà phát-dụng lưu-hành, mà chưa từng có vật nào làm ngại trở cho Thái-hư. Thánh-nhân thuận cái phát-dụng của lượng-tri, thì trời đất vạn vật đều ở trong sự phát-dụng lưu-hành của lượng-tri, mà chưa từng có một vật nào ra ngoài lượng-tri mà làm ngại trở được. Song cái học quang minh chính đại ấy, không phải là ai cũng hiểu rõ ngay được ; người nào có chí ở đạo, rồi hết sức cố gắng tìm cho thấy đạo, thì mới biết được cái chân-tướng của lượng-tri. Bởi vậy Dương - minh nói rằng : « Duy những kẻ sĩ có đạo, thì mới thật thấy rõ cái chiếu - minh linh - giác của

lượng-tri, khnēeh-nhiên thái-công cùng với Thái-hư đồng một thể. Trong Thái-hư thì vật gì cũng có, mà không có vật nào che lấp được Thái-hư vậy.» (Phụ-lục, III).

La Niệm-am là một người cao-đệ của Dương-minh nói rằng: «Dương-minh tiên-sinh dạy cái lượng-tri là gốc ở ba điều của Mạnh-tử: chợt thấy người sa xuống giếng,— đưa trẻ biết yên biết kinh,— sự hiếu ở bình nhật của người ta. Ba điều ấy đều có sẵn trước lúc chưa phát ra, cho nên gọi là lượng, cũng như Chu Hối-am gọi lượng là cái tự-nhiên vậy. Khi có một điều gì phát-hiện ra mà chưa có thể làm được, thì phải phục ngay lại cái bản-thể, cho nên nói là «truật-dịch 怵惕», tất là để lấy sự khoáng-sung mà nối theo; nói hiếu ở, tất là để lấy sự trường-đương mà nối theo; nói sự ái kinh, tất là để lấy sự đạt ra thiên-hạ mà nối theo. Cái ý của Mạnh-tử thấy rõ lắm, mà Dương-minh tiên-sinh hiểu được cái ý ấy, cho nên không lấy cái lượng-tri làm đủ, mà lại lấy trí-tri làm công-phu.» La Niệm-am giải rõ cái nghĩa chữ lượng-tri, là cái thể tự-tại, cái trung chưa phát ra vậy. Cái thể ấy, cái trung ấy, vẫn có sẵn, nhưng cái công-phu của học-giả là cốt ở chữ trí 致; có trí tới cái lượng-tri để nối theo mà sung 充, mà dưỡng 養, mà đạt 達, thì mới có cái hòa. Đó là điều cốt yếu trong cái thuyết trí-lượng-tri.

Đại để cái thuyết *tri-lương-tri* là tóm cả cái nghĩa cách-vật, thành-ý vào chữ *tri-tri* mà vẫn không ra ngoài cái tôn-chỉ *tri-hành-hợp-nhất* và theo được đúng cái lý nhất dĩ quán chi của Không-học vậy.

**Cái tôn-chỉ tri-lương-tri.** — Dương-minh về đình gian, nghỉ ở nhà dạy học non sáu năm, phát huy ra cái thuyết *tri-lương-tri*. Sau triều đình lại cử ông đi làm tổng-đốc Lương-Quảng để dẹp giặc ở châu Tư-điền. Khi ông sắp đi, hai người cao-đệ của ông là Tiên Đức-hồng và Vương Kỳ bàn cái tôn-chỉ về cái học *tri-lương-tri*. Tiên Đức-hồng nhắc lại lời dạy của Dương-minh rằng : « Vô thiện vô ác là cái thể của tâm, có thiện có ác là sự động của ý, biết thiện biết ác là lương-tri, làm thiện bỏ ác là cách-vật. » — Vương Kỳ nói rằng : « Lời ấy sợ chưa phải là lời cứu-cánh. » — Đức-hồng hỏi rằng : « Tại sao ? » — Vương Kỳ nói : « Nếu nói tâm-thê là vô thiện vô ác, thì ý cũng vô thiện vô ác, tri cũng vô thiện vô ác, vật cũng vô thiện vô ác ; nếu ý nói có thiện có ác, thì rút lại là tâm-thê vẫn có thiện có ác. » — Đức-hồng nói : « Tâm-thê là thiên-mạnh chi tính, nguyên là vô thiện vô ác, nhưng người ta tập nhiễm đã lâu, trong ý niệm thấy có thiện có ác. Cách-vật, tri-tri, thành-ý, chính-tâm, tu-thân ấy là cái công-phu để phục lại cái tính-thê.

Nếu bằng nói ; nguyên là vô thiện ác, thì cái công-phu ấy nói không xuôi vậy.» Đoạn, đến đêm vào ngời hầu Dương-minh ở trên cầu Thiên-tuyền, hai người đem việc ấy ra hỏi. Dương-minh nói rằng : « Ta nay sắp đi, chính muốn các người đến giảng cho vỡ cái ý ấy. Ý-kiến của hai người nên đề giúp nhau mà dùng, không nên mỗi người cố chấp một bên. Nhữ-trung nên dùng cái công-phu của Hồng-phủ, Hồng-phủ nên hiểu cái bản-thê của Nhữ-trung. Ấy là chỗ ta tiếp dẫn hai hạng người. Người có lợi-căn (1), thì theo thẳng cái bản-nguyên mà thê ngộ : Cái bản-thê của tâm người ta nguyên là sáng-sủa không có ngưng trệ, tức là cái trung lúc chưa phát ra. Người có lợi-căn thê ngộ ngay được, thì bản-thê là công-phu : người với ta, trong với ngoài đều nhất tề hiểu thấu cả. Người không có lợi-căn là bậc thứ, thì không khỏi có sẵn cái tạp tâm, che lấp mất cái bản-thê, cho nên mới dạy sự thực hành ở ý-niệm, làm thiện bỏ ác. Sau khi cái công-phu đã thuần thực rồi, những cái căn bã bỏ hết sạch, thì cái bản-thê cũng sáng rõ ra. Cái ý-kiến của Nhữ-trung là cái ta tiếp dẫn người có lợi-căn ; cái ý-kiến của Hồng-phủ là cái lập pháp của ta để tiếp dẫn người bậc thứ. Hai người nên lấy lẫn của

(1) Lợi-căn 利根 là cái gốc tốt, tức là nói cái thiên-tư minh mẫn.

nhau mà dùng, thì bậc trung nhân và trung nhân dĩ thượng, trung nhân dĩ hạ đều đem được vào đạo. Nếu mỗi người cố-chấp một bên, thì ngay nhơn tiên đã không tiếp dẫn được ai, mà đến đạo thề cũng mỗi bên có điều chưa đủ.» Đoạn, ông lại nói rằng: «Từ nay về sau cùng với bằng hữu giảng học, đừng có làm mất cái tôn-chỉ của ta. Cái tôn chỉ ấy là: «*Vô thiện vô ác thị tâm chi thể, hữu thiện hữu ác thị ý chi động, tri thiện tri ác thị lương-tri, vi thiện khứ ác thị cách-vật* 無善無惡是心之體, 有善有惡是意之動, 知善知惡是良知, 爲善去惡是格物: Vô thiện vô ác là cái thể của tâm, có thiện có ác là sự động của ý, biết thiện biết ác là lương-tri, làm thiện bỏ ác là cách-vật.» Các người phải y theo bốn câu ấy, rồi tùy người chỉ điểm, thì tự nó không có bệnh-thống. Ấy là cái công-phu suốt trên suốt dưới. Người có lợi-căn ở đời cũng ít khi gặp, hạng người ấy hiểu một lần thì suốt hết cả. Ấy Nhan-tử và Trình Minh-đạo còn không dám đương, há lại khinh dị mà trông ở người khác được hay sao. Người thường thì ai cũng có tập tâm, vì cái tập sở nhiễm, nếu không dạy người ta thực dụng cái công-phu ở lương-tri, làm thiện bỏ ác, thì chỉ là treo cái không tưởng của bản-thề, nhất thiết sự vật đều không thực-tiến, chẳng qua là nuôi thành một cái hư tịch 虛寂, ấy

là cái bệnh-thống không phải là nhỏ, không nên không sớm chữa vậy. » (Ngữ-lục, III).

Cái học của Dương - minh rất cao - minh mà vẫn thiết-thực, cho nên trong cái tôn-chỉ ấy ông nói rõ cái thể bản-nhiên của tâm và cái căn-nguyên của thiện ác, rồi bảo người ta lấy sự trí-tri và sự cách - vật mà phục lại cái bản-thể ấy. Song ông còn sợ học-giã hiểu không rõ, cho nên ông ân-cần dặn kỹ đừng thiên trọng quá về cái bản - thể của lương-tri, mà bỏ mất cái công - phu thực-dụng; và cũng đừng thiên trọng quá về cái công-phu thực-dụng mà bỏ mất cái bản-thể của lương-tri. Cốt nhất là phải lựa từng hạng người mà tiếp dẫn, chứ không nên cố-chấp một mặt nào. Dù thế mặc lòng về sau vì bốn câu nói tóm cái tôn - chỉ ấy, mà bọn môn nhân mỗi người đi ra một đường. Vương - Long-khê thì lấy cái bản-thể «vô thiện vô ác» mà lập giáo, thành ra một cái học chỉ vụ lấy sự «ngộ 悟», và phát - minh ra được nhiều điều rất cao, nhưng dần dần lại biến ra Thiên-học. Bọn Tiên Tự-sơn và Châu Đông-quách thì lấy «tri thiện tri ác, vi thiện khử ác» làm cái học tu-tri, tuy có giữ được cái phần thiết - thực, nhưng lại kém phần cao-minh.

Cái học tri-lương-tri là cốt phải dụng công ở chữ trí 致. Trí là tới cái bản - thể tự - tại, tức là tới cái nguồn gốc của sự tri-giác và

sự hành-dộng. Tôi được cái bản-thê ấy thì gồm được cả động-tĩnh: tĩnh thì thiêng-liêng sáng-suốt, động thì lúc nào cũng có cái hòa-trúng-tiết. Đó là cái chủ ý của Dương-minh, cho nên ông thường nói rằng: « Xưa ta ở đất Trừ, thấy môn-sinh hay vụ lấy sự tri-giác, không có ích cho sự sở-đắc, ta mới dạy cho hãy tĩnh tọa; được một độ thấy cái quang-cảnh cũng có cận hiệu, nhưng lâu dần thấy có cái bệnh thích tĩnh chán động, đi vào cái khô-kháo cho nên gần đây ta chỉ nói trí-lương-tri. Lương-tri minh bạch, thì tha-hồ ở chỗ tĩnh mà thê-ngộ cũng được, ở chỗ việc làm mà ma-luyện cũng được. Cái bản-thê của lương-tri nguyên không có động, không có tĩnh, ấy là cái cốt-tử của sự học-vấn.» Cái ý của ông rõ như thế, mà về sau các học-giả chỉ biết ma-luyện ở chỗ việc làm, thế tất phải nhận tri-thức làm lương-tri, rồi ngấm-ngấm hãm vào cái bệnh nghĩa tập trợ trường 義襲 (1) 助長, cái hại lại quá sự thích tĩnh

(1) Nghĩa tập 義襲 là bởi cho vạn vật ở trong trời đất mỗi vật có một nghĩa khác nhau, ta phải rình-mò tìm-lời từng nghĩa một, để ghép vào với nhau, chính như Chu-tử muốn bảo mọi sự đều hợp với cái nghĩa của nó, tức là cho cái nghĩa ở ngoài cái tâm.

Theo như Mạnh-tử thì hai chữ ấy trái với hai chữ tập nghĩa 集義. Tập nghĩa là nói ứng sự tiếp vật không có việc gì là không phải sự lưu-hành của tâm thể. Cái tâm không ai thay được, chỉ thay ở việc. Tâm hợp ở việc, cho nên nói hợp ở nghĩa, như nước có nguồn, cây có gốc, cái khi sinh sinh vô cùng; tức là cho cái nghĩa ở cái tâm của mình



chấn động. Bởi không theo cái lương-tri mà dụng công, lại dụng công ở chỗ động tĩnh, và nhất là lại chỉ dụng công ở chỗ động mà thôi, cho nên đối với cái học của Dương-minh thành ra lệch về một bên vậy.

**Giáo-diễn của Dương-minh.**—Dương-minh dạy các môn đệ thường lấy chương đầu sách *Đại-học* và sách *Trung-dụng* mà chỉ rõ cái toàn công của thánh-học, khiến học-giả biết đường lối mà vào. Ông cho là sự biết của tâm không ngoài được cái trung của « dân di vật tắc 民彝物則 », mà cái công của sự tri-tri không ngoài được việc tu, lễ, trị, bình, nên chỉ ông lấy những điều ấy làm chỗ thực-địa dụng công. Sau môn-nhân chép những lời ông dạy làm thành một thiên gọi là *Đại-học-vấn* 大學問, nghĩa là câu hỏi về sách *Đại-học*. Thiên ấy nói rút cái đại-ý của Nho-học, cho nên ta phiên dịch ra sau này :

— « Các tiên-nho cắt nghĩa *Đại-học* là cái học của bậc đại-nhân, dám hỏi cái học của bậc đại-nhân sao lại cốt ở mình mình đức ? »

— « Dương-minh-tử nói rằng : « Bậc đại-nhân là bậc người lấy trời đất muôn vật làm nhất-thê, coi thiên-hạ như một nhà, coi cả nước như một người vậy. Nếu cho hình-hái là gián cách mà chia ra nhĩ ngã, thế là tiểu-nhân vậy. Bậc đại-nhân có thể cho trời đất

muôn vật làm nhất-thề, không phải là tự ý riêng mình, mà chính là cái nhân ở trong tâm người ta vốn như thế. Cái tâm cùng với trời đất muôn vật làm một, không phải chỉ là cái tâm của bậc đại-nhân, tâm của kẻ tiểu-nhân cũng đều như thế cả. Chỉ tại kẻ tiểu-nhân tự cho cái tâm ấy, nhỏ đi mà thôi. Bởi thế cho nên thấy đũa trẻ con ngã xuống giếng, ắt có lòng bán-khoản thương xót, thế là lòng nhân cùng với đũa trẻ con làm một thề vậy. Đũa trẻ con còn là đồng loại với mình, chứ ngay thấy chim muông kêu thương đau đớn, ắt có lòng bất nhân, thế là lòng nhân cùng với chim muông làm một thề vậy. Chim muông còn là loài có tri-giác, chứ ngay thấy cỏ cây đổ gãy, ắt có lòng mẫn tuất, thế là lòng nhân cùng với cỏ cây làm một thề vậy. Cỏ cây còn là loài có sinh ý, chứ ngay thấy ngôi đá vỡ nát, cũng có lòng đoái tiếc, thế là lòng nhân cùng với ngôi đá làm một thề vậy. Như thế thì cái lòng nhân coi trời đất muôn vật làm nhất thề, dầu kẻ tiểu-nhân cũng phải có. Lòng ấy gốc ở cái mạnh của trời, mà tự-nhiên thiêng-liêng sáng suốt, cho nên gọi là minh-đức. Lòng kẻ tiểu-nhân dầu chia cách, hẹp-hòi, song cái lòng nhân «nhất thề» vẫn không mờ tối. Đó là kẻ những lúc chưa bị lòng dục làm lay động, lòng tự làm che lấp vậy. Đến khi

thượng. Từ hạng thượng trung trở lên cho là cấp-đệ. Lại có khoa minh-pháp (thi luật pháp), khoa minh-tự (thi chữ viết), khoa minh-toán (thi toán số) thi thi vấn đáp trước rồi mới thi viết.

Ngoài những khoa ấy là thường khoa, lại có bất thường khoa, là khoa chế-cử của vua định để chọn lấy những người có tài đặc-biệt. Khi có khoa chế-cử thì vua ra đầu bài. Thi xong đệ bài ra cho các quan chấm. Ai đỗ cao thì được bổ ngay làm quan to.

Từ năm Khai-nguyên (713-741) đời vua Huyền-tôn về sau, văn-nghệ rất thịnh. Mỗi khoa thi có đến hai ba nghìn người, mà số trúng cử thì 20 người được một người. Khoa chế-cử thì 100 người được một người. Thừa ấy chỉ có khoa tiến-sĩ, và khoa minh-kinh là thịnh hơn cả. Song khoa tiến-sĩ, thi thi-sinh chỉ học thanh văn, và bổ kinh sử, khoa minh-kinh thì chỉ vụ làm thiếp-tụng, chứ không cần nghĩa lý. Bởi vậy vua Huyền-tôn bắt những người thi tiến-sĩ, ngoài những bài văn sách, phải làm 10 bài kinh-thiếp; những người thi minh-kinh, ngoài những bài kinh-thiếp, phải làm mỗi kinh là 10 bài đại-nghĩa.

Phép khoa-cử truyền về đời sau là gốc từ nhà Đường. Học-thuật đời nhà Đường lấy khoa-cử làm đại-biểu, mà khoa-cử thi chỉ lấy văn-từ làm đại-biểu, chứ không có gì là thực-

học. Bởi khoa-cử và văn-từ mà thành ra cái tục trọng khi-tiết đời Hán mất hết cả, mà hai chữ liêm si lúc ấy cũng không có nữa.

Xem cái học nghĩa-lý đời nhà Hán đã là kém, nhưng còn có cái học trọng khi-tiết gây thành cái phong-tục rất tốt. Đến đời nhà Đường thì cái học nghĩa lý lại kém hơn nữa, mà cái học trọng khi-tiết cũng không có. Kết-quả đến đó, thật là cái phần cao-siêu của Nho-giáo ngõ hầu gần hết vậy.

#### II. DANH-NHO ĐỜI TÙY VÀ ĐỜI ĐƯƠNG

Nhà Tùy nổi nghiệp Nam-Bắc-triều, thống-nhất thiên-hạ, làm vua được hơn vài mươi năm, cho nên việc văn-học không mở-mang được mấy, và những danh-nho cũng không có mấy người. Xem như khi vua Đạng-đế nhà Tùy mới lên ngôi, trưng-triệu những người nho-học đến Đông-đô (Lạc-dương) để giảng-luận việc học, thì chỉ có Lưu Xước 劉焯 và Lưu Huyền 劉炫 là hơn cả. Tuy nhiên thừa ấy có Vương Thông 王通 là kẻ ăn-nho, ở nhà dạy học, đem cái tư-tưởng Bắc-phương, lấy nghĩa lý trong các Kinh Truyện,

mà vấn hồi cái thực-học của Nho-giáo lại được ít nhiều.

Đến đời nhà Đường thì ngay lúc đầu, vua Thái-tôn chăm lo chấn-hưng việc học, nhưng vì nhà Đường lại thiên trọng về khoa-cử, hành thử cái học từ-hoa thì rất thịnh, mà cái học đạo lý thì vẫn suy. Bởi cái học từ-hoa ấy, cho nên vào khoảng trung-diệp nhà Đường, về đời vua Huyền-tôn, những văn-sĩ như Lý Bạch 李白, Đỗ Phủ 杜甫, Vương Duy 王維 v. v. đều là người có tài quán-thế về dương thi văn. Đến sau lại có Hàn Dũ 韓愈 và Liễu Tôn-Nguyên 柳宗元 đều muốn phát minh cái học của Khổng Mạnh, nhưng vẫn không thoát khỏi lối học từ-chương.

Nói rút lại, trong đời nhà Tùy và nhà Đường, chỉ có Vương Thông và Hàn Dũ là người chân-chính nho-học mà thôi.

### VƯƠNG THÔNG

Vương Thông 王通 tự là Trọng-yêm 仲淹 dòng dõi nhà nho-học, người huyện Long-môn, thuộc tỉnh Sơn-tây ngày nay. Ông sinh vào năm Khai-hoàng thứ tư (584) đời nhà Tùy. Thủa nhỏ ông chuyên trị năm Kinh, đến năm

20 tuổi vào Tràng-an là kinh-đô nhà Tùy, yết-  
kiến vua Văn-đế ở Thái-cực-diện và dâng 12  
bài sách gọi là *Thái-bình-thập-nhi-sách* 太  
平十二策, đại khái nói sự tôn đạo vương  
trước đạo bá, xét việc đời nay, nghiệm việc  
đời xưa v. v. Vua Văn-đế giao những bài sách  
ấy cho các công khanh xét, có nhiều người  
bác đi, thành ra vua không dùng. Ông bèn làm  
bài ca đông-chinh (1) rồi bỏ về quê dạy học.

Văn-đế nghe bài ca ấy lại vời ông vào,  
nhưng ông không vào. Đến đời vua Đạng-đế  
mấy lần trung-triệu ông vào làm quan, ông  
lừ chối không đi. Lúc ấy có quan đại thần là  
Dương Tố rất tôn kính ông và cho người đến  
mời ông ra làm quan, ông nói rằng: « Ở chỗ  
khúc sông Phần này có mấy gian nhà nát của  
tiền-nhân để lại khá dĩ tránh gió mưa, có  
ruộng khá dĩ đủ cơm cháo, gầy đàn cày, làm  
sách, giảng việc đạo, khuyên việc nghĩa, đủ  
tự vui vậy. Không cầu ra làm quan ». (*Trung-  
thuyết, Sự-quân*).

Tính ông giản-dị, nhân-hậu, áo quần không  
hề dùng đến đồ gấm vóc, đồ ăn uống đơn sơ.  
Thường khi có việc đào sông đắp đê, ông vác  
thương quốc đi làm với người làng, và nói  
rằng: « Ta là người bình-dân vậy. »

(1) Đông-chinh là đi về phương đông.

Khi ông ở đất kinh-kỳ thường nói chuyện với những kẻ quyền-quí trong triều, thấy người thì chỉ chuyện về mặt chính-trị, không nghĩ gì đến việc giáo-hóa, người thì bàn văn-chương, không biết đến nghĩa lý, ông lấy làm lo cho vương-đạo, không thể dấy lên được. Ông bèn làm sách nối thêm kinh Thi, kinh Thư, sách Lễ-luận, Nhạc-luận, sách Nguyên-kinh, sách tán đạo Dịch, cả thấy mất chín năm thì xong.

Đến năm Đại-nghiệp thứ 13 (116) đời vua Đặng-đế nhà Túc, ông mất ở nhà, thọ được 32 tuổi. Học-trò đặt tên thụy là Văn-trung-tử 文中子. Học-trò lại nhặt những lời giảng-dụ và ghi chép đức hạnh của ông làm thành sách, gọi là Văn-trung-tử trung-thuyết 文中子中說 hiện còn truyền ở đời.

Những sách của ông soạn ra, thì về sau trong nước loạn-lạc, giặc cướp nổi lên, đều bị đốt phá mất cả. Học-trò của ông từ phương xa đến học rất nhiều, mà những người thành-đạt hơn cả là Đồng Thường 董常, Tiết Du 薛攸, Cửu Chương 仇璋, Trình Nguyên 程元, Đỗ Yêm 杜淹, Bùi Hy 裴晞, Vương Khuê 王珪, Ngụy Trưng 魏徵, Phòng Huyền-Linh 房玄齡, Đỗ Như-Hối 杜如晦, Lý Tĩnh 李靖, Lý Mật 李密, Đậu Uy 竇威, Trần Phúc-Đạt 陳叔達, Diêu Nghĩa 姚義, Ôn

Ngạn-Báe 溫彦博 v. v., kể đến mấy chục người, phần nhiều là những danh-thần hồi Đường sơ.

**Học - thuyết của Vương Thông.** — Sách *Trung - thuyết* của mầu-đệ ông làm ra, bắt chước lối sách *Luận-ngữ*, có ý tôn ông như Không-tử làm sáng đạo Nho vậy. Mà chính ông cũng có ý tự nhận mình là người nối Không-tử đem đạo Nho thi-hành ra ở đời. Xem như các sách của ông làm đều là nối thêm sáu Kinh, mà sách *Nguyên-kinh* lại giống như kinh *Xuân-thu*, nói chuyện các vua từ đời Hán đến đời Lục-Trieu. Chi tiết những sách ấy mất đi, nay không thể biết được cái giá-trị là thế nào.

Ông giải nghĩa tam tài rằng: « Trời là thống nguyên khí, chứ không phải là chỉ nói cái vàng lờng-lờng và xanh-xanh mà thôi. Đất là thống nguyên hình, chứ không phải là nói núi sông gò đống mà thôi. Người ta thống nguyên *thức* 識, chứ không phải là nói đầu tròn chân vuông mà thôi » (*Trung - thuyết, Lập-mệnh*). Nghĩa là Trời chủ cái khí, đất chủ cái hình, người chủ cái biết.

Người là một vị trong tam tài có trí-thức hơn cả vạn vật, tất là phải giữ cách ăn-ở cho hợp đạo lý. Bởi vậy, đối với cách xử thế tiếp vật, ông nói nhiều điều rất có nghĩa lý. Ông



thấy thiên-hạ tranh lợi bỏ nghĩa, rất lấy làm phàn-nán, và nói rằng: « Xả kỳ sở tranh, thủ kỳ sở khi, bất diệc quân-tử hồ! 捨其所爭, 取其所棄, 不亦君子乎! Bỏ cái người ta tranh nhau, lấy cái người ta bỏ, thế chẳng là quân-tử làm sao! » (Trung-thuyết, Chu công). Ông cho những kẻ hiếu danh hiếu lợi là rất tiêu-nhân. « Ái danh thương lợi, tiêu-nhân tai! 愛名尚利, 小人哉: Yêu cái danh chuộng cái lợi là tiêu-nhân vậy thay! » (Trung-thuyết, Văn-Dịch).

Trong sự người ta giao kết với nhau là cần phải có tin nghĩa, chứ nếu chỉ vì thế lợi thì không bao giờ bền. « Dĩ thế giao giả, thế khuyh tắc tuyệt; dĩ lợi giao giả, lợi cùng tắc tãh. Cổ quân-tử bất dĩ giả 以勢交者, 勢傾則絕; 以利交者, 利窮則散, 故君子不與也. Người lấy thế mà giao, thì thế nghiêng là tuyệt; người lấy lợi mà giao, thì lợi hết là tan. Cho nên quân-tử không ưa vậy » (Trung-thuyết, Lễ-nhạc).

Người quân-tử phải lấy lễ nghĩa và cái đức làm trọng, chứ không trọng tài lợi. Nhất là về đường hôn thú mà cầu của cải thì thật dở: « Hôn thú nhi luận tài, di lộ chủ đạo giả 婚娶而論財, 夷虞之道也. Hôn thú mà bàn đến của là cái đạo của mọi rợ vậy » (Trung-thuyết, Sự-quản).

Hỏi cái nghĩa sinh với tử là thế nào? Ông nói rằng: « Sinh dĩ cứu thời, tử dĩ minh đạo 生以救時, 死以明道: Sống để cứu thời, chết để làm cho sáng đạo. » Hỏi thế nào là anh hùng? Ông nói rằng: « Tự tri giả anh, tự thắng giả hùng 自知者英, 自勝者雄: Người tự biết mình là anh, người tự thắng được mình là hùng » (Trung-thuyết, Chu-công).

Đối với việc chính-trị, thì ông cho là hay dở cốt ở người, chứ không phải ở chế-độ. Ông nói rằng: « Thông kỳ biến, thiên-hạ vô lệ pháp; chấp kỳ phương, thiên-hạ vô thiên giáo. cố viết: tồn hồ kỳ nhân 通其變, 天下無弊法; 執其方, 天下無善教. 故曰: 存乎其人: Thông sự biến thì thiên-hạ không có phép bậy; cố chấp một phương-pháp, thì thiên-hạ không có sự giáo-hóa hay. Cho nên nói rằng: Cốt ở người » (Trung-thuyết Chu-công).

Cái học của ông lấy sự chấp-trung làm gốc. Ông nói rằng: « Thiên biến vạn hóa, ngô thường thủ trung yên 千變萬化, 吾常守中焉: Nghìn biến muôn hóa, ta thường giữ đạo trung vậy » (Trung-thuyết, Chu-công). Bởi vậy đối với các học-thuyết khác tuy ông không ưa, nhưng ông cũng không công-kích. Hỏi cái đạo trường-sinh của phái thần-tiên bên Đạo-giáo là thế nào? Ông nói rằng:

« Nhân nghĩa không sửa, hiếu đễ không dựng, trường sinh mà làm gì? » (*Trung-thuyết, Lê-nhạc*). Hỏi Phật là thế nào? Ông nói rằng: « Phật là thánh-nhân vậy, nhưng đối với cái đạo của Phật thì lịch-sử và phong-thò nước Tàu không tương dung được ». (*Trung-thuyết, Chu-công*). Ông tin Nho-giáo là rất hay, cho nên một hôm ông vào chơi miếu Không-tử, rồi ra hát mà nói rằng: « Lớn vậy thay! Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con, anh ra anh, em ra em, chồng ra chồng, vợ ra vợ, là nhờ cái sức của Phu-tử vậy ». (*Trung-thuyết, Vương-đạo*).

Đại để những điều ông nói đó, là quan-hệ về phần hình-nhi-hạ, còn về phần hình-nhi-thượng thì ông có ý cho tam giáo có chỗ tương đồng với nhau, cho nên khi đọc xong thiên Hồng-phạm rồi, nói rằng: « Tam giáo ư thì hồ khả nhất hỹ 三教於是乎可一矣: Ba tôn-giáo ở đây có lẽ hợp làm một vậy ». (*Trung-thuyết, Văn-Dịch*). Đó là cái ý thâm-viễn của ông, mà ta nay không có thể xét được, là vì những sách của ông làm ra đều mất hết cả.

Ông có công làm cho phần-chấn Nho-học trong khi đạo thuật đương suy-hoa, và thành-tựu cho bốn hậu-tiên, nên chỉ về sau Tống nho như Chu Hối-am, Lục Tương-sơn đều khen ngợi, cho cái học của ông có chỗ

thực-dụng hơn Tuân-tử đời Chiến-quốc, Dương Hùng đời Hán và Hàn Dũ đời Đường vậy.

### HÀN DŨ

Hàn Dũ 韓愈, tự là Thoái-chi 退之, người đất Nam-dương, thuộc tỉnh Hồ-bắc ngày nay. Ông sinh vào năm Đại-lich thứ ba (768) đời vua Đại-tôn nhà Đường. Thừa ông lên 8 đã đọc được các sách, đến khi lớn lên thông hiểu hết các Kinh Truyện và bách-gia. Năm Trinh-nguyên thứ 8 (792) đời vua Đức-tôn nhà Đường, ông mới có 25 tuổi đã thi đỗ tiến-sĩ, ra làm chức Giám-sát ngự-sử.

Ông là người phẩm hạnh kiên-chính, nói thẳng không sợ ai, cho nên làm quan thường hay bị giáng-truất. Sau ông làm đến chức Lại-bộ Thị-lang thì mất. Thọ được 58 tuổi.

**TÍNH VÀ TÌNH.** — Hàn Dũ là một nhà văn-chương trác-tuyệt, chứ không phải là kẻ học-giả tinh-thâm. Văn của ông làm rất nhiều, rất hay và làm theo lối cổ-văn, không hề có đạo-tập tiên-nhân câu nào. Ông nhân làm văn mà thấy đạo, rồi lấy nghĩa câu : « Triệu văn đạo tịch tử khả hỹ » làm chỗ sở-đắc của mình.

Cái học của ông rút lại là chỉ bàn về tính và linh, cũng là nói về cái đạo thực-hành của Nho-giáo. Ông nói ở thiên *Nguyên-tính* 原性 rằng: « Tính là cùng với sự sinh mà có, linh là tiếp với vật mà có. Tính có ba phẩm là: thượng, trung, hạ. Thượng phẩm là chỉ thiện mà thôi; trung phẩm là có thể đem đến thượng phẩm hay là hạ phẩm được; hạ phẩm là chỉ có ác mà thôi. Tính chia ra làm năm là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Đối với năm tính ấy, bậc thượng phẩm chủ ở một tính mà thi-hành ra cả bốn tính; bậc trung phẩm thì thiếu mất một tính, mà cái thiếu ấy thiếu lây đến cả bốn tính; bậc hạ phẩm thì phản lại với một tính mà trái cả với bốn tính. « Tính cũng có ba phẩm là thượng, trung, hạ, và chia ra làm bảy tính, là: Hi, nô, ai, cụ, ái, ố, dục. Đối với bảy tính ấy, bậc thượng phẩm, hễ động thì lấy đạo trung làm cốt; bậc trung phẩm có cái thậm quá, có cái không có, song vẫn phải cầu cho hợp với đạo trung; bậc hạ phẩm thì có cả cái không có và cái thậm quá, rồi cứ thế mà hành-động.

\* Mạnh-tử nói tính rằng: tính của người là thiện; Tuân-tử nói tính rằng: tính của người là ác; Dương-tử nói tính rằng: tính của người thiện ác lẫn-lộn. Phẩm trước thiện, mà sau làm ác, hoặc trước ác mà sau làm thiện, hoặc trước thiện ác lẫn-lộn mà

sau làm thiện làm ác, đều lấy bậc trung mà bỏ bậc thượng bậc hạ, được một mà mất hai vậy ».

Hàn Dũ lấy lịch-sử mà làm chứng rằng : « Có người mới sinh ra đã có tính ác hiển-hiện ra ở tướng-mạo, hay ở tiếng kêu, tiếng khóc, như thế thì tính của người ta có quả là thiện đâu. Có người mới sinh ra điều gì cũng thiện cả, như thế thì tính của người ta có quả là ác đâu. Có người sinh ra, nuôi ở chỗ chỉ thiện, mà sau hóa ra ác, hoặc nuôi ở chỗ chỉ ác mà sau hóa ra thiện, như thế thì tính của người ta có quả là thiện ác lẫn-lộn đâu ». Ông kết-luận rằng : « Mạnh-tử, Tuân-tử, và Dương-tử bàn về tính đều lấy bậc trung mà bỏ bậc thượng và bậc hạ, được một mà bỏ mất hai ».

Vậy thì bậc thượng, bậc hạ, của tính có biến đổi đi được không ? Hàn Dũ cho là : « Cái tính bậc thượng càng học càng sáng thêm, cái tính bậc hạ có thể làm cho sợ uy mà ít phạm tội được. Cho nên bậc thượng thì có thể học thêm, bậc hạ thì có thể tài-chế được. Còn như cái phẩm của những bậc thượng, trung, hạ, đã sinh ra thế nào thì cứ thế, cho nên Khổng-tử bảo là *bất di* ». Đó là cái ý-kiến của ông đối với cái thuyết nói về tính tình. Song ông cũng nói qua như thế mà thôi, chứ không bàn cho hết lý.

Bài Phật Lão, tôn Nho-giáo. — Hán Dũ thâm mộ Mạnh-tử, cho cái công-bài-xích họ Dương, họ Mặc, không kém gì cái công trị thủy của vua Hạ Vũ, cho nên ông có chí nối Mạnh-tử mà công-kích Phật-học và Lão-học, để làm cho sáng đạo Nho.

Đối với Phật-giáo thì ông tỏ ra là người chưa hiểu rõ cái nghĩa tinh-vi của đạo Phật, cho nên những điều ông công kích chỉ quan-hệ cái hình-thức bề ngoài mà thôi. Ông thường nói rằng: « Vua không ra lệnh, thì mất cái sở dĩ làm ông vua; tôi không thi-hành cái lệnh của vua, mà đặt cho đến dân, thì mất cái sở dĩ làm người tôi; dân không làm ra thóc gạo và các đồ dùng, không thông những tài-hóa để thờ bề trên, thì phải giết. Nay cái phép của Phật là phải bỏ cái nghĩa vua tôi, bỏ cái tình cha con, cấm cái đạo tương sinh tương dưỡng, để cầu lấy cái gọi là thanh tịnh tịch diệt ». Ông cho như thế là trái với cái đạo luân-thường. Sau nhân vua Hiến-tôn nhà Đường (806-820) rước cái xương Phật về thờ trong cung ba ngày, rồi đưa ra để thờ ở một cái chùa. Những vương công và sĩ dân đua nhau đến cúng lễ tấp-nập. Ông lấy làm ghét, dâng tờ biểu đại lược nói rằng: « Tự Hoàng-đế cho đến vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Vũ đều hưởng thọ lâu dài, trăm họ yên vui, mà thừa ấy chưa có

Phật vậy. Đến đời vua Minh-đế nhà Hán mới có Phật-pháp, về sau cứ loạn-lạc mãi, các vua trị vì chẳng được bao lâu. Nhà Tống, nhà Tề, nhà Lương, nhà Trần, cũng nhà Nguyên-Nguy, thờ Phật càng ngày càng thêm kính-cần, thế mà niên-đại rất chóng. Duy có vua Vũ-đế nhà Lương ở ngôi được 48 năm, ba kỳ xả thân đi làm tăng, sau bị giặc Hậu-Cảnh bức phải chết đói. Thờ Phật cầu phúc mà lại phải vậy. Lấy đó mà xem, thờ Phật không nên tin, cũng khá biết vậy. Phật là người cõi ngoài, không biết cái nghĩa vua tôi, cái ân cha con. Giả như còn sống, Bệ-hạ dung-nạp tiếp-kiến ở điện Tuyên-chính, chẳng qua bày ra một tiệc khách lễ, ban cho một bộ áo, rồi mới về phương tây, đứng đờ làm mẹ-hoặc nhân-chúng. Huống chi cái xương khô ấy há nên để trong cung-cắm. Xin đem cái xương ấy giao cho hữu-ti, ném xuống chỗ nước lửa để đoạn-tuyệt cái lòng mẹ-hoặc của người đời sau. Nếu Phật có thiêng, phạm những điều họa ương, xin để một mình tôi chịu ».

Vua Hiến-tôn được tờ biểu ấy, giận lắm, toan bắt Hán Dĩ đem giết đi, sau nhờ có các quan can ngăn, mới đày ông ra làm thứ-sử ở đất Triệu-châu, thuộc tỉnh Quảng-đông ngày nay.

Đối với Lão-giáo thì ông cho Lão-tử nói bỏ nhân và nghĩa là lời nói riêng của một người,



chứ không phải là lời nói công của thiên-hạ. Vì cái sở kiến của Lão-tử nhỏ cho nên mới chỗ nhân và nghĩa là nhỏ. Cũng như người ngồi dưới giếng trông lên trời, bảo trời là nhỏ vậy.

Hàn Dũ là một nhà văn-sĩ thiên trọng về đường đạo-đức, chứ không phải một nhà có tư-tưởng cao-siêu, đạt tới lý-tưởng hình-nhi-thương, cho nên những lời ông phê-bình Phật-học và Lão-học vẫn là thô-thiên. Cho đến Nho-học, ông cũng chỉ chú-trọng ở phần hình-nhi-hạ mà thôi, chứ không đạt tới chỗ uyên-thâm của Khổng-giáo. Ông làm thiên *Nguyên-đạo* 原道 nói rằng: « Rộng lòng yêu gọi là nhân, làm mà phải gọi là nghĩa, noi con đường ấy mà đi gọi là đạo, đủ ở trong mình, không đợi ở ngoài, gọi là đức. Ta xưa nay gọi là đạo-đức, là hợp nhân với nghĩa mà nói vậy. Bậc đế và bậc vương danh hiệu có khác nhau, nhưng làm bậc thánh thì cũng như nhau. Mùa hạ mặc áo cát, mùa đông mặc áo cừu, khát thì uống, đói thì ăn, sự tuy khác nhau, nhưng làm cái chí thì như nhau. Nay kẻ kia lại nói rằng sao chẳng bát-chước như đời thái-cổ mà làm việc vô-vi, vô-sự. Ay khác nào trách kẻ mùa đông mặc áo cừu, mà nói rằng sao chẳng mặc áo cát, trách kẻ đói bụng tìm ăn, mà nói rằng sao chẳng uống nước.

Sách *Đại-học* nói rằng: đời xưa muốn sáng cái đức sáng với thiên-hạ, thì trước hết phải trị nước; muốn trị nước, thì trước hết phải tề gia; muốn tề thân thì trước hết phải chính tâm; muốn chính tâm thì trước hết phải thành ý. Thế thì đời xưa bảo chính tâm, thành ý đó, có phải là vô vi đâu, là toan để hữu vi vậy. Nay kẻ kia muốn trị cái tâm, mà lại để cái tâm ra ngoài sự thiên-hạ quốc-gia, làm tuyệt-diệt mất cái đạo của Trời, làm con mà chẳng coi cha là cha, làm tôi mà chẳng coi vua là vua, làm chồng mà chẳng coi vợ là vợ, làm vợ mà chẳng coi chồng là chồng, làm học-trò mà chẳng coi thầy là thầy, làm bạn mà chẳng coi bạn là bạn, làm dân mà chẳng coi việc sĩ, nông, công, cô, là việc mình, thì mấy nỗi mà chẳng hóa ra rợ mọi vậy. Ôi! nói rằng giáo-hóa của tiên-vương là thế nào? Về văn-chương thì kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch, kinh Xuân-thu; về phép-tác thì lễ nhạc và hình chính; về việc dân thì sĩ, nông, công, cô; về trật-tự thì quân thần, phụ tử, sư sinh, bằng hữu, tân chủ, huynh đệ, phu phụ; về đồ mặc thì tơ gai; về chỗ ở thì nhà cửa; về đồ ăn thì thóc gạo, rau quả, cá thịt. Cái đạo ấy dễ hiểu, cái giáo ấy dễ làm. Cho nên lấy đó để sửa mình thì thuận và rõ, lấy đó để giúp người thì thiện mà công, lấy đó để trị

có người ghen mà ngăn cản ngài, có người ghét mà muốn giết ngài. Bọn Thần Môn, Hạ Quĩ, đều là hiền sĩ lúc bấy giờ, mà còn nói rằng: « Thế có phải là những hạng người biết là không làm được mà cứ làm không? Quê kệch thay! sao mà gàn gàn như thế! Đã không ai biết mình, thôi thì thôi đi. » Đến Tử-Lộ đã ở vào hàng thẳng-đường, còn không khỏi không lấy làm ngờ, mà những chỗ ngài muốn tới, còn không bằng lòng, và lại cho là vu khoát, thế thì đời bấy giờ những người không tin Khổng-tử có phải chỉ hai ba trong phần mười mà thôi đâu. Thế mà ngài cứ vội-vội vàng-vàng như tìm đũa con lạc, không ngồi nóng chiếu bao giờ, há là đề mong người tin, người biết đâu. Chỉ vì cái lòng nhân coi trời đất muôn vật làm nhất-thề, đau xót thiết-tha, dầu muốn thôi cũng không tài nào mà thôi được, cho nên ngài nói rằng: « Ta không phải là bọn của những hạng người ấy thì ta cùng với ai? » Muốn sạch lấy một mình, đề đại-luân rồi loạn, thế thì quả quyết thật, song cũng không khó gì! Than ôi! Nếu không phải là người coi trời đất muôn vật làm nhất-thề, thì sao biết được tâm ngài? Còn đến như người độn thế vô muợn, lạc thiên tri mạnh, thì vốn là vô nhập nhi bất tự đắc; đạo tịnh hành nhi bất tương bội.

Hèn mọn như tôi dám đâu nhận lấy đạo Phu-tử làm kỹ-nhiệm, nhưng tâm tôi cũng hơi biết tạt thống quan-thiết đến thân, vậy mới vội-vã ngoảnh nhìn bốn mặt, muốn tìm có ai cùng giúp tôi đề bàn cách chữa bệnh vậy. Nay nếu được những bậc hào kiệt đồng chí với tôi, nâng đỡ giúp rập cùng mở sáng cái học lương-tri ở trong thiên-hạ, để người ta ai cũng tự biết noi đến cái lương-tri của mình, để cùng nhau yên lành, cùng nhau nuôi-nấng, bỏ hết cái tế tác của sự tự tư, tự lợi, rửa sạch cái tạp tục dèm ghen, ganh tức, cùng trợn cái cuộc đại - đồng, thế thì cái cường bệnh của tôi sẽ khỏi hẳn mà không có cái lo táng tâm vậy, há chẳng sướng vậy thay!... » (Ngũ-lục, II).

Xem cái thư ấy, thì hiểu rõ cái lòng nhân-ái của Dương - minh đối với nhân loại bao la khắp cả mọi người, thật là sau họ Khổng họ Mạnh chỉ có một người ấy vậy.

Cái học của ông còn có điều gì rất hay nữa, cho nên khi ông đau nặng sắp mất, có nói rằng: « Cái học-vấn bình sinh của ta hãy còn mấy phân, tiếc không được cùng với các bạn mà cộng thành điều đó. » Mấy phân ấy là gì? ta lấy làm tiếc không được biết!

Sau này thiết tưởng nên trích ra mấy lời phê-bình của tiên-nho, để học-giả biết rộng

thêm những ý-kiến về cái học của Dương-minh.

Lưu Tráp-son đời Minh-mạt nói rằng : « Tiên-sinh thừa cái học đã mất về từ-chương huấn-hỗ, quay trở lại cầu ở cái tâm, mà được cái « giác » của tính, gọi là lương-tri, rồi nhân đó đem dạy người ta cái cốt-yếu về sự cầu-doan và dụng-lực, gọi là trí-lương-trí. Lương-tri là tri, thì cái tri không bó buộc ở trong sự kiến-vấn ; tri-lương-tri là hành, thì cái hành không ngưng trệ ở một chỗ, một góc. Gọi là tri, là hành, là tâm, là vật, là động, là tĩnh, là thê, là dụng, là công-phu, là bản-thê, là thượng, là hạ, không có cái gì là không ở cái một, để chữa cái bệnh chi-li huyền-vụ, chuộng văn-hoa mà tuyệt căn-bản của học-giả. Có thể gọi là cái sét đánh làm tỉnh giấc mê, ngôi sao sáng làm tan bóng tối. Từ họ Khổng họ Mạnh đến giờ chưa từng có cái học thâm-thiết và sáng-sủa như thế. Chỉ có đối với cái thuyết của Chu-tử thì có điều không hợp, mà lại cực lực biểu-chương Lục Tượng-son. Có người nghi rằng cái học của tiên-sinh do Thiên-học mà ra. Thiên-học thì tiên-sinh vốn trước có học, nhưng sau biết cái học ấy không phải, thì đã bỏ đi rồi. Cái một là thành vậy, là đạo trời vậy ; thành được cái đạo ấy là minh vậy, là đạo người vậy, là tri-lương-tri vậy.

Nhân cái minh đến cái thành để người hợp với trời, gọi là thánh, Thiên-học có thể không? Có người nghi là hai chữ lương-tri bởi cái thuyết bản-tâm của Tượng-sơn mà ra. Về việc cầu bản-tâm ở lương-tri, thì cái cách chỉ-điểm thán-hiết hơn, hợp tri-tri với cách-vật, thì cái công-phụ thực có tuần-tự và tri-thủ, so với cách Tượng-sơn cho nhân đạo nhất-tâm tức là bản-thể để cầu cái « ngộ », thì lại không khác một hào ly hay sao? Tiên-sinh nói rằng: « *lương-tri tức thị độc tri thời* 良知卽是獨知時: lương-tri tức là lúc độc tri, » Như thế vốn không phải là huyền-diệu. Người đời sau cưỡng cho là cái quan-niệm huyền-diệu, cho nên mới gán Thiên-học, chứ thực ra không phải là cái bản ý của tiên-sinh. Còn như chỗ không hợp với Chu-tử là ở cả sách Đại-học. Chu-tử giải nghĩa sách Đại-học cho là trước phải cách tri rồi sau mới dạy cho lấy thành-ý; tiên-sinh giải nghĩa sách Đại-học thì cho cách tri là thành-ý. Cái công-phụ hình như phân hợp không đồng, song xét rõ chỗ khản-yếu của hai tiên-sinh, đều không qua cái cửa « thán độc 慎獨 », như thế thì nhân cái minh đến cái thành để tiến vào đạo của thánh-nhân, là như nhau vậy. Cho nên tiên-sinh lại có cái thuyết về vân-niên định luận của

Chu-tử. Sự dạy của sách *Đại-học*, một trước một sau, giai cấp rõ-ràng, mà thực thì không thể nói có trước sau. Cho nên tóm cả tám điều mục lại thì là một việc.

« Tiên-sinh là bậc mạnh thế nhân hào, cái giác - ngộ ở Long - trường là thuộc về phần Trời mở cho, nhưng tiên - sinh lại cho cái giác-ngộ ấy là ở sự ăn-chứng trong ngũ Kinh mà đến, thì thật là khuếch-nhiên con đường thánh không có ngờ gì nữa. Song vì tiên - sinh kíp về việc làm cho sáng đạo, thường thường cứ noi cao lên một chút, mà khinh thường cái cách chỉ-điểm, thành ra mở lối cho cái tệ của bọn hậu-học liệt-đẳng. Giả sử Trời cho thêm tuổi, để rèn đúc hết những cái ý - kiến cao-minh trác-tuyệt mà làm cho tới chỗ thực-địa, an tri lại không có cái vãn-niên dịch-luận hay sao ? »

Hoàng Lê-châu là di-nho nhà Minh, bèn đến cái học của Dương-minh nói rằng : « Kỳ thủy cái học của tiên-sinh có phiếm lạm về từ-chương, rồi sau đọc hết sách của Chu-tử, tuần-tự mà cách-vật, nhưng vật lý và ngộ tâm vẫn chia ra làm hai, không có lối vào đạo. Tiên - sinh bèn xuất nhập ở Phật Lão khá lâu. Kịp đến khi bị đày ra ở chỗ mường mọi, tiên - sinh động tâm nhận tính, nghĩ rằng thánh-nhân ở vào địa-vị ấy, thì có cái

đạo gì, hốt-nhiên ngộ được cái ý-chỉ cách-vật tri-tri. Đạo của thánh-nhân có đủ trong linh ta, không phải tìm ở ngoài.

« Cái học của tiên-sinh có ba lần biến, mới thấy được cửa đạo. Từ đó về sau, bỏ hết cành lá, chuyên ý ở cái gốc, lấy mặc-tọa trừng-tâm làm cái học-dịch. Phải có cái trung chưa phát, thì mới có cái hòa của sự đã phát mà trúng liết. Thị, thính, ngôn, động, đều lấy sự thu-liệm làm chủ; sự phát-tán là bất-đắc-dĩ vậy. Sau khi tiên-sinh ở Giang-hữu về, chỉ chuyên đề-xương ba chữ *tri-lương-tri*. Im mà không cần phải ngồi, tâm không cần phải trừng, không tập, không nghĩ, cứ tự-nhiên theo thiên-tắc mà ra. Vì lương-tri là cái trung chưa phát, ấy là trước cái tri, chứ không phải là cái tri chưa phát; lương-tri là cái hòa trúng-liết, ấy là sau cái tri, chứ không phải là cái tri đã phát. Cái tri ấy tự nó có thể thu liệm, không cần phải chủ ở sự thu-liệm; cái tri ấy tự nó có thể phát-tán, không cần phải định ở chỗ phát-tán. Thu-liệm là cái thể của sự cảm; tĩnh mà động vậy; phát-tán là cái dụng của sự tịch; động mà tĩnh vậy. Chỗ chân-thiết đốc-thực của cái tri là hành, chỗ minh-giác tinh-sát của cái hành là tri, tri với hành chỉ có một không có hai vậy. Sau khi tiên-sinh về



ở Việt, cái thao-thủ của tiên-sinh lại càng tinh-thực hơn, cái sở đắc lại càng tiến-hóa thêm, lúc nào cũng biết phải, biết trái, mở miệng ra là được cái bản-tâm, không cần phải gá mượn góp nhặt, tựa như mặt-trời ở trong không-gian, mà vạn tượng được soi sáng hết cả. Ấy là sau khi cái học đã thành rồi mà lại có ba lần biến ấy vậy.

« Tiên sinh lo rằng: sau Tống - nho, các học-giả lấy sự tri-thức làm cái tri, cho cái sở hữu của nhân - tâm là cái minh-giác, mà cái lý là cái công cộng của thiên địa vạn vật, cho nên tất phải cùng cái lý của thiên địa vạn vật, nhiên hậu cái minh - giác của ngộ tâm cùng với cái lý ấy hỗn hợp làm một, mà không gián đoạn, ấy là không có nội ngoại, kỳ thực là toàn nhờ cái kiến - văn ở ngoài, để cứu bổ cái minh - linh vậy. Tiên-sinh bèn cho cái học của thánh-nhân là tâm-học, tâm là lý, cho nên dạy về tri-tri cách-vật, không thể không nói: đem hết cái thiên-ly của lương - tri vào sự sự vật vật, thì sự sự vật vật đều được cái lý. Nếu lấy tri-thức làm tri, thì thành ra khinh-phù mà không thực, cho nên tất phải lấy lực-hành làm công-phu. Lương -tri cảm ứng thần tốc, không có đợi chờ. Cái sáng của bản-tâm là tri, không đối cái sáng của bản - tâm là hành, không thể không nói tri hành hợp-nhất được. Đó là

cái đại-chỉ của sự lập ngôn không ra ngoài điều ấy được.

«Hoặc có kẻ không biết cái giới-hạn của đạo Phật và đạo Nho, cho cái thuyết bản-tâm của Phật-giáo cũng giống như cái thuyết tâm-học. Chỉ có một chữ «lý» mà Phật thì đem cái lý của thiên địa vạn vật đề ra ngoài bụng không giảng đến, chỉ giữ cái minh-giác thôi. Nho thì không cậy ở cái minh-giác, mà cầu ở cái lý trong khoảng thiên địa vạn vật, cho nên hai bên khác hẳn. Song, qui cái lý về thiên địa vạn vật, với qui cái minh-giác về ngô tâm, thì vẫn là một vậy. Quay ra ngoài mà tìm cái lý, thì thành ra nước không có nguồn, cây không có gốc. Giả sử có tổng hợp lại được, thì ở trên cái bản-thể đã phí mất bao nhiêu công-phu, cho nên lần từng nhà mà xin lửa và nhắm mắt thấy tối, thì cách nhau chẳng xa.

«Tiên-sinh điếm khởi cái tâm sở dĩ là tâm, là không ở minh-giác mà ở thiên-lý. Như thế là cái gương đã rơi xuống lại nhặt lên, bèn khiến Nho với Phật phân-biệt ra, cách nhau xa như núi sông, ấy là ai có mắt cũng thấy rõ vậy. Thử lấy những lời của Không Mạnh mà chứng xem: Tri cái lương-trí của ta đến các sự vật, thì các sự vật đều được cái lý, thế không phải là «nhân năng hoảng đạo» hay sao? Nếu cho cái lý ở sự vật, thì hóa ra

« đạo năng hoảng nhân » vậy. Cáo-tử cho cái nghĩa ở ngoài, há là bỏ hẳn cái nghĩa mà không đoái tưởng đến hay sao? Chẳng qua là cầu cái nghĩa ở trong khoảng sự vật mà hợp lại. Như thế, chính là thế-nho gọi là cùng-lý vậy. Mạnh-tử không cho là phải, mà đem bốn mối qui cả về ở tâm. Than ôi! cảm bã dậm mắt, bốn phương đổi ngôi, thì mới có thể ngờ cái học-thuyết của tiên sinh vậy. »

Học-giả đã xem rõ cái học của Dương-minh, lại đọc những lời bàn của hai bậc danh-nho trên kia, chắc là hiểu được những điều cốt-yếu về tâm-học. Ai muốn biết thêm nữa, thì nên xem sách *Vương Văn-thành-công toàn-thư* 王文成公全書 và sách *Minh-nho học-án* 明儒學案 của Hoàng Lê-châu. Thiết-tưởng những nhà hiếu-học không nên bỏ qua cái học có nghĩa lý sâu xa ấy mà không xem vậy.

#### CÁC CHI-PHÁI CỦA ĐIỀU-GIANG PHÁI

Sau khi Dương-minh mất rồi, môn-đệ của ông tụ-hợp nhau lại, mở nhà thư-viện ở các nơi, đem cái học trí-lương-tri mà giảng dạy, lập ra nhiều môn-phái. Trong những môn-phái ấy có Vương Kỳ, Vương Cán và La Hồng-tiên là người trác-lạc, hiểu tới chỗ

uyên-thâm của cái học tri-lương-tri, nhưng vì đem cái học ấy lên cao quá, thành ra dần dần về sau các học-giả thiên về đường Thiên-học; có Tiên Đức-hồng và Châu Thủ-ich là người tri-thủ, giữ được cái học thiết-thực, làm cho không mất cái chân-tướng của cái học Dương-minh.

1. **Chiết-trung Vương-môn** 浙中王門. — Môn-phái này ở đất Việt, tức là ở tỉnh Chiết-giang, là nơi Dương-minh giảng học lúc sinh thi. Về sau các môn-nhân tụ họp ở đó mà truyền cái học của ông. Trong môn-phái này có mấy người trừ danh là: Từ Ái, Tiên Đức-hồng, Vương Kỳ, Trương Nguyên-xung v. v. Nhưng lỗi-lạc thì không ai bằng Vương Kỳ, mà thao-thủ thì không ai bằng Tiên Đức-hồng.

**Từ Ái.** — Từ Ái 徐愛, tự là Việt-nhân 曰仁, hiệu là Hoành-sơn 橫山, người đất Đư-diêu. Ông là em rề Dương-minh, đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức lang-trung bộ Công. Khi Dương-minh ở Long-trường vẽ, giảng cái thuyết tri-hành hợp-nhất, ông là người hiểu trước cả mọi người và xin làm đệ-tử. Song ông chỉ hưởng thọ được có 31 tuổi, cho nên sách của ông chỉ nói cái thuyết tri-hành hợp-nhất và cái thuyết mặc-tọa trừng-tâm chứ không nói đến cái thuyết tri-lương-tri là cái

thuyết của Dương-minh dạy lúc ông đã mất rồi. Ông đối với Dương-minh cũng giống như Nhan-tử đối với Khổng-tử vậy.

**Tiền Đức Hồng.** — Tiền Đức-hồng 錢德洪, tự là Hồng-phủ 洪甫, hiệu là Tư-sơn 緒山, người đất Du-diêu, tỉnh Chiết-giang, làm quan đến chức viên-ngoại-lang bộ Hình, rồi về trí-sĩ. Ông với Long-khê theo học Dương-minh, nhưng rồi sau mỗi người hiểu cái học trí-lương-tri ra một cách. Long-khê bảo cái bản-thê của tâm là cái tịch 寂; tịch lấy chiếu 照 làm dụng 用, giữ cái không tri 空知 mà bỏ mất cái chiếu, ấy là hỏng mất cái dụng. Ông bảo cái vị-phát thì tìm ở đâu? nếu bỏ cái dĩ-phát mà tìm cái vị-phát, là không thể nào được. Bởi vậy Long-khê theo cái hiện-tại mà giải-ngộ cái thê biến động bất cư của cái hiện-tại ấy; ông chỉ lấy thực tâm mà ma-luyện ở chỗ sự vật, cho nên sự triệt-ngộ của ông không bằng của Long-khê, mà sự tu-tri của Long-khê không bằng của ông. Cái học của ông tuy không có cái sở-đắc lớn, nhưng không có cái sở-thất lớn vậy.

**Vương Kỳ.** — Vương Kỳ 王畿, tự là Nhữ-trung 汝中, hiệu là Long-khê 龍溪, người đất Sơn-âm, tỉnh Chiết-giang, đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức lang-trung, rồi thôi quan về dạy học. Ông là người trác-lạc hơn cả mọi

người trong môn-nhân của Dương-minh, và lại có cái tư-tưởng rất siêu việt, cho nên cái học của ông chủ ở « tứ vô 四無 », lấy chính-tâm làm cái học tiên-thiên, thành-ý làm cái học hậu-thiên. Theo ở cái tâm mà lập căn, thì cái tâm vô thiện vô ác, tức là cái ý vô thiện vô ác, ấy là tiên-thiên thống hậu-thiên ; theo ở cái ý mà lập căn, thì không khỏi có hai mối thiện và ác, mà cái tâm không thể không có điều hỗn-tạp, ấy là hậu-thiên phục lại tiên-thiên.

Luận-giả có người nói rằng : « Cái học của ông truyền ra thiên-hạ không thể không có điều ngờ. Lấy cái thuyết « tứ hữu 四有 » mà bàn, thì thiện là cái cố-hữu của tâm, cho nên cái thiện của ý, tri, vật, theo ở trong tâm mà phát ra, cái ác theo ở ngoài tâm mà đến. Nay nếu nói tâm-thể đã không có thiện ác, thì cái ác của ý, tri, vật, là làm mà cái thiện cũng là làm. Cái công-phu đã làm, thì sao lại nói là phục về cái bản-thể được ? » Nghĩ cho kỹ ra, thì lời bẻ ấy vẫn là non, mà cái tư-tưởng của Long-kê rất nên chú ý lắm, là vì theo cái tâm, là cái bản-nhiên của trời đất, tất tự nó không có thiện ác. Thiện và ác khỏi đâu có từ lúc có cái ý, là cái riêng của người ta. Vậy hữu thiện hữu ác thuộc về phần hậu-thiên, tức là phần người ; vô thiện vô ác thuộc về phần tiên-thiên, tức là phần trời. Hữu thiện hữu ác là phần tỉ-hiệu, do sự so-sánh của

người ta mà ra ; vô thiện vô ác là phần tuyệt-đối, tự-nhiên, tự-tại, cho nên phải là chí-thiện. Cũng vì thế mà có chỗ ông lại nói : « Chí-thiện vô ác là cái bản-thể của tâm », ấy chính là ông đã hiểu đến chỗ cực cao cực xa trong cái học của Dương-minh, chứ không phải là ông nói mỗi lúc một khác. Vì học-giả không đạt tới chỗ ấy, cho nên mới thành ra có nghị-luận.

Luận-giả lại hỏi rằng : « Lấy cái thuyết « tứ vô 四無 » mà bản, thì cái công-phu chính-tâm trong *Đại-học*, phải theo thành-ý mà vào, nay nói rằng : theo cái tâm mà lập căn, ấy là không cần đến ý nữa. Nếu bảo rằng theo ở cái ý mà lập căn, ấy là cái thuyết lập ra cho hạng trung-nhân và hạ-nhân ; thế thì cho *Đại-học* có hai cái công-phu khác nhau hay sao ? hay là chỉ vì hạng trung-nhân và hạ-nhân mà lập giáo hay sao ? » Thiết tưởng sách *Đại-học* là nói chung sự học của người ; đã là người thì tất phải có cái ý, cho nên phải nói thành-ý rồi mới chính-tâm được. Long-khê theo cái phần cao của Dương-minh nói cái bản-thể của tâm, tất là không thể không nói vô thiện vô ác. Vô thiện vô ác là chí-thiện, tức là cái cực-điểm của sự học trong *Đại-học*. Học-giả phải tùy cái thiên-tư của mình mà thể-nhận : ai có thiên-tư tốt, tức là có cái lợi-căn, thì hiểu thẳng ngay đến

cái bản-thê ; nếu không, thì phải theo thành-ý mà vào chính-tâm. Hai đường đều đi đến một chỗ cùng-cực, thì vẫn không có hại gì. Và chẳng Long-khê hình như đã đón trước điều đó, cho nên nói rằng: « Thánh-học từ nghìn xưa, chỉ cốt ở một niệm linh minh. Giữ được một niệm, ấy là học ; lấy niệm ấy mà xúc phát cảm thông, ấy là giáo ; tùy sự mà không làm tối mất cái niệm ấy, gọi là cách-vật ; không đổi cái niệm ấy, gọi là thành-ý ; một niệm khuếch - nhiên, không có một cái máy tư nào cố-tất, gọi là chính-tâm. Ấy là cái căn-nguyên dị giản trực tiệt. »

Long - khê cho cái lương - tri là ở trong « vô » mà sinh ra « hữu », tức là cái trung vị-phát, ấy là trước cái tri, chứ không có cái v - phát ; cũng như cái hòa trúng-tiết, ấy là sau cái tri, chứ không có cái dĩ-phát. Lương-tri tự nó thu-liệm lấy được, không cần phải chủ ở sự thu-liệm ; tự nó phát-tán ra được, không cần phải cầu ở sự phát-tán, đáng hiện ra là hiện-thành, không cần phải mượn cái công-phu tu chính mà sau mới được. Cái thuyết tri-lương-tri vốn là đặt ra để cho người chưa ngộ, <sup>h</sup>hễ khi nào đã tin hẳn được cái lương-tri rồi, thì độc vãng độc lai, như ngọc châu chạy ở trong cái mâm, không đợi có cai-quân cầu-thúc, mà tự nó không qua được cái qui-tắc. Còn như hết thấy sự đốc-tin căn-thủ là



việc căng danh sức hạnh 矜名飾行, điều là việc bày đặt ra cả.

Cái học tri - lương - tri là học cho tới đến lương - tri. Khi đã tới đến lương - tri rồi, thì không cần có công - phu gì nữa. Cho nên ông nói rằng: «Lương - tri không học, không lo nghĩ; cả ngày học là chỉ để phục lại cái thể không học của lương - tri, cả ngày lo nghĩ là chỉ để phục lại cái thể không lo - nghĩ của lương - tri. Trong cái vô - công - phu là có cái chân - công - phu, chứ không phải có thêm vào được chút gì vậy. Cái công - phu chỉ cầu lấy càng ngày càng bớt đi, chứ không cầu cho càng ngày càng thêm ra. Bớt được đến hết, ấy là thánh - nhân. Cái học - thuật của hậu thế chính là trái lại, cứ càng ngày càng thêm công - phu, cho nên cả ngày cần lao, mà cái bệnh lại càng thêm lên. Nếu quả hay một niệm tinh - tinh sáng suốt, lãnh - nhiên tự hội, tới đến chỗ cùng cực cái dụng, mà vẫn không thể hiểu được, ấy là lời cứu - cánh vậy.» (Ngữ - lục).

Thuở ấy ông thấy bọn đồng - môn với ông có nhiều người hiểu cái thuyết lương - tri khác nhau, ông cố phân biện cho rõ những chỗ lầm ấy và nói rằng: Cái tôn - thuyết bản lương - tri, tuy bọn đồng - môn không ai dám cãi trái lại, nhưng chưa khỏi mỗi người theo cái tính sở cận của mình, mà nghĩ - nghị khác

nhau. Có người bảo lương-tri không phải là giác-chiếu, phải gốc ở sự qui-tịch 歸寂 mới được; như cái gương soi vật, cái thề sáng tịch-nhiên mà đẹp xấu tự-nhiên phân biệt, nếu ngưng trệ ở sự soi, thì cái sáng lại mờ đi vậy. Có người bảo lương-tri không có hiện-thành, có tu-chứng rồi mới được hoàn toàn; như loài kim khoáng, nếu không có lửa nung nấu, thì không thành loài kim vậy. Có người bảo lương-tri là kê từ lúc dĩ phát mà lập giáo, chứ không phải là cái bản-chỉ vị-phát vô-tri. Có người bảo lương-tri vốn không có lòng đục, theo lòng thẳng mà động, thì không có cái gì là không phải đạo, không đợi phải thêm cái công tiêu-đục. Có người bảo có chủ-tề, có lưu-hành: chủ-tề đề lập tĩnh, lưu-hành đề lập mạnh, rồi lấy lương-tri chia ra thề và dụng. Có người bảo sự học cốt ở tuần-tự, lúc cầu có gốc ngọn, lúc được không có trong ngoài, rồi lấy tri-tri phân biệt ra thủy chung. Đó đều là những chỗ các nhà bàn về sự học khác nhau, không thể không phân-biệt được vậy.

« Tịch là cái bản-thề của tâm; tịch lấy chiếu làm dụng, giữ cái không-tri mà bỏ sót cái chiếu, thế là trái với cái dụng vậy. Thấy đũa trê sa xuống giếng mà thương sót, thấy cách đi xin ăn dơ nhớp mà xấu-hỗ, lòng

nhân nghĩa vốn là hoàn-cụ, cảm xúc thần ứng, không học cũng hay vậy. Nếu bảo lương-tri phải bởi sự tu 修 rồi mới toàn 至, thế là trái với cái thề vậy.

« Lương-tri là cái trung chưa phát, không biết mà cũng không cái gì là không biết. Nếu trước cái lương-tri, mà lại tìm cái vị-phát, thế là chìm đắm vào chỗ không vậy. Cồ-nhân lập giáo nguyên vì có lòng dục mà đặt ra, tiêu dục là để trở lại cái thề vô-dục, không phải có thêm ra cái gì. Chủ-tề là cái thề của sự lưu-hành, lưu-hành là cái dụng của chủ-tề; thề với dụng là một gốc, không thể chia ra được. Cái sở cầu là cái nhân 因 của cái đắc; cái sở đắc là cái chứng của cái sở cầu, thủy chung là nhất-quán, không thể chia ra được.» (Ngũ-lục).

Có người muốn biết cái học của Dương-minh với cái học của Bạch-sa khác nhau thế nào. Ông nói rằng: « Bạch-sa thuộc về cái truyền-lưu của phái Bạch-nguyên-sơn 百源山, là học-phái của Thiệu Khang-tiết đời Tống, cũng là biệt-phái của Không-môn. Cái học của Bạch-sa được cái chỗ giữa cái vòng đề ứng-phó vô-cùng, đó là cái cảnh-tượng vậy. Vì người đời tinh-thần nở-nang vung rọng, chạy dong-ruổi ra bên<sup>2</sup> ngoài, muốn trở lại chỗ tĩnh tĩnh của mình mà không có lối vào, thế phải mượn cách hành-tri ở chỗ

tĩnh mà tìm lấy cái diện-mục bản-la', để làm cái căn-cơ an thân lập mệnh, đó là cái phép quyền tạm vậy. Đến như cái tồn-chỉ tri-tri thì không kể ngữ, mặc, động, tĩnh, cứ theo nhân tình sự biến, tuyện-tập cho thấu đến cùng, để quay về đến cái gốc, ví như loài chân-kim vì đồng, chì, lẫn lộn, không có lửa nóng nấu đúc, thì không thành ra tinh-thuần được. Cái học của Dương-minh tiên-sinh có ba phép dạy về nhập ngộ: Bởi tri-giác mà được, gọi là giải-ngộ 解悟, song chưa ly thoát ra ngoài ngôn thuyên; bởi tĩnh mà được, gọi là chứng ngộ 證悟, song còn phải đợi ở cảnh-giới; bởi nhân-sự tuyện-tập mà được, quên cả ngôn-ngữ, quên cả cảnh-giới, gặp chỗ nào cũng phùng nguyên, càng lay-động lại càng im-lặng, thế mới là triệt-ngộ 徹悟. » (Ngữ-lục).

Cái học của Long-khê lên đến chỗ cùng-cực, tất là phải phảng-phất giống Lão-học và Phật-học. Các nho-giã khác thường bó buộc ở chỗ thấp, cho nên mới có nhiều điều nghị-luận. Bạn ông là Đường Kinh-xuyên, thuộc chi-phái Nam-trung nói rằng: « Ông tự tin hậu quả, không phòng đến cái hình tích, bao bọc rộng-rãi, không chọn cái sạch bản, cho nên lời nghị-luận của đời không hẳn mất nào. » Hoàng Lê-châu nói rằng: « Lương-tri đã là sự lưu-hành của tri-giác, thì nó không

nhất-định ở chỗ nào, không cần có khuôn-phép; hễ đã dùng đến công-phu, thì làm trở ngại cái thể hư-vô, thế là phải gần với Thiên-học, Sự lưu hành tức là cái chủ-tề, nhưng với tay lên núi cao, không bầu víu vào đâu được, phải lấy tâm tức 心息 nương nhau làm phép quyền tạm, thế là gần Lão-học. Tuy nói là chân-tĩnh lưu-hành thì tự-nhiên thấy rõ cái thiên-tác, nhưng đối với cái khuôn-phép của Nho-học cũng hơi khác vậy. Song ông thân thừa cái mặt mạnh của Dương-minh, những lời vi-ngôn của Dương-minh thường thường còn truyền lại. Sau Trọng-sơn không thể không có Từ-hồ; sau Dương-minh không thể không có Long-khê. Lấy sự thịnh suy của học-thuật mà suy rộng ra, thì Từ-hồ làm cho cái luồng sóng của Trọng-sơn lưu thông, mà Long-khê thì khơi sóng tìm nguồn, đối với cái học của Dương-minh vốn có phát-huy ra được nhiều vậy.»

**Trương Nguyên-xung.** — Trương Nguyên-xung 張元冲, tự là Thúc-khiêm 叔謙, hiệu là Phù-phong 浮峯, người đất Âm-sơn, tỉnh Chiết-giang, đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức phó-đô-ngự-sử, tuần-phủ tỉnh Giang-tây. Ông thường nói rằng: Cái đạo của Không-tử là nhất dĩ quán chi; cái đạo của Mạnh-tử là vạn vật đều đủ ở ta. Cái thuyết

lượng-tri chi thể mà thôi.» Ông lại nói :  
« Học thi trước phải lập chí. Không học làm  
thánh-nhân không phải là chí vậy. Cái học  
của thánh-nhân ở sự giới-cụ cần-độc, không  
như thế không phải là học. »

**2. Giang-hữu Vương-môn 江右王門.**—  
Môn - phái này ở đất Giang-tây, có những  
danh-nho như Châu Thủ-Ích, Âu - dương-  
Đức, Nhiếp Báo, La Hồng-tiên, Trần Cửu-  
Xuyên v. v., cố sức giảng tập cái học của  
Dương-minh, cho nên hậu-nho thường cho  
là nhờ có phái này mà cái học của Dương-  
minh giữ được cái chính-truyền.

**Châu Thủ-Ích.** — Châu Thủ-Ích 鄒守益, tự  
là Khiêm-chi 謙之, hiệu là Đông-quích 東  
臈, người đất An-phúc, tỉnh Giang-tây, đỗ  
tiến-sĩ cập-đệ, làm quan đến chức Nam-kinh  
Quốc-tử tế-tửu. Cái học của ông đặc lực ở  
sự kính. Kính là tinh-minh của lượng-tri  
mà không lẫn với trần tục vậy. Ông cho là  
cái tính-thể của ta là ở trong sự nhất dụng  
luân vật không phân động tĩnh, không kê  
ngày đêm, không có lúc nào đứng dừng lại,  
chỗ lưu-hành mà hợp nghi là thiện, chỗ có  
chương-tế ứng-tác là bất thiện. Hễ quên sự  
giới-cụ thì có chương-tế mà ứng-tác. Khiến  
cho không có chỗ nào là không có sự lưu-

hành của giới-cụ, ấy là sự lưu-hành của tinh-thê vậy. Xa lìa sự giới-thận khùng-cụ thì không biết tìm tinh ở đâu; xa lìa cái tinh thì không biết tìm sự nhật dụng luân vật ở đâu. Cái học của ông thì thận trọng mà không cao xa, song nhờ có cái học ấy mới giữ được cái phần thiết-thực trong cái học của Dương-minh.

**Âu dương-Đức.** — Âu dương-Đức 歐陽德, tự là Sung-nhất 崇一, hiệu là Nam-dã 南野, người đất Thái-hòa, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ cập-đệ, làm quan đến chức Lễ-bộ thượng-thư. Ông nói rằng: «Cái minh-giác thật của thiên tính, tự-nhiên tùy cảm mà thông, tự nó có điều-lý, ấy thế gọi là lương-tri, mà cũng gọi là thiên-lý. Thiên-lý là sự điều-lý của lương-tri, lương-tri là cái linh-minh của thiên-lý.»

**Nhiếp-Báo.** — Nhiếp-Báo 聶豹, tự là Văn-ủy 文蔚, hiệu là Song-giang 雙江, người đất Vĩnh-phong, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức thượng-thư. Lúc ông đang làm quan, có việc bị giam trong ngục, ngồi tĩnh tọa lâu ngày, hốt-nhiên thấy rõ cái chân-thê của tâm, quang minh oanh triệt, vạn vật đều đủ, bèn mừng mà nói rằng: «Ấy là cái trung chưa phát, giữ cái ấy không mất, thì cái lý của thiên-hạ đều bởi đó mà ra vậy.»

Đến lúc ở ngục ra, cùng với học-giả lập phép tính tọa, khiến qui về cái tịch đề lấy thông cảm, giữ lấy cái thề đề ứng dụng. Đại đề cái học của ông là chủ ở sự qui tịch đề thông sự cảm của thiên-hạ.

**La Hồng-tiên.** — La Hồng-tiên 羅洪先, tự là Đạt-phu 達夫, hiệu là Niệm-am 念菴, người đất Cát-thủy, tỉnh Giang-tây, đỗ trạng-nguyên, làm quan được ít lâu rồi về nhà lo việc học, lấy sự nghèo làm thích, không thiết đến của cải.

Cái học của ông lúc đầu dụng lực ở chỗ thực-tiến, sau theo về tịch tĩnh, đến văn-niên mới triệt ngộ cái thề của nhân 仁. Thuở ấy những môn-đệ của Dương-minh bàn việc học, đều nói rằng: «Tri thiện tri ác tức thị lương-tri, theo đó mà làm, tức là tri-tri.» Ông bảo rằng: «Lương-tri là nói chí-thiện vậy. Cái thiện của tâm ta, ta biết; cái ác của tâm ta, ta biết; không thề nói là không phải cái tri được. Trong chỗ thiện ác giao tạp, há lại không có cái gì làm chủ hay sao? Không có cái gì làm chủ ở trong, mà bảo cái tri vốn thường sáng là không phải. Cái tri có lúc chưa sáng, nếu theo đó mà làm, mà bảo không có sai lầm ở lúc sau đã phát ra, và có thể thuận ứng các sự vật, là không phải. Cho nên không trải qua sự khô-kháo



tịch-mịch, hết thấy phải lắng nghe cái thiên-lý sáng rõ, thì không dễ mà tới được.» Ông cho cái lương-tri không có cái hiện-thành, phải có tu-chứng rồi mới hoàn-toàn.

Trong những người xưng là môn-nhân của Dương-minh, ông là người tư-thực, nhưng ông hiểu được cái học của Dương-minh có phần hơn nhiều người khác.

**Trần Cửu-Xuyên.**—Trần Cửu-Xuyên 陳九川, tự là Duy-tuấn 惟濬, hiệu là Minh-thủy 承, người đất Lâm-xuyên, tỉnh Giang-tây, đỗ liên-sĩ. Cái học của ông hợp cái tịch và cái cảm làm một. Tịch ở trong cảm, là cái bản-thể của cảm; cảm ở trong tịch, là cái diệu-dụng của tịch.

**3. Nam-trung Vương-môn** 南中王門.— Môn-phái này ở đất Giang-tô, vùng Nam-kinh. Những học-giả trong môn-phái này là: Hoàng Tinh-tăng 黃省會, tự là Miễn-chi 勉之, hiệu là Ngũ-nhạc 五岳, người huyện Tô-châu; — Chu Đắc-chi 朱得之, tự là Bản-tư 本思, hiệu là Cận-trai 近齋, người huyện Tĩnh-giang, tỉnh Giang-tô; — Đường Thuận-chi 唐順之, tự là Ứng-đức 應德, hiệu là Kinh-xuyên 荆川, người huyện Võ-tiến, tỉnh Giang-tô v. v..

4. **Sở-trung Vương-môn** 楚中王門. — Môn-phái này ở vùng Hồ-nam và Hồ-bắc. Những học-giả trong môn-phái này là: Trương Tín 蔣信, tự là Khanh-thực 卿實, hiệu là Đạo-lâm 道林, người đất Thương-đức; — Kỳ Nguyên-Hanh 冀元享, tự là Duy-kiên 惟乾, hiệu là Âm-trai 闇齋, người đất Võ-lãng, v. v.

5. **Bắc-phương Vương-môn** 北方王門. — Người phương bắc theo cái học của Dương-minh ít hơn cả. Những học-giả trong môn-phái này là: Mục Không-Huy 穆孔暉, tự là Bá-tiêm 伯潛, hiệu là Huyền-am 玄菴, người tỉnh Sơn-dông; — Mạnh Thu 孟秋, tự là Tử-thành 子成, hiệu là Ngã-cương 我疆, người tỉnh Sơn-dông; — Nam Đại-Cát 南大吉, tự là Nguyên-thiện 元善, hiệu là Thụy-tuyền 瑞泉, người tỉnh Thiểm-tây, v. v.

6. **Việt-Mãn Vương-môn** 粵閩王門. — Người đất Phúc-kiến và Quảng-đông theo học Dương-minh cũng nhiều, song chỉ có Tiết Khán 薛侃, tự là Thượng-khiêm 尙謙, hiệu là Trung-ly 中離, người đất Quảng-đông là hơn cả.

7. **Chỉ-tu** 正修. — Môn-phái này do Lý Tài lập ra. Lý Tài 李材, tự là Mạnh-thành

孟誠, hiệu là Kiến-la 見羅, người huyện Phong-thành, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ cập-đệ. Ông trước theo Châu Đông-quách học cái thuyết tri-lương-tri, sau phát ra cái tôn-chỉ « chi-tu », cho là cái chân-truyền của Không-tử và Tăng-tử « chi » để làm cách tôn-dưỡng, « tu » là để làm cách tinh-sát. Ông cho lương-tri là theo cái dĩ-phát mà lập giáo, chứ không phải là cái bản-chỉ vị-phát vô-tri.

8. Thái-châu 泰州. — Môn-phái này do Vương Cấn lập ra, Vương Cấn 王艮 tự là Nhữ-chi 汝止, hiệu là Tâm-trai 心齋, người đất An-phong, thuộc Thái-châu, tỉnh Giang-tô. Ông bình sinh ý khí thái-cao, hành sự thái kỳ. Dương-minh thường phải tìm cách tài-ức cho bớt đi. Ông không ra ứng cử, không làm quan.

Trong những môn-nhân của Dương-minh có Long-kê và ông là hơn cả. Long-kê tuy giỏi hơn ông, song có người tin và có người không tin. Ông thì có khi ở trong khoảng chớp mắt, tỉnh-giác được nhiều người. Ông thường bảo rằng: sự nhật dụng của trăm họ lúc là đạo, và ông lấy ở chỗ vắng lại động tác của bọn đồng bộc, cái gì là không mượn sự an-bãi, thì chỉ ra cho người ta biết, cho nên ai trông thấy cũng hiểu ngay.

Cái học của ông chú ở sự cách-vật. Ông cho sự cách-vật là nói vật có bản mặt ; thân mình với thiên-hạ quốc-gia là một vật ; cách-vật, trí-tri, tu-thân là gốc ; tề-gia, trị-quốc, bình thiên-hạ là ngọn. Làm việc gì mà không được, thì phải quay trở lại tìm ở mình. Quay trở lại mình, ấy là cái công-phu cách-vật, cho nên muốn tề-gia, trị-quốc, bình thiên-hạ, phải cốt ở sự yên thân. Cái thân chưa yên, thì cái bản không lập. Người biết cái thân đã yên, thì biết yêu thân và kính thân ; người yêu thân và kính thân, thì không dám không yêu người, không kính người. Đã yêu người và kính người, thì người yêu ta kính ta, mà thân ta yên vậy. Một nhà yêu ta kính ta, thì nhà tề ; một nước yêu ta kính ta, thì nước trị ; thiên-hạ yêu ta kính ta, thì thiên-hạ bình. Cho nên người không yêu ta, không phải chỉ có người là bất-nhân, mà cái bất-nhân của ta cũng biết được vậy ; người không kính ta, không phải chỉ có người là bất-kính, mà cái bất-kính của ta cũng biết được vậy. Cái thuyết cách vật ấy về sau gọi là cái thuyết cách-vật ở đất Hoài-nam.

Lưu Tráp - sơn bản chỗ này, nói rằng : « Chử yên thân ở đây là nói yên cái tâm của mình, chứ không phải là bo-bo giữ cái hình-hai làm gốc. » Tâm - trai cũng thường nói rằng : « Yên cái thân và yên cả cái tâm là bạc

thượng, không yên cái thân mà yên cái tâm là bậc thứ, không yên cái thân mà cũng không yên cái tâm là bậc hạ.» Xem vậy thì hai chữ «yên thân» của Tâm-trai là chủ lấy sự yên tâm làm gốc.

Tâm-trai nói rằng: «Thánh-nhân lấy đạo giúp thiên-hạ, ấy cái chi-trọng là đạo vậy; người có thể mở rộng đạo, ấy cái chi-trọng là thân vậy. Đạo trọng thì thân trọng, thân trọng thì đạo trọng, cho nên học là học làm thầy, học làm bậc trưởng, học làm vua vậy. Lấy thiên địa vạn vật nương ở thân, không lấy thân nương ở thiên địa vạn vật.» Đạo là để giúp thiên-hạ, thân là để hành đạo, vậy nên ta phải trọng cái thân. Trong cái thân có cái tâm làm chủ, mà cái tâm thì vẫn có cái vui, tìm cái vui đó tức là học. Cho nên nói rằng: «Cái tâm của người ta vốn tự vui, rồi tự nó đem cái tư-dục mà trói buộc mình lại, nhưng khi cái tư-dục mọc ra, thì cái lương-tri tự biết; đã biết, thì cái tư-dục lại tiêu-trừ đi, và cái tâm của người ta lại y như cũ mà vui. Vui là vui cái học ấy, học là học cái vui ấy; không vui không phải là học, không học không phải là vui; vui rồi mới là học, học rồi mới là vui: vui là học, học là vui. Than ôi! cái vui của thiên-hạ có gì bằng cái học như thế, cái học của thiên-hạ có gì bằng cái vui như thế!» Đại để, cái học của Tâm-trai

có cái chủ-nghĩa lạc quan rất lớn, cho nên về sau những người theo môn-phái này hay thiên về đường du-hiệp.

Hoàng Lê-châu nói rằng: « Cái học của Dương-minh nhờ có Long-khê và Tâm-trai mà truyền rộng ra ở thiên-hạ, nhưng cũng vì Long-khê và Tâm-trai mà dần dần làm mất cái chính-truyền. Song, sau Long-khê không có ai bằng Long-khê nữa, và lại nhớ có chi phái Giang-hữu chữa lại, thành ra không đến nỗi hư-hỏng hẳn; đảng này sau Tâm-trai thì có nhiều người đả-mương, làm những việc khác thường, rồi truyền đến bọn Nhan Sơn-nông, Hà Tâm-Ân thì không phải là cái danh-giáo có thể ràng buộc được nữa. »

Những người có tiếng trong môn-phái này là: Từ Việt 徐懋, tự là Từ-trực 了直, hiệu là Ba-thạch 波石, người đất Quý-khê, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ; — Vương Đổng, 王棟, tự là Long-cát 隆吉, hiệu là Nhất-am 一菴, người đất Thái-châu; — Lâm Xuân 林春, tự là Từ-nhan 子仁, hiệu là Đông-thành 東城, người đất Thái-châu; — Triệu Trinh-Cát 趙貞吉, tự là Mạnh-tĩnh 孟靜, hiệu là Đại-châu 大洲, người đất Nội-giang, tỉnh Tứ-xuyên; — La Nhữ-Phương 羅汝芳, tự là Duy-đức 惟德, hiệu là Cận-khê 近溪, người đất Nam-thành, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ; —

Chu Nhữ-Đăng 周汝登, tự là Kế-nguyên 繼元, hiệu là Hải-môn 海門, người đất Thặng-huyện, tỉnh Chiết-giang. Những người này thường hay thiên về Thiên-học bên Phật-giáo.

Trong phái Thái-châu có những người du-hiệp có tiếng là : Nhan Quán 顏鈞, tự là Sơn-nông 山農, người đất Cát-an, tỉnh Giang-tây. Sơn-nông theo học Từ Ba-thạch, được cái truyền của phái Thái-châu, lấy cái tâm của người ta thần-diệu được cả vạn-vật mà không trắc đạc được, cho tính như viên ngọc châu sáng, nguyên không có bụi bặm gì cả, không cần phải trông nghe, không cần phải giới-cụ, bình thời chỉ suốt cái tính, việc làm cứ theo tự-nhiên, thế gọi là đạo. Đến khi có điều phóng-dật, nhiên hậu mới lấy giới-thận khùng-cụ để sửa lại. Phạm nho-giá bảo trước phải có kiến-vấn, đạo-lý, cách-thức, đều là làm chướng-ngại cái đạo. — Học-trò Nhan Sơn-nông là Lương Nhữ-Nguyên 梁汝元, tự là Phu-sơn 夫山, người đất Vĩnh-phong, tỉnh Giang-tây, sau đổi tên họ là Hà Tâm-Ẩn 何心隱. Tâm-Ẩn theo cái tôn-chỉ gần như Thiên-học, rồi sau biến ra như cái học tung-hoánh của Tô Tân, Trương Nghi. — Học trò của Tâm-Ẩn là Lý Trác-Ngô 李卓吾 theo hẳn Thiên-học mà phi-báng Nho-giáo.

Cái học của môn-phái Thái-châu về sau làm biến mất cái chân-tướng của cái học Dương-minh.

9. Tráp sơn 叢山. — Cái học của phái Điều-giang truyền đến cuối đời nhà Minh, càng ngày càng thiên-lệch đi, không ai biết rõ cái tôn-chỉ chân-chính lúc đầu nữa. Lúc ấy nhờ có Lưu Tráp-sơn lại phát-minh ra được cái chính-truyền.

Lưu Tôn-Chu 劉宗周, tự là Khởi-đông 起東, hiệu là Niệm-đài 念臺, biệt hiệu là Tráp-sơn 叢山, người đất Âm-sơn, tỉnh Chiết-giang, đỗ tiến-sĩ đời Vạn-lich, làm quan đến chức tả-đô-ngự-sử, vì lấy lời thẳng can vua mà phải bãi về. Sau khi nhà Minh mất rồi, tỉnh Chiết-giang đã ra hàng nhà Thanh ông bèn nhịn ăn 20 ngày mà chết.

Lưu Tráp-sơn là một nhà danh-nho cuối đời nhà Minh, thuộc về phái tâm-học. Ông thấy những học-giả thuở ấy ngộ giải cái học tri-lương-tri của Vương Dương-minh mà thiên về Thiên-học, làm sai mất cái ý của thánh-học, cho nên ông mới tìm cách mà bỏ cứu sự sai lầm ấy. Ông nhận cái nghĩa câu: « Thận-độc tức thị tri-lương-tri 慎獨卽是致良知 » của Dương-minh mà lấy hai chữ « thận-độc » làm tôn-chỉ.



Cái nghĩa câu ấy của Dương-minh so với cái nghĩa ở trong sách *Đại-học* và *Trung-dụng*, thì thận-độc tức là thành-ý, nhưng ông không theo tiên nho nói rằng: « Ý giả tâm chi sở phát 意者心之所發 », mà lại nói là: « Ý giả tâm chi sở tồn 意者心之所存 ». Theo cái tư-tưởng của ông, thì tâm người ta ở trong khoảng gang tấc, mà đạt ra khắp hết cả, có cái tượng như Thái-hư. Hư 虛 sinh ra linh, linh 靈 sinh ra giác, giác 覺 có cái chủ, ấy là ý 意. Tâm thì hư-linh mà hay biến, ý thì có định-hướng mà chứa được nhiều, cho nên ý là chủ-tề của tâm. Lấy chỗ « tịch-nhiên bất động » của tâm mà xét, thì chỉ có trợ trợ một cái linh-thê « bất lự nhi tri », tự làm chủ-trương, tự khiến sự sinh hóa, cho nên mới lấy đó mà gọi là « độc ». Cái « độc » ấy là ý, là chủ-tề của tâm, thì sự học là phải « thận » ở chỗ ấy, ắt thấy rõ cái tâm vậy.

Ông theo cái tôn-chỉ ấy mà nói rằng: « Tri vô bất lương, chi thị độc tri nhất điểm 知無不良, 只是獨知一點: Cái tri thì không có gì là bất lương, chỉ cốt có một điểm độc tri. » Độc tri là biết cái độc-thê làm chủ-tề trong tâm. Biết được rõ cái độc-thê ấy, tức là giữ còn cái tâm vậy. Cho nên ông lại nói rằng: « Tâm vô tồn vong, đăn li độc vị tiện thị vong »

心無存亡. 但離獨位便是亡: Tam không có tồn vong. chỉ có lìa bỏ cái ngôi «độc» ấy là vong.»

Cái học thận-độc giải nghĩa như thế, thì chính hợp với cái học trí-lương-tri của Vương Dương-minh và có thể khiến học-giả không khuynh-hướng về đường hư-vô. Đó thật là ông đã đạt tới cái chủ-đích muốn cứu bồ cái thời tẹ vậy. Song, xét cho hết lý, thì cái học thận-độc tuy giữ được phần thiết-thực chắc-chắn hơn, nhưng về phần cao siêu hoẵng đại thì lại không bằng cái học trí-lương-tri có thể bao-quát được cả vũ-trụ.

Hoàng Lê-châu là cao-đệ của ông, nói rằng: « Xưa nay nho-giả nhiều người nói thận-độc, song người thì nhận biết cái bản-thể mà sa vào chỗ hoẵng-hốt, người thì nương tựa vào cái độc-tri mà cố sức ở cái động niệm, duy có Tráp-sơn thấy được cái chân thực, và nhận biết trong sự hi nộ ai lạc chỉ có một khí quán thông hết cả, không phải mượn phạm tiết hạn chế, mà cái đức trung-hòa tự-nhiên lưu-hành ở khoảng nhật dụng động-tĩnh. Cái độc-thể như thế, tựa như trời lấy một khí mà tiến thoái, chia đều bốn mùa, ấm lạnh rét nóng không sai phép thường; một năm như thế, muôn đời cũng như thế, dầu có khi sai lỗi âm dương, thành ra điềm tốt điềm xấu, song

vẫn không đời được cái đại thường của tạo-hóa. Thận là thận cái đó mà thôi. Cái thuyết ấy không giống cái thuyết của tiên nho. Tiên nho nói : « Vi phát vi tính, dĩ phát vi tính 未發爲性, 已發爲情 » ; Mạnh-tử nói : Trắc-ân, tu-ố, từ-nhượng, thị-phi, là nhân cái tính sở phát mà thấy cái tính sở tồn, nhân cái thiện của tính mà thấy cái thiện của tính. Tráp-sơn thì trở cái tính mà nói cái tính, chứ không nhân cái tính mà thấy cái tính vậy. Ấy là lấy tâm mà nói tính, chứ không lia bỏ tâm mà nói thiện. Cái hình-nhi-thượng gọi là đạo, cái hình-nhi-hạ gọi là khí-cụ. Khí-cụ có, thì đạo ấy có; rời cái khí-cụ ra, mà đạo không thể thấy được, ắt là phải tìm đạo ở trước lúc trắc-ân, tu-ố, từ-nhượng, thị-phi, như thế thì chẳng bao nhiêu mà tâm hạnh dứt lối, ngôn ngữ hết đường. Bào rằng trước trời đất đã có vật, thì làm gì mà chẳng thuộc về cái học của Lão và Phật. » Lê-châu lại nói tóm cái học của Tráp-sơn rằng : « Trong trời đất đều là khí cả, ở tâm người ta chỉ có một cái khí lưu-hành, thành thông thành phục 誠通誠復, tự-nhiên phân ra làm hi, nộ, ai, lạc. Cái danh : nhân, nghĩa, lễ, tri, bởi đó mà khởi ra, không đợi an-bái, phạm-tiết, tự nó có thể không quá được cái qui-tắc, tức là trung-hòa vậy. Ấy là sinh ra mà có cái đó, người nào cũng thế cả, cho nên gọi là tính thiện,

không sai lầm về quá và bất cập. Cái tinh-thê nguyên nó tự chu-lưu, không hại được cái đức trung-hòa của nó. Kẻ học-giá chỉ chứng nhận được cái tinh-thê phân-minh mà cứ lúc nào cũng bảo thủ lấy, ấy là «thận» vậy. Cái công-phu sự «thận» là chỉ biết ở chỗ chủ-tê có cái làm chủ, ấy gọi là ý. Xa lìa cái ý-căn một bước, ấy là vọng 妄, không phải là độc 獨. Cho nên càng thu-hiếm càng tới nơi, song cái chủ-tê cũng không đứng lại ở một chỗ nào, chỉ ở trong sự lưu-hành đó thôi, bởi thế mới nói rằng: «Thận giả như tư phủ, bất xả trú dạ.»

Đại để, cái học của Vương Dương-minh có Lưu Tráp-sơn lại sáng rõ ra. Nhưng qua sang đời nhà Thanh chỉ có Hoàng Lê-châu tiếp tục được cái học ấy, rồi sau lại suy dần đi vậy.

10. Dương - minh-học ở Nhật-bản. — Nguyên từ cuối thế-kỷ thứ XII đã có người Nhật-bản như Huyền Huệ 玄惠 (Gen-e) và Viên Nguyệt 圓月 (Engetsu) rất thâm lý-học của Tống-nho. Đến thế-kỷ thứ XVI và XVII, vào quãng năm Vạn-lich đời vua Thần-tôn nhà Minh, có Lâm La-sơn 林羅山 (Haysba Rozan) chủ-trương việc công nhận cái học Trình Chu làm chính học.

Vào quăng đầu đời nhà Thanh, lại có Trung-giang Đẳng-thụ 中江藤樹 (Nakae Tōju) giảng cái học của Vương Dương-minh, người Nhật-bản gọi là « Oyomei ». Môn-đệ của Trung-giang Đẳng-thụ là Hùng-trạch Phiên-sơn 熊澤蕃山 (Kumazawa Banzan) mở rộng cái học ấy ra ở Nhật-bản. Về sau cái học của Dương-minh càng ngày càng mạnh lên, át được cái học của Trình Chu, và có cái hiệu-quả rất hay trong thời-kỳ duy-tân trước đời Minh-trị. Người Nhật-bản sở dĩ chuộng cái học của Dương-minh là vì cái học ấy rất thiết-thực và rất có nghị-lực. Nhất là theo cái học của môn-phái Thái-châu đã nói cái đại-lược ở trên, thì lại thích-hợp với tính tình của người Nhật-bản lắm, cho nên mới chóng thịnh hành vậy. Hiện nay không có người Nhật-bản nào có học-thức mà không đọc sách của Dương-minh,

Ít lâu nay những học-giả bên Tàu cũng đã có nhiều người tôn-sùng cái học của phái Diêu-giang. Những người như Lương-Khải-Siêu hết sức biên-chương Vương Dương-minh, Có lẽ sau này Nho-giáo mà thịnh lên, chắc là sẽ bởi cái học ấy vậy,

## III

## THỜI-KỶ THỨ BA

Thời-kỷ thứ ba vào quãng mặt-diệp nhà Minh, kể từ đời vua Thần-lôn (1572-1620) đến hết đời nhà Minh. Trong khoảng hơn nửa thế-kỷ này, các vua lười biếng, việc triều-chính rối loạn, kẻ hoạn-quan chuyên-quyền. Ở ngoài biên thì có cường địch xâm lược, ở trong nước thì giặc cướp nổi lên đánh phá các nơi. Song nhờ có sự cảm-hóa của những danh-nho thời-kỷ trước, cho nên còn nhiều người chuộng nghĩa-lý, trọng khí-tiết. Bởi vậy khi có việc gì hệ-trọng, thì các sĩ-phu tranh nhau vào can vua, hoặc ra sức biện-luận để gây thành cái thanh-nghị mà ngăn cấm sự hành-động của bọn tiểu-nhân. Cũng vì thế mà thành ra cái vụ đảng-phái, giết hại mất nhiều người trung-tương.

Trong thời-kỷ này, sự học tuy không được thịnh đạt như trước, nhưng còn có nhiều người muốn lấy sự học mà bỏ cứu cái thời-tệ, cho nên mới lập ra các học-phái để giảng dạy cái đạo của thánh hiền. Thườ ấy có Đông-lâm-phái và Thủ-thiện-phái là quan-trọng hơn cả.

ĐÔNG-LÂM-PHÁI

Những người lập ra phái này là Cố Hiến-thành và Cao Phan-long. Cố Hiến-thành thì phân-đối cái học của phái Điều-giang, mà Cao Phan-long thì xuất nhập ở cái học ấy. Tuy nhiên hai người cũng đồng ý muốn cứu bỏ sự học đương thời, và đều có trọng danh trong Nho-học, cho nên người ta thường gọi là: « Cao Cố chi học 高顧之學. »

Cố Hiến-thành. — Cố Hiến-thành 顧憲成 từ là Thúc-thời 叔時, hiệu là Kinh-dương 涇陽, người huyện Vô-tích, tỉnh Giang-tô, đỗ tiến-sĩ cấp-đệ, làm quan đời vua Thần-tôn nhà Minh.

Thuở ấy vua lười biếng, chỉ say đắm tửu sắc ở trong cung, không thiết gì đến việc chính-trị. Vua lại muốn bỏ người con trưởng là Thường Lạc, mà lập người con của một người sủng-phi họ Trịnh lên làm thái-tử. Các quan dâng sớ lên can, đều bị truất bãi, song việc lập thái-tử cũng hoãn lại. Đến năm Vạn-lịch thứ 21 (1594) vua lại định phong tất cả mấy người con làm vương mà không lập thái-tử. Bấy giờ Cố Hiến-thành làm chức lang-trung ở bộ Lại, dâng sớ lên can. Ông lại là người cương trực không tương hợp với

chính-phủ, cho nên vì có việc ấy phải cách chức đuổi về. Ông về quê, sửa lại nhà Đông-lâm học-viện 東林學院 là nơi Dương Thời giảng học ở đời nhà Tống ngày xưa, rồi cùng với những người đồng chí đến đó giảng học, Bởi vậy mới thành tên là Đông-lâm-phái 東林派.

Ông bàn việc học thi cho là phải lấy việc đời làm cốt, cho nên thường nói rằng: « Người làm quan trong triều, cái chí không ở quan phụ; người làm quan ở ngoài, cái chí không ở nhân dân; người ở sơn lâm, cái chí không ở thế đạo, thì bậc quan-tử không cho là phải. » Bởi vậy ngoài sự giảng học ra, thường hay nghị luận việc triều-chính và phê-bình các nhân vật. Lúc ấy những người không đặc dụng ở triều, lui về ở lâm tuyền, đều ứng họa với bọn Cố Hiến-Thành, vì thế mà cái tiếng Đông-lâm đâu đâu cũng biết.

Ông thấy các học-giả thời bấy giờ xu-hướng về cái tiện dị, mạo nhận cái tự-nhiên, cho nên không nghĩ ngợi, không cố gắng, ông mới dạy người ta phải tìm cho đến cội gốc, suốt đến tinh mạnh và xét rõ cái cảnh giới. Đối với cái học của Dương-minh, thì ông cho câu nói : « Vô thiên vô ác tâm chi bản thể » làm hại cái giáo pháp của thiên-hạ, vậy nên ông cực lực phản-đối cái học ấy. Về điều ấy, Hoàng Lê-châu cho là ông không hiểu cái



học của Dương-minh. Cứ như ý Hoàng-Lê châu thì Dương-minh nói : Vô thiện vô ác, là nói không có cái thiện niệm, không có cái ác niệm, chứ không phải là bảo cái tính không có thiện, không có ác. Vì có chỗ lầm ấy cho nên cứ phải biện luận mãi vẫn không đúng với sự thực. Và Dương-minh thường nói : « Chí thiện là cái bản-thể của tâm » hay là : « chí thiện chỉ là hết đến cái cực của thiên-lý mà không có một chiếc riêng gì của nhân-dục », hay là : « lương-tri là thiên-lý ». Hai chữ thiên-lý tuy mỗi nơi nói một khác nhưng vẫn đủ. Như thế mà lại cho tính không có thiện không có bất thiện, thì thật là lầm vạy.

**Cao Phan-Long**, — Cao Phan-Long 高攀龍, tự là Tôn-chi 存之, hiệu là Cảnh-dật 景逸, người huyện Vô-tích, tỉnh Giang-tô, đỗ tiến-sĩ. Ông ra làm quan không đặc-chí, bèn bỏ về dạy học ở Đông-lâm thư-viện với Cố Hiến-Thành. Đến đời vua Hi-tôn nhà Minh lại khởi phục, làm đến chức tả-đồ-ngự-sử, sau vì bọn Ngụy Trung-Hiền làm loạn triều-chính, ông bèn bỏ về, rồi Ngụy Trung-Hiền lại lập kế làm hại, ông phải trảm mình mà chết.

Ông là người có trọng danh thời bấy giờ, và có cái học uyên thâm hơn cả các học-giả trong phái Đông-lâm. Ông thường nói rằng :

« Tâm như Thái-hư, bản vô sinh tử 心如太虛, 本無生死: Tâm như Thái-hư, vốn không có sinh tử. » Ông cho tâm với đạo là một. Hết cái đạo mà sống, hết cái đạo mà chết, ấy là không có sinh không có tử. Cái học của ông vốn là theo cái học của Trình Chu, cho nên lấy cách-vật làm cốt. Nhưng sự cách-vật của Trình Chu thì lấy tâm làm chủ cái thân, mà lý thì tan ra ở vạn vật, thành thứ tồn-tâm và cùng-lý phải hai bên đều tiến, mà ông thì bảo rằng: « Hễ biết cái gì, là phải quay về tìm ở thân, ấy mới thật là cách-vật. » Như thế thì lại khác cái ý-chí của Trình Chu. Ông lại nói rằng: « Nhân tâm minh tức thị thiên lý cùng, chí vô vọng xứ, phương thị lý thâm 人心明即是天理窮, 至無妄處, 方是理深: Cái tâm của người ta sáng, ấy là đến cái thiên-lý, đến chỗ vô-vọng, mới là chỗ sâu của lý. » Như thế lại là gần cái thuyết lương-tri của Dương-minh. Song ông lại bảo: Có cái trí-tri không cách-vật. Vậy thì việc mà mình trí tới đó là việc gì? Thành thử phải lấy sự cùng cái lý của sự vật ở ngoài làm cách-vật. Nếu theo cái nghĩa ấy, thì có thể nói là cái trí-tri của Dương-minh không ở cách-vật; nếu theo cái nghĩa câu: « Nhân tâm minh tức thị thiên lý », thì cái trí-tri của Dương-minh tức là cách-vật. Có một thuyết

ấy mà trước sau không hợp với nhau. Duyên do là bởi ông cho cái học của phái Diêu-giang có cái tệ : « Lúc đầu bỏ kiến văn để làm cho sáng cái tâm, cứu-cánh thành ra là dùng cái tâm mà bỏ sự học, cho nên mới lấy Thi, Thư, Lễ, Nhạc làm kinh, mà kẻ sĩ ít có sự thực ngộ ; lúc đầu bỏ cả thiện ác để không có ý niệm, cứu-cánh thành ra là dùng cái không mà bỏ sự hành, cho nên mới lấy danh tiết trung nghĩa làm kinh, mà kẻ sĩ ít có sự thực tu. » Ông muốn chữa cái tệ ấy của phái Diêu-giang, cho nên cái tư-tướng của ông tuy có nhiều chỗ gần giống cái tư-tướng của Dương-minh, nhưng ông cố làm cho khác đi, thành ra cái học của ông có nhiều điều hẳn cách.

Tuy nhiên ông vẫn trọng Dương-minh, và thường nói rằng : « Tự xưa đến nay, bậc thánh hiền thành-tựu đều có từng mạch-lạc : Chu Liêm-khê, Trình Minh-đạo cùng với Nhan-tử một mạch ; Vương Dương-minh, Lục Tụng-sơn cùng với Mạnh-tử một mạch ; Trương Hoành-cứ, Trình Y-xuyên cùng với Tăng-tử một mạch ; Trần Bạch-sa, Thiệu Khang-tiết cùng với Tăng Diêm một mạch ; Hồ Kinh-trai, Ngô Khang-trai cùng với Tử-Hạ một mạch. » Đó thật là ông thấy rõ cái mạch-lạc của các học-phái lớn trong Nho-giao vậy.

**Tôn Thận-Hành.**— Tôn Thận-Hành 孫慎行, tự là Văn-tư 聞斯, hiệu là Kỳ-húc, 淇澳, người đất Võ-liên, tỉnh Giang-tô, đỗ tiến-sĩ cấp-đệ, làm quan đến chức Lại-bộ thượng-thư, bị Ngụy Trung-Hiền bắt đi đày.

Cái học của ông theo Tống-nho. Ông thường nói rằng: «Cái đạo của nho-giả, không theo cái ngộ mà vào được. Người quân-lữ suốt ngày phải học, vấn, tư, biện, hành, ấy là suốt ngày phải giới-cụ, thận-đọc, chứ sao lại tìm cái quang-cảnh mịch-nhiên vô tâm ở chỗ hư gian? Bỏ học, vấn, tư, biện, hành mà lại riêng tìm một đoạn công-phu của sự tĩnh-tồn động-sát để nuôi cái tru: g-hòa, thì làm thế nào cũng đi vào Thiên-học vậy.» Các học-giả nói thiên-mạnh thì thường cho là có cái mạnh của lý-nghĩa và cái mạnh của khí vận, lẫn lộn không đều. Nhân đó thành ra có cái tính lý-nghĩa và có cái tính khí-chất, lại nhân đó mà có cái tâm lý-nghĩa và cái tâm hình-khí. Ông cho ba điều ấy khác tên mà đồng bệnh. — Về cái mạnh, thì ông bảo sự lưu-hành vắng lai của khí tất phải có cái quá và cái bất-cập, cho nên nóng lạnh thác tạp, trí loạn tuần hoàn; nhưng trong cái bất tề của vận hữu có một điểm chân chính chủ-tề, khiến lạnh được phúc dữ phải vạ cho hợp cái lẽ chí-thiện, như thế là nhất tề đó vậy. — Về cái tính, thì ông cho là tính thiện, khí-chất cũng thiện.

Cái khí-chất có cái bất tề thật, như sinh ra có ngu, trí, thanh, trọc, song người cực ngu, cực trọc, chưa từng không biết yêu thân kính trưởng, ấy là cái thể «kế thiện», không vì ngu trọc mà không còn, vậy thì khí-chất không phải là bất thiện.— Về cái tâm, thì ông bảo rằng nhân-tâm và đạo-tâm không phải là hai thứ tâm. Người là người là bởi cái tâm, tâm là tâm là bởi cái đạo. Trong cái nhân-tâm chỉ có một cái đạo-tâm của lý-nghĩa, chứ không phải là ngoài cái đạo-tâm, có một thứ nhân-tâm của hình-khí. Bởi vì người đời sau đã cho là có cái tính khí-chất, thì lấy cái ở khí-chất phát ra làm cái tâm của hình-khí, và lấy cái có đủ ở trong tâm, như các tri-giác, đem hợp với lý-nghĩa, rồi gọi là đạo-tâm, cho nên phải xét cho tới đến cùng cái lý của trời đất vạn-vật, chứ không nên cho là thuận chỉ có một cái tâm của mình mà thôi. Nếu như cái thuyết ấy, thì người ta sinh ra chỉ có tri-giác chứ không có lý-nghĩa; chỉ có nhân-tâm, chứ không có đạo-tâm. Nếu không phải như thế, thì lại là hai tâm lẫn lộn mà sinh ra một lúc. Hoàng Lê-châu bàn cái học của ông, nói rằng: «Thiên-hạ mờ tối đã lâu vì cái thuyết nói về ba điều mạnh, tính và tâm ấy, nhờ có ông mà mây mù mở ra, thật là ông có công với Mạnh-tử vậy.»

Đối với cái học Dương-minh, thì phần nhiều người nhận cái trung chưa phát làm cái hòa đã phát, và bảo cái công-phu chỉ ở chỗ tới cái hòa. Ông bảo: «Phải theo hỉ ngộ ai lạc mà xem, thì mới có cái chưa phát, và mới có chỗ mà dùng công-phu. Xưa người ta đều lấy nhân nghĩa lễ trí làm tính, lấy trắc-ân, tu-ố, từ-nhượng, thị-phi làm tình. Lý Kiến-La, thuộc phái Chỉ-tu, muốn theo cái đã phát mà suy ra cái chưa phát, không nên cố chấp cái tâm trắc-ân, tu-ố, từ-nhượng, thị-phi, mà mờ mất cái tính. Không biết rằng có trắc-ân mới có cái tên gọi là nhân, có tu-ố mới có cái tên gọi là nghĩa, có từ-nhượng mới có cái tên gọi là lễ, có thị-phi mới có cái tên gọi là trí. Nếu bỏ trắc-ân, tu-ố, từ-nhượng, thị-phi, thì tâm và hành không có đường mà đi, và không biết tìm cái tính ở chỗ nào.» Lưu Tráp-sơn nói rằng: Gần đây xem sách của Tôn Kỳ-húc mới biết là nghiêm-mật lắm. Trong sách ấy có nói rằng: từ trẻ đến già, không có một sự gì là không hợp nghĩa, thì mới nuôi được cái khí hạo-nhiên. Nếu có điều không thỏa thích, thì cái khí hạo-nhiên hao mòn đi vậy. Bởi thế cho nên cái học của phái Đông-lâm có Cổ Kinh-đương đem đến cái nguồn, Cao Cảnh-dật vào tới chỗ tinh tế, đến Tôn Kỳ-húc thì mới hợp được cả cái đã thành vậy.»

Phái Đông-lâm còn có mấy người có danh vọng nữa, là: Tiên Nhất-bản 錢一本, tự là Quốc-đoan 國端, hiệu là Khai-tân 啓新, người Thương-châu, tỉnh Giang-tô; — Cố Đoãn-Thành 顧允成, tự là Qui-thời 季時, hiệu là Kinh-phạm 涇凡, em Cố Hiến-Thành; — Lưu Vĩnh-Trung 劉永澄, tự là Tĩnh-chi 靜之, người Dương-châu, tỉnh Giang-tô.

## THỦ-THIỆN-PHÁI

Sau khi phái Đông-lâm đã thành lập ở huyện Vô-tích được độ hơn 20 năm, thì ở Bắc-kinh có phái Thủ-thiện đem giảng cái tâm-học của phái Diêu-giang. Người đứng đầu lập ra phái này là Châu Nguyên-Tiêu, thuộc về chữ-phái Giang-hữu của phái Diêu-giang.

**Châu Nguyên-Tiêu.** — Châu Nguyên-Tiêu 鄒元標, tự là Nhĩ-chiêm 爾瞻, hiệu là Nam-cao 南臯, người huyện Cát-thủy, tỉnh Giang-tây, đỗ tiến-sĩ. Đời vua Hi-tôn nhà Minh ông làm chức tả-đô-ngự-sứ, lập ra Thủ-thiện thư-viện 首善書院 rồi cùng với quan phó đô-ngự-sứ là Phùng Tông-Ngô giảng học. Bộ **tiêu-bản** vốn sở ông là người nghiêm-nghị.

thấy vậy, bèn dâng sớ xin vua không cho giảng-học. Sau ông thôi quan về, được ít lâu thì mất.

Cái học của ông lấy sự biết tâm-thề làm chỗ nhập thủ, lấy sự thi-hành cái lòng thứ ra trong khoảng nhân luân sự vật, cùng với ngu-phụ ngu-phụ đồng một thề, làm công-phụ; lấy sự không khởi cái ý không-không làm đến chỗ cực. Ông cho là xa-lìa cái đạt-đạo thì không có cái gọi là đại-bản, xa lìa cái hòa thì không có cái gọi là trung. Vì cái học ấy chủ lấy sự tìm thấy cái bản-thề, cho nên gần như Phật-học, song có cái khí tượng nghiêm - nghị phương - chính, cho nên vẫn giữ được cái bản-sắc của Nho-giáo,

**Phùng Tông-Ngô.** — Phùng Tông - Ngô 馮從吾, tự là Trọng-hiếu 仲好, hiệu là Thiểu-khư 少墟, người đất Trương-an, tỉnh Thiểm tây, đỗ tiến-sĩ. làm quan đến chức ngự-sử, phải cách, về dạy học. Đến đời vua Hi-tôn lại ra làm quan đến chức phó-đô-ngự-sử, cùng với Châu Nguyên - Tiêu giảng học ở Thủ-thiện thư-viện, nhưng chẳng bao lâu lại bị cách chức, rồi bị bọn gian thần làm hại.

Ông thuộc về phái Cam-tuyền, cho nên cái học của ông có chỗ hơi khác cái học của Châu Nguyên - Tiêu. Châu Nguyên - Tiêu thì



chủ ở sự giác-ngộ, mà ông thì trọng cái công-phu. Ông bảo học-giã phải hiểu thấu đến chỗ bản-nguyên, tìm đến chỗ chưa phát, mà nhật dụng thường hành thì phải điềm-kiềm để cho hợp với bản-thể. Ông cho bên Phật nói cái tính thấy ở chỗ linh-minh của sự tri-giác vận-động, là cái tính khí-chất, mà bên Nho gọi tính là cái thấy ở chỗ tốt trong cái tri-giác linh-minh, cái ấy mới là cái tính nghĩa lý. Hoàng Lê-châu nói rằng : « Phạm cái thể của tai, mắt, miệng, là cái chất ; sự trông, nghe, nói, động, là cái khí. Sự trông, nghe, nói, động, lưu-hành mà không mất cái phép, ấy mà tính ; lưu-hành mà có quá và bất cập là cái thiên-lệch của khí-chất. Như thế thì không những là không thể nói được là tính, mà đến cả khí-chất cũng không thể nói được. »

Cái học của phái Thủ-thiện và phái Đông-lâm không giống nhau, nhưng vì hai bên cùng theo một cái chủ-đích cốt để cứu-hỗ sự học đương thời, và cùng quan-hệ đến việc chính-trị, cho nên những đảng-phái khác đều cho làm một với Đông-lâm và lấy tên Đông-lâm mà gọi chung cả.

## CÁI VÀ ĐẢNG - PHÁI

Phái Đông-lâm sở dĩ nổi tiếng là vì quan-hệ đến việc chính-trị. Những học-giả trong phái này thường hay tự phụ khi tiết, chống lại với chính-phủ. Bọn tiều-nhân mới nhân đó mà phụ họa vào, hoặc kết bè-đảng để làm hại những người quân-tử, bởi thế cho nên mới thành ra cái nghị-luận về Đông-lâm-đảng 東林黨.

Vào khoảng năm Vạn-lịch thứ 39 (1611) việc lập thái-tử đã xong, người đồng chí với phái Đông-lâm là Diệp Hương-Cao 葉向高, vào coi việc nội-các. Khi ấy trong triều khuyết quan, đình nghị nên tham dụng quan ngoài, ý muốn đem quan tuần-phủ đất Hoài là Lý Tam-Tài 李三才 vào triều. Lý Tam-Tài là người hào-phóng, khéo lung-lạc bọn triều sĩ và lại là bạn thân với Cố Hiến-Thành, cho nên Cố Hiến-Thành viết thư cho Diệp Hương-Cao khen Lý Tam-Tài là người liêm trực. Các quan trong triều có người không chịu, bèn rủ nhau lập ra đảng khác để chống với đảng Đông-lâm. Bấy giờ có quan tế-tửu là Thang Tấn-Doãn 湯賓尹, người huyện Tuyên-thành, tỉnh An-huy, quan du-đức là

Cổ Thiên-Thoan 顧天竣, người huyện Côn-son, tỉnh Giang-tô, đứng đầu lập ra đảng mới, gọi là Tuyên-Côn-đảng 宣崑黨. Sau lại có đảng Tề 齊, đảng Sở 楚 và đảng Chiết 浙 phụ thuộc vào đảng Tuyên-Côn đề công-kích đảng Đông-Lâm,

Thuở ấy vua Thần-tôn lười biếng, bỏ việc triều-chính trong hơn 20 năm không nhìn đến, cho nên những sứ tấu dâng lên đều bỏ cả. Các quan ở trong triều cứ đảng nọ công-kích đảng kia. Ai bị công-kích lắm, thì tự mình phải thôi quan mà về. Đến quan đại-thần mà không có đảng cũng không được yên chỗ. Trong mấy năm Diệp Hương-Cao coi việc nội-các, thì phái Đông-lâm có thế-lực mạnh hơn. Song từ năm Vạn-lich thứ 42 (1614) Diệp Hương-Cao xin thôi, thì đảng Tuyên-Côn thắng lợi. Đoạn, ở trong cung lại phát ra ba cái án : Một cái án can đến việc hoàng-thái-tử bị người muốn làm hại ; một cái án can đến việc vua Quang-tôn phải bệnh, vì uống thuốc mà chết ; một cái án can đến việc người sùng-phi của Quang-tôn mưu sự hiệp thái-tử mà thỉnh chính. Bởi ba cái án ấy mà các đảng-phái công-kích nhau rất kịch-liệt. Phái Đông-lâm thì chủ ở việc phải trái, muốn nghiêm trị những kẻ có tội, đảng phản-đối thì chủ ở việc lợi hại, muốn cho êm chuyện thì thôi.

Đến khi vua Hi-tôn (1621 - 1627) mới lên ngôi, Diệp Hươg-Cao lại vào coi việc nội-các, bọn Triệu Nam - Tinh, Cao Phan - Long đều được khởi dụng, thanh-thế phái Đông-lâm lại mạnh. Đảng phản-đối là bọn tiều-nhân, thấy thế mình kém, bèn giao-kết với Ngụy Trung-Hiền 魏忠賢 để ngầm ngầm làm hại bọn chính-nhân quân-tử. Ngụy Trung-Hiền là một đũa hoạn-quan được vua Hi-tôn tin dùng, làm lắm điều rất tàn ngược. Quan tả-phó-đô-ngự-sử là Dương Liên 楊漣 dâng sớ hạch Trung - Hiên 24 tội. Vua không nghe. Lúc ấy có đến hơn một trăm đình-thần lần lượt dâng sớ nói Trung-Hiền làm hại nước. Vua cũng không nghe. Trung-Hiền bèn mưu với đảng phản-đối tìm cách làm hại những người trong phái Đông-lâm.

Năm Thiên-khai thứ tư (1624) đời vua Hi-tôn, Trung - Hiên xui đảng phản-đối lấy việc ba cái án cũ mà buộc tội cho những người trong phái Đông-lâm. Trước bắt bọn Dương Liên, Tả Quang-Đầu, 6 người; sau bắt bọn Cao Phan-Long, Chu Khởi-Nguyên, 7 người, bỏ ngục và sai người đánh chết, Thiên-hạ gọi là Trung - Hiên hại mười ba người quân-tử. Bấy giờ những người trong phái Đông-lâm bị giết hại đến ba bốn trăm người, và những thư-viện của phái ấy ở các nơi đều bị hủy hoại hết sạch. Từ đó quyền

bính trong nước về cả tay Ngụy Trưng-Hiền, và bọn tiều-nhân đầy triều, ngang tàng làm bậy.

Năm Thiên-khai thứ 7 (1627) vua Trang-liệt lên ngôi, đem giết Ngụy Trưng-Hiền và bọn đồng đảng. Song lúc ấy trong triều hết cả người trung - lương, ngoài cõi thì quân giặc nổi lên khắp cả mọi nơi. Đến khi giặc đến đánh phá kinh - thành, vua Trang - liệt phải thất cớ mà chết. Nhà Thanh ở Mãn-châu nhân cơ-hội ấy vào lấy nước Tàu.

#### ẢNH HƯỞNG TÂY - HỌC

Phái Đông-lâm lúc đầu chỉ là một bọn có mấy người học với nhau trong một quận, ở đất Giang-tô mà thôi. Về sau vì việc chính trị, cho nên bọn sĩ-phu ở các nơi đến phụ họa vào, thành ra phái Đông - lâm mới có tiếng lớn. Những người gọi là thuộc về phái Đông - lâm lúc ấy rất là bác-tạp : người thì thuộc về chi-phái Hà-đông, người thì thuộc về chi-phái Diêu-giang, song ai nấy đều theo cái tôn-chỉ của Nho-giáo, bàn về đạo-lý và chính-trị, cốt muốn giữ cái học khí-tiết, lấy liêm-sĩ làm đầu. Vậy cái học-thuyết của phái Đông-lâm đại-đề không ra ngoài cái phạm-

vi của phái lý-học, nghĩa là thường cứ xuất nhập ở cái học của họ Trình, họ Chu, hay là ở cái học của họ Lục, họ Vương. Song có một điều ta nên chú ý, là những học-giả trong phái Đông-lâm có nhiều người khởi đầu chịu cái ảnh-hưởng của Tây-học,

Số là vào quãng năm Vạn-lich đời vua Thần-tôn, tức là vào cuối thế-kỷ thứ XVI, nhân có người Âu-tây vào buôn bán ở vùng Quảng-đông và Phúc-kiến, các giáo-sĩ đạo Gia-tô dần dần sang truyền đạo ở chỗ dân gian. Lúc đầu có những giáo-sĩ thuộc về Gia-tô giáo-hội (Société des Jésuites) sang ở vùng Quảng-đông học tập tiếng Tàu và chữ Nho. Trong những giáo-sĩ ấy, có Lợi-Mã-Đậu 利瑪竇 (Mathieu Ricici), người nước Ý-đại-lợi, học giỏi chữ Tàu, mặc lối nho-phục, lên ở vùng Nam-kinh thường giao-du với bọn sĩ-phu trong phái Đông-lâm-

Năm Vạn-lich thứ 28 (1600) đời vua Thần-tôn nhà Minh, Lợi-Mã-Đậu cùng với giáo-sĩ Bàng-Dịch-Ngã (?) lên Bắc-kinh. Bấy giờ trong phái Đông-lâm có bọn Léon Lý Chi-Tháo 李之藻 và Paul Từ Quang-Khải 徐光啓 đã theo đạo Gia-tô, làm quan tại triều, đều ra sức điều-hộ, cho nên vua Thần-tôn cho giáo-sĩ được phép mở nhà giáo-đường để truyền đạo. Giáo-sĩ Lợi-Mã-Đậu hiểu rõ tâm tính người Tàu và thường giao-thiệp

với bọn nho-học, ông dùng cái phương-pháp rất khôn khéo, lấy cái học của Nho-giáo mà khiến người Tàu theo Gia-tô-giáo, dùng một nghĩa trong những nghĩa của chữ « thiên » và chữ « đế » cho đúng cái thuyết của Gia-tô-giáo, rồi lấy cái nghĩa sách của Nho-giáo mà điều-hòa với tập-tục của nhân dân, và đề cho những người theo đạo-mới được thờ cúng tổ tiên như thường. Bởi vậy trong bọn sĩ-phu có nhiều người tin theo.

Năm Vạn-lich thứ 38 (1610) giáo-sĩ Lợi-Mã-Đậu mất, những giáo-sĩ ở Bắc-kinh là : Hùng-Tam-Bạt 熊三拔 (Sabbatins de Ursis), Đặng-Ngọc-Hàm 鄧玉函 (Jean Terreng), La-Nhã-Cốc 羅雅谷 (Jacques Rho), Long-Hoa-Dân 龍華民 (Nicolas Longobardi), Mục-Ni-Các 穆尼各 (Smogolenski), Thang-Nhược-Vọng 湯若望 (Adam Schall), đều là người trong hội Gia-tô-giáo (Société des Jésuites), giỏi thiên-văn, lịch-pháp và toán-pháp và lại am hiểu nho-học. Vua nhà Minh dùng những giáo-sĩ ấy coi việc Khâm-thiên-giám để sửa lại phép làm lịch.

Những giáo-sĩ ấy lại cùng với bọn người Tàu là Lý Chí-Tháo và Từ Quang-Khải làm ra nhiều sách khoa-học bằng chữ nho, đại khái như sách : Kinh-thiên-cải 經天該 ; — Giản-bình-nghi-thuyết 簡平儀說 ; — Kỳ-hà

*bản-nguyên* 幾何本原; — Tân-pháp toán-thư 新法算書, v. v. (1) Đó là cái khởi điểm khoa-học của Âu-tây truyền sang nước Tàu. Sự nho-học cuối đời nhà Minh và đầu đời nhà Thanh cũng nhân đó mà thành ra có cái phương-pháp khác đời trước vậy.

Lúc giáo-sĩ Lợi-Mã-Đậu lên Nam-kinh thì phái Đông-lâm đã thành-lập rồi, ông thường đi lại bàn về nho-học. Ông thấy trong nguyên-văn của các Kinh Truyện chỉ nói chữ « thiên » và chữ « đế », chứ không dùng chữ « lý » để nói cái nghĩa huyền-bí của trời đất như cái học của Tống-nho, ông bèn bảo bọn sĩ-phu trong phái ấy nên theo cái ý-nghĩa của nguyên văn trong Kinh Truyện cũ mà học, chứ đừng theo những lời chú-thích của Trình Chu. Bọn sĩ-phu bấy giờ có nhiều người không theo cái ý-kiến ấy, vì họ đang sùng-thượng cái học của Tống-nho. Nhân đó mà thành ra có sự nghị luận đồng dị.

Sau khi giáo-sĩ Lợi-Mã-Đậu mất rồi, giáo-sĩ Long-Hoa-Dân (Nicolas Longobardi) làm bài luận nói rằng: Học-giả nên theo lời chú-thích của Tống-nho cũng không sai nghĩa nguyên-văn. Giáo-sĩ Long-Hoa-Dân có cái ý-kiến trái lại như thế, là vì muốn chiều ý bọn

(1) Xem trong sách « La Chine à travers les » âges của R. P. Wiéger.



sĩ-phu đề cho tiện sự truyền đạo. Dẫu thế nào mặc lòng, vì có cái ý-kiến của giáo-sĩ Lợi-Mã-Đậu mà gây thành cái tiên-thanh cho phái Khảo-chứng-học ở đời nhà Thanh vậy.

..

Xét ra nho-học đời nhà Minh không ra ngoài cái phạm-vi Tống-học. Dù có phái Điều-giang chuyên chú về mặt tâm-học, hay là phái Hà-đông tôn sùng cái học của Trình Chu mặc lòng, phái nào cũng thuộc về lý-học cả. Cái học ấy tuy chia ra chi nọ phái kia, nhưng kết cục vẫn theo cái tôn-chỉ thiên địa vạn vật nhất-thê và về đường thiết-thực vẫn cố giữ cái khí-tiết của học-giả. Xem như trong đời nhà Minh, các vua phần nhiều rất là tầm thường, thế mà không triều nào là không có đầy những trướng-thần nghĩa-sĩ, bỏ mình vì việc nước. Về sau vua Thần-tôn nhu nhược lười biếng làm loạn mất kỷ cương, rồi đến vua Hi-tôn hôn ám quá độ, đề cho một tay Ngụy Trung-Hiền giết sạch những người trung lương. Tuy vậy, đến khi vua Trang-liệt chết, nước Tàu mất, hãy còn có người như Sĩ Khả-Pháp 史可法 tận trung báo quốc. Đó thật là không xấu cái tiếng những người chân chính nho-học vậy.

## THIÊN III

## NHO-GIÁO ĐỜI THANH

(1644 - 1911)

## I. - TÌNH - TRẠNG NHO - GIÁO ĐỜI THANH

Nhà Thanh đối với Nho-giáo. — Nhà Thanh là nơi đồng người Hồ ở vùng núi Tráng-bạch, phía đông-bắc đất Mãn-châu. Năm Vạn-lich thứ 11 (1583) có người tù-trưởng tên là Nộ-nhĩ-cáp-xích quật khởi lên đánh lấy các bộ-lạc, rồi đến năm Vạn-lich thứ 44 (1610) xưng làm đế, tức là vua Thái-tổ nhà Thanh. Thái-tổ phá quân nhà Minh ở Thâm-dương, lập thành một nước có thế lực rất mạnh.

Vua Thái-tổ và vua Thái-tôn đều có chí lớn và rất chú ý đến việc học. Lúc đầu người Mãn-châu không có văn-tự, nhà vua bèn lấy chữ Mông-cồ hợp với tiếng người bản-xứ đặt ra lối chữ riêng, bắt các hoàng-tử và con các quan phải học tập đạo Nho.

Đến đời vua Thế-tồ, niên-hiệu Thuận-trị, vào làm vua nước Tàu, theo chế độ của nhà Minh mà trị nước và hết lòng lo mở - mang việc học.

Vua Thánh-tồ, niên-hiệu Khang-hi (1662-1722), là một đấng anh-quân, tinh rất hiếu-học. Bình nhật tuy vẫn lo việc trị nước và việc đánh dẹp, nhưng không mấy khi tay rời quyển sách. Thánh-tồ rất sùng Nho-giáo, đến tế Khổng-tử ở văn-miếu, ưu-lễ, nho-thần và khuyến miễn sĩ-tử. Đó có lẽ về đường chính-trị là một cách khôn khéo để thu - phục lòng người Tàu, nhưng cũng bởi cái tính bản-nhiên của Thánh-tồ mến học. Không những là ngài xem sách nho mà thôi, ngài xem hết cả các sách nói về thiên-văn, địa-lý, binh-thu, âm-nhạc, y-thu cùng những sách toán-học của các giáo-sĩ đạo Gia-tô đã soạn ra hoặc đã dịch ra bằng chữ nho.

Ngài lại chủ-trương làm những sách như: *Uyên-giám-loại-hàm* 淵鑑類函, *Khang-hi tự-diễn* 康熙字典, *Tính-lý tinh-nghĩa* 性理精義, *Chu-tử toàn-thư* 朱子全書 v. v., và sai các quan sưu tầm các thứ sách vở; song ngài có ý muốn thống nhất sự ngôn luận và sự tư tưởng của người trong nước, cho nên ngài chỉ trọng những Kinh Truyện và Sử, chứ không chuộng những sách của bách-gia

chư-tử. Thế đủ rõ là trong sự hiếu học của Thánh-tồ vẫn có cái chủ-kiến về đường chính-trị vậy,

Sự học trong đời Khang-hi rất thịnh, không những các phái trong Nho-giáo như phái Hán-học và phái Tống-học đều thịnh hành, mà phái Tây-học cũng có thế-lực. Những giáo-sĩ của hội Gia-tô-giáo đến ở Bắc-kinh từ cuối đời nhà Minh đều được trọng dụng. Lúc ấy có giáo-sĩ Thang-Nhược-Vọng 湯若望 (Adam Schall) và Nam-Hoài-Nhân 南懷仁 (Ferdinand Vierbiest), đều làm chức giám-chính trong Khâm-thiên-giám. Các giáo-sĩ đem những sách khoa-học và triết-học của Âu-tây dịch ra chữ nho. Sau vì những giáo-sĩ thuộc về giáo-hội khác ở phía nam nước Tàu, công-kích cái phương-pháp tuyên giáo của giáo-hội Gia-tô (Société des Jésuites) cho nên Thánh-tồ mới có lệnh cấm đạo, thành ra sự Tây-học ở nước Tàu cũng vì thế mà gián đoạn.

Vua Thế-tôn, niên-hiệu Ung-chính (1723-1735), cũng chăm lo việc học, mở các thư-viện và chọn những người minh kinh tu hạnh làm viện trưởng, lấy những điều-qui của Chu-tử ở Bạch-lộc-động ban ra khắp cả nước.

Vua Cao-tôn, niên-hiệu Cán-long (1736-1795), cũng như vua Thánh-tồ rất lưu tâm đến việc học, mở những khoa bác-học hồng-

từ, và sai các quan đại-thần tuyên cử những kẻ sĩ tiếm tâm kinh học và ban thưởng rất hậu. Cao-tôn lại mở *Tứ-khố-toàn-thư-quán* 四庫全書館, và sai quan làm bộ *Tứ-khố-toàn-thư tổng-mục* 四庫全書總目, sách *Đại-Thanh hội-diễn* 大清會典, sách *Đại-Thanh nhất-thống-chí* 大清一統志, sách *Thập-bát-tỉnh thông-chí* 十八省通志, v. v..

Bởi nhà vua trọng những người văn học, cho nên trong đời nhà Thanh có nhiều người làm văn giỏi như Ngụy Hi 魏禧, Hầu Phương-Vực 侯方域, Uông Uyển 汪琬, Chu Di-Tôn 朱彝尊, Phương Bảo 方苞, và những người làm thơ giỏi như Ngô Vi-Nghiệp 吳偉業, Vương Sĩ-Trinh 王士禎, Tra Thận-Hành 查慎行, đều là người nổi danh trong đời vậy.

**Sự mở-mang Nho-học.** — Về việc học thì nhà Thanh vẫn theo qui-cử của nhà Minh, duy chỉ sửa đổi một vài điều riêng cho người Mãn-châu. Thí-dụ ở Kinh-sur đã có nhà Quốc-tử-giám, nhưng lại đặt thêm nhà Tôn-học 宗學, nhà Giác-la-học 覺羅學, nhà Hàm-yên-cung-học 咸安宮學, nhà Cảnh-sơn-quan-học 景山官學, nhà Bát-kỳ-quan-học 八旗官學, để dạy tôn-thất đệ-tử và bát-kỳ đệ-tử. Những người coi việc giảng dạy ở các nhà học ấy có cả người Mãn và người Hán.

Chủ-ý là đề dạy nho-học, nhưng vẫn bảo-thủ cái tục cũ của người Mãn-châu. Song vì cái nền học của người Mãn rất đơn sơ, và lại không có cái văn-minh cổ hữu, cho nên dầu muốn hạn-chế thế nào mặc lòng, lâu ngày người Mãn cũng bị cái văn-học của người Hán cảm hóa hết cả.

Cách mở-mang như thế, kẻ cũng đã rộng lắm, nhưng vì sự học chỉ bó buộc trong hai chữ văn-chương, mà nghĩa lý thì không được ra ngoài cái ý-kiến của họ Trình họ Chu, cho nên cái học-văn của nhân-dân một ngày một hẹp lại. Đó cũng là bởi cái học khoa-cử mà ra.

**Khoa-cử.** — Khoa-cử đời nhà Thanh cũng như đời nhà Minh. Lệ cứ ba năm một lần thi. Những học-sinh ở Kinh và ở các phủ, châu, huyện, đỗ thi hương thi vào thi cả ở bộ Lễ, gọi là thi hội. Những người thi hội trúng cách thi được vào thi ở điện Thái-hòa, gọi là thi đình. Ai thi đình đỗ cao được tiến-sĩ cập-đệ và tiến-sĩ xuất-thân, ai đỗ thấp thi được đồng-tiến-sĩ xuất-thân.

Khoa-cử khởi đầu có từ đời vua Vũ-đế nhà Hán, nhưng thật thịnh-hành thì kể từ đời nhà Đường trở đi, đến cuối đời nhà Thanh, trước sau có hơn hai nghìn năm, là một cái chế-độ đề kén chọn người ra làm qua lại.

Nho-giáo nhờ đó mà phát đạt ra, nhưng cũng vì đó mà cái tinh-thần kém-cỏi đi, là bởi cái nội-dung của khoa cử, chỉ chuyên về mặt từ-chương, lấy thi phú, kinh-nghĩa và văn-sách làm cốt, chứ không hỏi đến học-vấn và tháo-bạn, Hễ ai có tài làm văn và giỏi nghề thư-pháp thi đỗ, mà thương ai đã đỗ đạt rồi, bao nhiêu những điều quan-hệ đến đạo lý của thánh hiền, hoặc đến việc trị nước yên dân, đều gác bỏ đi, không nhìn đến nữa, thành ra cái lối học khoa-cử chỉ có danh mà không có thực. Bởi chung khoa-cử là con đường danh lợi, cho nên những sĩ tử cứ lăn lộn vào đó, rồi dùng đủ cách gian dối để cho đạt cái mục-đích ti-thiền của mình. Cũng vì thế mà thành ra cái lưu-tệ càng ngày càng thêm rộng ra. Xưa nay các nhà thức-giả cũng đã muốn tìm cách trừ bỏ đi, nhưng vẫn không thành hiệu. Đến cuối thế-kỷ thứ XIX, năm Quang-tự thứ 28 (1898), bọn Khang Hữu-Vi, Lương Khải-Siêu v.v. mưu sự biến pháp tân chính và bỏ khoa-cử đi, vụ lấy thực học, đề theo thời mà tiến hành, nhưng lại bị bọn thủ-cửu ngăn-cấm, Cách bảy năm sau là năm Quang-tự thứ 31 (1905), vì thời thế bức bách, triều-đình nhà Thanh mới nghe lời của Trương Chi-Động và Viên Thế-Khải, bỏ khoa-cử đi

và đặt ra qui-thức giáo-dục theo tân-thời. Nho-giáo về đường hình-thức, đến đó mới biến hình đổi dạng, và có lẽ nhờ cuộc biến-đổi ấy mà phát hiện cái chân tướng ra được. Bởi vì xưa nay cái học chân-chính của Nho-giáo thường phát ra ở các nhà tư-thục, chứ ở những nhà công-học, thì ngoài sự bó buộc sĩ tử trong vòng khoa-cử ra, không thấy có cái tư-tướng gì mới lạ cả.

Một nhà khảo - cứu Nhật - báo nói rằng :  
« Sự học-vấn nước Tàu bị nhà chính-trị lợi-dụng, học-trò khi ở nhà trường học những cách không phải đề đem ra ứng dụng, chẳng qua chỉ học những văn bài đề ra ứng thi mà thôi. Thậm chí Khổng-giáo là cốt dạy cho người ta trí-tri, cách-vật và cái qui-mô trị quốc, bình thiên-hạ, lớn đến những điều cốt yếu về chính-trị, nhỏ là những điều đề tu-dưỡng nhân-cách, thế mà từ khi bị phải nhà chính-trị lợi dụng, có người chê cả Khổng-giáo, cho là một cách học đề đi thi. Ngày nay nước Tàu bỏ hẳn khoa-cử đi rồi, nhiều người đã xưng lên là giải phóng cho Khổng-giáo, thật là phải lắm vậy. »



## II.— CÁC HỌC-PHÁI Ở ĐỜI NHÀ THANH

Trong khoảng sơ-diệp nhà Thanh, các vua đều hết lòng tưởng-lệ Nho-giáo, nhưng vẫn công-nhiên chủ-trương cái học của Tống-nho. Qui-cử sự học và phép thi-cử nhất nhất theo lối nhà Minh. Song đó chỉ là cái hình-thức riêng về mặt chính-trị mà thôi, còn cái thực học thì ở những nhà tư-thục, không quan-hệ đến sự hạn-chế của chính-phủ. Thuộc ấy có những người nho-học không chịu ra làm quan với nhà Thanh, ở nhà tiềm tâm học tập. Lại nhân cái học-phong về cuối đời nhà Minh đã tiêu-tụy lắm, cho nên các học-giả mới phấn chấn lên, tìm cái phương-pháp mà sửa đổi lại. Bởi vậy các học-phái mới xuất hiện ra như là phái Hán-học, phái Kinh-học, phái Tống-học. Về sau đến mạt-diệp nhà Thanh sự học ấy suy đồi đi, và lại vì thời thế bức bách, các học-giả mới xướng lên phái Tân-học, tức là phái đang thịnh hành ở đời nay.

Sau này ta xét những cái học-thuyết của mấy người danh-nho trong những phái ấy. Còn ai muốn biết rõ sự nho-học trong đời nhà Thanh, thì nên xem sách *Thanh-đại-học-thuật-khái-luận* 清代學術概論 của Lương Khải-Siêu là sách có giá trị về đường khảo-cứu vậy.

## a) HÁN-HỌC PHÁI

Nguyên từ cuối đời nhà Minh, các học-giã có nhiều người thấy sự học theo lối Tống-nho có nhiều điều sai lầm, lại nhận có cái ảnh-hưởng Tây-học của những giáo-sĩ đạo Gia-tô đem sang nước Tàu, các học-giã nhờ đó mà rộng cái kiến-thức ra và có cái phương-pháp khảo-cứu rất tinh-tường.

Vào khoảng năm Vạn-lich (1572-1619) đời vua Thần-tôn nhà Minh có giáo-sĩ Lợi-Mã-Đậu (Mathieu Ricci) đã xướng lên cái thuyết nên tìm nghĩa sách ở trong nguyên văn, trong bọn sĩ-phu có người đã khuynh-hướng về mặt khảo-chứng, cho đời nhà Hán gần đời Xuân-thu và Chiến-quốc hơn đời nhà Tống, thì nên theo Hán-nho mà học, hơn là theo những lời chú-thích của Tống-nho. Bởi vậy, qua sang đời nhà Thanh, có bọn di-nho nhà Minh, vì danh nghĩa mà không ra làm quan, cứ ở nhà dạy học và làm sách, lập ra phái Hán-học. Phái ấy chủ ở sự nghiên-cứu các Kinh Truyện và các sách sử, tìm-tòi ở những sách cổ, suy xét lấy sự thực, nhận biết cái gì có nghĩa lý rất phải thì theo, cho nên mới gọi là khảo-

chứng-học 考證學. Cái phương-pháp của phái ấy không phải theo lối huấn - hỡ của Hán - nho, mà cái phạm-vi của sự khảo-cứu cũng không chuyên ở Kinh-học, nhưng theo cái đại-thề thì có điều giống như lối học của Hán-nho, cho nên lại gọi là Hán-học 漢學.

Người đứng đầu phái Hán-học là Cố Viêm-Võ, rồi đến Diễm Nhược-Cự, Mao Ký-Linh, Hồ Vị, Giang Vĩnh, Huệ Sĩ-Kỳ, Huệ Đống, Đái Chấn v. v. Những người ấy tiềm tâm ở sự khảo - chứng và đều tinh-thâm toán - học cả, cho nên những sách vở của phái ấy làm ra có phương-pháp rất rõ ràng và có nhiều ý-kiến mới lạ. Những nhà-tân-học ngày nay thường ví sự hành - động của học-phái ấy với sự hành động của Văn - nghệ phục-hưng (là Renaissance) bên Âu-tây.

Cố Viêm-Võ. — Cố Viêm-Võ 顧炎武, tự là Ninh - nhân 寧人, hiệu là Đình - lâm 亭林 (1612-1681), người huyện Côn - sơn, tỉnh Giang-tô. Lúc nhà Thanh lấy nước Tàu rồi, ông theo giúp nhà Minh không được, về nhà, bà mẹ nhịn ăn mà chết, dặn ông không được thờ hai họ. Về sau ông nhất định chung thân không ra làm quan với nhà Thanh. Trước ông ở Giang-tô, lúc ở Côn-sơn, lúc ở Nam-kinh, sau vì có sự bất hòa với người láng, ông bèn bỏ đi lên phía tây-

bắc, làm nhà ở đất Hoa-âm, thuộc tỉnh Thiềm-tây, khai khẩn ruộng đất để nuôi thân. Mỗi lúc có người muốn tiến ông vào làm quan, thì ông hết sức từ chối. Hễ ai nài ép lắm, thì ông nói : muốn để ông sống thì đừng ép ông.

Ông học rất rộng, tinh nghề nghiên-cứu, phàm những âm-vận-học cùng các cái học khác như thiên-văn, địa-lý, toán-pháp, điền-lệ, không có điều gì là ông không học đến chỗ căn-bản. Ông xem nhị-thập-nhất sử, thập-tam Triều thực-lục, thiên-hạ đồ kinh và tiền-bối văn-biên thuyết bộ, rồi thấy có điều gì quan-hệ đến sự lợi hại của dân sinh là ông biên chép ra, làm thành bộ sách gọi là : *Thiên-hạ quận-quốc lợi bệnh thư* 天下郡國利病書, một trăm hai mươi quyển. Sau ông lại đi du-lãm các nơi ở phía tây và phía bắc nước Táo, xem những sơn xuyên, phong thổ, cùng những di-tích đời xưa để khảo chất những điều chép trong sách ấy. Ông đi du-lịch ở miền tây-bắc hơn 20 năm, đi đâu có hai con ngựa và hai con lừa chở sách đi theo. Đến những chỗ biên tái, ông tìm những người lính già hoặc những người đã thôi lính, để hỏi han mọi chuyện, có điều gì không hợp với những điều ông đã biết, thì ông đến chỗ trọ dỡ sách ra xét lại cho tường tận. Ông khảo chất được điều gì chưa chép

ở trong sách ấy, thì ông biên ra một tập riêng gọi là: *Triệu vực chí* 肇域志.

Ông suy làm cái bản nguyên âm-học trong các Kinh Truyện làm ra *Âm-luận* 音論, 3 quyển; *Thi-bản-âm* 詩本音, 10 quyển; *Dịch-âm* 易音, 3 quyển; *Đường-vận-chính* 唐韻正, 20 quyển; *Cồ-âm-biểu* 古音表, 2 quyển.

Ông lại kê-cứu những kim thạch văn-tự, nghĩa là những chữ khắc ở bia đá hay ở đồ đồng để làm bằng chứng cho các Kinh Sử, và lấy những lời nghị luận về việc học ở trong các Kinh Sử mà làm ra sách *Nhật-trí-lục* 日知錄, 30 quyển. Hậu nho cho bộ sách ấy là bộ tinh-nghệ của ông.

Ngoài những sách ấy, ông còn làm đến hơn 20 thứ sách khác nữa, sách nào cũng bổ ích cho sự học-thuật và thế-đạo. Kể những nhà nho-học xưa nay, mà sự tư-tưởng, cách lập-nghôn và sự khảo-chứng được hợp với thể-lệ khoa-học, thì có ông là hơn cả. Ông thật là một nhà đại khoa-học trong Nho-giáo vậy.

Bởi ông có cái tính-chất khoa-học ấy, cho nên ông không ưa cái học hình-nhi-thượng. Ông lại thấy học-phong cuối đời nhà Minh tồi tệ, học-giả theo mặt học của phái Diêu-giang, thường hay tưng-từ không chịu xem các Kinh Truyện, ông bèn cực lực công-kích học-phái ấy. Ông bàn việc học, thường nói rằng: « Hơn một trăm năm nay, học-giả

thường thường cứ nói tâm, nói tính, mà mang-nhiên không hiểu rõ nghĩa. Mạnh với nhân, là Phu-tử vẫn ít nói đến; tính với thiên-đạo, thì đến thầy Tử-Cống cũng chưa được nghe. Cái lý của tính và mạnh là chỉ nói rõ ở trong Dịch-truyện, chứ chưa từng đem nói với người ta. Phu-tử trả lời cho người hỏi về việc sĩ 仕, thì nói rằng: « *Hành kỷ hữu sĩ 行己有恥* »: hỏi về việc học, thì nói rằng: « *Hiếu cồ mẫn cầu 好古敏求* »; nói với Ai-công về cái công minh-thiện 明善, thì bảo lấy sự bác-học làm trước tiên. Nhan-tử là bậc gần bằng thánh-nhân mà còn nói: « *bác ngã dĩ văn 博我以文* ». Tử Tăng-tử trở xuống, người đốc-thực như Tử-Hạ mà nói nhân, thì bảo là: « *bác học nhi đốc chí, thiết vấn nhi cận tư 博學而篤志, 切問而近思* ». Những bậc quân-tử đời nay thì không thể, tụ họp những bạn hữu và môn-nhân đến hàng trăm hàng nghìn người, nói tâm, nói tính, bỏ sự « *đa học nhi thức 多學而識* » đề câu cái phương nhất-quán, bỏ sự khốn-cùng của bốn bề không nói, mà giảng điều « *nguy vi tinh nhất 危微精一* ». Như thế, thì ắt là cái đạo phải cao hơn Phu-tử mà bọn đệ-tử phải giỏi hơn Tử-cống. Ta đây không dám biết vậy. Trong sách *Mạnh-tử* có hay nói tâm, nói tính thật, nhưng đến khi bọn Vạn Chương, Công Tôn-Sửu, Trần Đại,

Trần Trần, Chu Tieu, Bành Canh, hỏi đến, thì lời đáp lại của Mạnh-tử thường chỉ ở trong khoảng: xuất xứ, khứ tỵ, từ thụ, thủ dự mà thôi. Bởi thế cho nên: tính, mạnh, trời, là Phu-tử ít nói đến, mà nay những bậc quân-tử thường hay nói đến; những lời biện luận về việc xuất xứ, khứ tỵ, từ thụ, thủ dự, là Khổng-tử và Mạnh-tử, thường hay nói, mà nay những bậc quân-tử ít nói đến. Ta nay bảo cái đạo của thánh-nhân là thế nào? Rằng: «bác học ư vấn», rằng: «hành kỹ hữu sĩ», tự một thân mình cho đến thiên-hạ quốc-gia là việc học vậy; tự đạo làm con, làm tôi, làm em, làm bạn, cho đến khoảng xuất nhập, vãng lai, từ thụ, thủ dự, đều phải có việc hữu sĩ. Kẻ đi học mà không nói cái sĩ, là người vô-bản; không hiểu cớ đa văn, là cái học hư không. Lấy cái người vô-bản mà giảng cái học hư-không, thì ta thấy ngày càng theo học thánh-nhân mà càng xa thánh-nhân vậy.»

Đó là lời Cố Đình-lâm bác cái học của phái Diêu-giang. Cái học của phái ấy có chỗ làm lớn, là đem cái học, hình-nhi-thượng mà truyền bá ra cho hạng người trung-nhân dĩ hạ. Cái lỗi ấy là tại bọn Vương Long-khê muốn lên cao quá, không theo lời dặn của Dương-minh, cho nên về sau thành ra một cái học hoang-phiếm không có cái gì là thiết-

thực chắc-chắn. Cố Đình-lâm chê chỗ ấy của Diêu-giang-phái là rất phải, song ông đã biết rằng cái lý của tinh và mạnh đã nói rõ ở Dịch-truyện, thì sao lại nói cái học về tinh và mạnh không phải là Không-học? Ông cũng nhận là Mạnh-tử chăm chăm nói tâm, nói tính, thế có phải là trong Không-học có cái học hình-nhi-thượng không? Chỗ tinh-vi của Không-giáo là để cái học hình-nhi-thượng riêng cho thiêu số trung-nhân dĩ thượng, và lấy cái học hình-nhi-hạ để chung tất cả cho các hạng người. Những điều « bác học ư văn », « hành kỹ hữu sĩ » cùng những việc « xuất xữ, khứ tỵ, từ thụ, thủ dự », là thuộc về phần hình-nhi-hạ-học. Cái làm của phái Diêu-giang là ở chỗ lấy gốc làm ngọn, đem cái phần hình-nhi-thượng làm công-giáo mà dạy hạng trung-nhân dĩ hạ, cho nên mới hóa ra sự học rất dở ở cuối đời nhà Minh vậy.

Cố Đình-lâm không phân-biệt rõ chỗ ấy, cho nên lời phê-bình của ông chỉ đúng về mặt hình-nhi-hạ-học mà không đúng về mặt hình-nhi-thượng-học. Nho-giáo sở dĩ là cái học - thuyết hoàn - toàn, rất cao-minh và rất thiết-thực, là bởi có thượng-học và hạ-học điều-hòa với nhau, không thiên lệch về bên nào cả. Thượng-học để làm căn-bản cho hạ-học. Nhưng thượng-học không phải là cái



học để truyền bá ra cho công chúng: sự nhân-sinh nhật-dụng là thuộc về hạ-học, tất phải lấy những điều cương-thường đạo-lý làm chuẩn-đích, lấy việc làm liêm-sĩ làm giới-hạn. Nếu bỏ những điều ấy mà vụ lấy sự phóng-từ hư-vô, thì làm thế nào mà không thành ra cái học hoang-phiếm được.

Cổ Đình-lâm thấy rõ cái làm ở chỗ ấy, cho nên ông đốc chỉ ở sáu Kinh lấy làm căn-bản của sự học. Ông tuy không công-kích Trình Chu, nhưng không nhận có cái lý-học độc-lập. Ông nói rằng: « Xưa nay sao lại biệt ra một cái học gọi là lý-học được? Kinh-học tức là lý-học vậy. Từ khi bỏ Kinh-học mà nói lý-học, thì cái tà-thuyết khởi lên. Không biết rằng bỏ Kinh-học đi, thì cái mà gọi là lý-học tức là Thiên-học. » Kinh-học tức là lý-học, đó là lời đề làm biểu-hiệu cho học-phái của ông lập ra vậy. Ông lấy cái học theo nghĩa sách trong sáu Kinh để chữa cái học hoang-phiếm của người đương thời.

Cái học của Cổ Đình-lâm có ba điều rất đặc-biệt. Một là không mô-phỏng đời trước. Ông nói ở trong sách *Nhật-tri-lục* rằng: « Người trong đời nhà Minh, hễ làm sách là không có điều gì không cập nhật. » Ông cho việc làm sách là việc rất khó. « Hễ đời xưa chưa bàn tới, mà đời sau không thể không có được, thì mới nên làm. » Ông theo cái

phương-châm ấy mà làm sách *Nhật-tri-lục*, cho nên ông nói ở trên bài tựa rằng: « Ta đọc sách từ thuở nhỏ, biên chép ra nhiều chỗ, nhưng sau có chỗ nào không hợp thì sửa lại, hoặc có chỗ cổ-nhân đã nói trước ta rồi, thì bỏ đi. » Lời làm văn của ông cũng không bắt-chước người đời xưa.

Hai là trọng chứng-cứ. Ông biên chép ra điều gì là có đủ chứng-cứ rõ-ràng, chứ không nói mò.

Ba là trọng sự thực dụng. Ông nói rằng: « Khổng-tử san định sáu Kinh, tức là cái tâm của Y Đoãn, Thái-công cứu sự lầm-tham của dân. Cho nên nói rằng: « *Tái chư không ngôn, bất như kiến chư hành sự* 載諸空言, 不如見諸行事: Chép những lời không-ngôn, không bằng thấy ở việc làm. »... Phàm văn mà không quan-hệ đến sự sáu Kinh đã dạy, và đến việc đương thế, thì nhất thiết không làm. »

Bởi có cái học thiết-thực kinh-tế và cái phương-pháp khoa-học dùng về sự khảo-cứu và sự trước-thuật ấy, Cố Đình-lâm mở ra một học-phái rất có giá-trị trong đời nhà Thanh vậy.

**Diễm Nhược-Cự.** — Diễm Nhược-Cự 閻若璩, tự là Bách-thi 百詩 (1616-1704), người đất Thái-nguyên, tỉnh Sơn-tây, cũng là một

đi-nho nhà Minh, không ra làm quan với nhà Thanh. Ông dời nhà đến ở đất Sơn-dương và chuyên chú về việc khảo-cứu các Kinh Truyện. Ông làm sách: *Thượng thư cổ văn sơ chứng* 尙書古文疏證 đề biện luận cái lầm của sách *Cổ-văn thượng-thư* 古文尙書 đời Đông Tấn, và sách *Thượng-thư-truyện* 尙書傳 của Khổng An-Quốc đời Tây-Hán. Xưa nay học-giả cho sách ấy là nhất định không ai dám bấn đến. Diễm Bách-thi nghiên-cứu những chỗ sai lầm và cho những sách ấy là nguy-thư.

**Mao Kỳ-Linh.** — Mao Kỳ-Linh 毛奇齡, tự là Đại-khả 大可 (1623-1713), người đất Tiêu-son, tỉnh Chiết-giang. Ông học rộng, xem hết các sách võ và giỏi về nghề biện bác, tìm những sự sai lầm trong cái học của Chu-tử, đề làm rõ cái học của Hán-nho. Ông có làm sách: *Cổ-văn thượng-thư oan-tử* 古文尙書冤詞 đề bẻ cái thuyết của Diễm Nhược-Cự bần về sách ấy. Những sách của ông là: *Xuân-thu truyện* 春秋傳; — *Mao-thi truyện* 毛詩傳, v. v..

**HỒ VỊ.** — Hồ Vị 胡渭, tự là Phi-minh 鵬明, (1633-1713), người đất Đức-thanh, tỉnh Chiết-giang. Ông là một nhà khảo chứng-học có tiếng trong đời Khang-hi và rất tinh về

địa-lý-học, có dự vào việc làm bộ *Đại-Thanh nhất-thống-chi* 大清一統志.

Ông làm bộ *Dịch-đồ minh-biến* 易圖明辨, đại chi là biện-luận về việc từ đời nhà Tống trở lại mà gọi là Hà-đồ, Lạc-Thư, là của Thiệu Khang-tiết, học Lý Chi-Tài và Trần Đoàn mà làm ra, chứ không phải là của Phục Hi, Văn-vương, Chu - công và Khổng - tử. Ông làm quyền sách ấy đề phân-biệt *Dịch* 易 của tiên thánh, khác với *Đồ* 圖 là của họ Trần và họ Thiệu, đề học-giả biết Tống-học là Tống-học, mà Khổng-học là Khổng-học. Chia ra thì hai bên cùng hay cả, hợp lại thì hai bên cùng hông. Đó là cái ý ông nói ở trong bài tựa của ông làm vậy.

Ông còn làm bộ: *Vũ công chùy-chỉ* 禹貢錐指 rất có giá-trị về địa-lý-học của nước Tàu.

**Giang Vinh.**—Giang Vinh 永江, tự là Thận-tu 慎修 (1680-1762), người đất Vũ-nguyên, tỉnh An-huy. Ông học rất rộng, xem hết các Kinh Truyện và bách-gia chư-tử, lại giỏi về toán-số, âm-vận và luật-lữ. Sách của ông làm ra hơn 10 bộ: *Chu-lễ nghi-nghĩa cử yếu* 周禮疑義舉要; — *Hương - đảng - đồ - khảo* 鄉黨圖考; — *Giang Thận-tu số-học* 江慎修數學; — *Suy-bộ-pháp-giải* 推步法解; — *Lễ-ký cương-mục* 禮記綱目; — *Cò vận tiêu-*

chuần 古韻標準: — *Luật-lữ tân luận* 律呂新論, v. v..

Từ Giang Thận-tu về sau, phái Hán-học cực thịnh, là nhờ có cha con họ Huệ và thầy trò họ Đái vậy.

**Huệ Sĩ-Kỳ.** — Huệ Sĩ-Kỳ 惠士奇, tự là Thiên-mục 天牧, người Tô-châu, tỉnh Giang-tô, đỗ liên-sĩ đời Khang-hi, làm quan đến chức thị-độc học-sĩ. Ông khảo-cứu hết các Kinh Sử và cho là: « Sách Tam-lễ của Trịnh Khang-thành, sách Công-dương-truyện của Hà Hưu, phần nhiều là theo phương-pháp đời Hán, mà đời Hán cách đời xưa chưa xa mấy. Về sau đến đời Đường không hiểu được những lời chú-thích của họ Trịnh. Nhà Hán xa nhà Chu, mà nhà Đường lại xa nhà Hán, thì cái thuyết không thể hiểu hết được, huống chi từ nhà Tống về sau hay sao? » Cái học của ông là lấy xưa nay, xa gần, mà định phải trái vậy.

Ông làm những sách như: *Dịch thuyết* 易說; — *Xuân-thu thuyết* 春秋說, v. v..

**Huệ Đông.** — Huệ Đông 惠棟, tự là Định-vũ 定宇, (1696-1758), con thứ của Huệ Sĩ-Kỳ, theo lối học của cha, xét kỹ Hán-học để làm cho sáng nghĩa các Kinh. Ông nói ở đầu bộ *Cửu Kinh* còn nghĩa rằng: « Người nhà Hán học-Kinh có phương-pháp của từng nhà, cho

nên có thầy dạy riêng năm Kinh. Cái học huấn hồ là đều bởi thầy khẩu-truyền cho... Cồ tự, cồ ngôn, phi thầy dạy Kinh, không hiểu được... Bởi thế cho nên những lời dạy đời xưa không nên đổi, và thầy dạy Kinh không nên bỏ vậy. Nhà ta bốn đời truyền Kinh đều thông nghĩa đời xưa, nay nhân thuật lại cái học của nhà mà làm bộ sách *Cửu Kinh cồ nghĩa* 九經古義 này.»

Về sau Vương Dẫn-chi thường nói rằng: «Huệ Định-vũ tiên-sinh khảo cồ tuy càn, nhưng kiến-thức không cao, tâm không tế-nhị, thấy cái gì khác với đời nay thì theo, bất luận thị phi thế nào cả.»

Huệ Đồng lại giỏi về Dịch-học, có làm sách *Chu Dịch-thuật* 周易述, và *Cồ-văn thượng-thư-khảo* 古文尚書考.

Kể các học-giã trong phái Khảo-chứng, thì chỉ có phái họ Huệ này mới thật là thuần-túy Hán-học. Song cái học đã chuyên chú ở Hán-học, thì lại có cái làm của Hán-học mà không biết. Cũng vì thế mà cái học họ Huệ tuy rộng, nhưng không tinh bằng cái học họ Đái vậy.

**Đái Chấn.**— Đái Chấn 戴震, tự là Đông-nguyên 東原 (1722-1777), người đất Hư-ninh, tỉnh An-huy, đỗ cử-nhân đời Càn-long, vào kinh làm bộ: *Tứ-khố toàn-thư* 四庫全

書, vua Cao-tôn nhà Thanh nghe tiếng ông, triệu vào yết-kiến, rồi cho đỗ tiến-sĩ. Ông theo học Giang Vĩnh, nổi tiếng là rất giỏi về mặt khảo-cứu và biện-luận. Ông giỏi cả toán-học, âm-học và tự-học, có làm những sách, như: *Sách toán* 策算; *Đại hiệu-toán-kinh thập thư* 戴校算經十書; *Khảo-công-ký đồ* 考工記圖; — *Thanh vận khảo* 聲韻考; — *Thanh-loại biểu* 聲類表; — *Tự học* 字學; — *Mạnh-tử tự nghĩa sơ chứng* 孟子字義疏證, v. v.

Cái học của Đại Đông-nguyên chú trọng ở sự khảo-cứu các Kinh Truyện mà tìm đạo, chứ không theo lời chú-thích của Tống-nho. Ông nói rằng: « Kinh đề chữ đạo, mà cái đề làm cho sáng đạo là lời, cái đề làm cho thành lời là chữ vậy. Học-giả nên do chữ mà suốt đến lời, do lời mà suốt đến sự học.» Đó là cái tôn-chí của phái khảo-chứng-học, cốt phải tìm cho đúng cái nghĩa từng chữ từng lời, rồi do cái nghĩa đó mà hiểu đạo. Cái học ấy chính là cái học huấn-hỗ đời Hán vậy.

Ông không theo Tống-nho, nhưng cũng không theo Hán-nho. Ông thường nói rằng; « Học-giả nên đừng đề người che lấp ta, đừng đề ta tự che lấp ta; không cầu cái danh một thời, cũng không cầu cái danh đời sau. Có cái ý-kiến cầu danh, thì có hai cái tệ;

Phi công-kích tiền nhân đề tự biểu-bộc mình, thì nương tựa vào kẻ hiền đời xưa mà theo đuôi. » Hai cái tệ ấy rất hại cho người ta, là bởi trong sự học ta thường hay bị người che lấp, đến khi ta biết cái che lấp ấy, cố sức đề thoát khỏi, thì ta lại bị ta che lấp ta. Ông muốn học-giả bỏ hết cái tình hay nương tựa vào người. Điều gì cũng vụ tìm cho đến sự thực, chứ không phải theo một học-thuyết nào. Ông thực-hành cái thuyết ấy trong sự học của ông, cho nên nói rằng : « Ta sở dĩ tìm ở trong các Kinh, là vì sợ lời nói của thánh - nhân, hậu thế còn đề mờ tối chẳng. Song sự tìm-tòi ấy có điều mười phần được cả mười, có điều mười phần không được đủ mười. Những điều mười phần được cả mười là so với các đời xưa mà không có cái gì là không điều-quán, hợp với đạo mà không còn nghi ngờ gì nữa, lớn nhỏ xem hết, gốc ngọn xét kỹ. Nếu lại theo lời truyền văn đề định cái phải, chọn ở các thuyết đề lựa lấy cái tốt, lấy lời không-ngôn đề định cái luận, tựa vào một cái cô-chứng đề tin cái suốt ; tuy men dòng nước có thể biết được cái nguồn, nhưng mắt không thấy cái nguồn chảy thế nào ; tuy lần gốc có thể tới đến ngọn, nhưng tay không sờ đến cành xem các nhánh mọc thế nào, đều là cái biết chưa được mười phần đủ cả mười ; lấy



lời ấy mà học Kinh, thì mất cái ý « bất tri vi bất tri », chỉ là thêm một cái ngờ hoặc, làm cho kẻ thức-giả phải biện luận..., Đã nghĩ sâu tự được mà gàn cái phải, rồi sau mới biết cái nào mười phần được cả mười, và cái nào mười phần không được đủ mười. Tựa như cái dây chằng xem cây thẳng, chỗ mà trước cho là thẳng, nay thấy rõ là cong; như nước để xem mặt đất phẳng, chỗ mà trước cho là phẳng, nay thấy rõ là lõm, rồi mới truyền cái tin, không truyền cái ngờ. Ngờ thì đề khuyết, có như thế thì ngộ hầu học Kinh mới không hại. » Cái phương-pháp ấy chính đúng cái phương-pháp nghiên-cứu của khoa-học vậy.

Cái thực học không phải là dễ. Đái Đông-nguyên thường nói rằng: « Học có ba điều khó: Cái khó yêm bác 淹博, cái khó thức đoán 識斷, cái khó tinh thâm 精審. Ba cái khó ấy ta không đủ cho là có cả, nhưng đại khái về phần riêng của ta thì có cái tự thị, và sự làm sách vở của ta đều do cái mối ở đó. Người đời trước nghe rộng nhớ nhiều, làm sách đầy nhà, yêm bác thì có, mà tinh thâm thì chưa vậy.... »

Đái Đông-nguyên không phải là một nhà học-giả chỉ chuyên về mặt khảo chứng mà thôi, ông còn muốn đặt ra một cái lý-thuyết triết-học. Ông viết thư cho người ta nói rằng: « Những lời nói của Khổng Mạnh trong sáu

Kinh và các sách truyện-ký không thấy mấy chỗ nói đến chữ lý 理. Nay thì đến kẻ chỉ ngu trái ngược càn-rỡ, có xư-đoán việc gì hay trách mắng người nào không bao giờ là không nói đến lý. Từ đời nhà Tống về sau mới tập thành thói quen, cho lý như là một vật của Trời phú cho mà đả ở tâm, rồi hễ có việc gì thì lấy cái ý-kiến của tâm mà đối-phó, thành ra người nào có phụ khí, hoặc cạy thế, lại thêm có mồm miệng giáo-hoạt, thì lý rõ; người nào sức yếu, khí nhạt, mồm miệng không được giáo-hoạt, thì lý khuất.» Thiết tưởng trong các Kinh Truyện không hay nói đến lý, song cái ý vẫn cho vạn vật sở dĩ hiểu biết là nhờ có cái phần thiêng-liêng sáng-suốt cùng đồng một thể khắp cả trong vũ-trụ. Tống-nho dùng chữ lý để gọi cái phần thiêng-liêng sáng-suốt ấy, không phải là bịa đặt ra một điều không có trong Kinh Truyện, mà chính là Tống-nho đã hiểu được đến phần cao thâm của Nho-giáo. Nay Đái Đông-nguyên thấy người đời dùng bậy chữ lý, mà đổ lỗi cho Tống-nho, thì thật là cái ý-kiến của ông thiên, và cái học của ông không đến vậy.

Chủ-ý của Đái Đông-nguyên là muốn trừ hai cái tệ của Nho-học thuở ấy, là cho Phật lẫn với Nho, và bỏ dục nói lý, cho nên về sau ông làm ba thiên Nguyên-thiện 原善, và sách Mạnh-tử tự nghĩa sơ chứng 孟子字義疏證

đề bàn cái nghĩa lý triết-học. Ông cho các sách của ông làm ra, có sách này là hơn cả. Ông thường nói rằng : « Cái công trước-thuật lớn trong bình sinh của ta, thì có sách Mạnh-tử tự nghĩa số chứng là đệ nhất. »

Đại-học, ông đổ lỗi cho Tống-nho làm hại thiên-hạ vì lẽ phân ra thiên-ly và nhân-dục. Ông nói rằng : « Từ Tống-nho lập ra sự biện-luận về lý và dục, bảo rằng điều gì không phải là lý tất là dục, điều gì không phải là dục tất là lý. Bởi thế mới cho sự đói rét kêu gào, trái gái ai oán, sắp chết mong sống của người ta là nhân-dục, rồi bảo cái bìn-nhiên của thiên-ly có luôn trong tâm, tất phải tuyệt hết cả sự cảm-xúc của tình-dục. Đến khi ứng sự may ra mà trúng, thì cứ thế mà yên, chứ không phải thế sát sự tình gì nữa. Nếu không may mà sự tình chưa rõ, thì cứ cố-chấp cái ý-kiến của mình mà làm, tự tin nó là thiên-ly, không phải nhân-dục, thành ra việc nhỏ thì làm hại cho một người, việc lớn thì làm hại cho cả thiên-hạ quốc-gia. »

Ông cho cái mà đời sau gọi là lý, là cái ý-kiến của từng người, chứ thực thì có tình và dục mà thôi. Ông tìm trong các Kinh Truyện lấy chứng mà bác cái học của Tống-nho : « Sách Lễ-ký nói rằng : « Âm-thực nam nữ, nhân chi đại dục tồn yên ». Thánh-nhân trị thiên-hạ, thế cái tình của dân, thỏa cái dục

của dân, mà vương-đạo đủ Người ta biết họ Lão, họ Trang, họ Thich, khác với thánh-nhân. Nghe cái thuyết vô-dục của những họ ấy, còn chưa tin; đến khi theo Tống-nho, thì tin là cũng giống như cái học của thánh-nhân. Lý với dục đã phân ra, người ta ai ai cũng nói được, cho nên đời nay trị người, cho thánh hiền đời xưa thề cái tình của dân, thỏa cái dục của dân, là sự nhỏ mọn ăn khúc, không cần đề ý, không đủ lấy làm lạ. Kịp đến khi lấy lý mà trách người, thì dầu bậc cao tiết trong thiên-hạ, cũng có thể lấy lý mà bắt tội được. Người tôn lấy lý trách kẻ ti, người trưởng lấy lý trách kẻ ấu, người qui lấy lý trách kẻ tiện, tuy sai lầm cũng cho là thuận. Kẻ ti, kẻ ấu, kẻ tiện mà có cái lý cãi lại, thì tuy phải vẫn cho là trái. Bởi thế dưới không thể đem những điều đồng tình đồng dục của thiên-hạ mà đặt lên người trên. người trên lấy lý trách kẻ dưới, mà cái tội của kẻ dưới không biết bao nhiêu mà kẻ ra được. Người chết về pháp-luật còn có kẻ thương, người chết về lý thì còn có ai thương nữa ! »

« Cái thuyết lý với dục đã thành-lập rồi, thì phạm sự cảm-xúc của những thường tình ăn khúc, như đời rét, sâu oán, ăn uống, trai gái, gọi là nhân-dục cả, cho nên chung thân thấy cái dục khó hạn-chế. Và khi mình đã tự tin

là mình không có dục, thì nghĩ không có hồ thẹn điều gì cả. Cái gì mà ý-kiến của mình đã cho là không phải, thì bảo người ta tự bỏ mất cái lý.» — «Đã tiết-nhiên phân lý với dục ra làm hai, trị mình thì lấy những điều không phải là dục làm lý, trị người ắt cũng phải lấy những điều không phải là dục làm lý, đem cái cảm-xúc của những thường tình ăn khúc, như đói rét, sầu oán, ăn uống, trai gái, cho là nhân-dục, rất đáng khinh. Khinh cái đáng khinh là ta trọng thiên-ly vậy, trọng công-nghĩa vậy. Lời nói rất đẹp, nhưng dùng ra để trị người thì làm cái hại cho người. Đến khi kẻ dưới lấy điều khi-trá mà ứng-phó với người trên, thì bảo là bất thiện. Ấy là bởi sự phân-biệt ra lý và dục, khiến khắp cả mọi người trong thiên-hạ đều biến ra trá-ngụy cả. Cái hại đó kìa sao cho xiết !»

Đái Đông-nguyên đã công-kích cái thuyết thiên-ly và nhân-dục, tất phải tìm cái phương-thế khác để bổ cứu cái tệ của người đời bấy giờ. Ông cho cái thiên-đạo là âm dương và ngũ hành. Người ta sinh ra, chịu một phần âm dương và ngũ hành để làm tính, bởi thế mới có huyết, khí, tâm, tri. Có huyết và khí, ấy là có lực dục; có tâm và tri, ấy là có tình có tri. Cái mà cấp đủ cho cái dục là thanh, sắc, xúc, vị, nhân đó mà có cái yêu, cái sợ. Cái mà phát ra ở tình là: hi, nộ, ái, lạc, nhân đó mà

có lúc thâm, lúc thư. Cái mà **biện-biệt** ở cái trí là: xấu tốt, phải trái, nhân đố mà có sự ưa, sự ghét. Như thế là ông phân cái nguyên chất của tính ra làm ba: dục, tình và trí, tức như ngày nay các nhà tâm-lý-học chia tâm-thần của người ta ra làm; ý-chí (volonté), tình-cảm (sentiment) và trí-tuệ (intelligence). Xem cái tư-tưởng và sự nghị-luận của ông, thì ông là một nhà Tây-học ở nước Tàu thuở xưa vậy.

Cái tính đã như thế, thiện ác bởi đâu mà ra? Đái Đông-nguyên mượn cái ý trong kinh Dịch mà cho là Trời lấy sự sinh-sinh làm đạo, thì người cũng phải lấy sự sinh-sinh làm đạo. Cái đức của sự sinh-sinh là nhân. Ấy cho nên đối với dục, mà chuyên ở cả dục của mình là ác, đồng với cái dục của mọi người là thiện. Đối với tình, thì quá với bất cập là ác, trung tiết là thiện. Điều-lý thiện ác cho vừa phải là ở cái trí. Vậy thiện ác là gốc ở cái tình và cái dục. Ông lấy Mạnh-tử mà giải cái nghĩa thánh hiền không nói vô dục: « Mạnh-tử nói rằng: *Dưỡng tâm mạc thiện ư quả dục*, rõ là cái dục không thể không có được, chỉ làm cho ít đi mà thôi. Người ta sống ở đời không gì hại bằng không được thỏa cái đời của mình. Muốn thỏa cái đời của mình và cũng thỏa cái đời của người, ấy là nhân; muốn thỏa cái đời của mình mà không

doai đến sự làm tan hại cái đời của người, ấy là bất-nhân. Bất-nhân thực khởi thủy từ ở cái tâm muốn thỏa đời của mình; nếu không có lòng muốn ấy, ắt là không có sự bất-nhân. Song nếu khiến không có lòng muốn ấy, thì sự nhân-sinh của thiên-hạ hẹp lại, mà người ta coi nhau nhạt-nheo. Mình đã không muốn thỏa cái đời của mình, mà thỏa cái đời của người, là không có vậy.»

Đái Đông-nguyên cho tình với lý là một. «Ta với người giao với nhau, tức là tình. Không quá tình và không bất cập tình, tức là lý. Lý là chỗ tình không sai lầm, chưa có điều gì không hợp tình mà lại hợp lý. Phàm có muốn thì ra điều gì với người, thì hãy thử trở lại mình mà nghĩ xem, nếu người ta lấy điều ấy thì ra với mình, mình có chịu được không? Phàm có trách người điều gì, thì hãy thử trở lại mình mà nghĩ xem, nếu người ta lấy điều ấy trách mình, mình có nhịn được không? Cứ lấy bụng mình mà lường bụng người, thì cái lý rõ ra.» Thiết tưởng các tiên-nho không nói điều gì khác. Tống-nho vẫn cho cái tình tự nhiên là lý. Chỉ có cái tình tự-tự-lợi mới trái lý. Bỏ cái trái lý mà theo cái hợp lý, ấy là cái tôn-chỉ của Nhô-giáo xưa nay vậy,

Xét trong cái học của Đái Đông-nguyên thì tâm tình của người ta có ba điều cốt-yếu là ;

dục, tình và tri. Dục với tình phải tương hợp với nhau mới sinh-hoạt được. Có dục, có tình, phải có tri; song trong cái tri có xảo 巧 và tri 智. Xảo với tri tương hợp với nhau mới thật là tri. Vậy nên nói rằng: «Cái đạo sinh dưỡng, cốt ở cái dục; cái đạo thông cảm, cốt ở cái tình. Tình với dục tự-nhiên hợp in với nhau, thì mọi việc trong thiên-hạ đều hay cả. Biết đến chỗ cùng kiệt của thiện ác, là cốt ở cái xảo, quyền tề-ngự cũng bởi đó mà ra. Biết đến chỗ cùng kiệt của thị phi là cốt ở cái tri, đức của thánh hiền cũng bởi đó mà đủ. Xảo với tri cũng tự-nhiên, hợp in với nhau, tình tương đến tận chỗ tất-nhiên, thì mọi việc trong thiên-hạ đều hay cả.» Ông lại nói: «Có cái thân ấy, cho nên có cái dục về thanh sắc, xú vị; có cái thân ấy mà trật-tự vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bầu bạn đủ cả, cho nên có tình hi, nộ, ai, lạc. Song phải có dục, có tình mà lại có tri, nhiên-hậu cái dục mới được thỏa, cái tình mới được đạt vậy. Khiến cho cái dục được thỏa, cái tình được đạt, việc trong thiên-hạ chỉ có thể thôi. Duy có cái tri của người ta là việc nhỏ có thể biết đến chỗ cùng kiệt của sự xấu sự đẹp, việc lớn có thể biết đến chỗ cùng kiệt của sự phải sự trái, nhiên-hậu đem cái dục đã thỏa của mình mở rộng ra, thì mới có thể làm cho thỏa được cái dục của người; đem



cái tình đã đạt của mình mà mở rộng ra, thì mới có thể đạt được cái tình của người. Đạo đức rất thịnh là khiến người ta ai cũng thỏa được cái đức, đạt được cái tình, chỉ có thế mà thôi.» Khiến mọi người ai' ai cũng thỏa được đức, đạt được tình, ấy là chí-thiện, ấy là nhân vậy.

Phần cốt-yếu trong cái triế.-học của Đái Đông-nguyên là chủ ở sự bài trừ cái thuyết thiên-lý và nhân-dục của Tống-nho. Song ta phải biết rằng Tống-nho nói thiên-lý, là theo cái nghĩa hình-nhi-thượng, cho ở trong vũ-trụ chỉ có một cái lý rất linh-diệu, làm chủ-tề cả vạn sự vạn vật ; nói nhân-dục là theo cái nghĩa hình-nhi-hạ, cho mỗi sự mỗi vật có một phần riêng. Muốn đạt tới cái đạo-lý cao sâu, thì phải theo cái phần công-cộng chung cả vũ-trụ, tức là thiên-lý, mà bỏ eái phần riêng của từng vật, gọi là tư-dục. Đó là phần cao minh trong cái học của Nho-giáo mà Tống-nho đã phát-minh ra. Về sau sự học sai lầm đi, là tại người đời học không đến, làm không đúng, chứ không phải cái lỗi của Tống-nho nói thiên-lý và nhân-dục. Đái Đông-nguyên chỉ biết có một cái học hình-nhi-hạ, cho nên cứ chăm - chăm công - kích Tống-nho, không xét đến chỗ căn-đề. Phàm sự học mà không đạt tới cái lý nhất-quán, rồi cứ theo cái vật-dục mà biện-luận, thì càng

biện-luận bao nhiêu, sự lý càng bờ-bộn ra bầy nhiều, mà dù trong sự biện-luận, lời lẽ có tinh-vi chẳng nữa, thì cũng chỉ tinh-vi về một phương-diện mà thôi, chứ không thật hoàn-toàn đủ các phương-diện. Đó là cái đặc-sắc của phần nhiều những nhà lý-luận ngày nay, mà Đái Đông-nguyên là một nhà học-giả có tư-tưởng giống như những nhà lý-luận ngày nay vậy. Bởi vậy, những lời nghị-luận của ông nghe thật xuôi, nhưng xét ra vẫn kém phần sâu xa, không đủ phát-minh được cái học cao minh hoàng đại của Nho-giáo.

Đái Đông-nguyên dạy học-trò rất nhiều, và những người nổi được cái học của ông là Đoàn Ngọc-Tài, Vương Niệm-Tôn và Vương Dẫn-Chi, đều là người trứ-danh trong khoảng trung-diệp nhà Thanh.

**Đoàn Ngọc-Tài.** — Đoàn Ngọc-Tài 段玉蓁, tự là Mậu - đường 懋堂 (1735-1815), làm những sách có tiếng như: *Thuyết-văn-giải-tự-chú* 說文解字註; — *Lục-thư-âm-vận-biểu* 六書音韻表.

**Vương Niệm-Tôn.** — Vương Niệm-Tôn 王念孫, tự là Hoài-tô 懷祖, làm những sách có tiếng là: *Độc-thư-lạp-chí* 讀書雜誌; — *Quảng-nhã sơ chứng* 廣雅疏證.

**Vương Dẫn-Chi.**— Vương Dẫn-Chi 王引之, tự là Bá-thân 伯申, con trưởng vua Vương Niệm-Tôn, làm những sách: *Kinh-nghĩa thuật-văn* 經義述聞; — *Kinh-nghĩa thích-từ* 經義釋詞, v. v.

Những người này đều là danh-nho ở đời nhà Thanh, theo cái học-thuyết của Đại Đông-nguyên, cho nên người ta thường gọi là Đại, Đoàn, nhị Vương chi học. Cái học ấy truyền bá ra ở nước Tàu rộng hơn cả các phái khác và thường cho là chính-thống học-phái.

Đại khái, cái học khảo-chứng đời nhà Thanh rất có phương-pháp, rất chắc-chắn, song vì cái học ấy chuyên trị có một mặt hình-nhi-hạ-học, chứ không đạt tới hình-nhi-thượng-học, cho nên sự học thì thật là tinh-vi mà vẫn thấp và hẹp. Phàm cái gì đã gọi là hình-nhi-thượng, thì ít khi lấy chữ, lấy lời, mà tả rõ ra hết các ý-nghĩa được, tất phải lấy lý mà hội, lấy ý mà hiểu. Nho-giáo sở dĩ cao minh là bởi có phần hình-nhi-thượng. Hiểu được suốt phần ấy, thì những điều thuộc về hình-nhi-hạ, như luân-lý, chính-trị, đều rõ rệt lắm. Bởi thế thánh hiền đời xưa dặn người ta rằng: «Bất dĩ từ hại ý» cũng vì sợ người ta câu-nệ những chữ, những lời, mà hiểu làm<sup>5</sup> mất cái ý cao xa. Cái học của Hán-nho sở dĩ thấp

và hẹp là bởi quá thiên-trọng về cái học huấn-hỗ vậy.

Đến đời nhà Thanh, phái khảo-chứng phần thì chán cái lý-học của Tống-nho, phần thì lại thấy người ta hay lạm dụng chữ «lý» mà nói bậy, cho nên mới trở lại theo lối Hán-học đề cầu lấy sự thực trong các Kinh, Sử, mà bỏ cửu cái tẻ của lưu học. Song ta nên biết rằng lý-học không phải là không có sự thiết-thực, chỉ vì học-giả thường học không đến nơi, cho nên mới thành ra có nhiều điều dở. Xem như cái học của Vương Dương-minh cao sâu bao nhiêu và thiết-thực bao nhiêu, thế mà đến bọn hậu-học hiểu lầm lầm bậy. Cũng cái học ấy mà sang Nhật-bản thì lại là cái học rất cường kiện, rất thiết-thực. Thế đủ rõ là dù cái học hay đến đâu, nếu người ta không biết dùng, rồi cũng hóa ra dở.

Nay phái Hán-học công-kích Tống-nho mà không xét cái học cao thấp thế nào, và cách thi-hành hay dở bởi đâu, chỉ chăm-chăm lấy cái hữu-hình mà xét cái vô-hình, thì làm thế nào cho hợp sự lý được? Đạo chỉ có một mà thôi, nhưng càng lên cao bao nhiêu, lại càng khó hiểu bấy nhiêu. Nếu học-giả không đạt tới chỗ cao thâm huyền viển, thì chỉ thấy được một góc của đạo, chứ không thấy rõ được cả toàn-thê. Đó là chỗ

thấp, chỗ kém, của phái khảo-chứng. Cũng bởi thế, cho nên các học-giả trong phái ấy chỉ là những nhà khoa-học rất tinh, mà không phải là những nhà cao minh triết-học vậy.

b) KINH-HỌC PHÁI

Người mở ra học-phái này là Nhan Nguyên 顏元, tự là Tập-trai 習齋 (1635 - 1704), người đất Bắc-dã, tỉnh Bắc-bình. Ông là dòng dõi quan nhà Minh, cho nên không ra làm quan với nhà Thanh. Thuở nhỏ nhà thật nghèo, ông phải chịu mọi đường khổ sở, nhưng rất chuyên cần ở việc học.

Cái học của ông đại-đề do cái học của phái Diêu-giang mà ra, nhưng sau ông riêng lập ra một phái chỉ lấy Kinh Truyện làm gốc, chứ không theo Hán-học mà cũng không theo Tống-học. Ông thường nói rằng: « Cách lập ngôn chỉ bàn phải trái, không bàn cái đồng dị. Phải thì cái ý-kiến của một hai người cũng không đổi; trái thì tuy hàng nghìn hàng vạn người cũng không theo. Không những là hàng nghìn hàng vạn người đến hàng trăm hàng nghìn năm mà mê-hoặc, thì ta cũng nên lấy tiên-giác giác hậu-giác, chứ không phải phụ-họa lời-đồng vậy.»

Đối với Tống-học, thì ông nói rằng: « Ta trước còn có cái ý cho Trình Chu là một chi-phái của thánh-môn. Từ lúc đi du-lich phía nam, thấy người nào cũng theo Thiên-học, nhà nào cũng theo lối hư-vấn, thật là đối địch với Không-môn, ta bỏ được một phần Trình Chu. thì vào được một phần Không Mạnh. Ta nhất-định cho Không Mạnh và Trình Chu tiết-nhiên là hai đường, mà ta không muốn làm kẻ hương-nguyện trong đạo-thống vậy.» Cái học của ông khác với cái học của Tống-nho là bởi cái tôn-chỉ: « Tập hành ư thân giả đa, lao khô ư tâm giả thiểu 習行於身者多, 勞枯於心者少: Tập làm ở thân thì nhiều, lao khô ở tâm thì ít. » Ông cho sự học cốt ở sự thực-hành, chứ không quan-hệ ở lời nói. Cho nên nói rằng: « Lời bàn của chư nho ở thân chăng? ở đời chăng? Nếu chỉ là ở giấy bút mà thôi, thì lời nói trái với Không Mạnh cũng hồng, mà lời nói không trái với Không Mạnh cũng hồng. » Nghĩa là những học-giả chỉ nói cái đạo của thánh hiền mà không làm việc của thánh hiền, thì dù nói đúng hay không đúng cũng không có ích lợi gì. Ông rất ghét cái học hư-tĩnh-không-đảm, cho nên nói rằng: « Theo lâu cái học yêu sự tĩnh, bàn cái không, ắt thế nào cũng chán việc, chán việc thì ắt bỏ việc, gặp việc gì là lơ-mờ vậy, cho nên làm

hại nhân tài mà hỏng việc của thiên-hạ, ấy là Tống-học vậy. »

Cái học của ông là vụ lấy sự thi-thố ra ở việc làm, chứ không cầu ở sự đọc sách. Ông nói rằng: « Người nào nhận sự đọc sách làm sự học, vốn không phải là cái học của Khổng-tử, và lấy cái học đọc sách mà giải nghĩa sách, cũng không phải là sách của Khổng-tử. » Ông cho việc học là phải thực-hành những điều nhân nghĩa lễ trí và lục nghệ. Vậy nên ông tự cung hành những điều ấy và lấy những điều ấy dạy học-trò. Ông thường nói rằng: « Nuôi thân không gì hay bằng sự tập động. Sáng dậy, tối nằm, chán khỏi cái tinh-thần, tìm việc mà làm. » Tóm lại mà nói, cái học của ông chỉ chuyên chú về một mặt hành-động mà thôi. Lương Khải-Siêu nói rằng: » Cái học của Nhan Tập-trai lấy thực-học thay hư-học, lấy động-học thay tĩnh-học, lấy hoạt-học thay tử-học. » Cái học ấy giống cái tư - trào giáo - dục ngày nay, nhưng về đường tư-tướng thì như thế chẳng phải là hẹp-hòi lắm hay sao ?

Đệ-tử của ông có Lý-Cung 李璩 và Vương Nguyên 王源 là trứ danh hơn cả, nhưng vì cái học của phái này khắc khổ quá, cho nên sự truyền ra không được rộng và không được bao lâu cũng mất.

## c) TÔNG-HỌC PHÁI

Đời nhà Thanh tuy có phái Hán-học, phái Kinh-học, song những sĩ-phu còn nhiều người vẫn tôn-sùng cái học tính-lý, và triều-đình vẫn lấy Tống-học làm chính-học và dùng về khoa-cử lấy những lời chú-thích của Tống-nho làm gốc. Bởi vậy cho nên cái thế-lực của Tống-nho không suy. Phái Tống-học thuở ấy chia ra làm hai. Một phái thiên về cái học của họ Lục họ Vương, một phái thiên về cái học của họ Trình họ Chu. Song đại-đề phái nào cũng ở trong cái phạm-vi lý-học cả.

1. **Lục Vương học.** — Phái này có hai người trứ-danh là : Tôn Kỳ-Phùng và Hoàng Tôn-Hi. Tôn Kỳ-Phùng thì xuất nhập ở họ Chu họ Lục, mà Hoàng Tôn-Hi thì thụ-nghiệp Lưu Cháp-Sơn giữ được cái học-thống của Vương Dương-minh.

**Tôn Kỳ Phùng.** — Tôn Kỳ-Phùng 孫奇逢, tự là Khải-thái 啓泰, hiệu là Chung-nguyên 鍾元 (1583-1675), người đất Dung-thành, tỉnh Bắc-bình, đỗ cử-nhân, có khí tiết và



chuộng sự nghĩa hiệp. Ông là di-nho nhà Minh, không chịu ra làm quan với nhà Thanh.

Ông đến ở Bách-nguyên-sơn là chỗ di-chỉ của Thiệu Khang-tiết đời nhà Tống ngày xưa, nhà ông rất nghèo, chỉ có một cái ruộng năm, song vẫn làm sách và dạy học-trò, thường những học-giả phương bắc đều là môn-đệ của ông cả. Ông làm sách: *Lý-học tôn-truyền* 理學宗傳, tiêu-biểu mười một người là: Thiệu Khang-tiết, Chu Liêm-kê, Trình Minh-đạo, Trình Y-xuyên, Trương Hoành-cử, Chu Hối-am, Lục Tượng-sơn, Tiết Kinh-hiền, Vương Dương-minh, La Chính-am, Cố Kinh-dương, cho là nối được cái học của Mạnh-tử. Còn những nho-giả khác thì bàn riêng ra.

Đến khi ông đã già, Hoàng Lê-châu khuyên ông xem bộ *Tân-thư* 薪書 của Lưu Tráp-sơn, ông đọc song bộ sách ấy tự lấy làm hồ thẹn.

Đệ-tử của ông là Thang Bàn 湯斌, tự là Khổng-bá 孔伯, đỗ tiến-sĩ đời Thuận-trị, làm quan đến Công-bộ thượng-thư. Cái học của Thang-Bàn chủ lấy khắc-lệ thực-hành, giảng cầu thực-dụng, thành một nhà lý-học có tiếng đương thời.

**Hoàng Tôn-Hi.** — Hoàng Tôn-Hi 黃宗羲, tự là Thái-xung 太冲, hiệu là Lê-châu 梨州 (1609-1695), người đất Dư-diêu, tỉnh Chiết-giang. Ông là con trưởng của Hoàng Tôn-Tổ 黃尊素, làm chức ngự-sử đời vua Hi-tôn nhà Minh. Hoàng Tôn-Tổ thuộc phái Đông-lâm, bị bọn Ngụy Trung-Hiền làm hại.

Lúc nhà Thanh lấy nước Tàu, ông bôn tẩu khắp mọi nơi để lo sự khôi-phục, nhưng sau không thành công, ông trở về ẩn cư, dạy học và làm sách, không ra làm quan với nhà Thanh. Ông nghiên-cứu hết mọi cái học, làm ra rất nhiều sách, đại khái như là: *Dịch học tượng-số-luận* 易學象數論; — *Luật-lữ-tân-nghĩa* 律呂新義; — *Thư-thư tùy-bút* 授書隨筆; — *Tống-nho học-án* 宋儒學案; — *Nguyên-nho học-án* 元儒學案; — *Minh-nho học-án* 明儒學案, v. v.. Trong những sách ấy có bộ *Minh-nho học-án* rất có giá-trị. Gần đây Tiết Phương-Xương nhặt các sách của ông, in ra một bộ gọi là: *Lê-châu di-trứ vạng tập* 梨洲遺著彙集, 20 quyển.

Phái tâm-học trước chỉ lấy tâm làm chủ, đến Vương Dương-minh mới lấy lương-tri làm chủ, rồi Lưu Trấp-sơn lại lấy cái «độc» làm chủ, cho nên cái học của Dương-minh chú-trọng ở sự tri-lương-tri, mà cái học của Trấp sơn chú-trọng ở sự thận-độc. Hoàng Lê-

châu là học-trò Lưu Tráp-sơn tất là phải theo cái tôn-chỉ của thầy.

Song muốn hiểu rõ cái nghĩa hai chữ «thận độc 慎獨» của Tráp-sơn và Lê-châu, thì phải biết rằng: Nho-giả thường vẫn cho là ở trong vũ-trụ chỉ có một cái khí chu-lưu khắp cả trời đất và vạn vật. Khí ấy vô-hình mà linh-diệu vô cùng, không có thủy, không có chung và thông suốt cả mọi vật. Từ khí ấy đến ngũ hành là chất, chứ không phải là khí nữa. Chất thì có hình, có thủy, có chung và không tương thông được. Vậy sự lưu-hành biến-hóa của trời đất là do ở cái khí mà ra. Cái khí ấy «mạc chi vi nhi vi giả 莫之爲而爲者: không có làm gì mà có làm». Nóng rét không mất cái qui-tắc, vạn vật đều có trật-tự, trị oạn doanh hư, tiêu tức thịnh suy, tuần hoàn không thôi, nhật nguyệt tinh thì, đi lẫn lộn mà không mất chừng mực, không thấy dấu tích việc làm mà tự-nhiên thành tượng, như thế không thể bảo là trong chỗ mờ-mờ ấy không có cái sở chủ được. Cái sở chủ ấy gọi là Trời, là lấy cái nghĩa làm chủ-tể mà nói. Việc của Trời thì «mạc chi trí nhi chí giả 莫之致而至者: không làm đến mà đến», như sự phú quý bần tiện, sinh tử họa phúc của người đời là phần nhiều không triệu nó mà nó đến, ấy là cái khí hóa bất tể, nhưng cái vạn số tự có thuần tạp, người ta

sinh ra trong khoảng ấy, ai cũng phải chịu cái phép, không sao tránh được. Cái phép ấy gọi là mệnh 命, là lấy cái nghĩa lưu-hành mà nói. Việc lưu-hành tuy bất-tề, nhưng vẫn có cái chủ-tề nhất định.

Nói về đạo Trời là thế, nói về đạo người thì ai đã sinh ra là bầm thụ cái khí để làm tâm. Tâm là phần thiêng-liêng của khí. Cái tâm-thê lưu-hành luôn, mà sự lưu-hành ấy có điều - lý, tức là tính. Sự lưu-hành mà không mất trật-tự, tức là lý. Lý không thể thấy được, chỉ thấy ở khí; tính không thể thấy được, chỉ thấy ở tâm; tâm là khí vậy. Cho nên Lô-châu nói rằng: «Lý là cái tính có hình mà tính là cái lý không có hình. Lời tiên-nho nói: *tính tức lý* 性即理 thật là đúng cái huyết mạch của nghìn bậc thánh vậy. Rút lại mà nói thì đều là có một khí làm ra cả.» Ông lại nói rằng: «Người ta tuy chỉ có một cái khí lưu-hành, nhưng trong sự lưu-hành ấy có cái chủ-tề, mà cái chủ-tề ấy không ở ngoài sự lưu-hành, chính là cái điều lý - của sự lưu-hành, xét ở sự biến của khí thì gọi là lưu-hành, xét ở sự bất-biến của khí thì gọi là chủ-tề. Dưỡng khí là khiến cái chủ-tề thường còn lại, thì cái khí huyết hóa ra làm nghĩa lý; bỏ mất cái chủ-tề, thì nghĩa lý hóa ra làm khí huyết. Cái sai lầm chỉ ở chỗ hào lý mà thôi.» Nuôi cái khí để giữ cho còn cái chủ-tề

bất-biến ấy, tức là giữ cho còn cái « độc », rồi thận trọng ở cái « độc » đó, tức là « thận độc » vậy.

Lê - châu cho là tiên - nho không biết : ý giả tâm chi sở tồn 意者心之所存, mà lại nói : ý giả tâm chi sở phát 意者心之發, cho nên mới có sự sai lầm. Ông nói rằng : « Sách Trung-dụng nói : trí trung hòa 致中和. Chu Hối-am lấy tồn dưỡng làm trí-trung, tĩnh sát làm trí-hòa, tuy trung và hòa cùng đều trí cả, nhưng vẫn chưa khởi phân động tĩnh ra làm hai đoạn, thành ra cái công-phu có hai cái dụng. Về sau Vương Long-khê theo sự cảm-ứng của nhật-dụng luân-vật đề trí cái minh-sát. Âu-dương Nam-dã lấy cảm-ứng biến-hóa làm lương-trí, ấy là trí-hòa mà không trí-trung; Nhiếp Song-giang, La Niệm-am chủ ở sự qui tịch thủ tĩnh, ấy là trí-trung mà không trí-hòa. Các thuyết của chư nho không có cái thuyết nào là không nói : tiên hậu, nội ngoại, hần-nhiên nhất thể, thể mà hoặc niếp cảm đề qui tịch, hoặc duyên tịch đề khởi cảm, rút lại vẫn có chỗ thiên-lệch, là bởi vì tồn sùng cái thuyết : ý giả tâm chi sở phát. Trí trung thì cho là cái ý không đủ làm bằng cứ, mà phải vượt qua hẳn cái ý ; trí hòa thì cho cái động là cái bản-nhiên của ý, mà cố đuổi theo cho được cả trung hòa kiêm trí ở trong ý, thành ra có cái công-phu trước cái ý

và cái công-phu sau cái ý, mà ý thì ngắt đỏi ra. Giả sử sớm biết cái thuyết : *ý giả tâm chi sở tồn*, thì cái chỗ dụng công chỉ có một ý mà thôi, trừ bỏ được sự ngắt đứt ra và mới nói được : tiên hậu, nội ngoại, hờn-nhiên nhất thể.»

Xét hai câu : *ý giả tâm chi sở phát* và *ý giả tâm chi sở tồn*, thì cái nghĩa không xa nhau là mấy, vì rằng tâm có phát thì ta mới biết là nó còn, chứ tâm không phát thì lấy gì mà biết là còn được? Song Lê-châu muốn đề chữ « tồn » là cốt khiến học-giả chú trọng ở cái độc-thề của tâm mà không phải đuổi theo sự phát-động của tâm. Như thế thì cái công-phu chỉ ở trong hai chữ « thận độc » là đủ vậy.

Hoàng Lê-châu không những là một nhà triết-học uyên-thâm, phát-minh được cái học của Vương Dương-minh và Lưu Trấp-sơn, mà lại là một nhà khảo-cứu rất tinh-tường và phê-bình rất xác-đáng ở đời Thanh-sở. Ông cho là từ đời Nam-Tống về sau những nhà giảng học hay đàm-luận tính mạnh, mà không bàn đến cái học huấn-hỗ; những kẻ hậu-học nói Kinh thì theo Hán-nho, mà lập thân thì theo Tống-học,

Bàn về cái học của Chu Hối-am và Lục Trượng-sơn, ông nói rằng : « Học của họ Chu thì cốt giảng sự học-vấn, bảo học phải cách-

vật, cùng-lý, là cái bậc thang để người ta lên cõi thánh ; nếu chỉ tự tin là mình phải, một mình suy nghĩ ở trong tâm, như thế là « sự tâm tự dụng ». Học của họ Lục thì chuộng sự tôn trọng đức-tính, bảo trước phải lập định về điều lớn ; điều lớn đã đứng vững, thì không bị phải điều nhỏ đoạt đi được. Nếu cái bản-thể không rõ, mà chỉ chăm-chăm dụng công về việc ở ngoài, như thế là nước không có nguồn vậy.» Bàn về cái học cuối đời nhà Minh, ông nói rằng : « Người đời Minh giảng học, cứ nhặt những cái cảm bã ở các sách Ngũ-lục, chứ không lấy sáu Kinh làm căn-bản, bỏ sách lại mà đi theo du-dâm cho nên mới sinh ra cái lưu tệ.» Ông bảo : « Học-giả trước hết cần phải học hết các Kinh để học theo sự kinh-thế ; nhưng cứ câu-chấp một kinh-thuật, vẫn không thích hợp với sự dùng. Muốn khỏi làm kẻ vu-nho, thì phải kiêm-đọc các sách sử.» Xem vậy, thì cái học của ông có phần sở-đắc hơn cả là sử-học.

Cái học của Hoàng Lê-châu tuy lấy Kinh-học và Sử-học làm chủ, nhưng vẫn lấy tâm-học làm trọng, cho nên nói rằng : « Đọc sách không nhiều thì không lấy gì chứng rõ cho sự biến-hóa của lý. Đọc sách nhiều mà không cầu ở tâm, thì lại là tục học. Bởi vậy, phạm

những người theo cái học của ông, không bị cái hư-tệ về sự giảng học.

Sách của ông mà có ảnh-hưởng đến sự tư-tưởng đời nay là bộ: *Minh di đãi-phóng lục* 明夷待訪錄. Trong sách ấy, ông bàn về đạo làm vua, làm tôi cùng những pháp-luật, học-hiệu, điền-chế, binh-chế, tài-kế v. v... Đại lược là ông lấy vương đạo mà giải-quyết những vấn-đề ấy. Cố Đình-lâm xem sách ấy nói rằng: « Thiên-hạ chưa từng không có người. Cái đạo của bách vương đã hư hỏng đi, có thể lại khôi phục lên được, và cái thịnh trị của Tam-Đại, có thể dần dần lại hoàn lại được.» Sách ấy thật là bổ ích cho sự học của ta vậy,

Bàn về cái đạo làm vua, Hoàng Lê-châu nói rằng: « Lúc nhân dân sơ sinh, người nào cũng tự tư, tự lợi, trong thiên-hạ có cái công-lợi không ai hưng khởi lên; có cái công-hại không ai trừ khử đi. Đến khi có người ra đời, không lấy cái lợi của mình làm lợi, mà khiến cả thiên-hạ đều được lợi chung, không lấy sự hại của mình làm hại, mà khiến cả thiên-hạ đều được khỏi cái hại. Ấy là sự cần-lao của người ấy gấp nghìn gấp vạn sự cần-lao của người trong thiên-hạ. Chịu cái cần-lao gấp nghìn gấp vạn mà mình không được hưởng cái lợi, cái tình của người trong thiên-hạ ắt là không ai



muốn ở cái địa-vị ấy. Cho nên bậc nhân-quân đời xưa bỏ đi, không muốn vào cái địa-vị ấy, như Hứa Do, Vũ Quang vậy; đã vào rồi lại muốn bỏ đi, như vua Nghiêu, vua Thuấn vậy; lúc đầu không muốn vào mà rồi không bỏ đi được, như vua Vũ vậy. Há có phải là người đời xưa khác người đời nay hay sao? Thích cái nhân, ghét cái nhọc, nhân tình ai cũng thế cả. Bậc nhân-quân đời sau không thế, cho cái quyền lợi hại của thiên-hạ đều bởi mình mà ra, mình lấy cái lợi của thiên-hạ thu hết cả về mình, đem cái hại của thiên-hạ đổ cả cho người cũng không sao, khiến người trong thiên-hạ không ai dám tự tư tự lợi, mà lại lấy cái đại tư của mình làm cái đại công của thiên-hạ. Lúc đầu còn lấy làm thẹn, lâu rồi cũng thôi, coi cả thiên-hạ là một cái đại sản-nghiệp để truyền cho con cháu hưởng thụ vô cùng. Vua Cao-tổ nhà Hán nói rằng: « Cái nghiệp của ta làm nên, đối với các anh em thì ai nhiều? » Đó là cái tình trục lợi nó đàn ra ở lời nói vậy.

« Cõ-giả lấy thiên-hạ làm chủ, vua làm khách; vua mà phải kinh-doanh suốt đời là chỉ vì thiên-hạ vậy. Đời nay lấy vua làm chủ, thiên-hạ làm khách; trong thiên-hạ mà không có chỗ nào được yên ổn, là vì vua vậy....» (Nguyên quân). Ông cho cái hại vì

có vua, là tại bọn tiểu-nho không hiểu rõ cái đạo vua tôi, gây thành cái vạ lớn cho muôn dân. Giả sử người làm vua mà biết rõ cái chức phận ông vua, như đời Đường Ngu, người nọ nhường cho người kia, thì hiểu bọn Hứa Do, Vũ Quang không phải là dốt tình với trần thế. Người làm vua mà không biết rõ cái chức phận ông vua, thì người ở thành-thị hay ở thôn-quê ai cũng muốn được, Cái đạo mà Hứa Do và Vũ Quang mở ra cho đời sau, không ai hiểu, thật lấy làm tiếc vậy.

Đạo làm vua đã không ai hiểu, đạo làm tôi cũng không ai rõ. Hoàng Lê-châu nói rằng : « Có nhân-quân, rồi lấy sự trông ở chỗ vô hình, sự nghe ở chỗ vô thanh mà thờ vua, có phải là đạo làm tôi không ? — Rằng : Không. — Bỏ thân mình mà thờ vua, có thể gọi là đạo làm tôi không ? — Rằng : Không. Trông ở chỗ vô hình, nghe ở chỗ vô thanh, giống như thờ cha ; bỏ thân mình là cái cực tặc của sự vô tư ; thế mà còn chưa đủ đề đương được, thì đạo làm tôi thế nào mới phải ? — Rằng : Vì thiên-hạ rộng lớn, không phải một người có thể trị nổi, bèn chia ra cho những người giỏi cùng trị, cho nên ta ra làm quan là vì thiên-hạ, chứ không phải vì vua ; vì muôn dân, chứ không phải vì một họ. Ta lấy thiên-hạ và muôn dân làm cái khởi-kiến, hễ trái cái đạo, thì vua dù có lấy cái hình cái

thanh mà cưỡng ta, ta cũng không dám theo, huống chi cái vô hình vô thanh hay sao? Đã trái cái đạo, thì đem mình đứng ở chỗ triều đường, ta cũng không chịu, huống chi là chịu giết bỏ cái thân mình hay sao? Trái lại, lấy một người một họ của ông vua làm cái khởi-kiến, thì ông vua có cái thị-dục vô hình vô thanh, ta theo mà trông đó, nghe đó, ấy là cái tâm của bọn hoạn-quan và cung-thiếp vậy. Ông vua vì phần riêng mình mà chết, mà mất, ta theo mà chết đó, mất đó, ấy là việc của kẻ riêng-tây vậy. Đó là sự biện-biệt việc làm tội hay không làm tội vậy. Kẻ làm tội ở đời không hiểu cái nghĩa ấy, cho là vì vua vì tôi mà đặt ra đạo làm vua làm tôi. Vua chia thiên-hạ cho ta để trị, vua trao nhân-dân cho ta để chăn nuôi, coi thiên-hạ nhân-dân là cái vật riêng ở trong túi của vua. Cho việc bốn phương nhiễu loạn, dân sinh tiều-tụy, đủ làm nguy cho vua ta, ta không thể không giảng cái thuật trị dân và chăn nuôi dân. Nếu không quan-hệ đến sự còn mất của xã-tắc, thì bốn phương nhiễu loạn, dân sinh tiều-tụy, tuy có người làm tội thành-thực, song cho việc ấy là nhỏ mọn. Kẻ làm tội ở đời cỡ thế nào? Vì sự trị loạn của thiên-hạ không ở sự hưng vong của một họ, mà ở sự lo sự vui của muôn dân. Bởi thế cho nên vua Kiệt vua Trụ mất, bèn lấy làm trị, nhà Tần nhà

Nguyên dấy lên, bèn lấy làm loạn, nhà Tấn nhà Tống nhà Tề nhà Lương dấy hay mất không dự gì đến việc trị loạn. Kẻ làm tội mà khinh thị sự làm-tham của dân, tội dẫu hay giúp vua mà dấy, theo vua mà mất, đối với cái đạo làm tội vẫn chưa tăng, không trái vậy.... » (Nguyên thần). Những lời bàn về đạo vua tôi ấy rất đúng với nghĩa câu : « Dân vi quý, xã-tắc thứ chi, quân vi khinh » của Mạnh-tử.

Trị thiên-hạ phải có phép. Nhưng cái phép của tiên vương để lợi chung cho cả thiên-hạ, cái phép của đời sau cốt để lợi riêng cho một nhà, một họ. Hoàng Lê-châu nói rằng « Tam-Đại trở lên có phép, Tam-Đại về sau không có phép, tại làm sao ? — Nhị đế tam vương biết thiên-hạ không thể không có ăn, trao cho ruộng để cấy cấy ; biết thiên-hạ không thể không có mặc, trao cho đất để trồng dâu trồng gai ; biết thiên-hạ không thể không có dạy, đặt ra nhà học nhà hiệu đều dấy sự dạy ; định ra lễ hôn-nhân để ngăn sự dâm ; nuôi sĩ tốt, dùng binh khí, để phòng sự loạn. Ấy là phép của đời Tam-Đại về trước, không bao giờ vì một mình mà lập ra vậy. Bậc nhân-chủ đời sau, đã được thiên-hạ rồi, chỉ sợ cái tội mạnh của mình không được lâu dài, con cháu không thể giữ được có mãi, lo nghĩ đến việc chưa xảy ra mà lập làm phép. Như thế

thì cái gọi là phép, là cái phép của một nhà, chứ không phải cái phép của thiên-hạ. Ấy cho nên nhà Tần biến phong-kiến làm quận huyện, vì quận huyện có thể lấy được làm của tư của ta vậy; nhà Hán đặt ra thứ-nghiệt để làm phiên binh cho ta vậy; nhà Tống giải binh của các phương trấn, vì cho là phương trấn không lợi cho ta vậy. Những phép ấy không có chút gì là cái lòng vì thiên-hạ cả, mà cũng gọi là phép được vậy ời! Phép của đời Tam-Đại, chứa thiên-hạ ở trong thiên-hạ. Cái lợi sơn trạch bất lất phải lấy hết; cái quyền thưởng phạt không ngờ có sai sót; kẻ qui không chỉ ở triều-đình, kẻ tiện không chỉ ở chỗ thảo mãng. Người đời sau bàn phép ấy cho là rất sơ-lược, người trong thiên-hạ không thấy cái khả muốn của kẻ trên, không thấy cái khả ghét của kẻ dưới. Phép càng sơ mà cái loạn càng ít, ấy thế gọi là « vô pháp chi pháp » vậy. Phép của hậu-thế, chứa thiên-hạ vào trong rương hòm, cái lợi không muốn để rơi xuống cho kẻ dưới; cái phúc chỉ muốn giữ cho kẻ trên. Dùng một người thì nghi có tự tư; lại dùng một người nữa để hạn-chế cái tư; làm một việc, thì lo người ta lừa dối, lại đặt ra một việc nữa để phòng cái lừa dối. Người trong thiên-hạ ai cũng biết cái rương hòm ở chỗ nào, ta cứ ngay-ngáy chỉ lo ở chỗ rương hòm đó, cho nên phép không thể

không chu-mật. Phép càng chu-mật, mà cái loạn của thiên-hạ, là sinh ra ở trong cái phép, ấy thế gọi là « phi pháp chi pháp » vậy,...» (Nguyên pháp).

Đại đề, Hoàng Lê - châu là một nhà học-giả hiểu thấu tới chỗ sâu xa của Nho-giáo về đường chính-trị, và thấy rõ cái bệnh của những người làm vua làm quan xưa nay, chỉ biết cái tư mà không biết cái công, học một đường làm một nẻo, cho nên cái đạo của thánh hiền tuy hay mà vẫn không có hiệu-quả.

Môn-đệ của ông là Vạn Tư-Đồng 萬斯同, tự là Qui-dã 季野, người đất Ngân-huyện, tỉnh Chiết-giang. Vạn Qui-dã cho từ đời nhà Đường về sau, người làm sử là quan của vua đặt ra, làm không được đúng sự thực, bèn một mình làm bộ Minh-sử. Luận-giả cho là sau Tư-mã Thiên và Ban Cố có một Qui-dã mà thôi.

Sau lại có Toàn Tồ-Vọng 全祖望, tự là Thiệu-y 紹衣, người đồng huyện với Vạn Tư-Đồng, và là tư-thực Hoàng Lê-châu. Toàn Thiệu-y là người có tiếng trong đời Càn-long, phê-bình và phát-minh cái học của các danh nho trong đời Thanh-sơ.

2. **Trình Chu học.**— Phái này lấy lý-học của Tống-nho làm tôn-chỉ. Song tựu trung có

người như Vương Phu-Chi thì theo cái học của Trương - tử ; như Lục Lũng-Kỳ thì biểu-chương Trình Chu. Hai người đều hết sức công-kích Vương Dương-minh. Còn các học-giã khác thì xuất nhập ở các học-phái đời Tống.

**Vương Phu-Chi.** — Vương Phu-Chi 王夫之, tự là Nhi-nông 而農, hiệu là Thuyền-sơn 船山 (1627-1679), người đất Hành - dương, tỉnh Hồ-nam. Lúc nhà Minh mất nước rồi, ông giấu tông tích, vào ở trong núi, không giao-thiệp với bọn sĩ - phu, cho nên đương thời không ai biết. Ông học riêng một mình, không theo tôn-phái nào cả, và làm sách rất nhiều. Năm Đồng-trị (1862-1874) ở Kim-lăng khắc ra 288 quyển mà chưa được một nửa những sách của ông.

Cái học của Vương Thuyền-sơn rất rộng, suốt cả Nho - học, Lão - học và Phật - học. Những sách của ông làm về Nho-giáo thì có *Độc thông-giám luận* 讀通鑑論 ; — *Tống-luận* 宋論 ; — *Trương-tử Chính-mông chú* 張子正蒙註, đều là sách cận đại có nhiều người đọc ; về Lão - giáo thì có *Lão-tử-diễn* 老子衍 ; — *Trang-tử-giải* 莊子解, đều là sách rất tinh về đường triết - học. Ông lại còn làm những sách nói về Phật-giáo, v. v.

Vương Thuyền-sơn thấy cái tệ của sự học cuối đời nhà Minh, cho nên muốn đem trở lại Tống-học, và hết sức công-kích cái học của phái Diêu-giang. Ông nói rằng: « Khinh nhờn lời nói của thánh-nhân là cái đại ác của bọn tiêu-nhân.., Cái học của phái Diêu-giang góp nhặt những điều gần giống như lời nói của thánh-nhân, trích ra một câu, một chữ, đề làm yếu-diệu, lẫn vào Thiên-tôn, lại càng là vô kị-dạn lắm nữa.»

Ông không theo cái tập-khí và không giữ cái học-thuyết của một thầy dạy, và thường nói rằng: « Cái vật lý của thiên-hạ vô cùng, cái đã tinh mà lại còn có cái tinh nữa, tùy thời để biến, mà đều không mất cái chính. Song tin ở mình mà cố-chấp, thì sao cho đáng được, huống chi cái mà mình tin ở mình lại hoặc là do cái tập-khí, hoặc là do sự giữ lời nói của thầy, rồi tiếm-từ thành ra tâm của mình thì sao? » Ông lại nói ở sách *Trương-tử Chính-mông-chú* rằng: « Thiên-lý tức ở trong nhân-dục; không có nhân-dục, thì thiên-lý ở đâu mà phát hiện ra.»

Về sau bọn Đái Chấn và Đàm Tự-Đồng đều chịu cái ảnh-hưởng cái học của ông vậy.

**Lục Lũng-Kỳ.** — Lục Lũng-Kỳ 陸隴其, tự là Giá-thư 稼書 (1630-1693), người đất Bình-hồ, tỉnh Chiết-giang, đỗ tiến-sĩ đời



Khang-hi, làm quan đến chức ngự-sử thì về hưu. Hiện nay có sách *Tam-ngự-đường toàn tập* 三魚堂全集 truyền ở đời.

Cái học của ông lấy sự kính đề lập bản, lấy cùng-lý đề tri-tri, tức là theo đúng cái học của Chu-tử. Ông cho là ngoài cái học của Chu-tử ra không có cái học nào nên học nữa, cho nên ông thường nói rằng: « Từ vua Nghiêu vua Thuấn về sau, quần thần bởi xuất, mà tập cái đại-thành của quần thần là Khổng-tử; từ đời Tần đời Hán đến nay, chừ nho bởi xuất, mà người tập cái đại thành của hư nho là Chu-tử.» Ông nói ở bài *Đạo-thống* rằng: « Không có Chu, Trinh, Trương, Thiệu, thì cái học của Thù Tử không sáng; không có Chu-tử, thì cái học của Chu, Trinh, Trương, Thiệu không sáng. Người ở đời Hán nên tôn Khổng-tử, người ở đời nay nên tôn Chu-tử. Có Chu-tử thì Chu, Trinh, Trương, Thiệu mới phát-minh ra mà cái đạo của Khổng-tử mới truyền vậy. Tôn Chu-tử tức là đề tôn Chu, Trinh, Trương, Thiệu, tức là tôn Khổng-tử. Tôn Khổng-tử, thì cái gì không phải là cái thuật của Khổng-tử là tuyệt đi không đề cùng tịnh tiến; tôn Chu-tử, thì cái gì không phải là cái thuyết của Chu-tử là tuyệt đi không đề cùng tịnh tiến. Những lời chú-thích trong Tứ-Thư, Ngũ-Kinh là học-giả phải theo đề làm

qui-thực, không được trai.» Ấy là ông nhất quyết chỉ nhận cái học của Chu-tử là chính-thông.

Ông đã nhất tâm tôn sùng Trình Chu, tất là ông cực lực công-kích Vương Dương-minh. Trong những thư ông viết cho những người đồng chí lúc bấy giờ, ông rất chú-ý về chỗ ấy và ông làm ba bài *Học-thuật-biện* 學術辨, đại lược nói rằng: «Dương-minh-thị xưng lên cái thuyết lương-tri, lấy cái thực của Thiên mà thác cái danh của Nho, gây thành cái lưu-hại không thể nói hết được.» Ông cho cái bệnh của Dương-minh là ở sự nhận tâm làm tính và nhận cái bản-thể của tâm không có thiện không có ác. Ông lại nói ở cuối bài *Học-thuật-biện* thứ hai rằng: «Kẻ học-giã trong thiên-hạ sở dĩ theo Dương-minh là có hai lẽ. Một là ai học theo cái học ấy thì «túng từ tự thích 縱肆自適», không như cái học của Trình Chu phải «ly thăng đạo cũ 履繩蹈矩» không thể giả tá được. Hai là cái học ấy chuyên lấy tri-giác làm chủ, bảo rằng thân của người ta có sinh tử, mà cái tri-giác không có sinh tử, cho nên coi cả thấy trong thiên-hạ đều là ảo cả, duy có cái tri-giác là thật, bởi vậy kẻ bất hiền vui về cái túng-từ, mà kẻ hiền-giả lại lo tìm cái vô sinh-tử, vậy nên mới đả nhau mà theo. Hỡi ôi! Sự túng-từ không thể dễ

sáng rõ được, còn như cái thuyết vô sinh-tử là cái lầm của Thiên-gia vậy. Kẻ học-giả lấy cái luận của Trình Chu về âm dương thân khuất vắng lại mà tìm tâm thực ngoại, thì cái lý rõ rệt, sao không học cái học ấy lại học cái lầm kia ? »

Đối với cái thuyết sinh tử, thì lời ông nói đó tức là lời của các nho-giả vẫn nói xưa nay. Song trong cái âm-dương thân khuất lại không có cái minh - linh không bao giờ biến đổi hay sao ? Bởi ông không thấy rõ cái minh - linh ấy, cho nên ông không hiểu được cái học như của Dương-minh. Vì vậy những lời phán-đoán của ông về cái toàn-thể sự học của Dương-minh, có lắm điều cố - chấp và thiên quá. Xem cái cách nghị - luận của ông thì tỏ ra là ông chỉ nói lấy phải cho ông, chứ không xét đến hết các lẽ. Ông vin lấy câu : « bản-thể của tâm không có thiện không có ác » mà bảo là Thiên-học, nhưng ông không biết rằng đó là chỗ cao của cái học Dương-minh. Phạm cái học nào mà không đạt tới cái lý hình-nhi - thượng trên sự biến hóa sinh tử, là cái học thấp và hẹp. Dương-minh nói không thiện không ác, chính là nói cái bản-thể của cái lý nguyên-thủy vị phát. Khi cái tư-tưởng đã lên đến chỗ cùng tột ấy, thì dù là Nho, là Lão, hay là Phật, bất luận học thuyết nào cũng gặp nhau ở một chỗ đó cả,

tức là cái nghĩa « đồng qui nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự » của Khổng-tử. Song mỗi một học-thuyết có một cách hành-đạo riêng, khác nhau ở chỗ thiết-thực hay không thiết-thực. Về cái phương-diện này, ai đã biết rõ cái học của Dương-minh, thì không thể nói là cái học ấy không có phần thiết-thực được. Về sau các lưu-phái của cái học ấy có chỗ sai lầm : phái thì chuyên theo phần cao quá, phái thì chuyên theo phần thấp quá, đó là cái thông-bệnh của các học-thuyết từ xưa đến nay, chẳng phải riêng gì một cái học Dương-minh. Lục Lũng-Kỳ vội cho cái thuyết của mình là phải, không xét đến nơi đến chốn, thành ra chỗ ông chê Vương-học và khen Chu-học lại chính là chỗ hay của họ Vương và chỗ dở của họ Chu. Vương-học vị tất đã không có hà ti, nhưng hãy được tưng tử tự thích, cho nên cái tư-tưởng mới được ung dung tự ngoạn, theo được thiên-lý mà lưu-hành. Chu-học không phải là dở cả, nhưng vì trời buộc phải theo thẳng mặc qui củ nhất-định, cho nên cái tư-tưởng cứ bị câu-thúc, trái với cái nghĩa « ngô dữ Diêm » của Khổng-học, thành ra không lưu-hành mà biến hóa được, hại cho tâm trí của người ta biết đường nào ! cũng vì sự thực hành của Chu-học hẹp-hòi bó-buộc quá, cho nên cái tinh-thần của Nho-giáo ngày một

khô-khan và suy hèn đi. Ta vẫn biết Chu-tử là một bậc đại-hiền có nhiều cái tư-tưởng rất cao, chỉ vì cái học của ông quá thiên về sự câu-nệ, cho nên mới gây thành cái bệnh cho Nho-giáo. Cái bệnh ấy có lẽ Lục Lũng-Ký không biết, nhưng ngày nay ta không thể nói là không biết được. Chỗ làm của Lục Lũng-Ký là chỗ làm chung của phần nhiều những người nho-học, cho nên cái bệnh của Nho-giáo càng ngày càng to lên, đến bây giờ vẫn chưa khỏi vậy.

Thuở ấy còn có những người như Lý Quang-Địa, Chu Di-Tôn và Phương Bào v. v. đều theo cái học của Trình Chu và đều là người có tiếng lớn trong khoảng sơ-diệp nhà Thanh.

**Lý Quang-Địa.**— Lý Quang Địa 李光地, người đất An-khê, tỉnh Phúc-kiến đỗ tiến-sĩ năm 1660 đời Khang-hi, làm quan đến chức Văn-uyên-các đại-học-sĩ. Ông học rất rộng và rất đóc t n cái học của Trình Chu. Ông tham dự vào việc làm sách *Chu-tử toàn-ihư* 朱子全書, sách *Tính-lý* 性理, v. v.

**Chu Di-Tôn.**— Chu Di-Tôn 朱彝宗, tự là Tích-xường 錫鬯, người đất Tri-thủy, đỗ bác-sĩ hồng-từ năm 1679 đời Khang-hi và mất năm 1709. Ông học rộng và nổi tiếng là

người làm văn giỏi. Sách của ông có bộ: *Minh thi tổng* 明詩綜; — *Kinh-nghĩa-khảo* 經義考, v. v.

**Phương Bào.** — Phương Bào 方苞, tự là Linh-cao 靈臬, người đất Đồng-thành, tỉnh An-huy, đỗ tiến-sĩ năm 1706 đời Khang-hi, mất năm 1749. Ông lấy cái học của Tống-nho làm tôn-chi, và nổi tiếng là người làm văn giỏi, lập ra phái văn-học gọi là *Đồng-thành-phái* 桐城派.

Phái Tống-học truyền đến cuối trung-diệp nhà Thanh, có hai người là La Trạch-Nam và Tăng Quốc-Phiên, đem cái thực học thi thố ra ở sự-nghiệp lớn lao, làm đại-biêu chân chính cho phái ấy.

**La Trạch-Nam.** — La Trạch-Nam 羅澤南, tự là Trọng-nhạc 仲嶽, hiệu là La-sơn 羅山, người đất Trương-hương, tỉnh Hồ-nam. Thuở nhỏ ông dốc chí về chính-học, rất ham đọc sách *Tính-lý*. Khi giặc Thái-bình nổi lên, ông mộ quân hương-dũng đi đánh, lập được nhiều công. Sau ông làm chức bổ-chính-sứ đi đánh giặc bị đạn, mất năm Hàm-phong thứ 5 (1856).

Ông thường nói rằng: « Binh-pháp chỉ ở câu: « Tri chi nhi hậu định » ở trong sách *Đại-học* ». Cái học của ông vụ lấy đốc thực, cho nên làm sự ông ứng biến rất giỏi.

**Tăng Quốc-Phiên.** — Tăng Quốc-Phiên 曾國蕃, tự là Điều-sinh 滌笙, hiệu là Bá-hàm 伯涵 (1811-1872), người đất Trương-hương, tỉnh Hồ-nam, đỗ tiến-sĩ năm Đạo-quang. Lúc ông đang làm chức thị-lang thì cha mất, về đình ưu. Ông ở quê thấy quân Thái-bình đánh kấp mọi nơi, ông bèn mộ quân hương-dũng, luyện tập thành quân đội rồi đem đi đánh giặc. Ông đánh đâu được đấy, chẳng bao lâu mà giặc tan. Bởi có công lớn ấy mới được phong là Nghị-dũng-hầu 毅勇侯, làm đến chức Đại-học-sĩ, tòng-đốc đất Lương-giang.

Ông là người nho-tướng dùng binh rất giỏi, người ta thường cho là sau Vương Dương-minh, chỉ có một mình ông vậy. Ông thuộc về phái lý-học nhưng không cố-chấp một học-thuyết nào. Ông bàn sự học thường nói rằng: « Nghĩa.lý, khảo-cứu, từ-chương, ba điều ấy mà thiếu đi một, không được. » Ông lại giỏi nghề làm cò văn, nổi tiếng là một nhà văn-học trong đời. Sách của ông có bộ *Khuyết-trai-tập* 闕齋集.

Phái lý-học đời nhà Thanh tuy không thịnh bằng phái Hán-học, nhưng cái thế vẫn mạnh, là vì chính-phủ dùng cái học ấy để thi-cử, cho nên ở chỗ dân gian đâu đâu cũng học. Song người đời ai cũng vụ lấy học lối

từ-chương đề cầu danh lợi, làm thành một cái học hư-văn, không có cái thực dụng. Lý-học cũng bởi đó mà suy vậy.

#### d) TÂN-HỌC-PHÁI

Nhà Thanh từ đời Đạo-quang (1821-1850) trở đi, thế lực mỗi ngày một kém, sự giao-thiệp với nước Anh nước Pháp sinh ra nhiều nỗi khó-khăn, nào việc đổi nha-phiến ở Quảng-đông, nào quân nước Anh và nước Pháp vào đánh Bắc-kinh, nào việc Trung-Nhật chiến tranh, việc gì cũng thất bại, tình thế rất nguy. Lúc ấy có mấy người nho-học như Khang Hữu-Vi, Lương Khai-Siêu mưu việc biến chính, song lại bị đảng thủ-cự làm hại, phải chạy trốn ra ngoài, làm sách và làm báo-chí cổ động người trong nước bỏ học cũ theo học mới, và sửa đổi việc chính-trị, v. v.. Bọn Khang Lương thật là người gây thành cái tư trào cho sự tân-học của nước Tàu ngày nay vậy.

**Khang Hữu-vi.**— Khang Hữu-Vi 康有爲, tự là Quảng-hạ 廣夏, hiệu là Trương-tố 長素, người huyện Nam-hải, dòng dõi nhà lý-học ở đất Quảng-đông. Thuở 19 tuổi, ông theo



học Chu Thử-Kỳ 朱次琦, tự là Tử-tương 子襄, cũng là người nho-học có tiếng ở xứ ấy.

Khang Hữu-Vi thích theo cái học họ Lục họ Vương, cho cái học ấy trực tiếp minh thành và hoạt - bát hữu dụng hơn, cho nên những tư-tưởng của ông về sự tự tu hay sự giáo-dục đều lấy cái học ấy làm cốt. Ông lại thích xem Phật-học có được nhiều điều sở đắc.

Sau khi Chu Thử-Kỳ mất rồi, ông mở nhà học-đường ở Tây-tiêu-sơn để dạy học. Lúc ấy ở Hương-cảng và Thượng-hải có những sách Tây dịch ra chữ Tàu, ông xem những sách ấy và lại thấy cái chính-trị thực-dân của những nước Âu tây rất là hoàn bị, ông bèn có chí về việc kinh-doanh thế sự. Ông dạy học ở Tây-tiêu-sơn được bốn năm rồi đi du-lich ở miền bắc nước Tàu trong sáu năm, xem xét phong thờ, nhân vật, khắp cả các tỉnh từ đông chí tây, từ nam chí bắc. Sau lại trở về Quảng-đông mở nhà học-đường, đem cái qui-thức mới và cái tư-tưởng mới mà giảng dạy. Bấy giờ có bọn Lương Khải - Siêu đến học.

Ông dạy học ở Quảng-đông được 4 năm, rồi đến mở học-hội ở Quế-lâm là tỉnh thành Quảng-tây, bị quan bản xứ ngăn cấm, ông bèn lên mở học-hội ở Bắc-kinh được mấy tháng

lại bị chính-phủ có lệnh cấm, nhưng ông cứ hết sức đề xướng việc mở học-hội.

Từ khi có việc chiến-tranh với Nhật-bản, ông đã mấy lần làm tờ điều-trần dâng lên cho vua nhà Thanh, nhưng không đạt lên được. Sau nhờ có quan Hộ-bộ thượng-thư là Ông Đồng - Hòa là người có ý muốn duy-tân, tiến ông cho vua nhà Thanh. Lúc ấy ông đã làm chức chủ-sự ở bộ Công. Vua Đức-tôn, niên-hiệu Quang-tự, mới đặc biệt triệu kiến ông tấu đổi mọi điều vua lấy làm vừa ý, bèn dùng ông đề-chủ việc biến-chính. Tháng-tu năm Quang-tự thứ 24 (1898), nhà vua xuống chiếu bỏ thời văn, đặt học-đường, đổi cái chế-độ võ-khoa và mở kinh-tế đặc khoa, Vua Đức-tôn lại cho bọn Dương-Nhuệ. Lưu Quang-Đệ, Lâm Húc, Đàm Tự-Đồng tứ phẩm khanh hàm, coi việc ở Quán-cơ chương-kinh, đề trừ biện việc cải-cách.

Thuở ấy vua Đức-tôn tuy nói là thân chính, nhưng quyền bính ở cả Tây-hậu. Vua muốn làm việc gì phải bàm qua Tây-hậu có cho, mới được làm. Việc biến-chính tuy Tây-hậu không tra, nhưng lúc đầu cũng đề cho làm. Sau bọn người Mãn sợ mất quyền, mới mưu với Tây-hậu đề bỏ vua. Vua Đức-tôn thấy sự nguy cấp, loan nhờ Viên Thế-Khải ủng-hộ đề trị bọn cựu-đảng và đàn áp Tây-hậu. Không ngờ Viên Thế-Khải lại bỏ vua mà theo Tây-

hậu, thành ra Tây-hậu lại ra làm triều, vua Đức-tôn phải cầm cố và đảng duy-tân đều bị giết hại.

Khang Hữu-Vi và Lương Khải-Siêu trốn thoát được, đi du-lich các nước trong thiên-hạ, rồi làm sách làm báo, đề truyền bá cái tư-tưởng mới, đến khi nhà Thanh mất ngôi, Dân-quốc thành lập mới về nước.

Cái học của Khang Hữu-Vi theo cái chủ-nghĩa bác-ái, lấy đạo nhân 仁 làm cái tôn-chỉ duy-nhất. Ông cho là thế-giới sở dĩ đứng được, chúng-sinh sở dĩ sinh nở ra, quốc-gia sở dĩ còn, lễ nghĩa sở dĩ hưng khởi lên, là đều căn-bản ở đạo nhân, cho nên ông bàn việc học hay việc chính, không việc gì là không lấy sự phát cái lòng «bất nhẫn nhân 不忍人» ra làm đầu. Có nhân 仁 mới có ái-lực, có ái-lực cho nên người ta mới thân yêu nhau và mới có lòng cứu quốc, cứu thiên-hạ. Đó là cái yếu-điểm trong cái học của Khang Hữu-Vi vậy.

Sách của ông có ba bộ rất trọng yếu, là: Tân-học nguy-kinh khảo 新學僞經考, Khổng-tử cải-chế khảo 孔子改制考 và Đại đồng thư 大同書.

1. Tân-học nguy-kinh khảo. — Thuở ấy những người thuộc về phái Hán-học cho những Kinh cổ-văn làm chính, rồi cố tìm

nghĩa từng chữ từng câu như lối huấn-hỗ đời Hán, chứ không ai để ý phân biệt thực giả gì cả. Khang Hữu-Vi làm sách này để bác cái học của phái Hán-học. Ông cho là: những sách cổ-văn thuộc về cái học của nhà Tấn, do bọn Lưu Hâm 劉歆 làm ra, chứ không phải là cái học của nhà Tây-Hán. Cứ như ý ông, thì đời Tây-Hán không có phân ra cổ-văn và kim-văn, chỉ vì bọn Lưu Hâm muốn giúp Vương Mãng, mới bịa đặt ra chuyện cổ-văn để làm loạn mắt cái vi-ngôn đại-nghĩa của Khổng-tử. Vì có cái thuyết ấy của ông mà cái căn-bản của phái Hán-học phải lay động vậy.

2. *Khổng-tử cải-chế khảo.* — Khang Hữu-Vi cho Khổng-tử làm sách *Xuân-thu* là chủ ở sự cải-chế về đường chính-trị. Ông lấy ý trong sách ấy mà chia ra làm ba đời: đời loạn, đời thăng-bình, đời thái-bình. Người ta ở vào đời nào thì tùy thời mà cải-cách. Cái tư-tưởng biến-pháp duy-tân của ông là gốc ở sách này mà ra. Cứ như ý của ông, thì Nghiêu T u n đều là bậc người hoàn-toàn về đường lý-tưởng, không biết có thật hay không, nhưng Khổng-tử lấy để làm tiêu-biểu, cũng như Lão-tử nói Hoàng đế, Mặc-tử nói Đại-Vũ, Hứa Hành nói Thần-Nông. Vậy nên ông cho là ai muốn hiểu rõ cái học của Khổng-tử, thì nên tìm cái vi-ngôn đại-nghĩa ở trong các Kinh-Truyện, chứ không nên tìm cái tiêu-tiết ở

từng chữ từng câu. Bởi vì văn-tự chẳng qua là cái phù-hiệu, phi có khẩu truyền không hiểu được đến những ý nghĩa uyên-thâm. Điều ấy thật là một cái đặc-kiến trong cái học của Khang Hữu-Vi mà xưa nay học-giả chưa ai đã từng bàn đến vậy.

3. *Đại-đồng-thư*.— Lúc Khang Hữu-Vi dạy học ở Tây-tiêu-son, mới lấy đoạn nói về đại-đồng tiêu-khang trong thiên *Lễ-vận*, sách *Lễ-ký*, mà làm ra sách *Đại-đồng-thư*, giảng cái nghĩa đại-đồng thế-giới và tiêu-khang thế-giới, có lắm cái tư-tưởng rất cao-kỳ tương-hợp với cái chủ-nghĩa của các xã-hội-đảng ngày nay. Đại-đồng tức là đời thái-bình, tiêu-khang tức là đời thặng-bình của ông đã nói ở trong sách *Không-tử cải-chế khảo*. Song ông cho cái thuyết đại-đồng là một cái lý-tưởng chưa thể thi-hành được, cho nên không muốn truyền bá ra ở đời, và chỉ lấy cái thuyết tiêu-khang làm chủ-nghĩa thực-hành về đường chính-trị.

Ông tin cái thuyết đại-đồng tiêu-khang là của Không-tử, song có nhiều người ngờ là không phải. Dù thế nào mặc lòng, từ Khang Hữu-Vi về sau, những nhà nho-học, ai bàn về chính-trị, thường hay nói đến cái thuyết ấy.

Cái học của Khang Hữu-Vi thường pha lẫn Phật-học và Tây-học. Ông do Dương-Minh-học mà vào Phật-học, những điều ông sở đặc

hơn cả là ở Thiên-học, cho nên ông có cái sức tự tin rất mạnh, việc gì cũng lấy chủ-quan làm cốt, chứ không đề ý đến những điều khách-quan. Cũng bởi thế mà ông có nhiều sự lầm lỗi, song cũng vì thế mà ông có cái nhân-cách rất đặc-biệt. Còn sự Tây-học của ông, thì xem ra không có gì là tinh thâm, chẳng qua là ông xem những sách Tây dịch ra chữ Tàu, và chỉ biết cái đại khái mà thôi. Song ông nhân đó mà cổ-động bọn hậu-học nên lấy khoa-học làm chỗ thực dụng quan-thiết đến việc tiến-hóa của xã-hội.

Đại để, cái học của Khang Hữu-Vi có nhiều chỗ chưa được thật là thuần túy, cũng có chỗ sai lầm, song tựu trung cũng có nhiều cái tư-tưởng trác tuyệt, chỉ hiềm vì ông nóng về thời vụ. quá thiên về mặt chính-trị, thành ra cái học-thuyết của ông kết-cục không được uyên-thâm. Tuy nhiên, đối với cuộc biến thiên của Nho-giáo và sự cải-cách về đường chính-trị của nước Tàu, ông là một người có công lớn mở đường cho hậu-học vậy.

**Lương Khải-Siêu.** — Lương Khải-Siêu 梁啓超, tự là Trác-như 卓如, người đất Tân-hội, tỉnh Quảng-đông. Ông thuở nhỏ rất thông-minh, 13 tuổi theo học cái học của họ Đái, họ Đoàn và hai họ Vương. Năm 15 tuổi đỗ cử-nhân, năm 18 tuổi lên Bắc-kinh thi hội

hông, về đến Thượng-hải được đọc sách *Doanh - hoàn chí - lược*. Ông về Quảng-đông nghe Khang Hữu-Vi lên Bắc-kinh dâng thư không được đã trở về, ông đến xin làm môn-đệ. Khang Hữu-Vi lấy cái tâm-học của họ Lục và họ Vương cùng Sử-học và Tây-học mà dạy. Từ đó Lương Khải-Siêu bỏ lối cựu-học mà theo tân-học.

Từ năm giáp-ngọ là năm Quang-tự thứ 22 (1894) có việc chiến-tranh với Nhật-bản rồi, ông theo Khang Hữu-Vi lên Bắc-kinh dâng thư biến pháp. Việc dâng thư ấy không đạt tới triều-đình, Lương Khải-Siêu ở lại mở Cường-học-hội. Sau việc lập học-hội phải cấm, ông cùng với những người đồng-chi mở *Thời-vụ-báo* 時務報 ở Thượng-hải.

Năm Mậu-tuất là năm Quang-tự thứ 26 (1898) ông là một người hoạt-động trong việc biến-chính. Được ba tháng thì bị đảng thủ-cựu phá tan, ông trốn sang Nhật-bản, sang Mỹ, rồi đi du-lịch hoàn-cầu. Khi ông trở về ở Nhật-bản làm *Tân-dân tùng-báo* 新民叢報. Từ đó ông đời cái chủ-nghĩa bảo-hoàng mà theo cái chủ-nghĩa cộng-hòa, trái-hắn cái ý của Khang Hữu-Vi.

Lương Khải-Siêu là người học rộng tài cao, trước-thuật rất nhiều. Những điều ông phê-bình và nghị-luận về học-thuật, về chính-trị, in ra thành sách gọi là *Âm-băng*

thất văn - tập 飲冰室文集. Âm - băng - thất  
 tùng-trứ 飲冰室叢著, v. v. Sau khi Quốc-  
 dân đã thành - lập rồi, ông về nước làm ra  
 nhiều sách, đại khái như là *Trung-quốc học-  
 thuật tư - tưởng biến thiên sử* 中國學術思  
 想變遷史. *Thanh - đại học-thuật khái - luận*  
 清代學術概論, cùng những sách bàn về  
 Sử-học, Mạc-học, Phật-học v. v.

Ông thường chia Khổng - học ra làm hai  
 phái. Một phái của Mạnh-tử truyền cái thuyết  
 đại-đồng, một phái của Tuân-tử truyền cái  
 thuyết tiểu - khang. Khổng-học truyền đến  
 hết đời Mạnh-tử là suy. Còn từ đời Hán về  
 sau mấy nghìn năm là học theo Tuân-tử cả.  
 Bởi vậy ông cùng những người đồng chí như  
 Đàm Tự-Đông hết sức công-kích Tuân-tử.  
 Về sau ông bỏ cái học cũ, mà theo về đường  
 tư-tưởng tự-do, và thường nói ở sách *Thanh-  
 đại học-thuật khái-luận* rằng: « Khái-Siêu từ  
 30 tuổi trở đi, không bàn đến *Ngụy - kinh*  
 và cũng chẳng nói gì đến *Cải-chế*, mà khi  
 Khang Hữu-Vi xướng lên việc lập Khổng-  
 giáo-hội, định lập thành quốc-giáo v.v., Khái-  
 Siêu không những là không theo mà lại  
 bác đi.» Ý ông muốn đề cái tư-tưởng độc-  
 lập tự-do, chứ không ý-thác vào thánh-hiền  
 đời trước mà lập thuyết, thành ra ông cùng  
 với Khang Hữu-Vi, thấy trở phân đối nhau.  
 Ông tự nhận rằng: « Khái-Siêu có một điều



trái hẳn với Hữu-Vi, là Hữu-Vi có thành-kiến, mà Khái-Siêu thì không có thành-kiến. Ứng sự cũng thế, học tập cũng thế. Hữu-Vi thường nói : « Ta học đến 30 tuổi đã thành, rồi sau không thấy tiến nữa, mà bắt tất phải cầu tiến nữa. » Khái-Siêu không thế, thường tự biết cái học của mình chưa thành, và cứ lo nó không thành, trong mấy mươi năm cứ tìm-tòi mãi. Cho nên cái học của Hữu-Vi đến nay có thể định luận được, mà cái học của Khái-Siêu thì chưa có thể định luận được. » Xét rõ cái thực, thì cái học của Lương Khái-Siêu tuy rộng nhưng mà nông, nhiều nhưng mà tạp, không bằng cái học của Khang Hữu-Vi. Căn do là bởi Khái-Siêu quá ham Tây-học mà lại không biết đến chỗ sâu xa. Và cái chủ-ý của ông là muốn phá cái lưu-tệ của sự học đương thời để tiến cho chóng vào con đường học mới, cho nên ông nói rằng : « Lấy sự bế-tắc úy-mĩ của cái tư-tưởng hai mươi năm về trước, nếu không dùng cái thủ-đoạn mổ-mãng sơ-khoát, thì không phá được sơn trạch mà lập ra tân-cục vậy. »

Tính ông rất ham học, mà khi đã thích điều gì thì chìm đắm, để hết cả tinh-lực vào đó, bỏ cả các điều khác ; được ít lâu lại đổi sang việc khác và bỏ điều đã học trước. Vì có để hết tinh-lực vào, cho nên thường có

điều sở đắc ; vì hay tùy lúc thay đổi mà bỏ cái cũ, cho nên học cái gì cũng không vào đến chỗ sâu. Bởi vậy những điều nghị-luận của ông trước sau hay mâu-thuẫn với nhau, sự biết của ông rất là phức-tạp mà thiên-bạc. Ông cũng biết như thế, cho nên ông có mấy câu thơ đề cho con gái là Linh-Nhân rằng :

Ngô học bệnh ái bác,  
 吾學病愛博  
 Thị dụng thiên thả vô,  
 是用淺且無  
 Vưu bệnh tại vô hăng,  
 尤病在蕪恆  
 Hữu hoạch toàn thất chư.  
 有獲旋失諸  
 Bách phạm khả hiệu ngã,  
 百凡可效我  
 Thử nhị vô ngã như  
 此二無我如

Song ông là một nhà làm văn có tài, bất kỳ việc gì ông cũng bàn được, mà lời văn rất hoạt-bát, rất nòng nân, làm cho người ta dễ cảm-động. Bởi ông có cái tài ấy mà thành ra

về đường tư-tướng, ông có cái sức phá-hoại rất mạnh, chứ không có cái năng-lực kiến thiết. Nói rút lại, ông chỉ là một nhà làm báo-chí rất giỏi, mà không phải là một học-giả uyên-thâm vậy.

Cùng đồng thời bấy giờ, có Đàm Tự-Đồng và Chương Bình-Lân đều là người có thể lấy làm đại-biểu cho phái Tân-học ở cuối đời nhà Thanh.

**Đàm Tự-Đồng.**— Đàm Tự-Đồng 譚嗣同, tự là Phục-sinh 復生, hiệu là Tráng-phi 壯飛, người tỉnh Hồ-nam. Ông học rộng, làm văn giỏi. Sau cuộc Trung-Nhật chiến tranh rồi, ông khởi đầu mở ra một học-hội ở Hồ-nam để cổ-dộng sự cải-cách. Sau ông lên Bắc-kinh rồi cùng với bọn Khang Hữu-Vi chủ-trương việc biến-chính, bị Tây-hậu giết năm Nhâm-tuất (1898).

Ông có làm bộ sách *Nhân-học* 仁學, chủ ý muốn đem khoa-học, triết-học, tôn-giáo đúc vào một lò, để tiện cho sự ứng dụng của cuộc nhân-sinh. Ông cực lực bài-xích cái quan-niệm tôn cồ, phá hoại cái lưu-tệ của tục học. Ông nói rằng : « Cái chính-trị hai nghìn năm nay là cái chính-trị nhà Tần, đều là bọn ăn trộm lớn vậy ; cái học hai nghìn năm nay là

cái học của Tuân-tử, đều là bọn hương-nguyên vậy. Duy có bọn ăn-trộm lớn lợi-dụng bọn hương-nguyên, và bọn hương-nguyên nịnh-nọt bọn ăn-trộm lớn.» Xem cái khẩu khí ấy, thì đủ biết cái chủ-ý của ông là muốn phá cái chính-thề áp-chế mà tán thành cái chính-thề dân-chủ, cũng là công-kích cái tục-học và cái hủ bại của người đời vậy. Nhưng sau cuộc biến-chính ông lâm nạn, thành ra cái học của ông không thành-lập.

**Chương Bình-Lân.** — Chương Bình-Lân 章炳麟, người tỉnh Chiết giang. Ngay từ đầu, ông đã có cái ý bài Mãn, cho nên về đường chính-trị ông đề-xướng lên việc chung-tộc cách-mạnh. Ông trốn sang ở Nhật-bản, kê-cứu các sách Tây-học, cốt lấy tân-học bổ-cứu cho cựu-học. Nguyên cái học của ông thuộc về phái Khảo-chứng, cho nên ông rất tinh về đường nghiên-cứn. Ông thích Phật-học và Lão-học, thường lấy Phật-học mà giải-thích Lão Trang.

Đó là nói tóm tắt cái đại-cương sự học của mấy người thủ-xướng ra cái tư-tưởng của phái Tân-học, để học-giả hiểu rõ cái căn-nguyên sự biến-thiên của Nho-giáo trong thế-kỷ thứ hai mươi này. Khởi đầu bởi bọn

Khang Lương, rồi sau các thiếu-niên phần chấn lên, đi du-học ở các nước bên Âu bên Mỹ, thu thái lấy cái phương-pháp Tây-học, đem cái tư-tưởng tân thời mà biến cái học-thuật và đổi cái chính-thề theo phong-trào của thế-giới.

Hiện thời trong bọn tân-học nước Tàu có Hồ Thích 胡適 là người trứ danh hơn cả. Ông làm quyền thứ nhất bộ *Trung - quốc triết-học-sử đại-cương* 中國哲學史大綱, dùng bạch-hoại mà viết văn và theo phương-pháp cũng tư-tưởng Tây-học mà phê-bình cái học cũ. Tuy trong sự p'ê-bình của ông còn nhiều điều không được xác-đáng, nhưng cũng là cái hiệu-quả của sự tân-học ở bên Tàu vậy.

Cái tư-trào tân-học ngày nay tuy mạnh thật, song cái tinh-thần Nho-giáo đã có cội rễ rất sâu, tất thế nào rồi cũng có cái phản-động-lực có thể phát-minh được cái tinh-thần ấy ra một cách sáng rõ hơn trước. Hãy xem như trong sách *Đông Tây văn-hóa cập kỳ triết-học* 東西文化及其哲學 của Lương Thấu-Minh 梁漱溟, ở chỗ bàn về Không-học có lắm điều khả thủ, thì đủ rõ là tương-lai Nho-giáo tất có cuộc biến thiên, nhưng chỉ biến được cái hình-trạng ở bề ngoài, chứ cái tinh-thần thì không thể biến mất đi được. Sau này cuộc đời dù có xoay-vần ra thế

nào nữa, Nho-giáo vẫn là một cái học rất cao minh của Á-đông ta, mà vẫn có ảnh-hưởng đến sự nhân-sinh của loài người vậy.

...

Tóm lại mà xét, Nho-học đời nhà Thanh, tuy là thịnh, các học-giả làm sách vở rất nhiều, sự nghiên-cứu rất tường và rất đúng với phương-pháp khoa-học, nhưng có một điều ta nên biết là Thanh-nho chỉ có cái tư-cách khoa-học mà không có cái tinh-thần triết-học. Những danh-nho trong khoảng non ba thế-kỷ vừa rồi đều là người bác-học, song không có mấy người hiểu đến chỗ uyên-thâm của Nho-giáo như đời Tống và đời Minh. Thật rõ cái chứng là phần hình-nhi-hạ rộng ra bao nhiêu, thì phần hình-nhi-thượng kém đi bấy nhiêu. Cái nguyên-nhân cũng là bởi các học-giả thuở ấy chú-trọng thái quá về mặt kinh-tế, cho nên kết-quả thành ra như vậy,

Kế đến thời-kỳ Thanh-mạt, phái Tân-học dấy lên, thường say đắm ở sự tiến-hóa về đường vật-chất, có nhiều người muốn hủy-hoại hết cái tinh-thần cựu-học để cho chóng bằng các nước bên Âu bên Mỹ. Sự phá-hoại

ấy hiện đang mạnh, làm cho cuộc nhân sinh rất rối loạn, nhưng thiết tưởng đó chỉ là một cơn bão gió đem làn sóng rất to tràn khắp cả bờ biển, che lấp mất những cảnh thiên-nhiên là chỗ xưa nay người ta vẫn đến du-ngọa. Song đến khi trời im gió lặng, làn sóng lui xuống, thì những cảnh thiên-nhiên lại xuất-hiện ra, tươi tốt đẹp đẽ hơn trước. Cái nền Nho-giáo bên Á-đông ta và cái thế-lực Tây-học ngày nay tương tự như thế vậy. Có lẽ nhờ có cơn sóng gió ấy, thì rồi mới làm mất những cái hăm nạt đi, cũng như nhờ có phong-trào tân-học làm mất những điều hủ lậu của Nho-giáo, để cho cái tinh-thần lại phát-minh ra rạch-rỡ bội phần. Đó là một cái mộng-tưởng, một điều ưc-đoán, song biết đâu lại không có ngày là sự thực hay sao?

## THIÊN IV

## NHO-GIÁO Ở VIỆT-NAM

Các thiên ở trên chỉ nói Nho-giáo ở nước Tàu, bởi lẽ rằng nước Tàu là nơi phát tích của Nho-giáo và lại là trung-tâm điềm của văn-hóa nho-học. Các nước lân-cận ở phía đông-bắc thì có Cao-ly và Nhật-bản, ở phía đông-nam thì có Việt-Nam, đều là nước đồng văn với nước Tàu và cũng theo cái văn-hóa của Nho-giáo. Ấy là nói học-thuật và tư-tưởng của những nước ấy trong khoảng thời gian kể từ năm-mươi năm trở lên, trước khi có cái làn sóng ở phương tây tràn sang Á-đông, làm lay động cái nền học cũ của ta. Vậy thì nói Nho-giáo ở nước Tàu, tức là nói chung cả cái toàn-thể, vì rằng Nho-giáo ở nước Tàu biến-thiên ra làm sao, thì các nước kia cũng đều chịu cái ảnh-hưởng như thế cả, chứ không thấy đâu có phát-minh ra được cái học-thuyết nào khác nữa.

Trong những nước đã chịu cái văn-hóa của Nho-giáo, có nước Việt-Nam ta đối với



nước Tàu có cái mối liên-lạc mật-thiết hơn cả, là bởi từ đời vua Hán Vũ đế đến đời Ngũ-quí, hơn một nghìn hăm, nước ta kể từ Nghệ Tĩnh trở ra, thuộc vào bờ-đò nước Tàu. Người mình không những là bị cảm-hóa đã lâu đời, mà lại phần nhiều là dòng-dõi người Tàu sang sinh cơ lập nghiệp ở bên này, rồi dần dần thành ra người bản-xứ. Bởi vậy Nho-học ở nước ta, vào quãng cuối đời Đông-Hán đã có phần thịnh. Thuở ấy đã có người như Lý Tiến 李進, Lý Cầm 李琴 và Trương Trọng 張重, đỗ hiệu-liêm hoặc mậu-tài, được bổ đi làm quan ở bên Tàu. Qua sang đời Tam-quốc, ở quận Giao-chỉ có quan thái-thứ là Sĩ-Nhiếp hết lòng mở-mang việc học, làm cho Nho-học lại thịnh-hành hơn trước nữa. Về sau trải qua Lương Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường, người mình đều học-tập theo Nho, theo Lão và theo Phật như bên Tàu.

Đến đời Ngũ-quí, vào quãng thế-kỷ thứ X, nước Tàu chia rẽ, thế-lực suy hèn, người mình mới nhân cơ-hội ấy mà biệt lập ra thành một nước. Lúc đầu, nhà Ngô, nhà Đinh, nhà Tiên-Lê còn phải lo việc đánh dẹp cho nên không lưu tâm đến việc học. Kế đến nhà Lý, cơ-sở đã vững-bền, dần dần nhà vua mới mở-mang Nho-học, đặt khoa thi lấy nhân tài. Nho-học ở nước ta từ đó

mỗi ngày một thịnh, rồi qua đời Trần đời Lê thì thật là thịnh vậy.

**Sự mở-mang Nho-học.** — Trong khoảng Ngô, Đinh, Tiền-Lê và sơ-diệp nhà Lý, sự học ở nước Việt-Nam ta theo lối học của nhà Đường. Nho-học, Lão-học và Phật-học đều thịnh cả, mà nhất là Phật-học lại thịnh-hành ở chỗ dân-gian lắm. Thuở ấy những người có văn-học thường là bọn tăng-lữ, nhân tụng kinh và học đạo mà giỏi nghề làm văn. Cũng vì thế cho nên lúc Lý-sơ hẽ có sự giao-thiệp với nước Tàu, thì nhà vua hay dùng những người tu-hành để viết các thư-từ. Đến đời vua Lý Thánh-tôn (1034-1072) mới làm văn-miếu thờ Chu-công, Khổng-tử và thất-thập nhị-hiền. Vua Lý Nhân-tôn (1073-1127) mở khoa thi tam trường để lấy người văn-học vào làm quan. Lúc ấy có Lê Văn-Thịnh 李文盛 đỗ đầu. Vua Nhân-tôn lại mở nhà Quốc-tử-giám để đào tạo nhân-tài, và đặt Hàn-lâm-viện có nho-giả là Mạc Hiên-Tích 莫顯績 làm chức Hàn-lâm-viện học-sĩ.

Đời nhà Trần, vua Thái-tôn (1225-1258) mở khoa thi tam giáo, nghĩa là thi những người học Nho, học Lão và học Phật. Ai theo cái học nào mà tinh thâm đạo lý, thì được cử ra để nhà vua dùng, chứ không chuyên nhất lấy người nho-học. Vua Trần

Thái-tôn lại mở khoa thi thái-học-sinh có lấy tam khôi, là trạng nguyên, bảng-nhãn và thám-hoa, và đặt Quốc-học-viện để giảng dạy tứ Thư và ngũ Kinh. Đến cuối đời nhà Trần, vua Duệ-tôn (1374-1377) mở đình-thí lấy tiến-sĩ xuất thân. Vua Thuận-tôn (1388-1398) thi cử - nhân, lệ cứ năm trước thi hương, năm sau thi hội rồi vào thi đình, để chọn lấy tam khôi. Phép khoa - cử đến đời nhà Trần đã rất đủ và đại-khải theo phép thi của nhà Nguyên bên Tàu, dùng văn-chương mà lấy kẻ sĩ, vậy nên văn-học ở nước ta từ đó về sau rất thịnh.

Sau khi nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần rồi, nhà Minh sang chiếm cứ nước ta, đặt học-quan ở các phủ, châu, huyện và đem cái học của Tống-nho dạy người mình và lấy những sách tứ Thư ngũ Kinh của họ Trình họ Chu đã chú-thích, cùng sách Tính-lý truyền bá ra khắp mọi nơi. Cái học của Trình Chu từ đó càng ngày càng thịnh vậy.

Vua Thái-tồ nhà Lê đánh nhà Minh, khôi phục lại được nước nhà, rồi ngài hết lòng lo mở-mang việc học, lập nhà Quốc-tử-giám ở Kinh-đô để cho con các quan và những người thứ dân tuấn-tú vào học-tập, và đặt học quan ở các phủ, các lộ để trông coi việc giáo - hóa. Vua lại bắt các quan từ từ phạm trở xuống phải đi thi minh-kinh, nghĩa là quan văn thi

phải thi các kinh sử, quan võ thì phải thi võ kinh. Đến đời vua Lê Thánh-tôn (1460-1497) thì sự văn-học ở nước ta cực thịnh. Nhà vua định lệ ba năm một lần thi : mùa thu năm trước thi hương, mùa xuân năm sau thi hội và thi đình. Những người đỗ tiến-sĩ được khắc tên vào bia đá đề ở Văn-miếu.

Từ đời nhà Lê về sau, trải qua nhà Mạc, nhà Hậu-Lê trung-hưng và nhà Nguyễn sự nho-học ở Việt-Nam tuy thật là thịnh, nhưng học-giả trong nước thường có cái sở đoản rất lớn, là phần nhiều chỉ học lối khoa-cử, vụ lấy văn-chương đề câu sự đỗ đạt, chứ không có mấy người học đến chỗ uyên-thâm của Nho-giáo, để tìm thấy cái đạo-lý cao-xa, hoặc là để xưng lên cái học-thuyết nào thật có giá trị như các nho-giả bên Tàu. Đó thật là chỗ kém của học-giả nước ta.

Cái học khoa-cử ở nước Việt-Nam truyền mãi đến năm Tây-lịch 1915 ở Bắc-kỳ và 1918 ở Trung-kỳ mới bỏ hẳn. Từ đó, phần thi vì cái hoàn-cảnh bắt buộc, phần thi vì sự sinh-hoạt bức bách, những thiếu-niên trong nước chỉ chăm lo theo Tây-học không ai đoái hoài đến Nho-học nữa. Thậm chí những nhà cựu-học cũng mập-mờ không rõ cái hay cái dở của tân-học và cựu-học là thế nào, đều theo gió mà lá về một mặt. Thành thử sự nho-học càng ngày càng suy, mà cái cơ sinh-tồn

của Nho-giáo ở Việt-Nam hiện nay cũng chỉ còn mỏng-mảnh như sợi tơ sợi tóc vậy.

**Nhân vật nho - học ở Việt - Nam.** — Nước Việt-Nam ta từ đời nhà Lý trở đi, nhờ có nho-học đã sản xuất được bao nhiêu người trung nghĩa hiền lương, và người có tài cán, có tiết tháo, đủ làm vẻ-vang cho nước nhà. Nay ta hãy kể lược qua những người có danh tiếng lớn trong các đời, để chứng rõ cái hiệu - quả sự nho-học ở nước Nam ta.

Trong đời nhà Lý sự học tuy chưa được mở-mang cho lắm, nhưng bởi có nho-học mà có những người như: Lý Đạo-Thành 李道成, tôn-thất nhà Lý, chịu cố-mạnh của vua Thánh-tôn, giúp ấu-chúa là Nhân-tôn, sửa-sang việc chính-trị, dự bị binh lương, làm cho nước ta thuở ấy có đủ thế-lực, bắc chống với Tàu, nam đánh được Chiêm-Thành. — Trương Bá-Ngọc 張伯玉 là một người nho-học, cầm quyền đi đánh giặc Nùng, giữ cho bờ cõi được yên-trị. Sau ông lại giúp ấu-chúa là Thần-tôn, làm một bậc danh thần trong nước. — Tô Hiến - Thành 蘇憲誠, là một nhà chính-trị văn võ kiêm toàn, thường đi đánh dẹp lập được nhiều công. Ông chịu cố-mạnh của vua Thần-tôn gìn giữ tự-quân một cách rất trung thành, khiến kẻ tà nịnh không dám làm bậy. Ngoài

những sự nghiệp đã làm về việc chính-trị và võ-bị, ông lại hết lòng lo việc mở-mang văn học, thật là một bậc danh-thần có phong-thể chẳng kém người đời xưa bên Tàu. — Những người ấy tuy không phải là người học-giả chuyên nghề luận đạo và làm văn, nhưng chính là người đã đem cái tinh-hoa nho-học mà thi-thố ra ở công việc làm, cho nên ta có thể gọi là danh nho được vậy.

Đến đời nhà Trần, nho-học thịnh hơn đời nhà Lý và có nhiều nho-giả chân-chính, như: Mạc Đĩnh-Chi 莫挺之, tự là Tiết-phu 節夫, đỗ trạng-nguyên đời vua Trần Anh-tôn (1293-1314). Ông người thấp nhỏ xấu-xi, nhưng thông minh lạ thường, và làm quan rất thanh-khiết. Khi ông sang sứ bên nhà Nguyên, thường lấy văn-chương làm cho người Tàu phải phục. — Nguyễn Trung-Ngạn 阮忠彥, tự là Giới-hiền 介軒, đỗ hoàng-giáp đời vua Trần Anh-Tôn, có tài chính-trị và lại giỏi biện luận. Có bộ sách *Giới-hiền toàn-tập* 介軒全集 truyền ở đời. — Trương Hán-Siêu 張漢超, tự Thăng-am 升庵, làm quan đời vua Trần Anh-tôn và Trần Minh-tôn. Tính ông rất cương nghị và giỏi cả văn-chương và chính-trị. — Lê Lạp 黎拉, tự là Bà-đạt 伯達, làm quan đời vua Minh-tôn và Dụ-tôn, lấy sự làm sáng cái đạo của thánh-nhân

làm chức-phận của mình. — Phạm Sư-Mạnh 范師孟, tự là Ủy-trai 畏齋, làm quan đời vua Minh-tôn và Dụ-tôn, có tài khí hùng-mại và giỏi nghề văn-chương. Có sách *Hiệp-thạch tập* 峽石集 truyền ở đời. — Chu Văn-An 朱交安, người huyện Thanh-tri, tỉnh Hà-đông bây giờ. Ông là một nhà học-đạo có tiếng ở nước Nam ta. Trước ông ở nhà đọc sách và dạy học, Những người đã làm quan trong triều như bọn Lê Lạp và Phạm Sư-Mạnh đều đến xin làm đệ-tử. Vua Minh-tôn nhà Trần nghe tiếng, vời ông vào làm chức tư-nghiệp ở Quốc-tử-giám. Đến khi vua Dụ-tôn lên trị vì, bỏ trễ việc triều chính, ông can ngăn không được, bèn dâng sớ xin chém bảy người nịnh thần, gọi là « thất trảm sớ ». Vua không nghe, ông liền thôi quan về làm nhà ở đất Chi-linh, tự hiệu là Tiều-ãn 樵隱. Ông học rất rộng và bao giờ cũng giữ sự đạo rất nghiêm. Khi ông mất rồi vua Dụ-tôn cho tên thụy là Văn-trinh 文貞, và đem vào tòng tự ở Văn-miếu. Sách của ông làm, có bộ *Tứ-thư thuyết ước* 四書說約 và bộ *Tiều-ãn thi* 樵隱詩 truyền ở đời.

Trong đời nhà Hồ có Lý Tử-Cấu 李子構 là một nhà ăn-dật cao-sĩ; — Võ Mộng-Nguyên 武夢原, sau ra làm quan với nhà Lê, nổi tiếng là người văn-học đương thời.

Đời nhà Lê có Nguyễn Trãi 阮 鷹, hiệu là Úc-trai 抑 齋, người làng Nhị-kê, huyện Thượng-phúc, tỉnh Hà-đông bây giờ, đỗ thái-học-sinh đời nhà Hồ. Ông học suốt kinh, sử, bách gia và thao lược binh-thư. Khi nhà Minh sang chiếm cứ nước ta, ông theo giúp vua Lê Thái-tổ làm bậc đệ-nhất công-thần nhà Lê. — Lê Văn-Linh 黎 夾 靈 là người nho-học có trí-thức cùng với Nguyễn Trãi giúp vua Lê Thái-tổ lập được nhiều công. — Về sau những người nổi tiếng là danh nho như: Bùi Cầm-Hồ 裴 擒 虎; — Nguyễn Thiên-Tích 阮 天 錫; — Nguyễn Trực 阮 直, đỗ trạng-nguyên đời vua Thái-tôn; — Nguyễn Như-Đồ 阮 如 堵, đỗ bảng-nhãn đời vua Thái-tôn; — Lương Thế-Vinh 梁 世 榮, đỗ trạng-nguyên đời vua Thánh-tôn; — Đỗ Nhuận 杜 閏, và Thân Nhân-Trung 申 仁 忠 đều đỗ đồng tiến-sĩ đời vua Thánh-tôn. Hai người này cùng làm bộ *Thiên-nam-dư-hạ-tập* 天 南 餘 暇 集, 100 quyển nói về điển tích các đời. Sách ấy về sau mất-mát đi, chỉ còn có mấy quyển, truyền ở đời; — Lương Đắc-Băng 梁 得 朋, đỗ bảng-nhãn đời vua Hiến-tôn, sang sứ bên nhà Minh được bộ sách *Thái-ất thần-kinh* 太 乙 神 經 truyền cho Nguyễn Bình-Khiêm đời nhà Mạc.



Đời nhà Mạc có Nguyễn Bình-Khiêm 阮秉謙, tự là Hanh-phủ 享甫, người huyện Vĩnh-lại, đỗ trạng-nguyên đời Mạc Đăng-Doanh. Ông làm quan được tám năm đến chức Lại-bộ tả-thị-lang thi xin về, làm nhà gọi là Bạch-vân-am, tự hiệu là cư-sĩ. Sau vua nhà Mạc phong cho chức Lại-bộ thượng-thư, Trình quốc-công. Ông học rất rộng và rất tinh Dịch-lý, điều gì cũng biết trước. Ông không làm sách bán về việc học, nhưng hay làm văn thơ bằng quốc âm, ngụ những ý nghĩa sâu xa. Văn của ông rất giản-dị tự-nhiên mà có lắm ý-vị. Học-trò của ông có nhiều người thành đạt như Phùng Khắc-Khoan, Lương Hữu-Khánh đều là bậc văn-sĩ tài giỏi, giúp nhà Hậu-Lê trung-hưng. — Nguyễn Dữ 阮瑛, học-trò Nguyễn Bình-Khiêm và là một người đạt sĩ, làm bộ sách *Truyền-kỳ mạn-lục* 傳奇漫錄. — Giáp Hải 甲海, hiệu là Tiết-trai 節齋, đỗ trạng-nguyên đời nhà Mạc, là một người giỏi văn-chương và có tài chính-trị.

Đời Hậu-Lê trung-hưng những người văn-học trứ danh và có công-nghiệp hiền-hách rất nhiều. Song đây kể qua mấy người có danh vọng lớn. Trong khoảng Hậu-Lê sơ-diệp có : Nguyễn Mậu-Nghi 阮茂宜, là một bậc danh-thần trong lúc trung-hưng. — Phùng Khắc-Khoan 馮克寬, tự là Hoảng-phu 弘夫, hiệu là Nghị-trai 毅齋. Ông theo

học Nguyễn Bình - Khiêm, giỏi thuật số, nhưng không ra ứng thí ở triều nhà Mạc, rồi bỏ vào giúp nhà Lê ở Thanh-hóa. Năm ông 53 tuổi xin đi hội-thi đỗ hoàng-giáp. Sau ông sang sứ bên nhà Minh nổi tiếng có tài văn-học, người trong nước thấy ông tài giỏi, thường gọi là trạng. — Lương Hữu-Khánh 梁有慶, con Lương Đắc-Bằng, có tài văn-học, nhưng không ra ứng thí ở triều nhà Mạc, sau vào giúp nhà Lê ở Thanh-hóa lập được nhiều công.

Trong khoảng Hậu-Lê trung-diệp, khi đã dứt được nhà Mạc, quyền bính trong nước thuộc về nhà Trịnh, những người nho-học ra làm quan có tiếng lớn, là: Phạm Công-Trứ 范公著, đỗ đồng tiến-sĩ đời vua Lê Thần-tôn (1619-1643) làm đến chức Lại-bộ thượng-thư giúp chúa Trịnh, sửa đổi việc chính-trị, nổi tiếng là người có tài kinh-tế. — Nguyễn Công-Hăng 阮公沆, đỗ đồng tiến-sĩ đời vua Lê Hi-tôn (1676-1705) làm chức Tham-tụng, giúp chúa Trịnh, có tiếng là người giỏi chính-trị. — Lê Anh-Tuấn 黎英俊, đỗ đồng tiến-sĩ đời vua Lê Hi-tôn, cùng với Nguyễn Công-Hăng giúp chúa Trịnh có trọng danh về văn-chương và chính-trị.

Đến Hậu - Lê mạt - điệp có: Phạm Đình-Trọng 范廷重, đỗ đồng tiến-sĩ đời vua Lê Ý-tôn (1735-1740). Ông là người nho-học, tài

kiêm văn võ, đánh giặc rất giỏi. — Lê Qui-Đôn 黎貴敦, đỗ bằng-nhơn năm Canh-hung đời vua Lê Hiền-tôn (1740-1786). Ông thông minh hơn người và trước-thuật rất nhiều; Những sách của ông làm, có bộ *Lê-triều thông-sử* 黎朝通史, 30 quyển; *Quốc-triều tục-biên* 國朝續編, 8 quyển; *Danh thần lục* 名臣錄, 2 quyển; *Diễn kinh phụ thuyết* 易經膚說, 6 quyển; *Thư-kinh diễn-nghĩa* 書經演義, 3 quyển; *Quần-thư khảo-biên* 羣書考辨, 4 quyển; *Liên-châu thi tập* 聯珠詩集, 4 quyển; *Quế-đường thi-tập* 桂堂詩集, 4 quyển; *Toàn Việt thi-tập* 全越詩集, 20 quyển; *Hoàng-Việt văn-hải* 皇越文海, mấy quyển; — *Âm chất văn-chú* 陰騭文註, 2 quyển; *Văn-dài loại-ngữ* 芸臺類語, 4 quyển; *Kiến-văn tiếu-lục* 見聞小錄, 3 quyển.

Đời nhà Nguyễn vào khoảng sơ-diệp có di-nho nhà Lê như Phạm Qui-Thích 范貴適, Nguyễn Du 阮攸 đều là người có học thức rộng và có tài văn-chương. Ở đời Minh-mạnh có Lý Văn-Phức 李文馥 là người học giỏi và có tài làm văn; — Nguyễn Công-Trừ 阮公著, có tài lỗi lạc hơn cả các quan triều Nguyễn. Ông là một người quan văn mà đánh đông dẹp bắc lập được nhiều võ công. Ông đã giỏi nghề làm văn và lại có tài chính-trị, ở

đau thi hết lòng mở-mang việc nông-phổ, làm cho dân được nhờ rất nhiều. Ở đời Tự-đức có Nguyễn Văn-Siêu 阮文超 và Cao Bá-Quát 高伯适 nổi tiếng là người học-thức rộng và có tài làm văn thơ. Về sau lại có Nguyễn Khuyên 阮勸 ở làng Yên-đồ, tỉnh Hà-nam, cũng nổi tiếng là người giỏi thơ.

Những người nho-học nổi tiếng về sử-học ở các đời, thì ở đời nhà Trần có: Lê Văn-Hưu 黎文休 làm bộ *Đại-Việt sử-ký* 大越史記 30 quyển; — Hồ Tôn-Thước 胡宗鷲 làm bộ *Việt-sử cương mục* 越史綱目, mấy quyển. Ở đời nhà Lê có Phan Phu-Tiên 潘孚先 làm bộ *Sử-ký tục biên* 史記續編, 10 quyển; — Ngô Sĩ-Liên 吳士連 làm bộ *Sử-ký toàn thư* 史記全書, 15 quyển; — Võ Quỳnh 武瓊 làm bộ *Việt-giám thông khảo* 越鑑通考, 26 quyển; — Lê Hi 黎僖 làm bộ *Sử-ký tục biên* 史記續編, mấy quyển; — Nguyễn Nghiêm 阮儼 làm bộ *Việt-sử bị lãm* 越史備覽, 7 quyển; — Ngô Thời-Sĩ 吳時仕 làm bộ *Việt-sử tiêu án* 越史標按, 10 quyển. Ở đời nhà Nguyễn có Phan Huy-Chú 潘輝註 làm bộ *Lịch triều hiến chương* 歷朝憲章 49, quyển. Những nhà sử-học ấy đều là đại thủ bút ở nước Việt-Nam ta vậy.

Ấy là nói đại khái những bậc danh thần hiện tướng có sự nghiệp lớn và có danh

vọng to trong nho lưu. Ngoại giả còn những người nho-học uyên thâm, khí tiết cao thượng, ăn dật ở chốn lâm tuyền, không chịu ra ứng dụng ở đời.

Những bậc ấy cũng khá nhiều, song hãy kể mấy người như Ngô Thế-Lân, Đặng Thái-Phương, Nguyễn Hiệp, để làm chứng cho sự nho-học của ta không đến nỗi thiên bạc lắm.

Ngô Thế-Lân 吳世璠, tự là Hoàn-than 完璞 hiệu là Ái-trúc-trai 愛竹齋 là một dật-sĩ ở đất Thuận-hóa vào khoảng Hậu-Lê mặt-diệp. Ông là một người học rộng giỏi văn, có làm bộ sách *Phong-trúc-tập* 風竹集, 2 quyển. Ở đầu bộ sách ấy ông làm bài đề nói rằng: « Gió là vật không có chất mà có khí, trúc là vật có chất mà không có tâm, cho nên trúc nhân gió mà thành tiếng, gió nhân trúc mà có hình tích. Bởi thế gió đến mà trúc kêu, gió đi thì trúc thôi; gió lớn thì kêu to, gió nhỏ thì kêu nhỏ; đó là tại gió chứ không phải tại trúc. Trúc vốn là tự như: cao như tiếng hạc, lạnh-lãnh như tiếng rờng, ồ-ồ như tiếng sóng, từ từ như tiếng trúc bội (?), tiếng u có thể sửa được lòng tục, tiếng thanh có thể rửa được nỗi phiền, càng kêu càng lạ, mà không bao giờ hết được, cũng là tại vô tâm, mà sự diệu-ứng là ở gió vậy. Tuy thế mặc dầu, cái mà làm cho thiên cơ sượng

phát, chân vận du-dương, là cũng bởi cái thú tự đắc của thính-giả. Nhã hay tục, thuận hay ti, có dự gì đến trúc. Trúc ơi ! trúc ơi ! cái hữu thú của ta là ở trúc vậy.» Xem ý bài đề ấy, thì biết Ngô Thế-Lân có cái tư-tưởng uyên bác, và cái chí khí cao kỳ. Ông đem gió và trúc mà hình-dung được sự lưu-hành và sự cảm-ứng của hình và khí, khiến độc-giả nhân đó mà đạt tới cái lẽ huyền-bí của trời đất.

Thuở ấy có người bạn của ông là Nguyễn Mỹ-Cô 阮美沽 làm bài tựa quyển sách ấy, nói rằng cái tiếng của muôn vật nhiều vậy. Có thứ bởi phồn-thành mà ra, có thứ bởi nguyên-thanh mà ra. Nguyên-thanh là tiếng trời, phồn-thành là tiếng người. Tiếng người có tà chính khác nhau, tiếng trời thì không có tà chính khác nhau. Tìm cái chính của thiên-thanh trong nhân-thanh, thì hấp thuận hiệu dịch 翁純 賦 譯 như tiếng cung 宮, tiếng thương 商, tiết lậu mà sự điều - lý rõ - ràng không loạn. Vui cười giận mắng, cảm xúc với cảnh vật mà thành thơ, tinh tinh đều được cái chính, ấy là thiên - thanh của người vậy. Còn cái tiếng khóc mà đến đau - đớn, vui sướng mà đến dâm-dăng, như những khúc Bộc-thượng tang-gian, ấy là nhân-thanh của người vậy. Thiên-thanh thác ngụ ở muôn

vật, mà muôn vật vốn là tự-nhiên, như tiếng suối, tiếng tùng, tiếng chim mùa xuân, tiếng trùng mùa thu, tiếng hạt mưa ở cây chuối, tiếng gió, tiếng trúc, có cái phàm vịu dật, âm điệu thanh nhã, khiến cho người ta nghe, sinh ra cái lòng cao xa như hạc ở ngoài đồng, và cái hứng nhân tản như đám cô vân, đem so với tiếng phồn-thanh là tiếng đàn, tiếng sáo, có khác gì trời đất xa nhau không? Bạn ta là Ngô-quân Hoàn-thanh ở Tấn-giang, trước tập thời văn, rất giỏi về nghề thơ, rồi sau chán cái phồn-thanh của thế tục, kháng-khái tìm cái nguyên-thanh ở trong thiên-hạ, ra vào đạo Phật, đạo Nho, thám vi sách ẩn 探微索隱 trong hơn mười năm, mà không sở đắc được cái gì, rồi trở lại tìm trong sáu Kinh, chợt khoát-nhiên giác ngộ. Đạo Kiền là bởi sự dị mà biết, đạo Khôn là bởi sự giản mà hay, khuếch-nhiên thái công, thuận ứng với vật rất thần-diệu, suy ra việc làm, đặt ra ngôn từ, mở rộng ra mãi như thi, ca, từ, vịnh, cảm xúc từng loài mà phạm-đề bằng văn, phong vận thiên-nhiên, không cần đến phủ tạc, há lại không phải là có được ở cái ý chí của nguyên-thanh đó hay sao? 〓

〓 Đặng Thái-Phương 鄧泰芳, người huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh bây giờ, thi đỗ ra làm quan được ít lâu, rồi bỏ về ở chỗ thôn-dã, chăm-chỉ đọc sách, nổi tiếng là người

có học-thuật uyên-bác. Ông thích xem sách Chu Dịch và đem những lời thuộc về *tượng thoán, hàn* và *quái dịch* ra quốc-âm theo lối văn vần, gọi là *Chu Dịch quốc-âm quyết* 周易國音訣. Đời Cảnh-hung bảy giờ có quan Tham-tụng Nguyễn Hiệu 阮浩 và quan Bội-tụng Võ Thuận-trai 武順齋 làm tựa khen sách ấy. Đến đời Gia-long triều Nguyễn, Phạm Qui-Thích cũng làm tựa nhắc lại sách ấy. Xem thế, thì các nho-già đời trước đã muốn lấy quốc-âm mà học tập.

Nguyễn Hiệp 阮浹, tự là Khải-chuyên 啓顯, hiệu là Nguyệt-úc 月澳, biệt hiệu là Hạnh-am 幸庵. Bởi vì ông làm nhà ở Lục-niên-thành, thuộc huyện La-sơn, tỉnh Hà-tĩnh ngày nay, cho nên người đời thường gọi là Lục-niên tiên-sinh 六弔先生, hay là La-sơn phu-tử 羅山夫子. Hiện nay có bộ *La-sơn tiên-sinh thi tập* 羅山先生詩集 truyền ở đời.

Ông theo cái học của Trình Chu và rất chăm đọc sách Tinh-lý, tứ Thư, ngũ Kinh đại-toàn. Ông làm bài Hạnh-am-ký, có đoạn nói rằng: « Cái đạo học của thánh môn thì đã có sách của Liêm-khe, Minh-đạo, Y-xuyên, Hoành-cử, Khang-tiết và Chu Văn-công, bác văn ước lẽ, không thiếu điều gì nữa. Người sinh ra sau những bậc ấy, chỉ lo



cái đạo không thi-hành ra, chứ không lo cái đạo không sáng. Kẻ có chí nên nhớ ngẫm mà thề-nhận cái thực là đủ, cần gì phải nói nhiều. » Ông đọc sách Tính-lý đại-toàn rồi làm mấy bài thơ, có những câu :

Kinh tán thánh viễn học mông mông,

經殘聖遠學蒙蒙

Thiên cồ Trình Chu đặc chính tông.

千古程朱得正宗

Hay là:

Thử lý tông lai cụ thử thân,

此理從來具此身

Ngô nho ưu học bất ưu bần,

吾儒憂學不憂貧

Nghĩa tồn đình hoạch như vô vật,

義存鼎鑊如無物

Đạo khuất lâm tuyên giả khả nhân.

道屈林泉也可人

Xem ý những câu thơ ấy, thì biết cái học của ông sở đặc ở cái học Trình Chu và đã có cái công hàm dưỡng rất sâu ở trong Nho-giáo vậy.

Đến cuối đời Cảnh-hưng nhà Hậu-Lê, tướng Tây-son là Nguyễn Huệ, lúc ra đánh Bắc-hà, nghe tiếng ông, sai người đem lễ vật đến mời ông ra giúp, ông nhất định không lấy lễ và không ra. Nguyễn Huệ rất lấy làm

tôn trọng và thường cứ cho người đem thư từ đi lại cố mời ông ra giúp việc nước. Ông lấy lễ già yếu mà từ chối. Mỗi khi Nguyễn Huệ đem vàng lụa cho ông, ông trả lại hết cả, không nhận chút gì. Đến khi Nguyễn Huệ lên làm vua, niên-hiệu là Quang-trung, lại sai quan đến đón ông mấy lần, ông cũng từ chối. Sau ông có làm bài biều bàn ba điều. Một là bàn quân đức 君德, khuyên vua học sách thánh hiền để biết rõ cái đạo trị nước. Hai là bàn dân tâm 民心, khuyên vua nên dùng nhân chính để yên lòng người. Ba là bàn học pháp 學法, khuyên vua nên mở nhà học nhà hiệu, lấy tam cương ngũ thường mà giữ thế đạo và nhân tâm cho bền vững. Năm sau vua Quang-trung định dời đô về Nghệ-an và lập nhà Sùng-chính thư-viện 崇正書院 để mời ông ra làm viện-trưởng, chỉnh-đốn việc học theo học-qui của Chu-tử. Việc ấy chưa kịp thi-hành thì vua Quang-trung mất.

Vua Quang-trung đãi ông một cách rất đặc-biệt, lúc nào cũng tôn trọng như thầy. Nhưng ông không vì phú quý mà bỏ danh nghĩa của mình, cứ một niềm từ chối cả của cải và tước vị. Trong những thư từ ông viết cho vua Quang-trung, ông chỉ nói cái tình khổ của dân và xin vua giảm bớt sưu dịch cho dân nhờ.

Có một điều khá lấy làm lạ, là tại làm sao trong những người nho-học ở đất Bắc-hà thừa ấy, vua Quang-trung chỉ tôn trọng có một mình ông, và mỗi lúc đón mời ông, ông không đi, cho gì ông không lấy, thế mà vua không tức giận mà vẫn cứ kính trọng. Hoặc giả là tại lúc ấy những người nho-học có tiếng đều trốn tránh đi hết cả, chỉ có ông cứ nghiêm-nhiên ở nhà dạy học, thấy uy quyền mà không sợ, thấy lợi lộc mà không tham, cho nên vua muốn dùng ông để thu phục kẻ sĩ trong nước chăng. Dầu thế nào mặc lòng, ở trong một thời loạn như thừa ấy, mà ông giữ được cái danh tiết trong sạch, ấy thật là một người chính-nhan quân-tử, không xấu cái tiếng danh-giáo của nước Việt-Nam ta vậy.

Nước Việt-Nam ta là một nước nhỏ ở bên cạnh nước Tàu, đất hẹp người ít, thế mà từ khi lập nước đến giờ, nhờ có Nho-giáo, đời đời nhân tài bội xuất, người làm tướng văn tướng võ, người đạo-đức văn-chương, người có khí-tiết cao thượng, khá lấy làm vẻ-vang, không phụ cái tiếng là một nước văn-hiến.

Song về đường học-thuật và tư-tưởng thì xưa nay ta chỉ theo có mấy lối học của Tàu truyền sang : Trong đời nhà Lý và nhà Trần, thì sự học của ta theo lối huấn-hỗ của Hán-nho và Đường-nho, rồi từ đời nhà Lê về sau, thì theo lối học của Tống-nho, lấy Trình Chu làm tiêu-chuẩn. Ta chỉ quanh quẩn ở trong cái phạm-vi hai lối học ấy; chứ không thoát-ly được, mà sáng lập ra cái học-thuyết nào khác. Sự học của ta có chỗ kém ấy, là bởi khi xưa sự giao-thông không được tiện lợi, sách vở không có đủ mà kê-cứu. Hãy xem như ở bên Tàu, trong đời nhà Minh và nhà Thanh có bao nhiêu học-phái ta cũng không biết. Một cái học như Dương-minh-học dạy khắp cả nước Tàu và tràn sang đến Nhật-bản, mà ở bên ta không thấy ai nói đến. Hoặc giả có người nào biết mà nói ra, thì cũng không có ảnh-hưởng gì đến sự học-thuật.

Phần nhiều người trong nước lại có cái tư-tưởng rằng những điều thánh hiền nói ở trong các Kinh Truyện đã đủ hết cả rồi, không ai biết được hơn nữa, cho nên kẻ học giả chỉ chăm-chăm theo cho đúng những điều ấy mà tiến-lý thực-hành, chứ không ai đề ý mà tìm cho đến cái chân-lý nó thường lưu-hành biến-hóa, không có lúc nào nhất-định. Tựu trung cũng có người đạt tới chỗ

uyên-thâm của Nho-giáo, song những người ấy lại cho cái học sâu xa là tự mình phải lý-hội lấy, chứ không thể lấy văn từ mà tuyên-bổ ra được. Bởi vậy các tiên-nho ở nước ta chỉ làm văn-thơ để tả cái tinh-tinh của mình mà thôi, không hay làm sách vở bàn đạo-lý để phát-minh cái tư-tưởng. Kết-quả thành ra cái học của Nho-giáo ở nước ta thì rộng khắp cả nước, mà cái học-thuyết thì không thấy có gì là phát-minh thêm ra vậy.

Đến nay người mình thấy Tây-học rục-rở mà cái học của ta khi xưa thì mập-mờ không rõ, sách vở không có mấy, liền cho là cái học của ta không có gì. Đó là một điều các học-giả trong nước nên chú-ý mà xét cho kỹ, đừng để cái hình-thức bề ngoài làm hại mất cái tinh-thần cốt-yếu bề trong. Nho-giáo tuy không gây thành được cái văn-minh vật-chất như Tây-học, nhưng vẫn có cái đặc-tính đào tạo ra được cái nhân-cách, có phẩm giá tôn-qui. Hãy kể có một phương-diện ấy, thiết tưởng cũng đủ làm cho người mình không nên bỏ Nho-giáo vậy.

## TỔNG - KẾT

Nho-giáo như đã xét từ đời Xuân-thu đến hết đời nhà Thanh bên Tàu, kể có hai nghìn rưỡi năm. Trong khoảng thời-gian ấy Nho-giáo có lúc thịnh lúc suy, nhưng bao giờ cũng có cái tinh-thần rất mạnh để đối phó với thời-cục mà sinh-tồn, mà phát-đạt. Nhờ có cái tinh-thần ấy cho nên cái học-thuật tuy có biến-thiên nhiều lần, nhưng cái đặc tính của Nho-giáo vẫn không mất, mà lúc nào cũng giữ được cái thái-độ rất tôn-nghiêm đủ làm cho người ta tín phục.

Xét về sự biến-thiên của học-thuật, thì từ đời Hán trở đi, ta có thể chia Nho-giáo ra làm hai cái học: Một là cái học nghĩa-lý, hai là cái học từ-chương.

1. Đối với cái học nghĩa-lý, thì sau đời Khổng-tử rồi, Nho-giáo có hai phái lớn, là: phái Mạnh-tử và phái Tuân-tử. Hai phái ấy đều xưng là theo cái học của Khổng-tử, song mỗi phái chủ-trương một cái tôn-chỉ khác nhau. Từ cuối đời Chiến-quốc đến hết đời Tần sang đầu đời Hán, Nho-giáo bị một thời-đại trung suy, rồi từ đời vua Hán Vũ-đế trở đi là càng ngày càng thịnh. Song cái học.

thuật trong thời-đại từ Hán đến Đường chỉ chú-trọng ở sự tìm nghĩa-lý trong các Kinh Truyện, thành ra một lối học gọi là *huấn-hỗ-học*. Kế đến đời Tống, các nho-giả bỏ lối học huấn-hỗ mà tìm lấy những vi-ngôn đại-nghĩa của thánh hiền, lập ra phái lý-học, đem cái tư-tưởng lên tới cõi siêu-vật và gây thành cái triết-học rất cao minh.

Phái lý-học của Tống-nho có ba học-thuyết : Một là tượng-số-học, hai là đạo-học, ba là tâm-học. Tượng-số-học do Thiệu Khang-tiết lập ra, nhưng về sau không thịnh-hành ; đạo học và tâm-học, thì từ đời Nam-Tống đến đời Minh đều cùng nhau đối lập. Đạo-học lấy Trình Chu làm tiêu-biểu, mà tâm-học thì lấy Lục Vương làm tiêu-biểu.

Nho-giáo đến đời Thanh lại chia ra làm mấy phái, như Hán-học-phái, Tống-học-phái và sau cùng có Tân-học-phái. Hán-học-phái lấy sự khảo-cứu các Kinh Truyện làm tôn-chỉ, Tống-học-phái lấy cái học-thuyết của Tống-nho làm tôn-chỉ. Tân-học-phái lấy việc chính-trị theo nghĩa trong sáu Kinh làm tôn-chỉ. Các học-phái ấy đều muốn sửa đổi cái lưu-tệ để khiến sự học được thích-hợp với sự ứng-dụng ở đời.

2. Ngoài những học-phái chuyên-trị về đường nghĩa-lý, còn có cái học từ-chương chỉ chú-trọng ở mặt khoa-cử, để đem học-giả vào con đường danh lợi. Cái học khoa-cử

khởi từ đời Hán rồi đến đời Đường mới cực thịnh. Nho-giáo nhờ cái học ấy mà lan ra khắp thiên-hạ, nhưng cũng vì cái học ấy mà thành ra cái học hư-vấn, làm mất cái chân-tướng sự học của thánh hiền. Hoàng Lê-châu đời Thanh-sơ, nói rằng: «Cử nghiệp thịnh nhi thánh học vong», thật là nói đúng cái bệnh của sự học khoa-cử vậy.

Nay ta có thể làm cái biểu tổng kê sự đại biến-thiên của Nho-học trải qua từ đời Chiến-quốc đến đời Thanh-mạt như sau này :

NHO - HỌC CHI - PHÁI BIẾN - THIÊN BIỂU

I. NGHĨA-LÝ-HỌC	Chiến-quốc	{ Mạnh-tử { Tuân-tử	Tinh thiện. — Cầu phóng tâm. — Trọng nhân chính
			Tinh ác. — Kiêu tình. — Thượng lễ. — Trọng hình pháp.
	Hán-Đường	{ Huấn hō học	Kinh - học kim- văn. Kinh-học cổ-văn.
	Tống-Minh : Lý-học	{ Tượng-số-học. Tống-học. Tâm-học.	
Thanh	{ Hán-học, Đạo-học, Tân-học.		
II. TỪ-CHƯƠNG-HỌC	{ Từ Hán- sơ đến Thanh- mạt	{ Khoa-cử-học	{ Kinh-nghĩa. — Thi phú. — Tứ lục. — Văn sách.



Nho-giáo sở dĩ có cái mãnh lực mà biến thiên và phát đạt như thế, là bởi có cái học *phí nhi ân* 費而隱, rộng mà sâu, thiết-thực mà huyền-bí, và bao giờ cũng theo đạo trung-dung, nghĩa là cái tư-tưởng thì lên đến chỗ cực cao xa, mà sự hành-vi thì vẫn giữ có chừng mực, không thiên lệch về một bên nào, khiến sự nhân-sinh của các hạng người đều được chỗ an vui. Ta nên nhớ lại rằng: cái nghĩa chữ trung-dung của Nho-giáo là cốt giữ cái chừng-mực vừa phải, mà vẫn có cái nghị-lực rất mạnh, chứ không phải trung-dung là ủy-mỹ giả-trá như cách hành-động của bọn hương-nguyên. Vậy muốn biết cho rõ cái học-thuật của Nho-giáo thì phải xét cả phương-diện triết-lý và phương-diện kinh-thế.

Về phương-diện triết-lý, thì Nho-giáo với Lão-giáo và Phật-giáo có cái tư-tưởng đại đồng tiêu dị. Căn-do bởi các học-thuyết ấy đều theo một cái lý đơn-nhất và theo một chủ-nghĩa thiên-địa-vạn-vật-nhất-thê. Vạn-vật đều bởi cái lý đơn-nhất tuyệt-đối mà ra. Lý đơn-nhất ấy gọi là Thái-cực, là Đạo, là Trời, là Tâm, muốn đặt ra tên gì mà gọi cũng được, nhưng chung qui vẫn là một. Lý ấy phát ra bằng hai cái khí tương đối, gọi là âm dương. Âm dương điều-hòa với nhau mà sinh hóa ra vạn vật. Vạn vật bần thụ cái lý ấy, cái

khí ấy, cho nên mới có cái chiếu-minh linh-giác mà biết có người, có ta, có vũ-trụ.

Cái chiếu-minh linh-giác ấy với cái chiếu-minh linh-giác bản-nhiên của Thái-cực là đồng một thể, cho nên Nho-giáo nói « nhất-dĩ quán chi 一以貫之 » nói « đạo nhất nhĩ dĩ hỹ 道一而已矣 » đều là một nghĩa ấy cả. Lão-học cũng nói thế, Thiên-học cũng nói thế. Bởi vậy ta dám nói quyết rằng: Nho, Lão và Phật cũng đồng một gốc cả. Xem như Khổng-tử gặp Lão-tử chỉ khen là « kỳ do long gia », chứ chưa hề có lời chê-bai phi-báng, là bởi Khổng và Lão cùng hiểu một lý như nhau, cùng theo một cái học hình-nhi-thượng,

Cái học hình-nhi-thượng của Nho-giáo, chỉ có Tống-nho mới thật hiểu tới, cho nên nói rằng: Tống-nho nối được cái đạo-thống của Khổng Mạnh không phải lời nói quá đáng vậy. Về sau Thanh-nho có người cho Tống học là một thứ học « Nho biểu Phật lý 儒表佛裏 » thật là không hiểu cái phần hình-nhi-thượng-học của Nho-giáo.

Nho, Lão, Phật tương đồng với nhau ở chỗ hình-nhi-thượng-học mà tương dị với nhau ở chỗ hình-nhi-hạ-học. Phật-học tuy phát tích ra ở xứ Ấn-độ, nhưng cái tư-tưởng của phái Đại-thặng không khác gì Lão-học là mấy. Còn như Nho với Lão đều cùng đồng thời

phát-minh ra ở nước Tàu. Song Lão thì cứ đứng ở trong cái phạm vi hình-nhi-thượng mà quan-sát thế sự, cho vạn tượng là ảo ảnh, không cần phải lao tâm khổ tứ, chỉ vụ lấy sự thanh-tĩnh vô-vi để cùng vui thú với cuộc biến-đổi tự-nhiên của tạo-hóa, mà ngao-du cho thỏa cái tâm ý của mình, chứ không thiết đến việc đời. Bởi vậy mới thành ra cái chủ-nghĩa yếm-thế và cái thuật tu-luyện của bọn đạo-sĩ. Nho thì cho vạn vật đã sinh ra, là phải theo cái đạo tự-nhiên mà hành-động, ai cũng phải đem cái sở tri, sở năng của mình mà làm sự ích lợi cho nhân chúng, lấy việc thiên-hạ quốc-gia làm cái nghĩa-vụ của mình. Bởi vậy cho nên Nho-giáo rất chú trọng ở phần hình-nhi-hạ, mà thành ra cái học rất quan-thiết đến việc giáo-dục và việc chính-trị, gọi chung cả là việc kinh-thế.

Về phương-diện giáo-dục, thì Nho-giáo theo cái quan-niệm cho cái tính bản-nhiên của Trời phú cho người ta là chí thiện. Bởi có cái tính ấy cho nên ai sinh ra cũng có sẵn tứ đoan là trắc-ân, tu-ố, từ-nhượng, thị-phi tức là cái mối đầu của nhân nghĩa lễ trí. Người ta sở-dĩ có điều ác là tại để cái tư-tâm tư-dục che lấp mất tứ đoan ấy. Vậy sự giáo-dục là cốt gây nuôi lấy các thiện-đoan và tài-chế các ác-đoan. Người nào thực-tiến được

nhưng điều nhân nghĩa lễ trí, là người quân-tử có cái phẩm-giá rất tôn-qui,

Quân-tử là bậc người công chính, biết rõ cái đạo của trời đất mà hành-động rất hợp với đạo làm người. Bởi vậy Nho-giáo lấy quân-tử là bậc người lý-tưởng hoàn-toàn làm tiêu-biểu. Muốn gây nên hạng người ấy, thì trước hết phải dựng cái nền đức-dục cho vững-vàng để khai-phát tâm tính của người ta, rồi sau lấy lục nghệ mà luyện-tập cái tri-dục để ứng-dụng ở đời. Việc ứng-dụng ở đời hệ-trọng hơn cả là việc thiên-hạ quốc-gia, tức là việc chính-trị vậy.

Đã có xã-hội tất phải có thề-thống kỷ-cương, có lễ-nghĩa trật-tự, có luân-thường đạo-đức, để giữ cái nền dựng nước cho chắc-chắn, và có vua quan để thống trị nhân chúng. Trong một nước mà vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con, anh ra anh, em ra em, vợ chồng ra vợ chồng, thì nước trị; trái lại thì nước loạn. Vậy nên Nho-giáo nói chính-trị là phải nói cả giáo-dục. Phàm người làm dân đã có giáo-dục, thì biết có nghĩa-vụ và quyền-lợi, biết trọng lễ-nghĩa và trật-tự. Người làm vua làm quan có giáo-dục thì biết rõ cái chức-trách của mình, không làm những điều tàn ngược.

« Nho-giáo sở dĩ chú trọng ở người làm vua làm quan là bởi vận mệnh của một nước

thịnh háy suy quan-hệ ở những người ấy, Những người ấy mà không có giáo-dục, không biết nhân nghĩa lễ trí, thì thành ra một bọn đạo-tặc dùng cái cơ thuật gian trá để làm hại thiên-hạ. Thiên-hạ là của chung của thiên-hạ, chứ không phải riêng gì của ai, kẻ đạo-tặc chiếm giữ lấy làm của riêng mình, mà không nghĩ đến sự lợi hại của thiên-hạ, thì thiên-hạ có cái quyền được trừ bỏ đi, như một đũa độc-phu. Vậy, cái uy quyền chính-đáng của những bậc nhân-quân là do ở sự chịu mệnh trời mà giữ cái hạnh-phúc cho muôn dân. Khi nào kẻ nhân-quân không làm được cái chức-vụ ấy nữa, là cái mệnh trời hết rồi, dù có lấy thế-lực mà áp-chế, thì cũng chỉ là cái thế-lực của lũ đạo-tặc mà thôi, cho nên Nho-giáo vẫn cho kẻ nhân-giả được điều dân phạt tội. Bởi thế, Mạnh-tử nói rằng : « Dân vi qui, xã-tắc thứ chi, quân vi khinh ». Cũng vì thế mà Khổng-tử « tỏ thuật Nghiêu Thuấn, biên chương Văn Vũ » là có ý tôn qui những đấng thánh quân hiền chúa đã biết lấy đạo chí công mà trị thiên-hạ, chứ không lấy thiên-hạ làm riêng của mình.

Người làm quan giúp vua để trị thiên-hạ cũng phải theo cái ý-nghĩa ấy mà đem vua vào con đường đạo-lý, và để làm cái phương-châm cho sự hành-vi của mình. Ai không có giáo-dục không thể đứng vững được ở cái

chỗ dễ nghiêng lệch ấy. Xem vậy thì việc giáo-dục và việc chính-trị của Nho-giáo quan-hệ với nhau mật-thiết lắm.

Việc giáo-dục của Nho-giáo lại lấy đức-dục làm gốc, và lấy tri-dục làm ngọn. Cái gốc có bền chặt, thì cái ngọn mới tươi tốt. Có đức-dục thì nghĩa-lý thấm thía vào lòng người ta, làm cho tự mình bỏ được cái bụng gian tà. Người có học hạnh thường phải bỏ mình ở trong cái phạm-vi danh-giáo, thành thử cái tà tâm mà có sinh ra, thì cũng không trường thành lên được. Ấy thật là cái công của Nho-giáo, dầu người ta không hoàn-toàn thực-hành được cái đạo của thánh hiền, nhưng cũng gây được cái phong-khí rất hay ở trong xã-hội vậy.

Có người nói rằng : Cái quan-niệm ấy thích-hợp với cái trình-độ đời xưa, vì cuộc nhân-sinh đời xưa giản-dị và chất-phác. Đến nay thời cục đã biến đổi đi, nhân trí đã mở-mang ra, việc chính-trị và việc giáo-dục đã thay đổi hết cả, thì cái học của Nho-giáo còn có bổ ích gì cho thế sự nữa ? — Nói như thế là người xét việc chưa biết hết các ý nghĩa. Chính-thề ở trong thiên-hạ thời nay tuy đổi, nhưng chỉ đổi được cái danh hiệu của quân-quyền mà thôi, chứ cái tinh-thần của quân-quyền vẫn không sao đổi được. Nếu ở trong một xã-hội dân-chủ, mà những người giữ

cái quân-quyền vô hình ấy đều là người có đức hạnh cả, lại không hơn những người giáo quyết, khôn khéo, mà gian tham và vô liêm-sĩ hay sao? Đã hay rằng thời bây giờ khoa-học mở-mang ra, sự sinh - hoạt không giản-dị đơn-sơ như trước nữa, sự giáo-dục ngày nay tất không thể không chú trọng ở trí-dục, nhưng thử xét xem ta có thể bỏ được đức-dục đi không? Người có tài có trí mà không có tâm địa, không có khí tiết, thì dù ở đời nào mặc lòng, cũng chỉ là một bọn gian ác, làm những việc ích kỷ hại nhân mà thôi. Vậy thì lấy gì làm nhân - cách tôn - quý? Nho-giáo tuy từ xưa đến nay không chú-trọng ở cái văn - minh vật - chất, là vì xã-hội của Á-đông ta xưa kia chưa có sự cần-dùng ấy, nhưng sự giáo-dục của Nho-giáo đã đào-lạo ra được biết bao nhiêu người trung nghĩa, bao nhiêu người có khí tiết, có nhân phẩm cao thượng, biết quên mình về việc thiên-hạ quốc-gia, chẳng hơn những hạng người xảo-quyết đời nay, giả nhân giả nghĩa, để làm những điều tự tư tự lợi hay sao? Sự giáo-dục mà chỉ chú-trọng ở một trí-dục mà thôi, thì không đủ khiến người ta biết rõ cái đạo làm người được. Bởi vì người ở trong xã-hội mà khôn ngoan đủ điều, nhưng không có cái đức-dục đề-ràng-buộc nhân-tâm, thì khác nào loài thú dữ ở trong rừng hoang.

chỉ chực làm hại lẫn nhau đề cầu cái lợi riêng của mình. Người ở với nhau như thế, thì còn có gì là nhân đạo nữa ?

Cái nền đức-dục của ta, là Nho-giáo đã xây đắp lên hằng mấy nghìn năm nay rồi, mà đã có cái hiệu-quả mỹ-mãn, thì ta cứ giữ lấy cái nền lưu-truyền ấy để làm cái sản-nghiệp riêng của ta. Ta lại thu-thái lấy những điều trí-dục mà ta còn khiếm-khuyết, để bồi bổ thêm vào cái sản-nghiệp ấy, làm cho tâm với trí điều-hòa với nhau mà tiến-hóa. Như thế thì cái học của ta có cái căn-bản, và có thay đổi điều gì ắt cũng có ít sự lầm lỗi vậy.

Ta đem Nho-giáo mà phu-diễn ra đây, không phải là để phò-trương cái học thấp hèn của ta, chẳng bỏ làm rườm rà rác rưởi những kẻ có học-thức. Nhưng bản tâm là muốn những học-giả trong nước hồi tỉnh lại đem những cái cố-hữu của ta mà xét cho kỹ, xem nó hay dở thế nào, để định thủ xả cho chính đáng, đừng có đĩnh-ninh một niềm là cái mới thì hay cả, mà cái cũ thì dở cả. Đến những nhà học-thức bên Âu-châu bây giờ cũng công-nhận cái học lưu-truyền từ đời thượng-cổ vẫn là uyên thâm và đứng với chân-lý hơn cái học thiên bạc ngày nay. Thế mà ta có cái học lưu-truyền chắc-chắn vững bền như Nho-giáo sao nỡ để hăm nát không nhìn đến, chẳng hóa ra ta khờ dại



lầm ru ! Một việc như thế mà còn khờ dại, thì còn nói theo việc khác bằng người ta sao được.

Ta nói giữ lấy cái học lưu-truyền của Nho-giáo, không phải là nói giữ lấy cái học hủ bại của bọn tục nho. là một bọn tội-nhân của Nho-giáo. Bọn ấy mờ tối, mắt không biết trông, tai không biết nghe, lúc vô sự thì lấy câu thơ câu văn, rung đùi tự đắc, tự cho mình là thần-thánh, đi đâu dương hai chữ « nhà nho » ra để lèo những kẻ ngu phu ngu phụ, ngoài ra chẳng biết việc đời là chi cả. Đến lúc lâm nguy, thấy cuộc biến-đổi, đem ngay cái tượng vừa hôm trước còn đang sùng bái, ném xuống hồ, xuống ao, rồi khua môi múa mép, a-dua với đời, chê Nho-giáo thế này, Nho-giáo thế nọ. Kỳ tình bọn ấy học Nho-giáo mà không biết rõ cái tinh-thần của Nho-giáo, bình-nhật chỉ bo-bo học lời từ-chương để đi vào con đường danh lợi, trừ ra chẳng biết thế nào là danh-tiết, thế nào là liêm-sĩ. Bọn tục nho ấy đã không cam chịu cái tội của mình mà tự hối lại, để sửa đổi những điều đã làm lỗi, lại còn tìm cách mà buông lời phỉ báng; không biết rằng học Nho-giáo thì phải hiểu cái tinh-thần và cái nghĩa-lý của Nho-giáo, phải theo thời mà biến đổi cho hợp thời.

Đã gọi là lưu-hành bất tức, thì phải biến-đổi luôn, song biến-đổi phải lấy cái gì làm gốc, để cho sự biến-đổi của mình có căn-bản mà nghĩa-lý vẫn không mất. Vậy ta nói theo Nho-giáo là theo cái tinh-thần cương-kiện đem cái tư-tưởng của ta vượt lên đến cái lý nguyên-thủy, rồi cùng với vũ-trụ mà lưu-hành, mà tạo tác ra một cuộc nhân-sinh có đủ nghị-lực để đồng sinh đồng hóa với vạn vật, biết tùy thời mà ứng biến, nhưng không quên cái gốc cũ, để thành một hạng người có nhân-cách tôn qui, có lòng nhân-từ bác-ái, có cái sức mạnh-mẽ để cùng với thiên-hạ mà sinh tồn, mà ganh đua, mà xây đắp thêm một vài viên gạch viên đá vào cái nền chung của nhân loại.

Nói rút lại, ta muốn rằng người mình bây giờ phải theo thời mà học-tập : thực-nghiệp, kinh-tế, binh-gia, toán-pháp, vật-lý, hóa-học bao nhiêu những khoa tri-dục đều phải học như người ta, nhưng phải lấy Nho-giáo làm cái nền đức-dục, nghĩa là lấy cái nghĩa-lý lưu-truyền từ nghìn xưa mà gây lấy cái tinh-thần, dù ở vào cảnh-ngộ nào cũng có cái nhân-cách đặc-biệt, có cái phẩm-giá tôn-qui, không phụ cái tiếng nhân linh ở vạn vật. Nếu ta biết theo cái phương-châm ấy mà học tập, mà hành-động, thì cái nền giáo-dục của ta sau này chắc có nhiều hi-vọng lắm vậy.

## MUC LUC

	Trang
THIÊN I. — Nho-giáo đời Nguyên . . . . .	7
Triệu Phục . . . . .	10
Hứa Hành . . . . .	12
Hứa Khiêm . . . . .	21
THIÊN II. — Nho-giáo đời Minh . . . . .	25
Thời-kỳ thứ nhất . . . . .	28
Thời-kỳ thứ hai :	
Hà-đông-phái . . . . .	32
Sùng-nhân-phái . . . . .	35
Bạch-sa-phái . . . . .	40
Những danh-nho khác	44
Diêu-giang-phái :	
Vương-Dương-minh . . . . .	46
Các chi phái của Diêu-giang-phái . . . . .	137
Thời-kỳ thứ ba :	
Đông-lâm-phái . . . . .	165
Thú-thiện-phái . . . . .	173
Cái vạ đông-phái . . . . .	176
Anh-hương Tây-học . . . . .	179
THIÊN III. — Nho-giáo đời Thanh . . . . .	184
Các học-phái ở đời nhà Thanh :	
Hán-học-phái . . . . .	192
Kinh-học-phái . . . . .	219
Tông-học-phái . . . . .	222
Tân-học-phái . . . . .	246
THIÊN IV. — Nho-giáo ở Việt-Nam . . . . .	262
Tổng-kết . . . . .	284

Sách này in xong ngày  
20 tháng ba năm 1943  
tại nhà in Bắc Thành  
Hà nội.

Những sách Lê-Thăng xuất bản

Phật Lục — Trần-trọng-Kim.

Việt-Nam văn phạm — Trần-trọng-Kim

Grammaire annamite { Trần-trọng-Kim,  
Bùi-Kỷ và  
Phạm-duy-Khiêm.

\* \*

Tiên-học Việt Nam / Trần-trọng-Kim,  
văn phạm { Nguyễn-quang-Oánh  
giáo khoa thư { và Bùi-Kỷ.

\* \*

Nho-giáo trọn bộ {  
4 quyển { Trần-trọng-Kim

Đang in

Nho-giáo — Phụ lục {  
Việt-Nam sử lược I { Trần-trọng-Kim  
— II {

